

LÊ VĂN ĐÌNH

GIAI THOẠI HÀN HỌC TỔNG



vh

Giai thoại

VĂN HỌC TỔNG

LÊ VĂN ĐÌNH (Biên soạn)
ĐỖ NGỌC THỐNG (Tuyển chọn)

GIAI THOẠI
VĂN HỌC TỔNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội

LỜI TỰA VIẾT LẤY

Lịch sử Trung Quốc có một nước chư hầu và hai triều đại mang tên Tống. Vì vậy, điều trước tiên, phải xác định, chữ *Tống* ở tên sách: *Giai thoại văn học Tống*, chỉ nước nào, triều đại nào?

Chu Vũ Vương, Cơ Phát, diệt vua Trụ, nhà Thương, lập nhà Tây Chu, 1066 trước Công nguyên. Vũ Vương phong cho con Trụ là Vũ Canh ở vùng đất Tống, nay là huyện Thương Khâu, tỉnh Hà Nam. Ngay sau đó, đời Thành Vương, Vũ Canh làm phản, bị giết. Nhà Chu lấy lại đất, cho Vi Tử, và phong luôn tước Tống Công theo tên đất. Đây chính là nước chư hầu Tống của Tây Chu, Đông Chu. Đến thời kì Chiến quốc, cuối Chu, năm thứ 41, đời Chu Hiến Vương, năm thứ 327 trước Công nguyên, Yến giết anh là vua Tống, hiệu Định Thành, tự lập làm Tống Vương. Mười năm sau, Tống Vương bị liên quân Tế - Ngụy - Sở chém đầu, nhưng riêng Tế chiếm đất Tống. Rồi gần một trăm năm sau, nhà Tần thống nhất Trung Quốc⁽¹⁾.

Tiếp đến nhà Hán, nhà Tấn. Vua Đông Tấn, Tư Mã Đúc Văn, nhường ngôi cho Lưu Tục, lập nên triều Tống thứ nhất. Vì triều Tống này chỉ ở phía nam, là một trong bốn nhà Tế Lương Trần, song song, kế tiếp nhau tồn tại của Nam triều, nên cũng có nơi gọi là Nam Tống. Bắc triều gồm Ngụy, Bắc Tế, Bắc Chu. Thời Nam Bắc triều này kéo dài khoảng hai trăm năm. Cộng với khoảng một trăm năm của thời Ngũ Hồ thập lục quốc trước đó, thành ba trăm năm rối ren nhất của lịch sử Trung Hoa.

Nhà Tống của Lưu Tục chỉ tồn tại 59 năm, 420 - 479 sau Công nguyên. Để phân biệt, người ta gọi triều này là Lưu Tống. Đất đai của Lưu Tống thuộc giữa hai sông Trường Giang và Việt Giang. Kinh đô đóng ở Kiến Khang, nay là Nam Kinh. Đến đời thứ 8 Thuận Đế, Lưu Chuẩn nhường ngôi cho Nam Tề. Nam Tề thay bằng Nam Lương, Hậu Lương. Cuối nữa là Trần, để rồi Tùy chuẩn bị cho sự ra đời của đế quốc Đường⁽²⁾.

Nhà Đường ba trăm năm tan rã, *Cổ kim vị kiến thiên niên quốc* (Xưa nay chưa thấy triều đại nào tồn tại tới nghìn năm - Nguyễn Du). Một thời cực rắc rối khác ra đời: Ngũ đại thập quốc (Năm triều đại và mười vùng cát cứ). Trãi Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, đến Hậu Chu nhường ngôi cho Triệu Khuông Dã. Dã lập nên nhà Tống. Vị vua sáng lập Tống Thái Tổ họ Triệu, nên nhà Tống này được gọi là Triệu Tống. Kiến Long nguyên niên của ông ta là năm 960.

Đất đai nhà Triệu Tống gồm từ Vạn lý trường thành về nam. Ở bắc thì trừ Hà Bắc, Sơn Tây, ở nam thì trừ Vạn Nam, Quý Châu. Kinh đô đóng ở Khai Phong, của tỉnh Hà Nam ngày nay, lúc này còn mang tên Biện Châu. Biện Châu nằm ở phía bắc Trường Giang, nên thời kì này của nhà Triệu Tống được gọi tên Bắc Tống.

Vua cuối cùng của Bắc Tống là Khâm Tông, Triệu Hoàn, năm thứ hai niên hiệu Tĩnh Khang, 1126, quân Kim lần thứ hai kéo quân xuống Biện Kinh, bắt cha con Huy Tông, Khâm Tông cùng hoàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa, hoàng thân, phò mã, thợ khéo, phụ nữ, kĩ nữ về bắc. Đó chính là *nạn Tĩnh Khang* nổi tiếng đau thương, nhục nhã trong lịch sử Trung Hoa. Triệu Cấu, một người con khác của Huy Tông, xưng đế ở phương nam, tức Tống Cao Tông - vua đầu tiên của thời Nam Tống; lấy Hàng Châu làm kinh đô. Lâm Thăng than thở trong bài thơ *Đề Lâm An đế: Noãn*

phong huân đặc du nhân tủy, Trục bả Hàng Châu tác Biện Châu
(Gió ấm thổi về làm cho du khách say sưa, Nên cứ nhận ngay Hàng Châu làm Biện Châu). Cao Tông xưng bệ tôi, xưng thần với nước Kim, bán rẻ vùng đất rộng lớn từ Hoài Hà trở về bắc, hàng năm phải vơ vét rất nhiều vàng bạc để cống nạp.

Cuối Nam Tống, ngay từ thời Hiếu Tông, Triệu Thận, sau trận Phù Li, 1163, nước Kim suy yếu, không còn sức để đánh chiếm Nam Tống. Tới năm 1279, Nguyên Thế Tổ, Hốt Tất Liệt, diệt nhà Nam Tống. Tống Bỉnh Đế, Triệu Bỉnh mất ngôi. Nhà Nguyên thâu tóm toàn bộ Trung Hoa.

Sách này chỉ đề cập về nhà Triệu Tống. Việc phân biệt giữa ba lĩnh vực Tống này thực ra cũng không mấy khó khăn. Chư hầu Tống thì vừa nhỏ vừa quá xa về thời gian, nhà Lưu Tống thì phạm vi cũng không lớn, thời gian tồn tại không dài, nên nhìn chung di sản văn hóa mà nó để lại cũng không nhiều, ít khi gặp. Mà có thì cũng ít khi nói trống, đều có định ngữ đi kèm, nên dễ phân biệt. Tuy vậy, đó chỉ là mặt dễ dàng...

Sau gần một trăm năm loạn lạc, nếu tính cả thời Văn Đường, *Điền viên lao lạc đông quy vãn, Đạo lộ tân cần bắc khứ trường* (Vườn ruộng điêu tàn, đi về hướng đông thì đã muộn, Đường sá vất vả, lên bắc cũng xa. La Nghiệp, *Bộc Dịch pha vân vọng* (Ngắm cảnh chiều trên đầm Bộc Dịch) thì cảnh chém giết diễn ra ngay từ những năm đầu thế kỉ XIII, nhà Bắc Tống quy giang sơn về một mối, tăng cường chế độ tập quyền, không để tiết độ sứ thao túng, sản xuất khôi phục, phát triển. Hai câu thơ của Tống Thái Tổ:

Nhất luân khoảnh khắc thương thiên cù ,

Trục thoát quần tinh dữ tàn nguyệt

(Một hình tròn, trong khoảnh khắc, tiến lên đường trời,

Duối hết những vì sao cùng ánh trăng tàn úa)

có thể coi là biểu tượng của cuộc sống mới hồ hởi xây dựng thời kì đầu Bắc Tống.

Trong lịch sử phát triển, văn hóa nhà Tống đạt được những thành tựu rực rỡ. Về tư tưởng, học thuật, người ta kể Hán, Tống, về hội họa, người ta bắt đầu đếm: Tống, Nguyên, về văn học người ta viết: Đường, Tống... Thế là ở lĩnh vực nào cũng có mặt Triệu Tống, chẳng nhất thì nhì...

Về văn học, trước tiên nói về văn xuôi. Thể loại này được nhà Tống đặc biệt chú ý. Năm thứ ba, niên hiệu Hi Ninh, Thần Tông, 1070, Lữ Công Trước, được cử làm tri cống cử, đã mật tâu với nhà vua rằng: *"Thiên tử thân ngự trước điện để hỏi bài vở, lấy người tài, mà lại dùng thơ phú, không phải là cách hay để cất nhắc hiền sĩ, để trị dân. Nay trong các cuộc thi đình, xin dùng thể chiếu sách, để hỏi đạo trị thiên hạ"*⁽³⁾. Vì thế, từng bước, văn xuôi đời Tống đã trở thành một công cụ biểu đạt tư tưởng rất tốt, rõ ràng lưu loát, giản dị. Văn xuôi các đời sau, Nguyên Minh, trên căn bản là kế thừa các nhà văn xuôi đời Tống chứ không phải đời Đường.

Người ta thường nói: *"Đường, Tống bát đại văn gia"* (Tám nhà văn lớn đời Đường, Tống). Trong đó, đời Tống đã có tới sáu: ba cha con anh em Tô Thức, Vương An Thạch, Âu Dương Tu, Tăng Củng. Và ngay cả hai nhà văn đời Đường: Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên, được người đời Tống đưa vào đây cũng chẳng qua được dùng như một chiêu bài để cổ động cho một thể văn xuôi theo ý họ. Nhưng đó lại là một ý định tốt, phù hợp với sự phát triển ngày càng tự nhiên, quán chúng hóa, bỏ bớt những hàm xúc, biến ngẫu quá đáng của văn xuôi trước đó. Vì vậy, có sách đã nhận xét đầy hình ảnh: *"Văn xuôi đời Tống so với văn xuôi đời Đường, cũng giống như đồng bằng rộng thoáng so với núi thẳm hang sâu"*⁽⁴⁾.

Thơ và từ thời Tống buổi đầu vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng tiêu cực của *Thế Tây Côn* và *Phái Trong hoa*. Nhưng sau đó, nó tìm cho mình con đường đúng đắn để phát triển theo hướng lành mạnh về tư tưởng, phong phú về nội dung. Các nhà thơ, dù là có uy tín như Hoàng Đình Kiên, lúc này cũng không dám công nhiên đi theo con đường cũ của *Lí Thương Ẩn* và *Tây Côn* nữa.

Từ lúc Tô Thuần Khâm và Mai Nghiêu Thuân đề xướng việc cải cách thơ, thì nhà Tống liên tiếp xuất hiện những nhà thơ ưu tú. Nổi bật nhất là Tô Thức và Lục Du. Thơ của họ giàu màu sắc lãng mạn, hào phóng. Khác với các nhà thơ Tống khác học theo phong cách của Bạch Cư Dị, Hàn Dũ, các nhà thơ Bắc Tống chủ yếu chịu ảnh hưởng của Lí Bạch và nhất là Đỗ Phủ. Và cuối Tống thì nổi lên ảnh hưởng của Giả Đảo, Diêu Hợp.

Việc lấy những nhà thơ này làm gương là nguyên do chính khiến cho thơ Tống ngày càng mang tính chất thuyết lí, lấy văn làm thơ, biến thơ thành văn xuôi..., *lấy việc dùng nhiều điển cố làm thông thái... Dựa vào tài học để làm thơ*. Cho nên so với văn học Đường thì văn học Tống có sự trái ngược rõ rệt. Văn xuôi Tống ngày càng bình dị, dễ hiểu, còn thơ ca thì ngày càng đẽo gọt, khó hiểu. Hoàng Đình Kiên và *Thi phái Giang Tây* ít nhiều chịu trách nhiệm trong chuyển biến này của thơ Tống.

Về từ khúc, thời Tống chính là đỉnh cao nhất trong lịch sử của thể loại này. Thơ, người đời xếp Thịnh Đường, Long Tống. Nhưng từ khúc thì Đường thua xa Tống. Trên mặt bằng của cả lịch sử hai nghìn năm văn học Trung Quốc, nhìn bằng con mắt khái quát theo triều đại và loại thể văn học, người Trung Hoa cũng như các nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc ngoài nước, ghi nhận bốn thành tựu có tính thể giới: thơ Đường, kinh kịch Nguyên, tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh và từ Tống.

Dấu Tống, từ còn chịu ảnh hưởng *Phái Hoa gian* của thời Ngũ đại. Mãi đến Liếu Kì Thanh mới dứt khỏi. Tô Thúc đã góp công sức đáng kể cho sự thay đổi này, cả về nội dung và hình thức, mở đường cho phong cách lành mạnh đến mức độ bí tráng của anh hùng ca ở từ khúc của Nhạc Phi, Tân Khí Tật.

Văn học phong kiến thường chia thứ bậc rất rõ trong thể loại. Sự phân chia này, quay lại, chỉ cần với một quãng thời gian tương đối ngắn đã thấy phi lí của nó. Tản văn, rất gần với những bài tiểu luận chính trị, phê bình văn học thì được coi là độc tôn trong văn xuôi. Trong khi đó, tiểu thuyết, gần như là đối tượng chính của định nghĩa về văn học hiện nay thì lại bị coi là hạ cấp. Tất nhiên, lí do có nhiều. Từ khúc cũng chịu sự hắt hủi đó. Nó được coi như phần thừa của thơ: *Thi dư*, được coi là một thể thấp kém, chỉ hợp với những đề tài tầm thường: "*Nơi quán vắng, cửa buồng trọ một mình đóng kín giữa trời xuân lạnh, Lại thêm tiếng cuộc kêu trong buổi chiều tà*"⁽⁵⁾. Nhưng chính cái thấp hèn đó đã mang lại vinh quang lâu dài cho từ đến bây giờ vậy. Nói đến những đỉnh cao của Tống, từ người ta kể, Bắc Tống với Liếu Vĩnh, Tô Đông Pha, Tản Quán, Hạ Chú, Chu Bang Ngạn...; Nam Tống với Lí Thanh Chiếu, Ngô Văn Anh, Khương Quỳ, Tân Khí Tật...

Trong sự phát triển như vậy về văn học, cũng như về văn hóa nói chung, tưởng như người đời Tống có thể ngẩng cao đầu, "*Tiền kiến cổ nhân, hậu kiến lai giả*". Nhưng văn học Triệu Tống hình như lúc nào cũng vương vất đầu dây một thảng thốt không yên về một mặc cảm không tròn đối với đất nước, về trách nhiệm của mình: "*Bất nhẫn dâng cao lâm viễn, Vọng cố hương diêu mặc, Quy tử nan thu*" (Không nỡ lên cao nhìn xa, Trông vơi quê cũ mịt mờ, Nỗi nhớ khôn ngăn)⁽⁶⁾. *Nỗi buồn nhược tiểu* đó gần như siuh đôi với nhà Triệu Tống. Nó cứ lớn dần lớn dần, cho đến khi từ vua cho chí dân Tống trở thành dân nô lệ. Đất nước thì ngày càng

thu hẹp cho đến khi một nửa rơi vào quân Kim, rồi tất cả rơi vào tay người Nguyên Mông. Vì vậy giọng điệu *vong quốc chi âm* trầm thống thiết tha như một âm hưởng đặc biệt của văn học Tống mà các thời khác ít gặp.

Trên đây là những nét sơ lược nhất về văn học Tống, là cơ sở, là cây chủ cho thể loại tâm gửi, giai thoại văn học, thi thoại sinh sôi nảy nở. Đến một lúc nào đó, giai thoại đủ sức thành một thể độc lập. Và do đặc điểm của nó, nhiều khi được người đọc tìm đến còn hơn cả tìm đến cội nguồn đã sinh ra nó nữa kia. Mấy năm gần đây, hiện tượng này khá rõ. Còn ở văn học cổ điển Trung Hoa, thì sự phát triển này của thi thoại, giai thoại văn học được báo hiệu ở Văn Đường. Để rồi đến Tống có thể xem là thời rực rỡ nhất của thi thoại trong lịch sử văn học Trung Hoa.

Quyển thi thoại mở đầu có tiếng là *Lục Nhất thi thoại* của Âu Dương Tu. Đầu quyển ghi rõ: "*Cu si lúc về sống ở Nhữ Âm, tập hợp lại để có chuyện mà nhàn đàm*". Tiếp đó, Tư Mã Quang viết *Tục thi thoại*. Rồi một người bạn khác của Âu Dương, Lưu Phán, viết *Trung Sơn thi thoại*, đều mục đích thuật chuyện, ghi việc, rất ít nghị luận dài dòng. Hứa Khải nói rõ trong *Ngạn Chu thi thoại*: "*Thi thoại là để phân biệt cú pháp, hiểu rõ cổ kim, ghi thịnh đức, chép chuyện lạ, đính chính những điều sai lầm*".

Nếu tính những tập thi thoại có tên tuổi, thì đời Tống không dưới vài chục tác phẩm. Đến nổi nhà Nguyên có người chê: "*Thi thoại thì thịnh mà thơ thì không bằng xưa*"⁽⁷⁾. Trong *Quách thị thi thoại tự*, Triệu Văn, người đời Minh cũng phân nân: "*Người đời Đường không nói về thi pháp. Thi pháp phần lớn xuất hiện ở đời Tống*".

Đến Nam Tống, thi thoại càng nhiều hơn. Có thể kể: *Tuế hàn đường thi thoại* của Trương Giới. Ông đã thấy được bệnh của thơ

ca đương thời. Ông mạnh dạn nhận xét: *"Tô Thúc, Hoàng Đình Kiên thì dở... làm thơ bằng nghị luận, thông như ruột ngựa, lại chuyên điểm tô bằng chữ lạ. Người đọc không tiếp thụ được cái hay của họ, mà đầu tiên lại nhận phải cái dở. Ý của nhà thơ mất hết"*. Nhưng, không ai hưởng ứng Trương Giới cả.

Được chú ý hơn là *Bạch Thạch Đạo nhân thi thoại* của Khương Quý. Sách viết giản lược, không đầu không kết nhưng sâu sắc khôn lường, thái độ rõ ràng. Ông muốn uốn nắn cái bệnh thuyết lí dài dòng, dùng nhiều chữ nghĩa, điển tích trong thơ. Và sau cùng, như để tổng kết cho sự thành công của thi thoại Tống là *Thương Lương thi thoại* của Nghiêm Vũ. Nghiêm Vũ là nhà phê bình có uy tín nhất thời Nam Tống. Những lời bàn về thơ của ông được đánh giá rất cao. Các nhà làm tuyển tập đều chọn và cho là đáng giá hơn cả. Cả thời Tống, không có bộ thi thoại thứ hai như nó. Bộ này có hệ thống, tính cương lĩnh rõ ràng, nghị luận thoải mái mà lại hàm súc, khiến người đọc phải nghĩ ngợi. Cùng với *Tùy Viên thi thoại* của Viên Mai đời Thanh sau này, là hai thi thoại có uy tín nhất trong lịch sử thi thoại Trung Hoa⁽⁸⁾.

Biên soạn, chọn lựa tập *Giai thoại văn học Tống*, tập giai thoại đầu tiên về thời kì văn học này của Trung Quốc được giới thiệu ở Việt Nam, chúng tôi cố gắng tuân theo hai nguyên tắc sau đây: tính khoa học và tính hấp dẫn. Nhìn ở một mặt nào đó, thì hai yêu cầu này thống nhất. Nhưng ở mặt khác mà xem xét, thì lại thấy mâu thuẫn. Khi có sự va chạm này, chúng tôi đành giữ tính khoa học mà hiểu tính hấp dẫn theo nghĩa: sự chân thực được trình bày đến từng từ ngữ, từng chi tiết, cho đến cốt truyện. Không vì để li kì, thu hút mà xuyên tạc, bịa thêm, thay đổi tính chân thực lịch sử. Vì vậy với bạn đọc phổ thông, sẽ tìm thấy ở đây, những phút thư giãn, thoải mái, nhẹ nhàng; với những giai thoại ngắn gọn, tế nhị, hấp dẫn... dừng lại ở trang nào cũng được, tiếp

tục ở giai thoại nào cũng xong; với cái nhìn thông cảm, tin tưởng. Người xưa, cách đây trên dưới một nghìn năm, họ đã sống giản dị, tế nhị đến như thế đấy. Trầm Hùng, trong *Cổ kim thi thoại* kể: "*Họ Lí, biệt hiệu Di An cư sĩ, lấy Triệu Minh Thành. Hồi Minh Thành ở nhà thái học, nhân ngày rằm, đem cầm áo, lấy năm trăm đồng, mua một tấm vải bia thực về. Vợ chồng cùng nhau thưởng thức ngâm ngợi suốt ngày...*". Và nếu nhìn mặt xấu thì bạn đọc cũng sẽ thấy, người xưa thế đấy, nhưng thôi... Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu văn học, xã hội học có thể tìm thấy ở đây những tư liệu, những tác phẩm minh họa cho một điều gì đó trong công việc của họ. Họ có thể tin chắc chắn ở một hướng khác: các giai thoại ở đây đều có căn cứ xác thực. Chúng tôi theo sát Khổng Tử: Chỉ kể lại cái đã có chứ không làm ra cái mới (*Thuật nhi bất tác*). Hoặc nói như Hoàng Đình Kiên: *Không một chữ nào là không có xuất xứ*. Đáng ra, cuối sách cần có một bảng tra danh từ riêng, một thư mục tổng hợp, một niên biểu thời Tống khái quát. Nhưng cũng để điều hòa giữa hai nguyên tắc, mà chỉ ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ trong từng giai thoại.

Trước đây, chúng tôi có viết *Giai thoại thơ Đường*. Các nhà thơ và thơ Đường khá quen thuộc với độc giả Việt Nam, điều đó tạo thuận lợi tốt cho việc thưởng thức giai thoại. Với văn học Tống, người đọc Việt Nam có xa lạ hơn. Để khắc phục, chúng tôi cố gắng giới thiệu một vài tác phẩm tiêu biểu ở cả thơ, từ, tản văn. Tất nhiên, những tác phẩm này phải ngắn, và tuy thế, cũng không thể nhiều được.

Ngay cả việc sắp xếp các giai thoại này chúng tôi cũng đã thử làm nhiều cách: theo thể loại, theo tác giả, theo thời gian... đều có chỗ không thể thực hiện. Cuối cùng chúng tôi xếp theo chữ cái đầu của tên bài vậy. Tất nhiên, cách này cũng có nhiều tính ngẫu nhiên. Nhưng ít ra, nó cũng dễ tiện nhất định cho việc tra tìm,

chỉ ít cũng là của chính người biên soạn vậy.

Thiên *Thu thủy* trong *Trang Tử* có nói: "*Con ếch ở trong giếng, không thể nói gì về biển. Nó chỉ có thể biết về cái hang của nó mà thôi. Giống côn trùng chỉ sống một mùa hạ, không thể bàn về băng tuyết. Nó chỉ biết về cái mùa mà nó sống thôi... Nay người ra khỏi sông suối, thấy biển cả mà biết xấu hổ. Vậy thì, nói cái lẽ đại cương với người được vậy*"⁽⁹⁾. Người soạn sách, có cái tự khiêm của kẻ sông suối, vậy nên, cũng mong người đọc, những bậc hiểu biết, có cái đại lượng của người ở biển cả vậy...

Cuối thu, 1994

LÊ VĂN ĐÌNH

Chú thích cho *Lời tựa viết lấy*:

(1) Vị Kiệt Tống này cũng là *tác giả* của giai thoại sau: Vợ Hàn Phùng là Túc Thị rất đẹp, Tống Vương đến tận nhà cướp vợ về cung. Hàn Phùng uất ức tự sát. Túc Thị về cung làm thơ: "*Chim có sông có mái, Chẳng theo phượng hoàng. Thiếp là thú dân, Chẳng thích Tống Vương*". Rồi đâm đầu xuống lầu, để lại thư, xin cho được chôn chung với chồng. Tống Vương cố ý bắt chôn xa, đâu thấy mà không gần. Ba ngày sau, mỗi mộ mọc một cây vãn tử, cành lá quăn quýt như một. Có đôi chim uyên ương đến đậu hót thảm thương. Người đời gọi là *Cây tương tư* (*Đông Chu liệt quốc*, tập 8, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội). Hàn Phùng cũng đọc là Hàn Bằng. Có sách nói vợ là Hà Thị. Vua là Tống Khang Vương. Hai cây rẽ cũng liền nhau.

(2) Theo *Cổ sự quỳnh lâm, Cung thất*, quyển 3: Lưu Tục, lúc

thiếu thời đã có chí lớn. Họ Lưu làm một phòng sách nhỏ, treo biển đề: *Bàn long*. Ví mình như con rồng đang uốn khúc nằm, là người anh hùng còn ẩn dật chưa chịu xuất thế. *Bàn*, còn có nghĩa to lớn, bay bổng, biến hóa.

(3) Theo *Cổ sự quỳnh lâm, Khoa đệ*, quyển 4.

(4) *Lịch sử văn học Trung Quốc*, quyển 2...

(5) *Cô quán bế xuân hàn. Đỗ quyền thanh lí tà dương mộ*. Tấn Quán, *Đạp sa hành*.

(6) *Bát Thanh Cam Châu*. Liễu Vĩnh. *Tổng từ tam bách thủ tiên chủ*, Trung Hoa thư cục xuất bản, Thượng Hải, 1958.

(7) *Hoài Lộc đường cao*, quyển 10, Lí Đông Dương.

(8) Giữa thi thoại của thời kì này, với giai thoại văn học ta dùng ngày nay, sự khác nhau ít ra là: Thi thoại, dù rằng hiểu là gồm cả giai thoại của các loại thể văn học thì dầu sao, thơ vẫn được coi trọng hơn, rồi đến từ, tản văn... Thi thoại mang tính lí luận phê bình, hướng dẫn sáng tác rất rõ. Cho nên có sách nói thẳng: "*Trong các thể tài dùng để phê bình văn thơ, thủ vị nhất và có ảnh hưởng nhất là thi thoại. Đó là một loại phê bình văn thơ, xuất hiện dưới hình thức "tiểu thuyết kiểu dật sử" ra đời từ thời Bắc Tống, dần dần phát triển thành hình thức chủ yếu trong truyền thống phê bình văn học Trung Quốc*".

Đến nay, giai thoại chỉ còn lại tính *Giai* và tính rất rõ là tính *Thoại* của nó thôi. Những phần kia, phê bình, lí luận văn học hiện đại dám nhận rồi. Một ranh giới không rõ nữa là giữa thi thoại và *tiểu thoại*, giữa truyện cười và giai thoại. *Giai* thoại cũng có khi cười. Nhưng cái cười của giai thoại, nhất là giai thoại văn học, thi thoại, khác cái cười *trăm phần trăm* của truyện cười. *Giai*, với nghĩa đẹp, tốt, không dung nạp yếu tố tục. Vì vậy, truyện cười, do đề tài, nó rất có thể được xếp vào một loại giai thoại nào đó.

Nhưng truyện cười, dù là nói chuyện văn thơ, nhưng quá tục, cũng không thể là giai thoại văn học. Nó chỉ là tiểu lâm thôi. Đây cũng chỉ *duy danh định nghĩa*. Và hình như sự phân biệt như thế vẫn chưa đủ.

(9) *Tĩnh oa bất khả dĩ ngữ u hải giả. Câu u hư giả. Hạ trùng bất khả dĩ ngữ u băng giả. Đốc u thời giả... Kim nhĩ xuất u ngại sĩ, quan u đại hải, nãi tri nhĩ xú. Nhĩ tương khả dĩ ngữ đại lý dã. Nước thu, Trang Tử toàn tiên.*

Tài liệu chính để viết *Lời tựa viết lấy*:

- *Từ hải*, Trung Hoa thư cục, Thượng Hải, 1947.
- *Từ nguyên*, Thương vụ ấn thư quán, 1939.
- *Lịch sử văn học Trung Quốc*, tập 2, Sở Nghiên cứu văn học, Viện khoa học Trung Quốc biên soạn. Bản dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1964.
- *Giai thoại Thơ Đường*, L.V.D. sưu tầm, biên soạn, Sở giáo dục - Đào tạo Thanh Hóa xuất bản, 1993.

AI VẼ BỨC TRANH NÀY DÂNG LÊN NHÀ VUA RỒ

(Thơ chữ Hán Nguyễn Du)

Trịnh Hiệp, quê ở Phúc Thanh, tự Giới Phu, đậu tiến sĩ đời Trị Bình, Tống Anh Tông, Triệu Thự 1064 – 1068. Khi Vương An Thạch thi hành tân pháp, Trịnh đã nhiều lần dâng thư, vạch rõ những điều tệ hại của tân pháp, nhất là *phép thanh miếu*⁽¹⁾, nhưng không được trả lời.

Họ Trịnh ngồi coi Thạch Tượng Môn, gặp năm đại hạn, thấy dân chúng từ nhà quê, dắt nhau lũ lượt kéo về thành, gầy đen, rách rưới. Dân thành phố, nấu cháo cho ăn không khắp. Trong khi đó, chiếu theo sổ, vẫn phải đóng công sức theo *phép miễn dịch* rất nặng, rất tàn khốc để vác gạch đá, đào đất... xây nhà quan. Trịnh bèn vẽ tranh dâng lên vua Tống. Tống Thần Tông xem tranh, xót xa, xuống chiếu tự trách mình trước toàn dân. Rồi sau đó hạ lệnh bỏ tân pháp... Trời đang hạn lớn bỗng mưa rất to...

Trịnh Hiệp, ngoài tài vẽ còn sáng tác nhiều văn thơ, có *Tây Đường tập* còn lại.

(Theo Từ hải...)

(1) *Phép thanh miếu*: khi giáp hạt, nhà nước bỏ tiền cho nông dân vay, nhằm chống lại sự bóc lột của nhà giàu. *Phép miễn dịch*: quy định đóng góp phu dịch, ai nạp tiền khỏi phải đi.

ANH EM NHƯ THỂ TAY CHÂN...

1.

Tống Kì cùng anh là Tống Giao lúc còn nhỏ, gặp một nhà sư người Hồ. Nhà sư nhìn tướng mạo cả hai anh em, đoán ngay rằng:

- Tống em sau này sẽ cưới đầu cưới cổ, đứng đầu thiên hạ. Tống anh cũng có phận được đứng đầu thiên hạ như Tống em...

2.

Vương Khâm cùng với em là Vương Tích hình dung đều rất đẹp, đạo đức cũng nổi tiếng như nhau. Nên người đời Tống gọi anh em họ Vương là *Ngọc còn kim hữu* (Hai anh em như ngọc, hai người bạn như vàng).

3.

Thái Tổ nhà Tống rất yêu quý anh em. Có người em là Khuông Nghĩa (Tống Thái Tổ vốn tên là Triệu Khuông Dấn) bị bệnh, phải đốt ngải xông để chữa. Thái Tổ thương em, cũng ngồi chịu đốt ngải, chia đau với em...

(Theo phần *Huỳnh đệ, Ấu học quỳnh lâm...*)

ĂN CẤP MÀ ĐƯỢC THƯỜNG

Huy Tông, vua gán cuối của đời Bắc Tống, cùng với Khâm Tông chịu nạn Tĩnh Khang, nổi nhục khôn rửa của nhà Tống.

Thời còn yên hàn, tết nguyên tiêu, vẫn treo đèn làm lễ hội rất lớn, Huy Tông cho phép nam thanh nữ tú vào tận cung xem lễ, lại ban cả rượu ngự. Một cô gái, ăn cắp chén vàng giấu đi, nhưng chẳng may bị quân cấm vệ bắt quả tang, giải ngay đến ngự tiền. Cô gái khẫu chiếm ngay một bài từ, theo điệu *Giá cô thiên* rằng:

*Nguyệt mãn Bồng Hồ sán lạn đông,
Dữ lang huê thủ chí Doan Môn.
Tham khan hạc trộn sinh tiêu cử,
Bất giác uyên ương thất khước quần.
Thiên tiệm hiếu,
Cảm hoàng ân,
Truyền tuyền tử tâu âm bôi tuần.
Quy gia chỉ khủng công cô trách,
Khuy thủ kim bôi tác chiếu bằng.*

(Nguyên tiêu trăng rải đèn soi,
Hoàng cung rộng cửa thiếp đi với chàng.
Nghe nhã nhạc, ngắm hạc vàng,
Người đông ham lạ, đôi dàng lạc nhau.
Canh ba trống điểm từ lâu,
Vua ban mĩ tửu ơn sâu ghi lòng,
Về nhà sợ cha mẹ chông,
Giấu ngay chén ngọc làm bằng vậy thôi).

Đạo Quân Hoàng đế - đạo hiệu của Huy Tông - thích lắm, bèn lấy ngay chén vàng ban cho. Lại còn sai vệ sĩ đưa về đến tận nhà.

Giai thoại này không biết có thật không nhĩ? Có thể thật. Có

lẽ cô gái cũng là một kĩ nữ nổi danh của kinh thành. Nếu không, đặt từ làm sao, hát làm sao? Có lẽ không thật...

(Theo *Bản sự từ*...)

ĂN THỊT TÔ ĐÔNG PHA

Hoàng Đỗ Tất, người đời Thanh viết trong *Khán sơn các nhàn bút*:

Bác nọ rất thích văn học Tô, bắt chước mãi mà vẫn không giống. Càng cay cú, càng gắng thêm, vẫn chẳng nên cơm cháo gì. Hôm ấy, bác ta mua ngay một tảng thịt khoảng hai cân, luộc cẩn thận, bày ra mâm. Vừa cầm đũa thì một người bạn tới, hỏi có việc gì mà trịnh trọng thế? Đáp:

- Ăn thịt Tô Đông Pha.

Người bạn đùa:

- Làm gì mà căm giận Tô Đông Pha đến thế?

ÂU DƯƠNG TU CHẤM VĂN

Trong *Tiểu tán*, Triệu Nam Tinh đời Minh kể:

Âu Dương Tu được cử làm quan chấm thi. Gặp quyển của thí sinh Lưu Huy viết như sau:

Thiên địa loát, vạn vật chất, thánh nhân phát...

*Trời đất xoay vần, vạn vật sinh nở, bậc thánh nhân
như hoa lá mùa xuân...*

Âu Dương Tu lấy bút son xóa ngang dọc. Lưu Huy xem xong, viết thêm một câu:

Thí quan xoát.

Quan chấm trường xóa sạch.

Thành bốn câu, mỗi câu ba từ, theo thể *Tam tự kinh*, với các vần: loát, chất, phát, xoát.

Lời bàn:

Tục ngữ có câu: "*Văn chương trúng khảo quan*" (Bài vở gặp được quan trường hợp ý). Điều này rõ không sai. Quyển của Lưu Huy, nếu gặp quan trường thích, thì mấy câu trên thành văn hay suốt cổ kim.

Gần đây, có một quý nhân, chê văn của Hàn Dũ: "*Thoái Chi không hay đọc sách, văn vì vậy thiếu chỗ sâu sắc...*". Lời này có phải là ngọn bút son của Âu Dương chăng?

Kẻ thích cái bấu cấu kì, thì sẽ cho cái cổ thanh tao là xấu; Âu Dương là bậc danh nhân, cho nên đập xóa cũng là việc thường thấy chăng?

ÂU DƯƠNG TU CHỦ SƯ

Sư trưởng ngồi đàm đạo với Âu Dương Ty, thấu trong dinh họ Âu Dương có một thằng nhỏ tên gọi Tăng Ca, bèn hỏi đùa:

- Ngài không chuộng gì đạo Phật sao lại đặt tên đây tớ là Tăng Ca⁽¹⁾?

Họ Âu Dương cười:

- Nó là thằng nhỏ trong nhà tôi, cần phải dạy dỗ nhiều mới nên người. Cũng lại là chuyện lâu nay người ta quen lấy những tên xấu xí để gọi kẻ ăn người ở như cầu, dương, mã⁽²⁾... vậy thôi.

Người nghe cười bò ra đất.

Hình Cự Thục người đời Tống kể đấy!

ÂU DƯƠNG TU CŨNG PHỤC TÔ ĐÔNG PHA

Theo *Tô Đông Pha*...:

Quan chánh chủ khảo Âu Dương Tu không tiếc lời ca ngợi tân khoa tiến sĩ thứ hai Tô Thức. Âu Dương nói với bạn bè:

- Tôi già rồi⁽³⁾. Tôi phải nhường chỗ cho những thanh niên như thế. Cậu ấy, phải lĩnh trọng trách nhất trong nước.

Họ Âu Dương còn nói với các con:

- Các con hãy nhớ lời cha. Ba chục năm nữa, không còn ai nhắc tới cha, mà người ta sẽ nhắc tới Tô Thức.

(1) *Tăng Ca*: *Tăng*: sư; *ca*: anh, cũng đọc là *kha*. *Nhị độ mai*: "*Mai Kha* ơi hỡi *Mai Kha*"...

(2) *Cầu*: chó; *dương*: dê; *mã*: ngựa.

(3) Tô Thức sinh 1037, đậu tiến sĩ năm 1057. Âu Dương Tu sinh năm 1007. Vậy là năm họ Tô đậu, thì Tu cũng chỉ mới 51 tuổi mà thôi.

ÂU DƯƠNG TU ĐƯỢC VUA KHEN

Thanh Ba tập chí có ghi:

Lệ nhà Tống, xuân đến, Viện hàn lâm có trách nhiệm viết thiếp mừng xuân cho hoàng cung. Ngày lập xuân, những thiếp này sẽ được treo trong cung. Thiếp của vua thì có sáu thiên, của hoàng hậu trở xuống có năm thiên. Gọi là *Xuân thụy thiếp*.

Về những cái thiếp này, *Tống sử* có kể:

Tống Nhân Tông thấy *Xuân thụy thiếp* của mình, đọc xong, thích lắm, hỏi tả hữu:

- Ai viết thiếp này?

Bé tôi thưa:

- Âu Dương Tu.

Nhân Tông bèn bắt đem tất cả các loại thiếp trong cung cho vua xem. Đọc hết, Nhân Tông than:

- Từng nét bút, từng chữ dùng không sai quy phạm. Thật đáng là quan thị tòng vậy thay!

ÂU DƯƠNG TU HỌC HÀN DỮ

Theo *Đường Tống bát đại văn gia*, giáo trình Đại học văn khoa Sài Gòn của Nguyễn Hữu Lương:

Âu Dương Tu có nói:

Hồi trẻ ở Hán Đông, tôi - Tu tự xưng - có quen một gia đình họ Lí. Người con ông Lí tên gọi Nghiêu Phụ, rất hiếu học. Tôi đến thăm, thấy có chồng sách cũ xếp cạnh vách. Tôi ghé mắt coi qua, thấy sáu tập văn của Xương Lê tiên sinh đời Đường. Nhưng tập văn này rơi rụng lung tung, mất cả thứ tự. Tôi bèn mượn về đọc.

Hồi đó, thiên hạ chưa có ai nói tới Hàn văn. Tôi vừa đỗ tiến sĩ, sau làm quan ở Lạc Dương. Bọn Doãn Su Lỗ cũng ở đây, thường đề cập tới cổ văn. Do đó, tôi đưa bộ sách của Xương Lê ra để bỏ xuyết. Từ đấy thiên hạ dần dần đua đòi cổ văn. Hàn văn nhờ vậy được phổ biến...

ÂU DƯƠNG TU LÀM TỪ TẠ LỖI..

Thời Âu Dương Vĩnh Thúc còn làm mặc phủ ở Hà Nam, rất quyến luyến với một ca nữ. Lúc này Tiến Văn Hỉ, Mai Thánh Du đều cùng làm việc ở đây với Âu Dương.

Một hôm, tiệc đã được bày ra ở vườn sau, duy chỉ Âu Dương cùng cô ca kĩ nữ vẫn chẳng thấy đâu. Hồi lâu, mới thấy hai người tới. Họ Tiến cân vận duyên do tới chậm. Cô ta tạ lỗi:

- Nóng nực quá, buổi trưa ra lâu hóng mát ngồi. Tới lúc phải quay vào mới nhận ra chiếc thoa vàng không còn. Tìm đi tìm lại vẫn không thấy. Vì thế mang tội với quý quan.

Họ Tiến cười:

- Làm thế nào để ngài Âu Dương có một bài từ mới thì sẽ tha tội, lại còn đền cho một chiếc thoa khác.

Âu Dương vì thế ngay trên bàn tiệc làm một bài từ theo điệu
Lâm giang tiên:

*Liễu ngoại khinh lời, trì thượng vũ,
Vũ thanh trích túy hà thanh,
Tiểu lâu tây giác đoạn hồng minh...*

(Mặt hồ mưa gõ, liễu sấm vang,
Giọt giọt rơi rơi nát sen vàng,
Gác tây dứt nổi ánh cầu vồng...)

Tất nhiên, đoạn sau nói chuyện chiếc thoa. Khắp tiệc gõ nhịp theo tán thưởng lời ca réo rắt của cô kĩ nữ nọ.

Họ Tiến lệnh cho cô ta rót thật đầy rượu vào chén mời Âu Dương. Lại không quên sai nhà kho lấy thoa vàng thưởng cho.

(Theo *Bản sự từ*...)

ÂU DƯƠNG TU PHỤC LỚP TRẺ : VƯƠNG AN THẠCH

Theo Đường Tống bát đại văn gia...:

Vương An Thạch tự Giới Phủ, hiệu Bán Sơn, người Lâm Xuyên, Phủ Châu, tỉnh Giang Tây.

Họ Vương đậu tiến sĩ năm mới hai mươi hai tuổi, năm thứ hai đời Khánh Lịch, sinh năm 1021 mất năm 1086. Âu Dương Tu, sinh 1007 mất 1072, trong thơ tặng Vương, họ Âu Dương viết:

*Lão khủ tự lân tâm thương tại,
Hậu lai thùy dữ tử tranh tiền?*

(Lão già này về hưu, nhưng tự thương mình lòng vẫn còn đó,
Lớp sau này, ai là người có thể tranh đứng trước với ông?)

L.V.P dịch thơ:

Tuổi phải về, thương lòng vẫn đó,
Lớp sau, ai dám sánh cùng ông?

Sự việc sau này quả như thế. Vương hai lần làm tế tướng, nghiêng ngửa nhà Tống, ngay cả mặt văn chương nữa. Âu Dương quả tiên tri, nhưng...

***BÀI PHÚ TIẾNG THU*⁽¹⁾ CỦA ÂU DƯƠNG TU**

Âu Dương đêm đọc sách. Chợt thấy có tiếng gì từ tây nam đưa lại. Giật mình lắng nghe, tự hỏi: *"Lạ thật! Tiếng nghe lúc đầu thì vì vu, sau thấy ào ào như nước suối reo, rồi như sóng vỗ, như gió*

(1) Nguyên văn: *Thu thanh phú* (Phú tiếng thu). Không có chữ *mùa*. Không hiểu khi đặt tên cho bài thơ, tập thơ của mình, Lưu Trọng Lư có nhớ tới bài văn này không?

giật đêm khuya. Va chạm vào mọi vật, tiếng nghe leng keng như đồng, loảng xoảng như sắt. Lại như tiếng quân sĩ, miệng ngâm tâm, rảo bước ra nơi đối lũy, không tiếng hiệu lệnh, chỉ nghe tiếng người ngựa chạy". Ta mới bảo tiểu đồng: "Thử ra coi tiếng gì!". Tiểu đồng thưa rằng: "Trăng sao vàng vạc. Sông Ngân trắng xóa. Bốn phía không một tiếng người. Hình như tiếng ở trên cây". Ta rằng: "A ha! Phải rồi! Buồn thay! Tiếng thu đấy! Sao nó lại tới đây?".

Xét về trạng thái, về sắc thái thì thu âm đậm như mưa bụi, như mây ám. Về vẻ thì thanh sạch mà trong suốt. Trời thu cao, ngày thu sáng. Về khí, thì hiu hắt, hơi lạnh thấm đến da. Ý thu tiêu điều. Sông thu, núi thu vắng vẻ. Vì vậy, tiếng thu thành thê thảm, nghe như tiếng gào, tiếng thét. Cỏ đang đua mọc xanh tươi, cây cối đang khoe màu biếc ánh, mùa thu về, cỏ úa, cây trơ cành. Sức thừa của gió thu gây nên cảnh rụng tàn.

Thu vốn thuộc hình quan. Thời tiết, thu thuộc về âm. Thu vốn lại là binh cách. Theo ngũ hành, thuộc về kim, xét về nghĩa khí của đất trời, khiến lòng người tiêu sái. Muôn vật trong thiên địa, sinh về xuân, kết quả vào thu. Cho nên trong âm nhạc, mùa thu ứng với âm thương, là âm chủ của phương tây, phương ứng với thu vậy. Trong hình luật, tháng bảy là tháng hành hình. Âm thương là gì? Hành hình là gì? Là đau xót, là giết chóc vậy. Vật quá thịnh thì sẽ tới bước giảm diệt.

Thương thay! Thảo mộc là giống vô tình mà còn có lúc phải suy khốn. Người ta lại là giống vật, khôn thiêng nhất trong muôn vật. Trăm lo thì tâm thần rối loạn, nghìn việc thì hao tổn thể lực. Huống nữa, mọi sự lo toan, chạy vạy không phải đều thành đạt. Lòng thì muốn mà với chẳng cùng. Cho nên đang đỏ da thắm thịt mà cành khô cỏ mục. Mái tóc đang xanh rậm thành lơ thơ tiêu bạc. Người đâu có phải sắt đá mà có thể tranh hơn cùng cây cỏ.

Tự ta hại ta, đâu phải vì thu!

Tiểu đồng im lặng, gục đầu ngủ.

Chỉ còn nghe bốn vách, tiếng dế kêu cùng buồn với ta.

(L.V.D. dịch, theo nguyên bản chữ Hán.
Cổ văn quan chi, tập II, Quảng Trí thư cục,
Hương Cảng...)

BÀI PHÚ VỀ DƯA MUỐI

Quách Tử Chương trong *Hài ngữ*, đời Minh, mượn lời Hoàng Đình Kiên kể rằng:

Tướng công Phạm Văn Chính - tức Phạm Trọng Yêm - thuở thiếu thời, làm bài *Tê phú* (Bài phú dưa muối) có những câu:

Đào gia bồn nội,

Yêm thành bích lục thanh hoàng.

Tá đại khẩu trung,

Tước tuyết cung thương giác chính...

(Trong vại nhà họ Đào⁽¹⁾)

Muối biếc lục xanh vàng.

Bỏ dấy vào miệng,

Nhai mãi cũng nên điệu cao điệu thấp...)

(1) Vừa là họ Đào, vừa có nghĩa là đồ sành, đồ đất dùng để muối dưa nữa.

Rõ là đã tả được cái cùng quẫn, nhần nhục của bản thân, chỉ được cái chỗ tuyệt diệu của dưa muối vậy!

BÀI THƠ CÓ TÊN DÀI NHẤT !

Theo *Từ hải*...:

Lí Cương, 1083 – 1140, người Thiệu Vũ, nay thuộc Phúc Kiến, Tự Bá Kì. Đậu tiến sĩ năm Chính Hòa. Đầu đời Tĩnh Khang làm Binh bộ thị lang. Quân Kim xâm lược, chủ chiến, nên bị phe chủ hòa đày đi.

Nhà Tống chạy về nam, Cao Tông mời về làm tể tướng. Họ Lí chinh đồn binh bị, khôi phục đất nước. Nhưng rồi Cao Tông cầu an, nên Lí lại một lần nữa bị đày đi xa.

Qua đời, được đặt thụy là Trung Định. Văn thơ của họ Lí sâu sắc, thanh nhã, lại hào hùng. Họ Lí rất chuộng đạo Phật, thích bàn về giáo lí nhà Phật.

Trước tác còn có: *Dịch truyện*, *Luận ngũ trường thuyết*, *Luong Khê tập*.

Thời nhà Tống chạy về nam, Lí ra làm tể tướng mới được hai tháng rưỡi, thì bị đưa đi Quảng Đông xa tít. Nhà thơ làm một bài bát cú, 56 chữ, không kể tên bài, để tỏ than cho phái chủ chiến. Một đặc biệt của bài thơ là tên bài tới 48 chữ, vừa diễn đạt hoàn cảnh, vừa thuyết minh chủ đề:

Phục độc tam nguyệt lục nhật nội thiên chiếu thư cập truyền tướng sĩ bằng hịch, khái vương thất chi gian nguy, mãn sinh linh

chi đồ thân, trác tiền sách chi bất tòng, hận gian hồi chi ngộ quốc, cảm phần chi tác, liêu dĩ thuật hoài.

Nếu dịch đủ nghĩa sang tiếng Việt thì phải là:

Quỳ xuống đọc chiếu thư nhường ngôi và tờ hịch gửi tướng sĩ, thương cho cơ đồ nhà vua gian nguy, đau cho dân chúng khổ sở, chết chóc, tiếc cho kế sách trước kia không theo, giận cho bọn gian tà làm lỡ việc nước cảm khái mà làm bài thơ này, để thuật rõ lòng buồn thương.

Đầu năm 1129, quân Kim tấn công Dương Châu, Cao Tông hoảng hốt chạy về Hàng Châu. Cấm vệ quân bất mãn với chính sách chạy trốn đó, bạo động có vũ trang hẳn hoi. Ngày mùng sáu tháng ba, bắt nhà vua xuống chiếu thoái vị, truyền ngôi cho đứa con chưa đầy ba tuổi. Sau sự chính biến này, các tướng lĩnh địa phương như Lữ Di Hạo, Trương Tuấn, Hàn Thế Trung... viết hịch ra quân ủng hộ Cao Tông trở lại ngôi vua...

(Theo *Tống thi tam bách thủ...*)

BÀI THƠ DI CHÚC CỦA TÁC GIẢ 9300 BÀI THƠ CÒN LẠI

Theo *Lịch sử văn học Trung Quốc*, tập III:

Lục Du, năm hai mươi chín tuổi, 1153, đến Hàng Châu thi tiến sĩ. Vì đồ cao hơn cháu Tấn Cối, lại không quên nhục nước, lúc nào cũng bàn việc khôi phục cựu giang sơn, nên Tấn Cối ghét. Vào phúc khảo, Tấn Cối gạch tên.

Mãi đến khi tên đại Hán gian này chết, Lục Du mới được dùng.

Họ Lục là người còn được một khối lượng thơ từ để lại nhiều nhất Trung Quốc. Mãi đến những năm về già, ông vẫn nói: "*Ba bữa không làm thơ, cảm thấy buồn*".

Theo Triệu Dục đời Thanh: "*Vì thơ ông năm sáu phần mười nói về việc khôi phục, nên phải đau hàng cảm ghét và dả kích*". Bài thơ cuối cùng của ông là bài *Thị nhi* (Dận con), cũng là chú đề này, tiêu biểu nhất, cảm động hơn cả. Được coi như một *di chúc bằng thơ*:

*Tử khứ nguyên tri vạn sự không,
Đân bi bất kiến cứu châu đồng.
Vương sư bắc định trung nguyên nhật,
Gia tể vô vong cáo nãi ông.*

(Vốn biết chết rồi là hết chuyện,
Chín châu chỉ tiếc chưa sum vầy.
Ngày nào thu lại miền trung thổ,
Cúng bố đừng quên khấn bố hay)

(*Thơ Tống...* NAM TRÂN dịch)

BÁI THẠCH VI HUYNH

Theo *Tống sử*, *Mê Phát truyện*:

Ở lị sở của châu Vô Vi có một hòn đá lớn, hình dáng cổ quái.

Mễ Phất mới tới nhiệm sở, trông thấy, mừng lắm, hét lớn:

- Như thế này mới đáng để ta phải lạy chào!

Thế rồi với đầy đủ cả quan phục, họ Mễ làm lễ lạy chào hòn đá rất cung kính. Và tôn xưng đá làm anh.

Sau thời gian làm thái thú châu Vô Vi, Mễ Phất được đưa về kinh thành làm học sĩ ở *Thu hoa viện*.

Sách *Luang Khê mạn chí* cũng kể:

Mễ Nguyên Chương làm thái thú Nhu Tu. Nghe nói có viên đá lạ ở bên bờ sông. Họ Mễ ra lệnh cho khiêng về phủ đường. Đá đưa về, ai trông thấy cũng phải kinh ngạc. Họ Mễ làm tiệc rượu, bày ngay ở sân công đường, nghiêm chỉnh quỳ lạy hòn đá mà rằng:

- Ta cầu mong có được Thạch huynh - Người anh Đá - đã hai mươi năm nay rồi!

BÁN NHÂN ĐƯỜNG CỦA TỂ TƯỚNG

Theo Tục Thông giám:

Giả Tự Đạo người Dài Châu. Thời Tống Lí Tông, 1225 - 1265, có em gái làm quý phi, nên được giữ chức Tả thừa tướng kiêm Khu mật sứ. Khi quân Hán Dương, Hội Nguyên kéo về đánh Ngạc Châu, Tự Đạo cắt đất, nạp tiến xin hòa. Đến thời vua Độ Tông, Tự Đạo càng chuyên quyền, giữ luôn chức Đồng bình chương quân quốc sự, phong Ngụy Quốc Công. Đến khi quân Nguyên kéo vào đánh Kiến Giang, quân Tống thua liên tiếp, bọn Trần Nghị Trung vạch tội Tự Đạo. Cuối cùng Tự Đạo bị giết chết trên đường đi đày.

Tự Đạo được vua ban sắc cho xây phủ đệ ở núi Cát Linh ngay ở bên bờ Tây Hồ. Dủ cả lầu gác, đình, tạ. Đặt tên là *Bán Nhàn đường*. Mời cả Vũ Lưu tạc tượng mình ở trong. Ngày ngày cùng thê thiếp bỏ chơi ở vườn cỏ trong đình để xem chơi dế. Suốt đêm tiếng nhạc dâm loạn. Dân chúng không ai dám tới gần nhìn ngó gì...

BÁT CHUYÊN HỌC SĨ

Theo *Cổ sự bạch mi*:

Lí Trình đời nhà Tống giữ chức Hàn lâm viện học sĩ. Tính họ Lí rất lười. Đình phía bắc của Hàn lâm viện có thêm lát bằng gạch hoa, về mùa đông, cứ khi ánh nắng trời chiếu đúng vào hàng thứ năm thì mọi người đã có mặt ở viện. Riêng họ Lí, ánh nắng bao giờ chiếu vào tận hàng thứ tám mới thấy lò dò tới. Vì vậy ai nấy gọi họ Lí là *Bát chuyên học sĩ* (Vị học sĩ của hàng gạch thứ tám).

BẢY NGƯỜI VỢ LÊ

Theo *Dục Hải Du Hàng*:

Phật Ấn là bạn thân của Đông Pha. Một hôm, Phật Ấn đùa bảo Đông Pha:

- Sao mà bác lấy nhiều thê thiếp thế! Bác có bằng lòng cho tôi cô thứ bảy không?

Đông Pha cười:

- Sao lại không!

Đông Pha đem chuyện kể lại với một người thiếp. Người này thưa:

- Đó chỉ là chuyện nói đùa cho vui mà thôi.

Đông Pha đáp:

- Ta đã nói rằng cho thì cho. Nàng cứ đi xem thế nào.

Chập tối, Đông Pha cho xe đưa người thiếp đến cho Phật Ấn. Phật Ấn đón, đưa người thiếp vào trong màn. Trong buồng đặt sẵn bảy cái lò, lò nào cũng đốt than đỏ rực. Phật Ấn cứ đi lại quanh quần hết lò này đến lò khác suốt đêm. Sáng mai ra, ông cho xe đem người thiếp về giả Đông Pha. Người thiếp kể lại cho Đông Pha việc làm kì quặc của Phật Ấn, Đông Pha ngẫm nghĩ: *"Bảy cái lò lửa là chỉ vào bảy người thiếp của ta, giống như bảy cái hố lửa. Ông ta làm ra thế là có ý bảo, ông ta đã vượt ra ngoài sắc dục rồi, còn ta thì đang đắm đuối ở đấy. Phật Ấn muốn thức tỉnh ta chăng?"*.

BẠC NGHIÊU THUẤN TRONG PHỤ NỮ

Tống sử, Anh Tông Cao Hoàng hậu truyện:

Thời Bắc Tống, Triết Tông tức vị, lúc này là nhà vua mới chỉ có mười tuổi - ở ngôi 15 năm, 1086 - 1101 - nên Tuyên Nhân Cao Hoàng hậu nhiếp chính.

Bà cho thay đổi hẳn một loạt chính sách lớn của triều đình.

Không dùng tân đảng của Vương An Thạch nữa, dựa vào phái Tu Mã Quang và Văn Ngạc Bác, bỏ hết tân pháp. Khôi phục lại các chính sách cũ. Hạn chế sự tham nhũng, hối lộ, xa xỉ... thi hành nhân chính. Triều đình trở nên trong sạch, đất nước tạm yên ổn.

Vì vậy người ta gọi Tuyên Nhân Cao Hoàng hậu là *Nữ trung Nghiêu Thuấn*.

BÀN NỮ THI (THƠ GÁI NGHÈO)

Thạch Mạn Khanh có bài *Bàn nữ thi*:⁽¹⁾

*Niên khứ niên lai, lai khứ mang,
Vi tha nhân tác giá y thường.
Ngưỡng thiên đại tiểu xuất môn khứ,
Độc đối đông phong vũ nhất trường.*

(Năm đi năm lại, đi lại bận rộn,
Vì người khác mà may áo xiêm cưỡi.
Ngửa nhìn trời, cười lớn, ra khỏi cửa mà đi,
Riêng mình với gió đông, tha hồ mà múa nhảy).

Bài thơ này của họ Thạch, làm nhớ tới thơ của Tân Thao Ngọc đời nhà Đường. Câu thứ hai của họ Thạch lấy lại, là một cách

(1) Theo Cổ kim thi đọc bản, Thượng Hải ấn thư quán ấn hành, Hương Cảng, 1960. Trương Diên Hoa tuyển chú.

Tập Đường thi:

Vì tha nhân tác giá y thường.

Đó chính là câu thứ tám của bài bát cú, cùng tên của Tấn Thao Ngọc.

Lời than của người con gái nghèo thì đúng quá. Nhưng người ta, các nhà thơ, thì thường chỉ vin vào đó để thanh minh cho sự bất lực của mình...

BẤT HỨA NHÂN GIAN KIẾN BẠCH ĐẦU

Theo Diệp Thân Hương:

Nàng Anh Hoa, con gái của Lí Trường Khanh ở thành Khai Phong, đẹp sắc sảo lại có tài thơ văn. Thời Nguyên Phong⁽¹⁾, Trường Khanh làm Huyện lệnh Tấn Vân, Anh Hoa cũng được đi theo, không may nhiễm bệnh qua đời. Quan tài vẫn quản ở gác Tam Phong trong ấp.

Đến đời Tuyên Hòa⁽²⁾, vùng Thanh Khê giặc giã, ấp bị thiêu trụi bởi can qua, nhưng riêng gác Tam Phong vẫn còn, nên được lấy làm nơi để sổ sách của huyện quan. Nhà Tống qua sông xuống miền nam, Tống Nam Vương Phó Khánh thay làm huyện lệnh Tấn Vân. Đưa theo bọn thân cận Tào Dĩnh Giai về, ở ngay chái đông của gác.

Một đêm, Tào thấy có người con gái gõ cửa vào, rồi cùng nhau

(1) Nguyên Phong, niên hiệu của Tống Thần Tông, dùng từ 1078 đến 1086.

(2) Tuyên Hòa, niên hiệu của Tống Huy Tông, dùng từ 1119 đến 1126.

trò chuyện, nghe toàn những việc khác lạ. Vặn hỏi họ tên, người con gái đáp:

- Thiếp là con gái của Huyện lệnh trước đây là Lí Trường Khanh, tên Anh Hoa, tự là Tú Ngạc. Qua đời đã hơn một năm nay. Cùng với chàng vốn có duyên nợ, vì vậy tìm đến gặp gỡ.

Bèn cùng nhau xướng họa thơ văn. Từ đó, không ngày nào không đến. Gặp lúc Tào có lệnh phải theo việc quân, Anh Hoa mới vì Tào mà đoán rằng:

- Thiếp với chàng tình duyên thế là hết. Chàng đi chuyến này thế nào cũng gặp chuyện binh đao. Xin đưa chàng một nén hương này. Có chuyện gì nguy cấp, chàng đốt báo tin, thiếp sẽ ngầm phù hộ chàng. Muôn vạn đừng quên.

Chuyến đi ấy, quả Tào bị tội, hoảng hốt không kịp thắp hương trước khi chịu chết. Chuyện này nổi tiếng khắp vùng, được xưng là *quý tiên*. Hàn Vô Cửu⁽¹⁾ làm một bài từ theo điệu *Thủy long ngâm*:

*Vũ du điệp hiển phù không,
Vọng trung tú sắc tiên đô thị.
Đồng thiên vì tỏa,
Nhân gian xuân lão...
Hành vân mộng viễn,
Hữu Tam Phong thúy.*

(1) Hàn Vô Cửu: tức Hàn Nguyên Cát, hiệu Nam Giản, người Hứa Xương, Thời Hiếu Tông, làm Lại bộ thượng thư. Châu gọi là Đồng Lai bằng cậu. Có tập từ khúc *Nam Giản thi dư*. (*Tổng từ tam bách thủ...*).

(Mưa tạnh, núi xếp, trời trong,
Sắc màu xa ngấm toàn tiên cảnh.
Động đào còn khóa,
Cối trần xuân già...
Mây ruối mộng xa,
Tam Phong sắc biếc).

Về sau, ai ở gác Tam Phong này, nhiều lần được thấy bóng Anh Hoa. Trước khi xuất hiện, bao giờ cũng có một mùi hương rất lạ, rất thơm.

Than ôi! Kì thay. Vốn sự tích được ghi ở *Anh Hoa tập*, ba quyển. Nhưng chỉ có tên sách trong *Văn hiến thông khảo*, bản thân sách thì đến nay không còn.

BIẾT VIẾT, KHÔNG BIẾT ĐỌC

Phụ chương lục kể:

Thừa tướng họ Trương rất thích viết chữ thảo, nhưng thực không biết cách viết, chữ vừa sai vừa xấu. Bạn đồng niên thường lấy đó làm chuyện đùa.

Một hôm, được câu văn hay, họ Trương sai lấy giấy bút ra. Chỉ một lát sau, mặt giấy đã hiện ra đủ các loại rồng rắn. Con thì bò, con thì bay, nhiều con đang cuộn khúc. Trương thừa tướng sai người cháu thu dọn lại. Bỗng người cháu ngồi ngẩn, nhìn trân trân, rồi cầm tờ giấy họ Trương vừa mới viết sau cùng, chỉ vào một chữ hỏi:

- Chữ này là chữ gì?

Họ Trương nhìn một hồi lâu, chẳng đoán ra được, lên tiếng quát:

- Sao không hỏi ngay lúc đương biết, giờ tao quên rồi, còn đâu!

BÌNH BẠC VÔ TUÔN ĐẦY DÒNG NƯỚC...

(Tì bà hành)

Theo *Tâm nguyên từ điển* của Bửu Kế, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1967:

Nhạc Phi bị bọn gian thần Tấn Cối hãm hại. Con gái họ Nhạc lúc này tuổi hãy còn nhỏ, có tên là Ngân Bình (Ngân: bạc, Bình: cái bình) - Cái bình bằng bạc - được tin thân phụ qua đời, đã ôm một cái bình bạc nhảy xuống giếng mà chết.

Về sau, dân chúng dựng đền thờ, và tôn xưng là Ngân Bình tiểu thư. Đền thờ, và cả giếng, hiện vẫn còn bên bờ Tây Hồ thuộc Triết Giang.

BÌNH CÚ RUỢU MỐI

Phù Bạch trai chủ nhân, đời Minh kế:

Hàng Châu có người đàn bà, chồng chết chưa hết bốn chín

ngày đã đi lấy chồng khác. Việc đưa đến cửa quan, Biên tu họ Kim được mời đến công đường để làm chứng⁽¹⁾. Kim Biên tu hỏi quan huyện:

- Đầu đuôi câu chuyện ra sao?

Quan huyện ngâm nga:

*Trượng phu thân tử vị chung thất,
Giá dữ đối môn Hoàng Mai Hoa.*

(Chồng chết chưa đủ bốn chín ngày,
Đã đi lấy Hoàng Mai Hoa trước cửa nhà).

Họ Kim cũng ngâm tiếp:

*Nguyệt di hoa ảnh thương lan can,
Xuân sắc nào nhân miên bất đắc.*

(Ánh trăng di chuyển bóng hoa lên lan can,
Sắc xuân khiến lòng người nào ngủ không thể nào
ngủ được⁽²⁾).

Quan huyện cười rồi chỉ phạt lấy lệ.

(1) Nguyên văn: Cư gian, tử pháp lí, chỉ kê đúng giữa bên nguyên bên bị mà điều đình (*Hán Việt từ điển*, Đào Duy Anh).

(2) Hai câu này là câu ba và bốn của bài tuyệt cú *Xuân dạ* (Đêm xuân) của Vương An Thạch. Câu một và hai là:

*Kim lô hương tận lậu thanh tàn,
Tiễn uễn khinh phong trện trện hàn.*

Nam Trân dịch:

Giọt rỗng lặng tiếng đình hương tàn,
Lất phất từng cơn ngọn gió hàn.
Xuân sắc nào nề thao thức mãi,
Bóng hoa, trăng nhắc tới lan can.

BỎ TỆ NẠN CHO DÂN

Theo *Túy Ông mị ngữ*:

Hoa mẫu đơn ở Tây Kinh đẹp nổi tiếng thiên hạ. Lâu nay, khi hoa ở đây nở rộ nhất, quan thái thú thường cho tổ chức hội hoa mẫu đơn.

Về chuyện hội hoa này, Tô Đông Pha nói rằng:

- Ở Dương Châu, hoa thực được đẹp nhất nước. Lúc Sái Phồn Khang làm thái thú, bắt đầu có việc mở *Vạn hoa hội*. Đây chính là nguyên cớ của nhiều điều phiền nhiễu đến dân chúng. Vì vậy người Dương Châu coi như một nạn lớn. Từ ngày ta - Tô tự xưng - đến trị nhậm, hỏi rõ mọi chuyện, lệnh bỏ hẳn *Vạn hoa hội*.

BỘ MẶT THẬT CỦA NÚI LƯ

(Lư sơn chân diện)

Ở phía nam thị trấn Cửu Giang, tỉnh Giang Tây có vùng núi Lư Sơn. Ba mặt của núi này đều là sông nước. Đó chính là dòng Trường Giang, hồ Phiến Dương, chỉ còn mặt tây nam là dựa vào cao nguyên. Đỉnh cao nhất là Hán Dương Phong, tới một nghìn bốn trăm mét. Hình thế thật kì vĩ.

Thời Vũ Vương nhà Chu, có Khuông Tục học phép thần tiên, làm mấy gian thảo đường tu luyện ở đây. Vũ Vương sai người mời Khuông Tục - tự là Tử Hiếu - ra làm quan. Nhưng người thì

không tài nào tìm ra, chỉ thấy mấy gian lều cỏ. Vì thế người đời gọi vùng núi này là Khuông Lư (*Lư* có nghĩa là nhà, phòng ở) Nhà ở của họ Khuông. Hay cũng gọi là Khuông Sơn, Lư Sơn.

Núi Lư có nhiều danh thắng: như Bạch Lặc động (động Hươu trắng); Hắc trỉ (hổ Đen); Ngọc Uyên (Vũng Ngọc)... còn có cả vết tích của sông băng. Ở đỉnh Độc Lãnh phía tây bắc, ngay giữa tháng bảy, nhiệt độ cũng chỉ hai mươi tư độ. Thật là một nơi nghỉ hè lí tưởng. Một điều đặc biệt bao trùm toàn vùng núi này là lúc nào, ngày cũng như đêm, đông cũng như hè, đều bao phủ bởi mây khói, khiến cho người ta khó mà thấy được bộ mặt thật của nó.

Thời nhà Tống, Tô Đông Pha, cũng đã một lần du ngoạn ở đây. Nhận ra ngay đặc điểm trên, ông làm một bài tứ tuyệt:

Hoành khan thành lĩnh trúc thành phong,

Viễn cận cao đề các bát đồng.

Bất thức Lư Sơn chân diện mục,

Chỉ duyên thân tại thử sơn trung.

(Nhìn ngang thế núi, đỉnh cao giăng như tường,

Xa gần, cao thấp chẳng giống nhau.

Không thể rõ được bộ mặt thật của núi Lư,

Chỉ biết rằng thân mình đang ở trong núi thôi).

Từ đó câu thơ thứ ba: *Bất thức Lư Sơn chân diện mục*, hay gọn hơn, nói là *Lư Sơn chân diện*, được dùng để chỉ việc nhận thức sự vật là khó khăn, là dễ mắc sai lầm⁽¹⁾.

(Theo *Cổ sự thành ngữ*, tập 3...)

(1) Lý Bạch, nhà thơ lãng mạn nổi tiếng đời Đường cũng có một bài thơ rất được ca ngợi về nơi này: *Vọng Lư Sơn bộc bố* (Xa ngắm thác núi Lư):

...

CÁCH TÀN TIỀN CỦA HỌ TÔ

Thời họ Tô bị đưa đi Hoàng Châu, mỗi tháng số tiền lương rất ít, người nhà lại nhiều, nên chỉ trong vòng nửa tháng, tiền đã hết veo. Để không lâm vào cảnh túng đói, họ Tô nghĩ ra cách chi tiêu như thế này: số lương nhận về, được chia làm ba mươi phần, mỗi phần gồm một trăm năm mươi đồng tiền, xâu thành một chuỗi. Trên tường nhà cũng đóng ba mươi cái đinh, cứ mỗi cái đinh treo một xâu tiền. Mỗi buổi sáng, dùng một cái nạng, lấy xuống một xâu - bởi những cái đinh này họ Tô cố tình đóng thật cao, phải dùng nạng mới treo lên, lấy xuống được - như mấy cô bán hàng nay dùng để lấy hàng treo cao cho khách vậy. Lấy được một xâu tiền rồi, họ Tô đem cắt gãy thật kĩ, quyết không đem ra dùng trong ngày nữa...

(Theo *Tam bách tự cổ sự*, quyển 3...)

...

*Nhật chiếu Hương Lô sinh từ yên,
Đao khan bộc bố quải tiền xuyên.
Phi lưu trực há tam thiên xích,
Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.*

(Nắng rọi Hương Lô khói tía bay,
Đao trông dòng thác trước sông này.
Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước,
Tường dài Ngân Hà tuột khỏi mây)
(*Văn 9*, Tập II... TUONG NHƯ dịch)

CÁI GHEN ĐÀN BÀ

La Hoa kể trong *Túy Ông đàm lục*, tác phẩm viết đời Tống:

Triệu Thị vợ Dương Lang trung ghen có một không hai. Họ Dương có người thiếp yêu, nhưng không bao giờ dám gần. Một hôm, họ Dương giờ phần *Chu nam* trong *Kinh Thi* đọc đi đọc lại, rồi nói:

- Bài thơ *Cù mộc*, nói chuyện Hậu phi nổi tiếng đức hạnh, khoan dung với phi tần, không bao giờ ghen tuông.

Họ Dương cử tấm tắc:

- Không ghen tuông, nhà đông con nhiều cháu...

Lại tiếp:

- Không ghen tuông, trai gái trong nhà đều đoan trang chính đính...

Triệu Thị hỏi:

- Sách *Kinh Thi* ai viết ?

Họ Dương đáp:

- Chu công.

Triệu Thị tiếp ngay:

- Đúng là do Chu công viết. Chữ Chu bà thì không bao giờ viết thế!

CÁI KHÓ KHAI SƠN PHÁ THẠCH

1.

Trong chương viết về *Thi thoại đời Tống*, các tác giả *Lịch sử văn học Trung Quốc* của Viện khoa học Trung Quốc nói:

Quyển thi thoại đầu tiên là Lục Nhất thi thoại của Âu Dương Tu. Đầu quyển chỉ có một câu: "Cuối lúc về sống ở Nhữ Âm, tập hợp lại để có chuyện mà nhàn đàm".

Ta hãy xem hai thoại của tập này.

2.

Nhà thơ đời Đường Vi Ứng Vật có bài *Trừ Châu tây giản* (Lịch tây ở Trừ Châu):

*Độc lân u thảo giản biên sinh,
Thượng hữu hoàng li thâm thụ minh.
Xuân triều dãi vũ vân lai cấp,
Đã độ vô nhân chu tự hoành.*

(Xót thương bến nước cỏ xanh vàng,
Cây rậm cành cao oanh hót vang.
Mưa dịp chiều xuân, trời sắp tối,
Chiếc đò quanh vắng tự quay ngang.

TƯƠNG NHƯ dịch)

Âu Dương Tu phê phán:

Phía tây thành Trừ Châu, toàn là núi non trập trùng. Chẳng

có một chỗ nào có thể gọi là khe phía tây được. Riêng phía bắc thành có một con suối nhưng lại rất cạn không thể nào đi thuyền được. Mà cũng không hề thông với sông lớn hồ rộng nào cả. Có phải chăng, nhà thơ vì ham câu thơ hay, mà chẳng thêm để tâm tới chuyện ngoài đời thực có cảnh đó hay không nữa?

Hồ Ứng Lâm cãi cho họ Vi:

Người đời Tống (chỉ Âu Dương) không biết rằng nhà thơ gặp hứng thì diễn tả. Lúc lớn thì mệnh mỏng tràn bờ, khi nhỏ thì bằng chiếc lá. Việc gì cứ phải câu thúc những chuyện nhỏ nhặt.

Đường Nhữ Tuân cũng chê họ Âu Dương:

Cũng có thể cãi: khe suối thì làm sao lại có thủy triều cho được. Nhưng nếu mưa nhiều thì sẽ có đấy! Mưa to, mưa lâu, nước ứ lại khoảnh khắc con suối đã thành con sông. Thì làm sao lại không thấy thuyền quay ngang cho được.

Họ Vi thắng cuộc, và càng nổi tiếng, mặc dù đã qua đời từ lâu...

3.

Lại cũng từ một bài thơ của Trương Kế, thi sĩ đời Đường: *Phong Kiều dạ bạc*; câu cuối:

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

(Nửa đêm, tiếng chuông vẳng tới thuyền khách).

Âu Dương chê:

Các nhà thơ thường tham những câu hay mà lí thì có chỗ không thông. "Thuyền ai đậu bến Cô Tô, Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San"... Hay thì có hay, nhưng nửa đêm không phải là lúc nhà chùa đánh chuông.

Diệp Mộng Dắc, cũng một nhà thơ đời Tống, biện hộ cho họ

Vì trong Thạch Lâm thì thoại:

Có lẽ ông Âu Dương Tu chưa từng đến Ngô Trung (chỉ Tô Châu, tỉnh Giang Tô, nơi có đài Cô Tô) chứ chưa chiến đất Ngô Trung cho đến nay, vẫn thỉnh chuông vào nửa đêm.

Sách Đường thi kỉ sự thì nói:

Đất này có chuông nửa đêm. Gọi là "Vô thường chung". Trương Kế ghi lại một điều có thực, mà ông cho là lạ. Còn Âu Dương Tu lại cho là ngữ bệnh. Thật không phải.

Hồ Tử, cũng đời Tống, trong Thiệu Khê ngư án từng thoại, nói kĩ hơn:

Sách Nam Tử có chép bài thơ "Cảnh Dương lâu" của Từ Vô Đế, bài thơ có nói đến chuông canh ba, chuông canh năm. Khi Ngô Cảnh Trọng làm thái thú Ngô Hưng thì cấm chuông nửa đêm. Các nhà thơ đời Đường như Bạch Lạc Thiên, Ôn Đình Quân... nói nhiều đến chuông nửa đêm. Ông Âu Dương chắc không khảo cứu đến.

Còn có cả một giai thoại khác, bịa hẳn câu chuyện và kèm theo một bài thơ hay, để giải thích tại sao lại có chuông nửa đêm ở Cô Tô nữa kia...

CẨM THỂ THI

Theo Từ nguyên:

Âu Dương Tu ngày ngồi trấn nhậm Nhữ Âm, nhân tuyết rơi đầu mùa, cùng bạn thơ tập hợp ở *Tụ Tinh đường* uống rượu, bàn luận văn chương.

Đến lúc làm thơ, họ cùng ra một lệnh cấm rằng: trong bài thơ, không được dùng các từ ngọc, nguyệt, lê, mai, luyện, nhũ, bạch, vũ, nga, hạc. Gọi là Cấm thể thi.

Về sau, lúc Tô Đông Pha ngồi Dĩnh Châu cũng có làm việc này. Và còn cả bài thơ tứ tuyệt ghi lại:

*Nhữ Nam tiên hiền hữu cố sự,
Túy ông thi thoại thù năng thuyết.
Đương thời hiệu lệnh quân thính thủ,
Bạch chiến bất hứa thù thốn thiết.*

(Người hiền trước đây ở Nhữ Nam có chuyện này,
Chuyện thơ của Túy ông ai mà nói cho được.
Hiệu lệnh lúc ấy là thế này, hãy nghe cho rõ,
Đánh nhau tay không thôi, không cho phép mang
một tác sát nào cả).

CẬN THỦY LÂU ĐÀI TIÊN ĐẮC NGUYỆT...

✽Theo Thanh dạ lục:

Phạm Trọng Yêm, thời làm tri phủ Hàng Châu, rất nhiều quan nha trong phủ, dưới quyền, được họ Phạm tiến cử giữ những chức vụ hợp với tài năng, sở thích của họ. Vì vậy họ Phạm rất được chung quanh nể trọng.

Nhưng trong số liều thuốc của Trọng Yêm, có Tô Lân, giữ chức tuần sát, chuyên phải đi công cán ở những huyện quanh Hàng Châu, ít khi được có mặt ở ngay thành Hàng Châu, nên bị Trọng Yêm hình như quên bẵng, lâu chẳng được cất nhắc, tiến cử gì cả. Tô Lân có lần về Hàng Châu, dâng quan trên của mình một bài thơ, trong đó có hai câu:

*Cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt,
Hương dương hoa mộc dị vi xuân.*

(Lâu đài ở gần mặt nước thì được hưởng ánh trăng
trước nơi khác,
Cây nào, hoa nào quay về mặt trời thì cũng được
hưởng khí xuân dễ dàng).

Họ Phạm xem thơ, hiểu ý trách móc nhẹ nhàng, lại rất thanh nhã, chữ nghĩa của Tô Lân, liền tìm cách tiến cử họ Tô.

CÂY BÁCH TẬN TRUNG

Theo *Từ hải*:

Nhạc Phi nhà Tống bị hại ở Phong Ba đình. Sau khi Nhạc bị hại, sân đình có một cây bách, đang tươi tốt bỗng khô héo mà chết.

Việc này, tất nhiên, xảy ra vào đời Tống. Nhưng lạ thay, đến đời Thanh, nghĩa là qua cả Nguyên, Minh rồi, cây vẫn không mục

nát, vẫn đứng vững. Người người đều cho rằng cây bách này là sự linh ứng bởi cái chết của anh hùng họ Nhạc, nên gọi là *Tinh trung bách*.

Mãi đến đời Hàm Phong, 1851 - 1862, Mục Tông, nhà Thanh, cây bách vẫn còn đứng trước miếu Thổ địa, bên phải dinh Án sát sứ của Hàng Huyện thuộc Triết Giang, dinh này vốn được xây trên nền cũ của Phong Ba đình.

Khi gặp loạn tây dương, cây bách mới bị đổ, cưa làm chín khúc. Hiện vẫn còn tám khúc, nằm xếp dãy trước mộ Nhạc Phi ở Tây Hồ. Màu vẫn đen kịt, cứng như sắt như đá. Họ Nhạc mất năm 1141!

CÂY NHIỀU HƠN LÁ

Đồn Trai nhân lãm chép:

Một anh học trò ở Tiến Đường, làm bài thơ *Vịnh trúc*, dâng lên cho Tô Đông Pha, có câu:

*Diệp toàn thiên khẩu kiếm,
Hành tung vạn điều thương.*

(Lá như hàng nghìn thanh kiếm chum lại,
Thân cây như hàng vạn ngọn thương cao ngất...)

Đông Pha đọc xong, bảo:

- Loại trúc này hình như lá quá ít!

Anh học trò vẫn chưa hiểu, Đông Pha đành nói rõ ràng:

- Mười cây trúc mới có một lá, thì có gọi là nhiều lá được không?

CHẠY TRỐN SỰ TỬ

Theo *Bản sự tử*...:

Long Khâu Tử bỏ đất Lạc vào đất Thục, đem theo hai hầu gái; sắm đủ ngựa hay, vũ khí, nhung trang. Gặp nơi hồ đẹp, suối trong, lại ở vài ngày. Ai cũng ngỡ là bậc đệ nhân. Mười năm sau, Long Khâu làm nhà ở Hoàng Cương, tu luyện, tự xưng là Tĩnh Am cư sĩ. Tô Tử Chiêm làm bài từ *Lâm giang tiên* để ghi lại chuyện này của bạn:

*Tế mã viễn dà song thị nữ,
Thanh cân, ngọc đới, hồng ngoa.
Khê sơn hảo xứ cánh vi gia,
Thùy tri Ba Hiệp lộ,
Khuốc kiến Lạc Thành hoa...*

(Ngựa hay chở hai người đẹp chơi xa,
Khăn xanh, đai ngọc, hài hoa.
Suối trong, núi xanh làm nhà,
Ai ngờ đường Ba Hiệp,
Gặp người đẹp thành Lạc...)

Long Khâu Tử chính là tên hiệu của Trần Quý Thường, Từ Chiêm đã nói trong bài thơ hài hước:

*...Hốt vãn sư tử Hà Đông hống,
Trụ trụng lạc thủ tâm mang nhiên.*

Thì ra, việc chờ hầu gái chơi xa cũng là điều dĩ nhiên, đáng thông cảm vậy...

CHÂN THÀNH, CHẤT PHÁC

Theo *Nhã hước*:

Vương Hòa Phủ được đổi về cai quản Kim Lăng. Tế tướng Vương An Thạch về hưu cũng ở Kim Lăng. Một hôm trên đường, Kinh công ngại gặp Hòa Phủ đang đi phía trước, nên tránh vào một nhà dân bên đường.

Bà chủ nhà thấy Kinh công đeo giỏ thuốc, mới kể lễ tật bệnh của mình. Kinh Công bèn cho thuốc. Bà già bèn đem ra mấy sợi dây màu tết bằng dây, nói với Kinh công:

- Xin tướng công mang về cho *tướng bà*⁽¹⁾.

Kinh công cười mà nhận.

(1) Vương An Thạch, từng làm tế tướng thời Tống Thần Tông, được phong tước Kinh Quốc Công.

Công: ông, ngài, tỏ ý tôn trọng, chỉ người đàn ông có quan tước, phẩm hàm.

CHỊ VỢ LÒNG THỒNG

Ngài Từ hậu ngữ kể:

Vợ Yên Lí Quý đẹp nhưng lẳng lơ, thường đi lại với một anh trai trẻ hàng xóm. Quý biết, vẫn rình để bắt quả tang. Hôm ấy, thấy thằng hàng xóm vào buồng vợ mình rồi đóng chặt cửa, Quý đập cửa. Chị vợ sợ hãi:

– Làm thế nào bây giờ?

Anh hàng xóm vội hỏi:

– Có cửa sau không?

Chị vợ:

– Không có!

– Có hầm không?

– Cũng không!

– Làm sao bây giờ?

Chị vợ:

– A, đây rồi!

Chị vợ giơ ra cái miệng bao, anh hàng xóm chui ngay vào, còn ngựa cổ dận:

– Nếu nó có hỏi thì đáp là bao gạo.

Chị vợ mở cửa. Quý tìm khắp buồng không thấy. Nâng cái bao trên giường, nặng lắm, hỏi:

– Bao gì đây?

Chị vợ sợ quá, lúng túng mở miệng không nên. Quý càng lớn tiếng quát tháo. Anh hàng xóm ở trong bao sợ lộ chuyện, bất giác từ trong bao lên tiếng đáp thay:

– Bao gạo đầy mà!

Quý cứ thế đập cho kì chết. Sau đó còn đánh cho chị vợ một trận thừa sống thiếu chết.

Ngài Tử nghe chuyện, cười mà rằng:

– Thuở trước, viên đá nước Tấn biết nói, giờ lại có chuyện bao gạo nước Yên cũng biết nói nữa hay sao?⁽¹⁾

CHỈ XIN TẶNG MỘT CẢNH XUÂN

1.

Kinh Châu kí có chép:

Nhà thơ, Lục Khải, từ Giang Nam xa xôi, bẽ một cảnh mai, gửi về cho Phạm Việp ở tận Trường An, cùng với một bài thơ rằng:

Chiết mai phùng dịch sứ,

Kí dũ Lũng Đầu nhân.

Giang Nam hà sở hữu,

Liêu tặng nhất chi xuân.

(1) Nguyên văn: *Tích thạch ngôn vu Tấn* (Xưa kia, đá nói ở nước Tấn).

Tả truyện: Chiêu Công, năm thứ tám, mùa xuân, đá nói ở đất Tấn. Tấn Hầu hỏi Su Khoáng:

– Vì sao đá biết nói?

– Đá vốn không biết nói. Nói được là do có vật gì ám vào đá... Công việc sai khiến dân không hợp thời, nổi oan khổ dẫn vật người dân, khiến cho nhiều vật xưa nay vốn không nói, giờ tự nhiên nói... (Chú theo bản dịch *Bắc Mộng tóa ngôn...*).

(Bẻ xong cành mai, gặp đúng lúc người đi sứ qua
trạm dịch,

Bèn đưa gửi cho người Lũng Dấu.

Ở Giang Nam chẳng có gì cả,

Chỉ xin tặng một cành xuân)

2.

Lưu Khắc Trang, 1187 - 1269, người Phù Diễn, nay thuộc Phúc Kiến. Có *Hậu Thôn tiên sinh đại toàn tập*, gồm một trăm chín mươi sáu quyển. Thơ từ tản văn đều rất nhiều. Ông mong đuổi kịp Lục Du làm đủ vạn bài thơ, nhưng chưa được, về tuổi thì không kém. Trong *Bát thập ngâm* (Bài ngâm lúc tuổi tám mươi), ông nói:

Thành Trai⁽¹⁾ chỉ có bốn nghìn bài,

Riêng Lục Phóng ông tới vạn lời.

Lão cũng lòng mong phô nét gấm,

Câu trời bằng tuổi Phóng ông thôi!

(Bản dịch của *Lịch sử văn học...*)

Lưu Khắc Trang, trong bài *Biệt Ngao Khí Chi* cũng có viết:

Khinh yên tiểu tuyết có hành lộ,

Chiết thắng mai hoa kỉ nhất chi.

(Khởi nhẹ, tuyết nhỏ, một mình đi trên đường,

Bẻ ngay hoa mai, gửi đi một cành).

(1) Thành Trai, tức Dương Vạn Lí. Phóng ông, tức Lục Du

Và vì vậy, theo *Từ nguyên, Nhất chi xuân* (một cành xuân) sau này được dùng để đặt tên cho một điệu từ khúc: điệu *Nhất chi xuân*⁽¹⁾.

CHO HAY MUÔN SỰ TẠI TRỜI...

Theo Nghiêu Sơn Đường ngoại kí:

Phạm Trọng Yêm lúc trấn thủ Nhiều Châu, nghe tiếng họ Phạm, có người học trò nghèo xin gặp, kể hoàn cảnh khó khăn của mình.

Lúc bấy giờ, ở Nhiều Châu có chùa Tiến Phúc, trong chùa có một bia đá, văn vốn đã hay, lại thêm chữ viết khắc là của Âu Dương Xuân Canh nổi tiếng. Phạm Trọng Yêm từ lâu đã muốn có bản dập bia này, nay nhân thấy anh học trò hoàn cảnh khó khăn, họ Phạm muốn giúp, bèn cho anh ta một số tiền mua giấy mực, đủ dập một nghìn bản bia, bản thì cũng có thể được một số tiền kha khá.

Người học trò sắp đặt xong mọi việc, đến chùa, thì sét vừa đánh nát tấm bia đó. Tô Đông Pha xúc động trước việc này, làm hai câu thơ:

*Thời lai phong tống Đằng Vương các,
Vận khứ lôi oanh Tiến Phúc bia.*

(1) Tạm dịch thơ, bài *Nhất chi xuân*:

*Bé mai gặp sứ lên đường,
Thời thì một nhánh gài phương Lũng Đầu
Giang Nam nào có gì đâu,
Một cành xuân chọn, tình sâu tặng người.*

(Lúc gặp thời, thì gió đưa đến gác Đằng Vương,
Khi gặp vận rủi thì sét đánh tan bia Tiến Phúc).

Câu hai chính là nói chuyện trên đây. Câu một xin xem *Giai thoại thơ Đường*...

CHO SỰ CÔNG BẰNG

Sách *Đông Pha cư sĩ Ngải Tử tập thuyết* tương truyền là của Tô Thức biên soạn, có chuyện:

Ngải Tử đi chơi, thấy một bà già tóc bạc phơ, mặc áo tang, khóc lóc rất ai oán. Ngải Tử hỏi:

- Có chuyện gì mà cụ khóc lóc thảm thiết đến thế?

Cụ đáp:

- Khóc chồng ta!

Ngải Tử kính cẩn:

- Cụ cao niên như thế này, mới phải khóc chồng. Xin mạo muội hỏi chồng cụ là ai thế?

Bà già đáp:

- Là ông Bành Tổ.

Ngải Tử khuyên:

- Bành Tổ thọ tám trăm tuổi mới qua đời, tưởng không phải là đoán thọ. Cụ cũng chẳng nên sầu thảm quá!

Bà già đáp:

- Quả là không mấy ai được như vậy. Nhưng vẫn có người sống tới chín trăm năm mới chết. Ta không ăn hận sao được!

CHỌN MA TỔNG VẼ TRANH

Sách *Vu Tiên biệt kí* của Trương Di Lệnh đời Minh kể:

Trong nhà ông ta còn giữ được mấy tờ giấy hoa tiên làm từ đời Tống. Bỗng có một họa sĩ nổi tiếng từ Ngô Trung tới, bạn bè khuyên ông ta:

- Giấy của bác quý lắm, đẹp lắm. Sao không nhờ ông họa sĩ Ngô Trung vẽ cho một bức thủy mặc, giữ làm của báu trong nhà.

Ông ta đáp:

- Anh lại muốn phá hỏng mấy tờ giấy của tôi phỏng? Làm ra giấy đó là người đời Tống, thì vẽ lên nó cũng là người đời Tống chứ!

CHU HỐI AM, CÒN ĐÓ...

Theo *Bản sự từ*...

Kỉ nữ Nghiêm Nhụy ở Thiên Thai, tự Ấu Phương, tài sắc dậy tiếng một vùng. Cẩm kì thư họa⁽¹⁾, không nghề gì là không tinh xảo, có một không hai trong đám nữ lưu. Đã vậy Nghiêm Nhụy

(1) Cẩm: đàn. Kì: đánh cờ. Thư: viết chữ. Họa: vẽ.

còn thường làm những bài từ ngắn, bài nào cũng mới mẻ, được người đời rất ngợi ca.

Ngày Đường Dữ Chính ngồi làm thái thú ở Thiên Thai, một lần bên tiệc rượu, lệnh cho Nghiêm Nhụy làm bài từ nói về hoa đào trắng và hoa đào hồng. Họ Nghiêm khẩu chiếm ngay một bài theo điệu *Như mộng lệnh*:

*Đạo thị lê hoa bất thị,
Đạo thị hạnh hoa bất thị.
Bạch bạch dữ hồng hồng,
Biệt thị đông phong tình vị.
Tằng kí,
Tằng kí!
Nhân tại Vũ Lăng vi túy.*

(Bảo rằng hoa lê, không phải,
Bảo rằng hoa hạnh, không phải.
Trắng trắng với hồng hồng,
Riêng tình từ gió đông gửi.
Nhớ kĩ,
Nhớ kĩ!
Người ở Vũ Lăng say mãi⁽¹⁾)

Dữ Chính thường cho rất nhiều, trong đó có hai tấm lụa quý. Lại đêm thất tịch⁽²⁾, quận bày yến tiệc. Khách có Tạ Nguyên

(1) Vũ Lăng, nơi có suối chảy ra toàn cánh hoa đào, trong *Đào Hoa nguyên kỉ* của Đào Tiềm, đời Tấn.

(2) Thất tịch: đêm mừng bày tháng bảy, Trung Quốc có ăn tết, tối làm lễ *Khất sáo* (Xin khéo), cho phụ nữ. Gần với thần thoại Ngưu Lang Chức Nữ. Nên trong bài từ, Nghiêm nhắc tới...

Khanh, bậc hào sĩ ở địa phương, từ lâu mộ tiếng họ Nghiêm, yêu cầu làm một bài từ tả tiết thất tịch. Lại còn bắt lấy họ Tạ của mình làm vần. Rượu vừa rót đủ một lần cho khách, Nghiêm đã làm xong bài từ theo điệu *Thuốc kiều tiên*:

*Bích ngó sơ truy,
Quế hương tài thổ.
Trì thượng thủy hoa vi tạ.
Xuyên châm nhón tại Hợp Hoan lâu.
Chính nguyệt lộ ngọc bàn cao tả,
Chi mang thuốc lân,
Canh dung chức quện.
Không tố cổ kim giai thoại.
Nhân gian cương đạo cách niên kì.
Tiếu thiên thượng phương tài cách dạ.*

(Ngô biếc vừa tạ,
Hương quế sơ đưa.
Mặt hồ sen ngát hương xa.
Xâu kim, lầu Hợp Hoan lơ lả.
Trăng đầy, mâm ngọc bóng ngà,
Cây nhọc dẹt buồn,
Nhện châm biếng quạ.
Cũng là giai thoại ngàn năm.
Cõi đời, năm đã quá,
Cười thiên thượng mới tàn đêm).

Họ Nghiêm lại hát để chúc rượu. Nguyên Khanh như điên dại, nửa năm lưu ở nhà Nghiêm mới dứt nổi.

Về sau, Chu Hối Am làm Thương sứ hành bộ tới Thiên Thai, nhân có những lời của Trần Đồng Phủ, đem những sở đoán của họ Đường mà vu oan, lại dựng chuyện quan hệ giữa Đường với Nghiêm không mực thước, bắt cả hai giam vào ngục đến hơn tháng trời. Nghiêm tuy bị đánh đập rất khốn khổ, nhưng không một lời đổ tội Đường. Cho đến khi chịu phạt trượng rồi đuổi đi Thiệu Hưng, vẫn còn bị giam trong ngục, vẫn còn bị truy bức đủ chuyện. Quan coi ngựa sau khi đã rõ mọi sự, mới hỏi Nghiêm rằng:

- Sao cô không nhận bừa đi. Tội chẳng qua cũng chỉ đến phạt trượng là cùng. Cứ kháng kháng mà chịu khổ, nào có ích gì?

Nghiêm khóc mà từ chối:

- Thân thiếp tuy chỉ là kĩ nữ nhỏ mọn, dẫu có nhận cùng thái thú suông sã, tội cũng chẳng đáng phải chết. Nhưng việc phải trái thật hư, há vì lời thiếp mà làm ố danh của bậc sĩ đại phu, thì tuy có vì thế mà thoát chết, thiếp cũng không dám làm.

Thế rồi Nghiêm quyết giữ chí, nên thỉnh thoảng lại bị lôi ra phạt trượng. Đau đớn đến nỗi nhiều lần chết đi sống lại. Nhưng vì thế mà lời đồn đại, lời khen ngợi vang khắp gần xa. Hối Am cũng vì việc này phải chuyển làm chức quan khác. Khâu Thương Khanh thay về làm Thương sứ. Nhân ngày tiệc rượu của đầu tháng, thấy hình dáng Nghiêm Nhụy tiều tụy, Khâu mới hỏi duyên cớ, rồi lệnh cho làm một bài từ kể lại. Nghiêm khẩu chiếm theo điệu *Bốc toán tử*. Từ rằng:

*Bát thị ái phong trần,
Tự bị tiền duyên ngộ.
Hoa lạc hoa khai tự hữu thì,
Tống lại Đồng Quân chủ.
Khử dã tống tu khứ,*

*Trú dã như hà trú?
Đã dắc sơn hoa sáp mãn đầu,
Mạc vấn nó quy xứ.*

(Đâu phải thích phong trần,
Cũng bởi sai duyên trước.
Hoa nở hoa tàn cũng tại thời,
Lại cũng lượng chúa xuân.
Phải đi, ừ thì bước,
Ở lại, đâu non nước?
Chỉ mong, hoa núi cài đầy tóc,
Dừng hỏi thiếp xa gần).

Họ Khâu nghe, cảm xúc hiện ra mặt. Ngay hôm ấy, cho hoàn lương. Rồi sau đó, Nghiêm được một thuộc liêu, có họ hàng với quan Thương sứ đón về làm vợ lẽ. Thế là có chỗ gửi thân suốt đời.

Than ôi! Nàng chính là một anh kiệt trong đám kĩ nữ vậy!

CHU HỐI ÔNG CÁCH NGÔN

... Ăn no vừa phải thì cũng như được ăn thịt. Không dâm dục quá độ thì cũng như trai giới. Đi bộ thông thả thì cũng không khác gì đi xe. Không có họa thì chính là đã có phúc. Chỉ nói khi không uống rượu, chỉ giận khi đã quên cả ăn. Dầu có thực đói cũng không ăn nhiều, dầu có khát lắm cũng không uống một mạch.

Hãy lấy sự phong phú về đời sống tinh thần làm sự giàu có. Lấy sự ít đam mê làm sự sang trọng. Uống mười chén thuốc, không bằng một đêm ngủ một mình. Uống một trăm chén rượu, không bằng ăn một bữa cơm đầy đủ.

Tiết chế sự ăn uống thì ít bệnh tật. Bớt ham muốn thì kéo dài được đời người...

CHUYỆN CỦA AI ?

Nhiều tài liệu thì bảo chuyện này của Vương Hi Chi đời Tấn - và có lẽ đáng tin hơn - nhưng *Tô Đông Pha* thì bảo chuyện của Tô Đông Pha.

Một nhà buôn bị kiện vì thiếu nợ thừa:

- Bẩm quan lớn, nhà con bán quạt, Năm ngoái thân phụ con quy tiên. Con phải vay tiền làm ma. Năm nay trời mưa nhiều, quạt ế. Con chưa có tiền trả nợ, chứ không dám quyt.

Tô bảo:

- Dem một chồng quạt ra đây. Ta bán hộ.

Người này về, đem đến công đường khoảng hai chục cái quạt lụa đẹp. Đông Pha về ngay vào quạt nào trúc, nào núi, nào sông... rồi để chữ. Một hồi lâu thì xong, bảo:

- Dem về bán mà lấy tiền trả nợ.

Người này đem quạt ra khoe bán, cái ít nhất cũng được một ngàn đồng. (Tưởng cũng chỉ nên cho đây là giai thoại cấp hai.

Anh lính trong giai thoại về Vương An Thạch bán vợ cũng chỉ được chín trăm đồng. Nhưng biết đâu...).

Có một sự thực là chữ viết – thư pháp – và vẽ của họ Tô đều nổi tiếng đời Tống. Tranh trúc của ông cực đẹp, cực quý, nhưng với kĩ thuật thời này khó có bản thạc, nhưng chữ viết thì ở Việt Nam, những thạc bản của Tô là gia bảo của nhiều nhà theo đuổi chữ nho.

CHỮ ĐÓN NĂM MỚI

Tuyệt đảo lục của Chu Huy đời Tống:

Tuần hạt Du Liên tính tình hài hước, hay châm chọc. Từ chân thấy lại mà được thăng quan, làm tuần hạt Viên Châu. Vùng này có tri huyện họ Vương đi lại với Du thân thiết lắm. Trong một bữa rượu, lời qua tiếng lại, Du không bằng lòng, nên nhân cuối năm, Du lấy bảng gỗ dương đào, viết ⁽¹⁾:

Hộ phong thất huyện,

Gia cấp thiên binh.

(Đất phong bảy huyện,

Quân được nghìn người).

Chờ chấp tối, Du tìm đến thăm Vương, rồi về nhà chờ. Sáng mai, quả nhiên Vương đến đáp lễ. Thấy bảng gỗ, Vương chỉ tay:

(1) Nguyên văn: đào phù, ngày xưa, năm mới, thường lấy ván gỗ đào đỏ, viết tên các vị thần treo trước cửa để yểm ma quỷ (*Từ hải*...).

- Đây có phải hai câu trong *Thiên văn*⁽¹⁾?

Du đáp:

- Đúng rồi:

Vương tiếp:

- Sao lại chỉ có bảy huyện?

Du đáp:

- Ngài không biết sao? Thì vốn là tám huyện. Một huyện đã bị bọn dân em làm hỏng rồi còn đâu!

Vương không bằng lòng, bỏ về.

CHỮ TÀI CÙNG VỚI CHỮ TAI ...

Theo *Tạc phi am bạch toán*:

Năm Tuyên Hòa, 1119 -1126, Huy Tông, Bắc Tống, nhân ngày hè nóng nực, Sái Cư An cùng với quan chức trong phủ tុy hội ở Đạo Sơn ăn dưa. Thái thú họ Sái ngồi trên cao, lệnh cho mọi người, cứ kể một truyện về dưa thì được ăn một miếng dưa. Ai nấy đều không dám nói hết những hiểu biết của mình về chuyện này, quan thái thú trở thành người hiểu biết hơn cả nên, tất nhiên, cũng ngang nhiên ăn dưa nhiều hơn mọi người.

(1) *Thiên văn*: Vũ Bình Nhất trong sách *Từ thư pháp thu kí* có nói: năm Đại Đồng đời nhà Lương, Vũ Đế sai Chu Hưng soạn *Thiên văn tự*, rồi cho Ân Thiệt Thạch mô phỏng kiểu chữ của Vương Hi Chi mà viết để ban cho; tám nhà vương, là họ hàng thân thiết của Vũ Đế (*Từ hải*...).

Có lẽ *Thiên văn* là cách nói tắt của sách này, dùng để dạy trẻ, như các *Tam thiên tự*, *Ngũ thiên tự* sau này.

Hồi lâu, Hiệu thư lang Đồng Ngạn Viễn, liên tiếp kể hết chuyện đưa này đến chuyện đưa khác, toàn là những chuyện quan khách chưa được nghe bao giờ, nhưng đều có chứng cứ, có sách dẫn. Nên ai nấy đều lác đác thần phục.

Nhưng người hiểu biết thì cho rằng, họ Đồng khó lòng yên ổn. Quả nhiên, mấy ngày sau, có lệnh đổi Ngạn Viễn đi xa. Than ôi! Cây tài thì chúc oán vậy thôi! Ý tài thì thân nguy. Tấm gương *Hoàng quyền ấu phụ* của Dương Tu còn đó. Lại nữa lời Tào Tháo: "*Anh hùng thời này, chỉ có sứ quân với ta thôi!*" đã khiến Lưu Bị phải vờ đánh rơi dứa mới khỏi chết đó sao?

Nguyễn Du bảo: *Tiểu đề tuần tục can qua tế*, cũng là từ ý ấy mà ra...

CHỮ SAI THƠ VƯƠNG AN THẠCH

Theo *Chuyện làng văn*...:

Vương An Thạch có hai câu thơ:

*Minh nguyệt sơn đầu khiếu,
Hoàng khuyến ngọc hoa tâm.*

Tô Đông Pha đọc hai câu thơ này, và cho là vô lí. *Minh nguyệt* là trăng sáng. *Hoàng khuyến* là chó vàng. Và nghĩa hai câu thơ:

*Trăng sáng kêu đầu núi,
Chó vàng nằm giữa hoa.*

Trăng làm sao mà kêu. Chớ sao có thể nằm giữa hoa cho được?
Vì vậy, Tô Thức chữa lại:

*Minh nguyệt sơn đầu chiếu,
Hoàng khuyến ngoa hoa âm.*

(Trăng sáng soi đầu núi,
Chớ vàng nằm bóng hoa)

Nghe tưởng như hợp lí hơn. Chuyện đến tai Vương An Thạch.
Vương chê Tô kiến thức hẹp hòi.

Về sau, vì công kích tân pháp, Tô bị giáng ra tận Hoàng Châu.
Ở đó Tô thấy có loại chim tên là *chim minh nguyệt*, và một loại
sâu hoàng khuyến. Tô mới biết mình nhầm, mình sai. Nhưng đã
muộn!

Có kẻ còn nói quá đi: Vương An Thạch cố tình đưa họ Tô ra
vùng này để họ Tô thấy giá phải trả cho việc chữa thơ sai của
mình. Có lẽ chả phải ...

CÓC NHẢY CUA BÒ

Tô Đông Pha kể:

Trạng nguyên họ Vương lúc chưa hiển đạt, say rượu ngã xuống
sông Biện Hà, được Thủy thần vớt lên bờ, lại còn dặn:

- Ngài còn ba trăm nghìn quan tiền, chẳng may chết đuối thì
làm thế nào mà tiêu hết được?

Năm sau, họ Vương đậu tiến sĩ đệ nhất giáp, đệ nhất danh.

Và có người thi mãi không đậu, cố tình bắt chước họ Vương giả vờ say, rơi xuống sông. Thủy thần cũng vớt lên bờ. Anh ta hỏi hờ hởi:

- Liệu tôi còn bao nhiêu tiền?

Thủy thần đáp:

- Ta cũng không biết. Nhưng thấy có ba trăm vại dưa vàng xuộm, anh mà chết thì lấy ai mà ăn cho hết chỗ dưa ấy?

(Theo *Hài ngữ*, Quách Tử Chương đời Minh)

CON ĐI THI, BỐ NẢM MỘNG...

Cố sự quỳnh lâm, Nhân sự, quyển 3

Hai người con của Vương Quân Bính đi thi hương. Đêm hôm ấy, Quân Bính nằm mơ thấy có người đưa cho một cây trúc bảo trổng.

Kể mộng của mình, có người đoán cho họ Vương rằng:

- Cả hai anh con bác đều đậu khoa này.

Họ Vương hỏi nguyên cớ. Đáp:

- Chữ *Trúc* gồm hai chữ *Cá*. Bác cứ chờ xem!

Quả nhiên, khoa ấy cả hai con họ Vương đều đậu hương cống. Chữ *Cá*, vốn là từ chỉ loại: cái, con, chiếc, nhưng cũng là quả, kết

quả. Hai con đi thi, bố mơ thấy hai quả, thì rõ ràng hai con đều đậu chứ còn gì nữa...

CON GÁI HỌ TRƯƠNG TỎ TÌNH BẰNG TỪ KHÚC

Theo *Bản sự từ*...:

Trương Thế Anh ngồi dạy học trong nhà Tiêu Nhượng. Tiêu có người em gái tên là Thục Lan, ngưỡng mộ Trương anh tuấn, thường giờ trò treu ghẹo, nhưng đều bị Trương cự tuyệt. Thục Lan làm một bài từ theo điệu *Bồ tát man*, gửi cho Trương:

Thiên giáo Lưu Nguyễn mê Bồng Đảo,

Đào hoa phiến phiến ý phương thảo.

Phương thảo nhược xuân tư,

Vương tôn tri bất tri?...

(Trời xui Lưu Nguyễn mê Bồng Đảo,

Hoa đào từng cánh nường cây cỏ.

Cây cỏ đón ý xuân,

Vương tôn biết cho chăng? ...)

Trương nhận được bài từ, không trả lời, bỏ nhà chủ mà về. Thục Lan làm bài từ khác:

*Hữu tình triều lạc Tây Lăng phố,
Vô tình nhân hướng Tây Lăng khứ...
Úc liễu thiên thiên vạn,
Hậu liễu thiên thiên vạn...*

(Yêu nhau, triều đổ bến Tây Lăng,
Ghét nhau, người về bến Tây Lăng...
Nhớ đếm nghìn nghìn vạn,
Hậu đếm nghìn nghìn vạn...)

Về sau, Tiêu Nhượng biết bèn đem em gái gả cho Trương. Có
hỏi cưới rất chu đáo.

CON RẬN VINH HIỂN

Phạm Chính Mẫn đời Tống kể:

Kinh công ⁽¹⁾, Vũ Ngọc, Hi Ninh đều ngồi trong dinh tế tướng.
Một hôm, Kinh công đứng hầu vua, một con rận trên cổ áo Kinh
công, từ từ bò vào bộ râu của quan tế tướng. Nhà vua cười, mắt
nhìn chăm chú. Kinh công thì vẫn không biết gì.

Lui chầu về dinh, Vũ Ngọc mới nói cho Kinh công hay. Kinh
công bảo người hầu bắt giết đi. Vũ Ngọc vội thưa:

- Xin đừng vội giết, con giện này mang nhiều điều vinh diệu,
rất đáng được ngự ca.

(1) Kinh công, tức Vương An Thạch, được phong Kinh quốc công.

Kính công ngạc nhiên:

- Sao lại thế?

Vũ Ngọc cười:

- Nó đã từng được chu du trong bộ râu của quan lớn tể tướng, từng được thánh thượng để mắt đến.

Kính công cũng đành phải cười theo.

CON TÔ THỨC LÀM THƠ

Theo *Tổng nhân thiên thủ tuyệt cú*, thì Tô Quá, con trai lớn của Tô Đông Pha, trong một tự chú thích của bài thất ngôn tuyệt cú *Kim Lăng thương Ngô Khai Phủ*, có nói rằng: *Thời làm trong soái phủ Khai Phong đã từng đến chơi vùng Long Trung, mới giờ thơ văn của Gia Cát Khổng Minh ra đọc lại những bài văn câu thơ đã được người đời truyền tụng. Vì thế, cảm khái mà làm thành thơ:*

Thời bình vô sự thanh ngâm hảo,

Vệ Hoắc tham công vị thị kì.

Tranh tự nhất thiên nhân khoái trá,

Tử phương truyền tụng Ngọa Long thi.

(Buổi yên hàn, không có việc gì, chính là lúc ngâm
nga hợp hơn ca,
Công trạng ganh đua của Vệ Hoắc thì chưa lấy gì
làm lạ.

Cũng cảnh tương tự như thế, nhưng làm cho người
đời thích thú như được ăn miếng ngon,
Cho nên khắp bốn phương truyền tụng thơ của
Ngọa Long)

Vệ Hoắc đây là Hoắc Khứ Bệnh, người đời Hán, một danh
tướng, nhiều lần đánh thắng Hung Nô, được phong Quan Quân
hầu. Tượng được vẽ ở Kì Lân các. *Chinh phụ ngâm* có câu:

*Tài so Tần Hoắc vẹn tuyền,
Tên ghi gác khói, tượng truyền dài Lân.*

CON TRAI CỦA TỪ KHÚC

Hồng Mại ghi trong *Di hiên chí*:

Đời Thiệu Hưng, niên hiệu thứ hai của Tống Cao Tông, vua
đầu thời Nam Tống, 1131-1163 - Tào Huân đi sứ nước Kim. Có
kẻ hay vẽ chuyện, làm bài từ ngắn để đùa, mấy câu cuối:

*Thuyền Vu nhược vấn quân gia thế,
Thuyết dữ giao tri,
Tiện thị Hồng song hồi dề nhi.*

(Nếu như vua Thuyền Vu có hỏi tới gia thế của ngài,
Thì hãy nói cho họ biết rằng,
Ta là con trai của khúc hát *Hồng song hồi*)

Bởi vì, cha của Tào Huân chính là Tào Tổ, Nguyên Sùng, nên họ lấy ngay bài từ nổi tiếng nhất của ông để chỉ ông cho tiện.

CON TRỜI THÍCH THƠ CHỦ TRỜI

Những năm cuối đời Triết Tông ⁽¹⁾ nhà vua rất hay giận dữ, ít khi vui vẻ. Vì vậy cận thần cũng khó được mở mày mở mặt. Cho nên bọn này thường tìm chuyện vui, thơ hài kể cho vua nghe.

Hôm ấy, tuyết xuống nhiều, vua hỏi có chuyện gì lạ không? Một viên cận thần đọc vội hai câu thơ vịnh tuyết:

*Thùy bả nga mao mẫn xú triêm,
Ngọc Hoàng Đại đế phiến tu diêm.*

(Ai bảo đó là có người vật lông ngỗng tung ra khắp
chốn,

Chính là Ngọc Hoàng Đại đế buồn muối lậu)

Nghe xong, Triết Tông cười thích thú.

Theo lời kể của Hình Cư Thực.

(1) Triết Tông, tức Triệu Húc, 1086-1101, vua gần cuối đời Bắc Tống. Lúc đó quân Kim xâm lược ngày càng ngang ngược.

CÔ CHỊ, CÔ EM

Theo Phù Bạch chủ nhân đời Minh trong *Nhã hước*:

1. Ngài Tiết Giản Tiêu có ba người con gái. Người chị cả được gả cho Âu công ⁽¹⁾, người thứ hai làm vợ Vương Cung Thời. Về sau, người vợ Âu công qua đời, nên lại lấy cô gái út làm vợ kế. Vì vậy Cung Thời làm thơ đùa Âu công:

*Cựu nữ tể vi tân nữ tể,
Đại di phu tác tiểu di phu.*

(Chàng rể cũ làm chàng rể mới,
Chồng cô chị nay chồng cô em)

2. Vừa gặp lúc Lưu Nguyên Phủ ⁽²⁾ tuổi đã cao còn lo việc cưới vợ kế, Âu công làm thơ châm chọc:

*Tiên gia thiên tải nhất hà trường,
Phù thế không kinh nhật nguyệt mang.
Động lí đào hoa mạc tương tiểu,
Lưu Lang kim nhật lão Lưu Lang.*

(1) Âu công, có lẽ là Âu Dương Tu, nhưng cũng không chắc, vì Âu Dương là họ kép, không ai nói Âu không. Nhưng phải là người đời Tống...

(2) Lưu Nguyên Phủ, tức Lưu Suồng, người Tống gọi là Công Thị tiên sinh. Học văn uyên bác. Chuyên trị kinh *Xuân Thu*. Đậu tiến sĩ thời Khánh Lịch. Làm Học sĩ trực biên điện, thăng Tri chế cáo.

Văn chương mẫn tiếp, thảo chiếu hịch không bao giờ phải nháp, cứ thẳng viết ngay. Đã từng một lúc viết xong chín sắc phong vương. Di sú Khiết Đan, hiểu rất sâu rộng về núi sông, đường sá, chim thú. Người Khiết Đan phục lắm.

Tác phẩm gồm: *Xuân thu quan hành*, *Xuân thu truyện*, *Xuân thu ý lâm*, *Công Thị tập*. Người em trai là Lưu Phân cũng rất nổi tiếng.

(Nghe năm ở cõi tiên sao mà dài thế,
Ở cái cõi mây nước ấy không việc gì phải bận rộn nữa.
Hoa đào trong động đừng cười người,
Chàng Lưu bây giờ đã là lão Lưu rồi)

Nguyên Phú không bằng lòng, tìm cách trả miếng.

3. Một hôm, ba người gặp mặt, Nguyên Phú kể:

- Có một thầy đồ ngồi dạy học. Đọc *Mao thi*, tới câu: *Ủy xà, ủy xà*, thầy dặn học trò: *Xà đọc là đi, nhớ cho kĩ*. Ngày hôm sau, thấy thầy học trò nghịch rần. Đến lớp, thầy hỏi: *Vừa rồi chúng mày nghịch gì đấy?* Học trò thưa: *Đọc đường thấy kẻ nghịch đi, nên chúng con đứng xem. Lúc đầu họ nghịch đi lớn, về sau họ nghịch đi nhỏ. Vì vậy chúng con đến lớp muộn*⁽¹⁾.

Ấu công cười ha hả ...

CỐ HƯƠNG KHÔNG NHẤT NHAI ...

(Trời một phương xa, làng cú dâu ...)

(Lên lầu Nhạc Dương - Nguyễn Du)

Theo *Cổ văn quan chỉ*, tập II... thì lầu Nhạc Dương nằm trên cửa phía tây của thành Nhạc Dương, thuộc tỉnh Hồ Nam. Lầu do Trương Duyệt xây từ thời nhà Đường. Mặt trông ra hồ Động Đình.

(1) *Xà* là rần. Nhưng cũng có khi đọc là *đi*. Lúc này nghĩa khác đi, là thông dong. Nguyên Phú muốn lấy âm *đi* đó nhưng chuyển thành chữ *đi* là đi, em hay chị vợ để đùa lại.

Mùa xuân năm Khánh Lịch thứ tư đời nhà Tống, Đặng Tử Kinh bị trích giáng làm thái thú ở đây. Họ Đặng cho sửa lại lầu, lập bia ghi thơ phú. Mời Phạm Trọng Yêm viết bài kí, để tạc vào bia. Những mong vì việc sửa lầu, vì tài văn chương, tên tuổi của họ Phạm mà họ Đặng của mình cũng được lưu danh chăng. Quả thật, họ Đặng đã tính toán đúng. Đoạn cuối của bài kí, đến nay, vẫn thường được nhắc đến, cho những bậc làm vua, làm quan xưa nay:

... Không phải nhờ ngoại vật mà vui. Không phải vì bản thân mà buồn. Ở nơi miếu đường cao quý thì lo cho dân. Ở nơi giang hồ xa xôi thì lo cho vua. Tiến cũng lo mà thoái cũng lo. Thế thì biết lúc nào là được vui? Tất là phải: Lo trước khi thiên hạ lo. Vui sau khi thiên hạ vui. Có phải thế chăng? – *Kỉ tất viết: Tiên thiên hạ chi ưu, nhi ưu. Hậu thiên hạ chi lạc, nhi lạc dư?*

CỔ QUỐC TAM THIÊN LÍ ...

(Nước cũ ~~ba~~ *ngheim* ~~dặm~~...)

Nhà Tống mất rồi, Lí Sinh, người Chương Khâu vẫn còn lưu lạc ở trạm dịch Yên Sơn ⁽¹⁾. Đêm ngồi một mình dưới trăng, trong cảnh quán trọ đất khách, Lí ngâm bài thơ sau:

Vạn lí quyên hành dịch,

*Thu lai ~~sáu~~ *kỉ* ~~phần~~.*

(1) Tháng tư đời Tĩnh Khang thứ hai, 1127, quân Kim kéo xuống thủ đô Khai Phong lần nữa, bắt cả vua Khâm Tông và thượng hoàng Huy Tông, hoàng hậu, công chúa, phò mã, quan lại ... giải về Yên Sơn (Bắc Kinh ngày nay). Đó chính là *nạn Tĩnh Khang*.

*Nhân khan hà bắc nguyệt,
Hốt ức hải đông vân.*

(Vạn dặm mỗi chốn chân,
Thu vé gầy mấy phần.
Nhân nhìn trăng ái bắc,
Biển nam nhớ mây vân)

Lắng ra, hình như người đàn bà ở trong nhà trạm gần đó, nghe bài thơ Lí ngâm mà thốn thức. Sáng hôm sau, Lí tìm sang hỏi nguồn cơn. Thì ra, người đàn bà này là Kim Đức thực⁽¹⁾, cung nhân triều Tống. Cung nữ họ Kim hỏi Lí:

- Ngài ngâm bài thơ đêm qua chăng?

Lí đáp:

- Bài thơ đó không phải tiểu nhân làm. Trên đường lên bắc, cùng ngồi thuyền, có một người Hàng Châu, thường đọc bài thơ này. Dưới trăng bóng nhớ lại, ngâm ngợi cho qua đêm dài.

Cung nữ họ Kim không ngăn được nước mắt:

- Bài thơ này chính là của Chiêu nghi⁽¹⁾ họ Hoàng làm để tiễn Ưông Thủy Vân. Lúc bấy giờ bọn thiếp, ai cũng có thơ tặng. Nhân đó, họ Kim làm một bài từ theo điệu *Vọng Giang Nam*:

*Xuân thùi khởi,
Tích tuyết mãn Yên Sơn.
Vạn lí trường thành giai cảo tố.
Lục nhai dăng hỏa dĩ lan lan,
Nhân lập Ngọc lâu gian.*

(1) Đức thực, Chiêu nghi: đều là các cấp bậc của cung phi đời Tống.

(Xuân ngũ dậu,
Tuyết chất đầy Yên Sơn.
Vạn dặm trường thành như lụa trắng.
Sáu phố lên đèn dáng nhấp nhô,
Người đứng trên lầu Ngọc)

Về sau cung nữ họ Kim gửi thân cho Lí Sinh.

(Theo *Bản sự từ* ...)

CỦA AI ? CON HAY CHA ?

1.

Theo *Đường Tống bát đại văn gia* ...:

Tô Tuấn, mãi đến năm hai mươi lăm tuổi, phát phần, mới cấp sách đi học. Nhưng đi thi tiến sĩ không đậu. Hoạn lộ cũng không xuôi chèo mát mái. Khi sinh Tô Đông Pha, Tuấn làm một bài thơ cảm khái. Thơ rằng:

*Nhân giai dưỡng tử vọng thông minh,
Ngã bị thông minh ngộ nhất sinh.
Đản nguyện sinh nhi ngu thả lỗ,
Vô tai vô nạn đáo công khanh.*

(Nuôi con ai chả muốn thông minh,
Tôi bị thông minh lỡ kiếp mình.

Chỉ muốn sinh con ngu lại dốt,
Không tai không nạn đến công khanh.

NGUYỄN HỮU LƯƠNG dịch)

2.

Theo *Điều ước biên* là tác phẩm của Vương Thế Trinh, người đời Minh, viết dưới hình thức lời kể của Tô Đông Pha về những việc của đời Tô. Tính chân thực của nó khá cao. Bài thơ trên cũng có mặt mang tên *Tỷ nhi hí tác* (Nhân lễ tắm cho trẻ, làm thơ đùa).

Cả bốn cây thơ đều như trên. Tưởng có thể tin tác giả *Điều ước biên* ...

3.

Cũng nên giới thiệu một tài liệu nữa cho sự lựa chọn xu hướng được rộng rãi sự kiện: *Cổ kim thi độc bản* của Trương Đình Hoa biên soạn, chú thích, do Thượng Hải ấn thư quán Hương Cảng xuất bản, 1960, trong phần *Tuyệt cú*, có chọn bài này với tên *Tỷ nhi thi*, ghi rõ tên tác giả là Tô Thức.

Vậy là của con chứ không phải của bố. Không thấy tác giả *Đường Tống bát đại văn gia* nói dựa theo tài liệu nào. Biết đâu đấy ... Nhưng có sao đi nữa thì không của bố thì của con... Một lí nữa, những thất bại về hoạn lộ của Tô Tuấn đều có khi ông ta sinh anh em Tô Thức từ lâu, những người em của họ, nếu có, cũng thế, nên bài thơ này chắc chắn là của Tô Đông Pha.

CÙNG NAN HUYNH NAN ĐỆ

Phạm Chính Mẫn đời Tống kể:

Tú tài Lí Hán Anh cùng với em trai vào ca viện, lại để thơ trên tường rồi mới ra về. Một anh chàng giỏi thơ *châm biếm*, mượn lời trong bài thơ *Vịnh chim nhạn*, viết hai câu, ngay cạnh thơ của họ:

*Lưỡng hàng hà xứ nào văn tự,
Nhất đội thủy gia hảo đệ huynh ?*

(Hai hàng ở đâu đây mà chữ nghĩa lộn xộn,
Một đoàn con cái nhà ai, anh với em thật giỏi giang
thay?)

CỦA TRINH ĐÚNG TUYẾT

Theo *Chu Tử ngữ lục*:

Trinh Di ⁽¹⁾ mở trường dạy học sau khi từ quan. Học trò rất đông, nhiều người thành đạt. Trong số đó có Dương Thời và Du Tạc ⁽²⁾.

(1) Trinh Di, em Trinh Hạo, tự Chính Thúc, vào học nhà thái học. Hồ Viên thấy văn của ông lạ, cất lên làm học chức. Đến đời Triết Tông, làm *thuyết thư* ở Sùng Chính điện, nhưng sau không hợp với bọn Tô Đông Pha nên ra coi Quốc tử giám Tây Kinh.

Đời Huy Tông, bị ghép tội *Ngay học*, phải bắt giam. Thường gọi là Y Xuyên tiên sinh.

Trước tác: *Dịch truyện*, *Xuân thu truyện*, *Mạnh nữ giải*... và *Ngũ lục*, do học trò ghi chép về hành trạng, lời dạy của thầy học (*Từ hải*).

(2) Dương Thời, tự Trung Lập, hiệu là Quy Sơn. Nổi tiếng trong số học trò của cả hai anh em họ Trinh.

Một lần Dương và Du đến nhà thầy. Họ Trình tuổi lúc này đã cao, dễ mệt, nên lim dim mắt dựa lưng như ngủ, sau một hồi đàm đạo với hai học trò. Tất nhiên, dù là đàm đạo bình đẳng nữa thì thầy ngồi, còn học trò thì đứng rất nghiêm túc. Thấy thầy ngủ, hai anh học trò không dám làm kinh động, vẫn đứng yên. Đến khi họ Trình sức tỉnh, nhận ra hai anh học trò vẫn đứng hầu thấy bên cạnh, bèn lên tiếng hỏi:

- Các con vẫn còn đứng đó sao? Mau về nghỉ thôi!

Hai người ra khỏi cửa, mặt đất giờ đây không chỗ nào là không đầy tuyết phủ, có chỗ đã dày đến hàng thước rồi. Mới biết Dương và Du đã đứng hầu thầy rất lâu rồi vậy.

Nhà thơ Tạ Ứng Phương, trong bài thơ *Dương Quy Sơn từ*, có câu: *Tảo lập Trình môn tuyết* (Sớm đã đứng bên cửa tuyết nhà họ Trình). Lời thơ này chuyển nên thành ngữ *Trình môn lập tuyết*.

CƯỜI HỌ NHIẾP

Theo *Đồn Trai nhàn lãm*:

Quốc tử giám bác sĩ Quách Trung Thứ đưa quan Tư nghiệp quốc tử giám Sùng Nghĩa họ Nhiếp:

*Cận quý toàn vi quý,
Thu long chỉ tác lung.
Tuy nhiên tam cá nhi,
Kì nại bất thành thông.*

(1) Nhiều tai nên không có mắt. Chữ *long* là rỗng có thêm bộ *mức* là chữ *lung*, đồng âm với chữ *lung* là điếc. Chữ *Nhiếp* gồm ba chữ *nh* là tai ghép lại, nghĩa là nói nhỏ.

(Gần đây chỉ quý lữ người không có mắt,
Con rỗng mà đã bị nhốt thì chẳng khác gì người bị
điếc.

Dẫu có ba cái tai đi chẳng nữa,
Thì cũng chẳng trở thành kẻ thông minh được đâu ⁽¹⁾

Sùng Nghĩa trả miếng ngay:

*Mạc tiểu hữu tam nhĩ,
Toàn thảng súc nhị tâm.*

(Dừng vội cười kẻ có ba tai,
Còn hơn đứa ăn ở hai lòng đấy ⁽¹⁾)

CUỘC ĐẠP THỰC ĐỊA **(Chân vững trên đất bằng)**

Theo *Thành ngữ cổ sự*, Vi Thanh thư điểm xuất bản xã, Hương Cảng, 1971, tập 5:

Trong *Thiệu Thị kiến văn lục*, kể chuyện:

Có một lần, Tư Mã Quang hỏi Thiệu Ung:

- Ngài xem như tôi là hạng người thế nào?

Nghiêu Phu đáp:

- Thừa Quân Thực tiên sinh, tôi xem ngài là một người mà *cước đạp thực địa*.

Tư Mã Quang là một nhà viết sử lỗi lạc đời Bắc Tống. Quyển *Tư trị thông giám* là một biên niên thông sử vĩ đại, được hoàn thành trong mười chín năm, vâng mệnh Anh Tông. Chưa sáng đã dậy, khuya mới ngủ. Tư Mã Ôn công nổi tiếng vì cái gối tròn, với dụng ý không cho phép mình ngủ say - gối sẽ lăn, đánh thức người ngủ dậy.

Sách khi mới viết xong, tới sáu trăm quyển. San định cuối cùng, còn tám mươi quyển. Bản thảo, bản nháp sau khi công trình hoàn thành, chứa đầy hai gian nhà ở Lạc Dương.

Chính tinh thần làm việc như thế của Ôn công đã làm Thiệu Ung cảm phục, và ca ngợi: *Cước đạp thực địa*...

CỬU TĂNG THI, TẬP THƠ CỦA CHÍN NHÀ SƯ

Theo *Lục Nhất cư sĩ* của Âu Dương Tu:

Quốc triều ta - Âu Dương tự xưng về thời mình sống, tức thời Bắc Tống - các nhà thơ có tên tuổi đương đại, mà cũng là nhà sư thì chỉ có chín người. Trước đây, họ có hẳn một tập thơ chung

(1). Trong hai chữ *Trung Thứ*, mỗi chữ đều có một chữ *tâm*, nghĩa là quả tim, tấm lòng. *Nhị tâm* (hai tấm lòng) có nghĩa là kẻ ăn ở hai lòng, không thật thà...

Quách Trung Thứ, người Lạc Dương, lúc đầu làm quan với nhà Hậu Chu, chức Dịch học bác sĩ, sau đó về với nhà Tống, làm Quốc tử giám chủ bạ. Tinh thông *Dịch học*, rất giỏi vẽ và viết chữ. Lại chuyên khảo cứu về *Tự học*, từ đời Ngụy Tấn về sau vâng mệnh vua Tống viết sách lịch sử *tự thư* của các thời đại.

Sách còn: *Hàn giản*, *Bội huê*...

có tên là *Cửu tông thi*, nhưng đến nay không còn thấy truyền lại. Chín nhà sư cũng là chín nhà thơ đó là: Huệ Sùng ở Hoài Nam; Hi Trú ở Kiếm Nam; Bảo Xiêm ở Kim Hoa; Văn Diêu ở Nam Việt; Hành Triệu ở Thiên Thai; Giản Trường ở Nhữ Châu; Duy Phương ở Thanh Thành; Tự Chiêu ở Giang Đông; Hoài Cổ ở Nga Mi.

Và theo *Từ hải* thì cho đến nay, thơ của chín nhà sư này còn được thấy ở bản xưa nhất là bản in của *Cấp cổ các*. Nhưng việc biên tập không tinh, sai sót nhiều lắm.

DẤU MÙ VẤN CƯỚI

Theo *Nhân phả*...

Lưu Đình Thức sau khi hứa hôn thì xa quê nhà để vào học trong Quốc tử giám tận kinh đô. Năm năm sau, họ Lưu thi đậu, mới có dịp quay về. Cô gái hứa hôn xưa, không may, bị mù cả hai mắt. Họ Lưu vẫn quyết xin chọn ngày làm lễ thành hôn. Nhà gái từ chối:

- Con gái chúng tôi đã thành người tàn phế. Không thể làm trọn phận sự của một người vợ.

Đình Thức vẫn giữ ý mình:

- Tai họa sau khi đính hôn. Nghĩa không thể bỏ được. Nếu như ta mà bỏ cô gái này, thì còn biết ở với ai nữa. Ta làm sao mà phụ tình buổi dẫu cho được.

Lễ cưới xong, vợ chồng rất thương yêu, trân trọng nhau. Đi đâu cũng tay dắt tay. Sinh được hai con, thì người vợ bị bệnh mà qua đời. Họ Lưu thương xót chân thành.

Lúc này Tô Đông Pha đang làm thái thú trong vùng, đến thăm hỏi, gởi chuyện:

- Thương mà sinh yêu. Yêu mà thấy là đẹp. Ngài lấy một người mù, thì lòng yêu ở đâu ra?

Đình Thức đáp:

- Tiểu nhân chỉ biết tiếc thương người vợ qua đời. Chứ không cần biết có mắt hay không có mắt!

Đông Pha vỗ vai họ Lưu mà tiếp:

- Ngài thật đúng là bậc trượng phu vậy.

Về sau, hai người con trai của người vợ mù họ Lưu đều thi đậu.

DẠ SỬ GIÁ

Theo *Hồi vân loại tự*:

Tô Đông Pha có bài tứ tuyệt: *Thần trí thể vân diêu* (Thơ thủ tài, xa ngắm trời chiều):

Trường đình đoán cảnh vô nhân họa,

Lão đại hoành tha sáu trúc cùng.

Hồi thủ đoạn vân tà nhật mộ,

Khúc Giang đảo trám, trắc sơn phong.

(Cảnh gần quán xa mà không ai vẽ,

Lão già kéo ngang cây gậy trúc vàng gậy.

Nhìn lại, từng đám mây tươi tắn, ánh trời chiều tà,
Sông Khúc nghiêng đổ tràn đầy cả đến ngọn núi).

Khi viết bài thơ lên giấy lớn, Tô viết chữ *dinh* rõ dài, chữ *cánh* cực ngắn; chữ *họa* viết thành chữ *tận* là hết - hai chữ này gần giống nhau; chữ *Lão* viết thật lớn; chữ *tha* viết ngang phè; chữ *cùng* với bộ *thảo* thật nhỏ; chữ *thủ* thì lộn ngược; chữ *vũ* thì phần dưới lên phần trên; chữ *mộ* có chữ *nhật* thật nghiêng...

Năm Hi Ninh đời Thần Tông, sứ phương bắc tới nhà Tống, thường hay làm thơ, đọc thơ ra vẻ ta đây. Lại còn căn vặn các quan hàn lâm học sĩ. Hoàng thượng sai họ Tô, lúc này đang làm ở viện, tiếp sứ thường xuyên. Sứ lần ấy đem thơ từ ra hoành họa, Đông Pha nói:

- Làm thơ là việc dễ, đọc thơ mới là việc khó.

Nói rồi, đưa cho sứ giả xem tờ giấy viết bài *Thần trí thế văn* điệu của mình. Sứ giả kinh hoàng không biết đọc thế nào.

Từ đó không thấy bàn đến chuyện văn thơ nữa.

DỪNG SÁCH LUẬN NGŨ ĐỂ LÀM TẾ TƯỚNG !

Tam bách tự cổ sự kể:

Tống Thái Tổ khuyết một quan chức khá trọng yếu. Vua lệnh cho tể tướng Triệu Phổ tìm người để bổ vào chỗ đó.

Triệu Phổ vâng mệnh, viết tên người cần bổ dựng dâng lên Thái Tổ. Tình cờ, người này, chính là kẻ nhà vua vẫn ghét lâu nay. Vừa trông thấy tên, nhà vua giận dữ:

- Người này, làm thế nào mà dùng nổi?

Nói chưa dứt lời, nhà vua cầm tờ giấy xé nát, vứt xuống thêm điện. Triệu Phổ không thừa gửi gì cả, lặng lẽ nhặt những mảnh giấy, giấu vào tay áo.

Ngày hôm sau, Thái Tổ lại đòi tể tướng tìm người. Triệu Phổ lại dâng tờ giấy đã bị vua xé hôm qua, lấy hồ dán lại cẩn thận, đem vào trình lên nhà vua. Thái Tổ kinh ngạc phán:

- Làm sao lại vẫn người này?

Triệu Phổ thưa:

- Trong lúc vội vàng, thần quả tìm không ra người nào thích hợp với việc này bằng người này!

Thái Tổ hiểu ra, gật gật đầu:

- Nếu quả đúng như thế, hãy cứ như ý khanh mà dùng người này vậy!

DƯƠNG QUÝ PHI ... ĐI BƯỚC NỬA

Hoàng Đình Kiên kể:

Một anh học trò lên kinh dự thi, đêm ngủ lại ở điểm Mã Ngôi pha, mơ thấy Thái Chân - tức Dương Quý Phi.

Lần trở về - có lẽ là không đậu - anh học trò cũng ngủ đêm ở nơi cũ thì lại nằm mơ thấy Hoàng Phiên xước ... (1)

(Theo *Hài ngữ* ...)

(1) Hoàng Phiên xước, quan hệ của Đường Huyền Tông, có theo Đường Huyền Tông vào Thục. Mã Ngôi pha là nơi Dương Quý Phi bị quân lính nhà Đường giết, chôn luôn ở đây.

DUƠNG VẠN LÍ CHỦI SƯ

Độc Dật Oa thoái sĩ đời Thanh viết trong *Tiểu tiểu lục*:

Ngô Viên Thư ở chơi Quảng Lăng, gặp sư chùa Đại Sán, thường ngày vẫn đến hầu hạ đình Đốc phủ tướng quân. Nhà sư nói với họ Ngô:

- Thù tiếp suốt ngày bận rộn!

Ngô cười:

- Khó sở như thế sao không xuất gia lần nữa?

Người nghe, không ai là không rũ ra vì cười. Còn Dương Thành Trai ⁽¹⁾ thì làm thơ rằng:

*Cà sa vị trước hiềm đa sự,
Trước liễu cà sa vị cánh đa.*

(Chưa khoác áo cà sa thì còn phiền phức vì lắm việc,
Khoác áo cà sa rồi, công việc lại càng nhiều hơn).

(1) Dương Thành Trai, tức Dương Vạn Lí, 1124-1206, người Cát Thủy, nay là thành phố Cát An, tỉnh Giang Tây. Về cuối đời không chịu theo Hàn Sa Trụ nên bị bãi quan. Là nhà thơ kiệt xuất thời Nam Tống. Bạn thân của Phạm Thành Đại, Lục Du... Từng làm hơn hai vạn bài thơ. Phong cách rất gần với dân gian, với một nội dung yêu thiên nhiên, đất nước sâu sắc...

(Theo *Tổng thi nhất bách thủ*, Trung Hoa thư cục, Thượng Hải, 1959)

ĐẠI TỔNG, TIỂU TỔNG

Theo Tống từ tam bách thủ tiên chú...:

Tống Kì tự Tử Kinh, người An Lục, An Châu; chuyển từ Khai Phong về Ung Khâu.

Sau khi đậu tiến sĩ, Kì được bổ ngay Tri chế cáo rồi Công bộ thượng thư, Hàn lâm học sĩ thừa chỉ. Chết được ban thụy Cảnh Văn.

Tác phẩm: Tống Cảnh Văn công trường đoản cú.

Năm thứ hai đời Thiên Thánh, niên hiệu đầu của Nhân Tông, Bắc Tống, 1023-1032, Tống Kì cùng anh là Tống Tường dự thi tiến sĩ. Kì đậu thứ nhất, trạng nguyên. Anh là Tường đậu thứ mười.

Chương Hiến Thái hậu xem thấy, cho rằng, anh không thể đứng dưới em, em không thể đậu trên anh. Nên Thái hậu bắt đổi Kì xuống thứ mười, đưa Tường lên thứ nhất.

Cũng có tài liệu nói rằng, sau đó Thái hậu lại cho chỉ nâng cả hai lên thứ nhất. Vì vậy đặc biệt khoa này có hai trạng nguyên.

Để phân biệt, người đương thời gọi Tường là Đại Tống, Kì là Tiểu Tống.

DẠNG QUẾ NGŨ CHI PHƯƠNG

1.

Dậu Nghi, người Ngự Dương đời Tống. Tự Khả Tượng. Mười lăm tuổi nổi tiếng thơ văn, học vấn uyên bác. Đậu tiến sĩ năm Thiên Thúc đời Tấn. Sau đó làm quan với nhà Hậu Chu, chức Đại học sĩ Thụy Minh điện. Về với nhà Tống, giữ chức Thượng thư bộ công. San định các tấu chiếu trọng yếu, ba mươi quyển. Gọi là *San thống*. Tống Thái Tổ đòi có một vị túc nho để đặt vào vị trí cần trọng của triều đình. Tể tướng Phạm Chất tiến cử Đậu Nghi. Nghi bèn được đưa vào làm Học sĩ Hàn lâm viện kiêm Lễ bộ thượng thư.

2.

Các em Nghi: Nghiêm, Khán, Xứng, Hi đều lần lượt đậu cao. Đậu Nghiêm tiếng tăm không kém gì anh. Từng làm Tả thập di nhà Tấn, rồi Sử quán tu soạn nhà Hậu Hán, Hàn lâm học sĩ nhà Hậu Chu. Về với triều Tống, làm Lễ bộ thị lang...

Cho nên, Phùng Đạo có thơ tặng cha là Đậu Vũ Quân ca ngợi. Trong đó có hai câu:

Linh thung nhất chu lão,

Dan quế ngũ chi phương.

(Một gốc linh thung già,

Năm cành quế đỏ thơm)

Linh thung, nghĩa là cây thung thiêng liêng. Thung là một loại cây được Trang Tử nói tới trong *Nam hoa kinh*: tám nghìn năm làm một mùa xuân, tám nghìn năm làm một mùa thu. Nên hay

dùng để chúc thọ đàn ông. Cũng đọc là *Xuân*.

Vì họ Đậu quê ở Yên Sơn, nên người đời cũng nói: *Yên Sơn đan quế, Yên Sơn ngũ quế; Yên Sơn Đậu thì ngũ long*⁽¹⁾.

ĐI THI KIÊNG KỊ

Theo Dồn Trai nhàn lăm....:

Vương Miện rất hay kiêng kị. Cùng các bạn đi thi, họ Vương rất sợ nói tiếng *lạc*. Và nếu là lũ đấy tớ nói đến tiếng này, thì họ Vương vác roi nện thực sự.

Vì vậy, đáng nói *an lạc*, thì phải nói là *an khang*. Bàng đã ra, họ Vương sai đấy tớ đi xem. Một hồi sau, đấy tớ về. Họ Vương đón, hỏi:

- Tao có hay không?

Đấy tớ thưa:

- Thấy *khang* rồi! ⁽¹⁾

(1) Theo Từ nguyên...

(2) Lạc, nghĩa là rơi, hỏng, *lạc đề*: thi hỏng. Đồng âm với *lạc* là vui vẻ, yên ổn.

DIỆP LUYẾN HOA CỦA ÂU DƯƠNG TU

1. Tác phẩm:

*Dinh viện thăm thăm thăm kỉ hứa?
Dương liễu đôi yên,
Liêm mạc vô trùng số.
Ngọc lạc diêu an du dã xứ,
Lầu cao bất kiến Chương Đài lộ.
Vũ hoành phong cuồng tam nguyệt mộ,
Môn yếm hoàng hôn,
Vô kế lưu xuân trú.
Lệ nhân vấn hoa hoa bất ngữ,
Loạn hồng phi quá thu thiên khứ.*

(Sân nhà sâu sâu sâu mấy nữa?
Dương liễu khói dày,
Rèm che chen mấy lớp.
Dầm vàng yên bạc dạo rừng hoa,
Lầu cao nào thấy nẻo Chương Đài ⁽¹⁾.
Mưa ngang gió táp tháng ba tàn,
Cửa đóng hoàng hôn,
Chẳng cách giữ xuân lại.

(1) Thành Trường An đời Hán có phố Chương Đài. Vì vậy Hán thư có câu: *Trương Dịch dung mạo rất xấu mỗi lần bãi triều, cười ngua qua phố Chương Đài*. Đời Đường, Hứa Nghiêu Tả có *Chương Đài liễu truyện*, nói về thân phận kĩ nữ. Cho nên về sau, Chương Đài thường được chỉ chỗ ở của kĩ nữ.

Mắt lệ hỏi hoa hoa chẳng nói,
Cánh hồng bay loạn quá du tiên).

2. Bình giải:

Lí Thanh Chiêu nói trong *Từ tự*:

Âu Dương công viết *Điệp luyến hoa* có câu: *Dinh thu thâm thâm thâm kỉ hứa ...* ta thích đến mê say. Tương tự như cách dùng từ của câu: *Dinh viện thâm thâm thâm sở khuyết...* (Sân nhà sâu sâu sâu mấy cửa...) của điệu *Lâm giang tiên* trước kia...

Về nhận xét trên đây của Lí Thanh Chiêu, sau này Trương Huệ Ngôn trong *Trương Huệ Ngôn từ tuyển*, khen rằng: Dị An cách Âu Dương không xa, những lời của Dị An quả là có sức thuyết phục lắm...

Trương Tôn Húc cung cấp thêm trong *Từ lâm kí sự*: *Nam Bộ tân thu* có ghi thơ của Nghiêm Huy:

*Tận nhật vấn hoa hoa bất ngữ,
Vị thủy linh lạc vị thủy khai?*

(Suốt ngày hỏi hoa hoa chẳng nói,
Vì ai hoa nở vì ai rụng?)

Hai câu này gần giống hai câu kết của bài từ *Điệp luyến hoa* vậy!

Dương Thận nói trong *Từ phẩm* :

Một câu mà liên tiếp ba điệp từ. Cũng chẳng khác gì câu: *Dạ dạ dạ thâm vân từ quyên* (Đêm đêm đêm khuya nghe tiếng cuốc) ... và: *Nhật nhật nhật tà không túy quy* (Ngày ngày ngày tàn giờ say về) ... Lại nữa: *Canh canh canh lậu nguyệt minh trung* ... (Canh canh canh giọt trăng sáng). Còn đây nữa: *Thụ thụ thụ tiêu dề hiếu oanh*... (Ngon cây cây cây oanh sáng hót)... Đều là một kiểu dùng điệp từ như nhau cả.

ĐOẠN NGẪU THƯƠNG TAI VỊ TUYỆT TÌ

(Nguyễn Du)

Theo *Bản sự từ*...:

Chu Mĩ Thành ngày ở Cô Tô đi lại rất thân thiết với một kĩ nữ là Nhạc Thất, tự là Sở Vân. Sau này, có dịp từ kinh đô qua Cô Tô, thì được biết Sở Vân đã gửi thân nhà người từ lâu, Mĩ Thành, nhân ngồi yến tiệc với quan thái thú Sái Loan trên bàn cao, nhận ra Sở Vân ở cuối tiệc, bèn làm một bài từ theo điệu *Điểm giáng thần* gửi cho Sở Vân rằng:

*Liêu hạc quy lai,
Cố nhân đa thiếu thương tâm sự.
Đoản thư bất kí,
Ngu lãng không thiên lí.
Bàng trượng đào căn,
Thuyết dữ tương tư ý.
Sầu vô tế,
Cựu thời y duệ,
Do hữu đông phong lệ.*

(Hạc xa tìm về,
Người xưa ruột tằm trăm nghìn mối.
Hàng chữ cũng không,
Bóng chim tâm cá vậy.

Gốc đào dựa trông,
Lòng này cùng ai nói.
Sầu không bờ,
Vạt áo thuở nào,
Còn đó lệ gió đông)

Sở Văn nhận được bài từ, khóc sụt sùi mất mấy ngày liền.

ĐỌC SÁCH PHẢI CHUYÊN TÂM

Theo *Chu Tử đồng mộng tu tri*....

Phàm việc đọc sách, trước tiên là phải sắp xếp bàn ghế sao cho sạch sẽ, ngay ngắn. Sách vở phải thành từng chồng, từng thứ loại có quy cách. Dáng ngồi của thân mình cũng sao cho nghiêm thẳng trước trang sách để chữ viết, chữ xem hiện lên phân minh dưới mắt. Lúc đọc, âm thanh phải rành rọt không được đọc sai, không đọc thiếu, cũng không được thừa. Không được đọc tráo trở, không được đọc lí nhí. Cứ thế mà đọc vài lần thì tự nhiên sẽ nhớ, dẫu lâu cũng không quên nữa.

Người xưa dạy rằng - vấn lời của *Chu Tử* ... - cứ đọc nghìn lần, thì nghĩa của văn sẽ tự thấy. Đọc cho kĩ thuộc lòng thì chẳng cần phải chờ giảng giải gì nữa mà có thể tự hiểu lấy thôi. Ta cũng thường nói rằng: "Đọc sách phải có ba cái chú trọng đến nơi: Tâm phải đến, mắt phải đến, miệng phải đến. Lòng dạ không chăm chú vào sách, thì dẫu có nhìn đến mắt cũng chẳng rõ ràng. Lòng dạ

với mắt nhìn đã không chuyên nhất thì cũng chỉ đọc ú ớ, không tài nào nhớ thuộc. Thuộc cũng không thể lâu. Trong ba điều phải đến đó, tâm đến là cần thiết hơn cả, lòng mà đã tập trung, thì mắt với miệng lẽ nào không đến cho được?".

ĐÔI BÌNH ĐẲNG TRÊN MỌI PHƯƠNG DIỆN

Tuyết Đào hài sử kể:

Người vợ rất ngược ngạo, lại hiểu chữ nghĩa. Chồng muốn mua thêm một người thiếp, bèn tìm cách nói với vợ:

- Trong truyện có ghi rõ: *Người nước Tề đều có một vợ một thiếp.*

Vợ đáp:

- Nếu thế, tôi cũng lấy thêm một chồng nữa!

Chồng cãi:

- Sử truyện làm gì có ghi đàn bà có hai chồng?

Vợ đáp:

- Sao không, truyện có nói rõ: *Họ Trình Hà Nam có hai chồng!*⁽¹⁾

Chồng cười, nhưng cũng đành chịu.

(1) Nguyên văn: *Hà Nam Trình thị lương phu*. Nghĩa thực là: Hai ông họ Trình ở Hà Nam. Tức Trình Di, Trình Hạo, hai anh em ruột, hai nhà triết học lớn đời Tống. Và cũng có cả nghĩa như người vợ vận dụng...

ĐỔI CHỮ LẤY THỊT DÊ

Theo *Phụ chương lục* của Hình Cư Thực, đời Tống:

Hoàng Lão Trục mách với Tô Tử Chiêm rằng:

~ Vương Tá Quân đời nhà Tấn, đem chữ đổi lấy ngỗng mà ăn⁽¹⁾. Nay Hàn Tông Nho vốn tham ăn tục uống, mỗi lần kiếm được cái thiếp có chữ của ngài, là đem ngay đến chỗ diện soái Diêu Lan, đổi lấy mười cân thịt dê. Thực đúng là chữ của ngài đáng gọi là *Hoán dương thư* vậy.

Một hôm, ngay trong Viện hàn lâm, họ Tô đang bận làm văn thơ cho ngày sinh nhật sắp tới của mình, Tông Nho sai người đến xin chữ của Tô vào giấy tờ gì đó ra về rất gấp. Họ Tô cười, phán:

– Hãy về nói với Tông Nho, hôm nay ta không kịp làm thịt dê đâu nhá!

ĐỐI SÀNG DẠ VŨ

(Bạn bè, đêm mưa, nằm hai giường
song song, nói chuyện)

1. *Khảo cổ chất nghi* có viết:

Tô Thức có bài thơ *Đông Phủ vũ trung, biệt Tử Do* (Trời mưa,

(1) Một đạo sĩ muốn có bộ kinh *Hoàng Đình* với chữ rất đẹp của Vương Hi Chi. Nhưng nhờ mãi mà không được. Có người mách: Hi Chi rất thích nhắm rượu với thịt ngỗng non. Dù phạm giới luật, đạo sĩ buộc phải ôm ngỗng đến họ Vương để xin chữ ... (Tù nguyên).

từ biệt Tử Do ở Đông Phủ):

Đối sàng định du du,

Dạ vũ không tiêu sát.

(Nằm hai giường đối diện nhau, lòng lảng lảng,

Đêm mưa, càng thêm buồn bã, thê lương).

Tử Do, chính là Tô Triệt, em ruột nhà thơ.

2. Tô Triệt cũng có hai câu nói về chuyện này, trong bài *Chu thư Từ Hồ* (Di thuyền trên Từ Hồ):

Dạ thâm hôn mộng tiên phi khứ,

Phong vũ đối sàng vân hiếu chung.

(Đêm khuya, mộng bay đi trước hết,

Trong cảnh gió mưa, nằm hai giường đối nhau,
nghe tiếng chuông chùa sớm)

3. Thời Đường, Bạch Cư Dị cũng làm bài: *Chiêu Trương Tư nghiệp* (Mời Trương Tư nghiệp tới chơi nhà):

Năng lai đồng túc phầu?

Thính vũ đối sàng miên.

(Liệu có thể tới để cùng nhau nằm một đêm,

Nghe tiếng mưa rơi, hai giường kề nhau)

4. Cũng thời Đường, Vi Ứng Vật, trong bài *Thị Nguyên Chấn huynh đệ* (Gửi người anh em Nguyên Chấn) có hai câu:

Ninh tri phong vũ dạ,

Phục thủ đối sàng miên.

(Nếu biết rằng có một đêm mưa gió như thế này nhỉ,
Thì đã lại cùng nhau kê giường đối diện nhau mà nằm).

5. Đời Thanh, Thiên Trường Tuyên Đình, có viết một quyển bút kí, đặt tên là: *Đạ vũ thu dăng lục* (Đêm mưa, mùa thu, ghi chép dưới ánh đèn).

Những cái tên tác phẩm thật nhiều gợi cảm!

ĐÔNG PHA CHÊ THƠ NGƯỜI

Tân Thiếu Chương thường kể:

Quách Công Phủ qua Hàng Châu, đưa một tập thơ của mình cho Tô Đông Pha, sau khi đã tự ngâm tiếng vang bốn phía gần xa. Quách hỏi:

– Thơ Công Phủ như thế liệu được mấy phần?

Đông Pha đáp:

– Mười phần!

Công Phủ mừng lắm, căn vặn cặn kẽ. Đông Pha thân nhiên tiếp:

– Bảy phần là do đọc, ba phần là ở thơ. Không phải là mười phần sao?

Chuyện này, chính họ Tô ghi trong *Diệu hước biên*.

ĐÔNG PHA LÀM THƠ TUYÊN TRUYỀN K.H.H.G.Đ

Phạm Chính Mẫn kể:

Cố người bảy mươi tuổi, vợ mới ba mươi, sinh con. Họ Tô làm thơ đùa:

*Thánh thiện phương dương nhi lập tuế,
Nãi ông dĩ cập cổ hi niên.*

(Vị thánh nhân ra đời, khi bà mẹ đúng ba mươi tuổi,
Còn ông bố thì vừa tuổi xưa nay hiếm ⁽¹⁾)

ĐÔNG PHA TOÀN TẬP

Tập hợp toàn bộ tác phẩm của Tô Thức. Theo *Từ nguyên* thì gồm có:

Đông Pha tập, 40 quyển.

Đông Pha hậu tập, 20 quyển.

Đông Pha tấu nghị, 15 quyển.

Đông Pha nội chế, 10 quyển.

(1) Câu một: Sách *Luận ngữ*, *Tam thập nhi lập*, ba mươi tuổi là tuổi lập thân. Người ta lấy hai chữ *nhi lập* để chỉ tuổi ba mươi.

Câu hai: Thơ Đỗ Phủ, *Nhân sinh thất thập cổ lai hi* (Người sống đến tuổi bảy mươi xưa nay hiếm). Nên người ta hay dùng một vài từ của câu này để chỉ tuổi bảy mươi.

Đông Pha ngoại chế, 3 quyển.

Đông Pha họa Đào thi, 4 quyển.

Hậu biệt tạng ứng chiếu tập, 10 quyển.

Cộng lại gồm 7 tập lớn. Nên người ta cũng gọi là *Đông Pha thất tập*.

Từ nguyên nói rõ, số sách này là theo lời kể của Tô Triệt trong mộ chí mà Triệt viết cho anh ruột của mình.

ĐÔNG SONG SỰ PHÁT

Đông song sự phát, thành ngữ, nghĩa đen là *Việc ở phòng phía đông đã vỡ lở ra rồi*. Chuyện nói về vợ chồng Tấn Cối, Vương Thị đời Tống.

Theo *Tây Hồ du lâm chí dư*: Việc Tấn Cối giết Nhạc Phi đều có tính toán trước với vợ là Vương Thị ở cửa sổ phía đông, phòng của Vương Thị.

Sau khi Tấn Cối chết, con trai là Tấn Hi cũng chết tiếp. Vương Thị ở góa. Họ Vương làm đàn chay cho chồng con. Mời một thầy phù thủy là Phục Chương. Phục Chương xuống âm phù tìm thấy Tấn Hi đang phải đeo gông sắt rất nặng. Hỏi:

- Thái công (tức Tấn Cối) hiện ở đâu?

Tấn Hi đáp:

- Đang ở Phong Đô.

Phục Chương theo lời, tìm đến Phong Đô, thấy Tấn Cối cùng

Vạn Hẫu Oa đều đang phải đeo gông sắt vừa to vừa nặng, chịu đủ mọi cực hình ghê gớm của địa ngục. Tấn Cối nói với Phục Chương:

- Nhờ người về nói với phu nhân (tức Vương Thị) những việc bàn kín ở bên cửa sổ phòng phía đông vỡ lở cả rồi (*Đông song sự phát hi*).

Chuyện này lưu truyền rất rộng, thời nhà Nguyên, Khổng Văn Khanh, rồi Kim Nhân Kiệt đều dựa vào giai thoại này để viết thành tạp kịch và tiểu thuyết...

ĐÙA EM TRAI

Theo *Chương Dân thi thoại*:

Xưa Tô Đông Pha có một bài thơ *Đùa Tử Do* - Tử Do là Tô Triệt, em ruột tác giả, làm giáo thụ, dạy học trò mà lương bổng bạc bèo lấm. Ông Đông Pha làm bài thơ đùa ấy có những câu sau:

Uyển Khâu tiền sanh trường như khâu,

Uyển Khâu học xá tiểu như châu.

Thường thời dè dặt tụng kinh sử,

Hốt nhiên khiếm thân ốc dả đầu.

(Nghĩa là: Ông giáo Uyển Khâu mình dài như cái gò; trường giáo Uyển Khâu nhỏ như cái ghe. Bình thường ông giáo cúi đầu đọc kinh sử, thỉnh linh ngẩng đầu lên, mái nhà đụng đầu ông).

Coi đó mà coi, cái nhà trường dầu có nhỏ đến thế nào nữa, cũng không đến nỗi con người ta ngồi trong ấy hể cúi đầu luôn thì thôi mà hể ngẩng đầu lên thì đụng. Con người ta dầu có cao mấy cũng không đến nỗi ngồi mà đụng đầu lên mái nhà bao giờ. Vậy mà ông Đông Pha lại làm thơ nói được như vậy. Ấy chẳng qua để tả cho ra cái bộ tịch ông Tử Do cao lỏng không và cũng để tả cho ra cái trường giáo, chỗ ông ở làm ảm thum không ra cái chi đó thôi. Đó cũng là thuộc về ý, cho nên không đúng sự thật cũng không hại...⁽¹⁾.

ĐỤNG ĐỘ GIỮA HAI THÁI CỰC

Trương Thuần Dân kể trong *Hoa mạn lục*:

Những bài từ tài hoa nhưng phóng túng của Liễu Tam Biến làm xôn xao trong triều ngoài nội thời Nhân Tông. Đậu tiến sĩ rồi nhưng Bộ lại vẫn không thấy cất nhắc gì cho Liễu. Liễu chờ đợi, phát bực đến không chịu nổi, Liễu tìm đến dinh tể tướng. Yến tể tướng⁽¹⁾ hỏi:

– Có phải bực hiền tài làm bài *Định phong ba* này chăng?

(1) Theo nguyên văn lời tác giả, tức nhà văn Phan Khôi.

(2) Yến Thù, 991-1055, người Lâm Xuyên, nay là Giang Tây. Bảy tuổi đã biết làm văn thơ. Niên hiệu Cảnh Đức vì nổi danh thần đồng nên được gọi vào triều thi. Sau đó được ban tiến sĩ xuất thân. Làm tể tướng thời Nhân Tông, để bat được nhiều bạc niên thiếu tài danh.

Tiếng tăm về thơ và từ của Yến Thù cũng rất lớn. Chữ nghĩa, hình ảnh hay đẹp, âm điệu hài hòa.

Tác phẩm có: *Châu ngọc từ*, *Yến Thụy thư* (*Tổng từ tam bách từ tiên chú...*)

Tam Biến đáp:

- Nếu là Tướng công làm đề này, tướng công cũng viết như thế thôi!

Họ Yến vẫn từ tốn:

- Thù này tuy cũng hay làm từ khúc. Nhưng không bao giờ viết: *Thái tuyền dung chiêm bạn y tọa* (Ngồi thêu ngại đứng đây, nhón tay lấy chỉ của bạn ngồi bên).

Liều ra về...

DỪNG ĐỂ LÂU NGÀY...

Từ Tào trong sách *Mạn tiểu lục* đời Tống viết:

Lang trung họ Thành, người Tì Lăng, năm Tuyên Hòa, Huy Tông - Bắc Tống, 1119 - 1126 - còn làm quan ở xa, vốn hình dung xấu xí, về ra mắt nhà vợ ở kinh thành. Bà mẹ vợ tương lai chê bai đến điệu:

- Con ta thì như Bồ Tát, mà lại lấy phải cái đứa như người rừng thế này!

Rồi bắt họ Thành làm một bài thơ tạ ơn. Thành cầm ngay bút, viết những chữ cực lớn, một bài thất ngôn tuyệt cú:

Nhất sàng lương hảo thế gian vô,

Hào nữ như hà đắc hảo phu?

Cao quyền chu liêm, minh diêm chúc,

Thi giao Bồ Tát khán hồ ma.

(Sao được như đôi dưa mun,
Vợ đã đẹp, chồng đành lùn lại đen.
Rèm châu cao cuốn ánh đèn,
Một bên thàng rổ, một bên Phật bà)

Nhưng rồi cô gái biết an phận tùy duyên, vợ chồng hòa hợp đến già.

EM VĂN THIÊN TƯỜNG

Triệu Quát Dương, có kể trong *Giải nhân di tân tập*, viết đời Thanh:

Văn Thiên Tường thi vì triều Nam Tống mà oanh liệt hy sinh, nhưng em là Văn Khê lại đầu hàng nhà Nguyên. Ngay thời Tống, đã có người làm thơ vịnh rằng:

*Giang Nam kiến thuyết hảo khe sơn,
Huynh dã nan thời đệ diệc nan.
Khả tích mai hoa tâm các di,
Nam chi hướng noãn, bắc chi hàn.*

(Nghe nói Giang Nam núi khe rất đẹp,
Anh khó có mà em cũng khó có.
Tiếc thay, cùng một gốc mai mà hoa thì lại khác nhau,
Cảnh nam hương ấm, cảnh bắc thì lại lạnh)

EM VƯƠNG AN THẠCH

1. Theo *Tống từ tam bách thủ tiên chú*...

Vương An Quốc, tự Bình Phủ, người Lâm Xuyên, em trai Vương An Thạch.

Quốc đậu tiến sĩ, giữ chức Mậu tài. Năm đầu đời Hi Ninh, giữ chức Quốc tử giám Tây Kinh giáo thụ. Cuối cùng làm Bí thư các hiệu lí.

Có từ trong *Hoa Am từ tuyển*.

2. Chu Tử Chi kể trong *Trúc Pha thi thoại*:

La Thục Cung ở thành Đại Lương nói với ta:

- Một lần vào nhà vị thân sĩ ở Kiến Khang, thấy có treo một bài từ. Nhận ra chữ viết của Vương Kinh công (tức Vương An Thạch) được gia chủ coi như của báu trong nhà.

Vừa ngắm chữ, vừa đọc, nhận ra bài *Thanh bình lục* của Vương Bình Phủ.

Vậy là anh viết từ của em để cho một người nào đó.

3. Trong *Dàm bình từ biện*, Dàm Hiến nhận xét:

Hai câu:

Mãn địa tàn hồng cung cảm ố,

Tạc dạ nam viên phong vũ...

(Đầy đất cánh hồng cung gấm nát,

Đêm qua vườn nam mưa gió...)

Là hai câu được viết theo thể *dảo trang* ⁽¹⁾.

(1) *Dảo trang*, từ của tu từ học Hán ngữ, chỉ sự thay đổi trật tự cú pháp thường dùng để tăng giá trị biểu cảm của câu văn, câu thơ (*Từ hải*...).

Còn hai câu cuối – vẫn lời bình của Đàm Hiến:

*Bất khảng họa đường chu hộ,
Xuân phong tự tại dương hoa*

(Chẳng đoái lầu son gác tía,
Gió xuân vốn ở hoa dương)

là thể hiện phẩm cách của người viết.

GHI CHÉP KHI ĐÁ VỀ VƯỜN (QUY ĐIỀN LỤC)

Quy điền lục là sách của Âu Dương Tu soạn khi đã về hưu. Sách gồm hai quyển. Lúc này ông quay về sống ở Dĩnh Châu, nhớ lại, ghi chép lại những việc cũ của triều đình, cùng là những lời nói, những việc làm hay của sĩ đại phu đương thời.

Có lẽ ông lại cũng là người mở đầu cho thể hồi kí nửa chăng?

Sách có kể chuyện sau:

Lã Mông Chính khi chưa thành đạt, làm thơ, có câu:

Khiêu tận hàn đăng mộng bất thành ...

(Khêu cho kỉ hết bắc ngọn đèn lạnh lẽo mà giấc
mộng vẫn không thể nào thành ...)

Nghe xong, Hồ Thư cười mà giễu:

– Nếu thế thì hết đầu rồi còn đâu! Di ngủ quách là xong!

Năm sau, họ Lã thi đậu trạng nguyên, viết thư báo tin cho Hồ Thu, có câu: *Cái kẻ đàn ông năm xưa hết dầu di ngủ, nay đậu trạng nguyên rồi!*

Hồ Thu lấy làm xấu hổ...

GIẢI THOẠI LỊCH SỬ HỘI HỌA TỔNG

Theo *Mĩ thuật và nghệ sĩ* của Nguyễn Phi Hoành:

... Sau đời Đường, không có thời đại nào hội họa được sự chú trọng của chính quyền phong kiến như đời Tống. Các vua Tống như Nhân Tông, Thần Tông, Huy Tông đều là nhà thơ họa, cho nên nghệ sĩ thời này được ưu đãi chưa từng thấy trước đó. Thời Nam Đường có sáng lập *Họa viện*, rồi đến Tống khai quốc thì thành *Viện hàn lâm đồ họa*, tuyển chọn người có khả năng vào viện để rèn luyện chuyên môn. Trong viện thường tiến hành sát hạch học viên với những chủ đề rút ra trong văn thi cổ. Ví dụ như: *Trúc tỏa kiêu biên mai tửu gia*, nghĩa là *khóm trúc đầu cầu che quán rượu*; *Dã thủy vô nhân độ*, có châu cánh nhật hoành, có nghĩa là *Cả ngày dờ văng khách thuyền đơn độc quay ngang*; *Đạp hoa quy khứ, mã dề hương*, nghĩa là *Giẫm hoa đi lại vô ngựa thơm*; *Nộn lục chi đầu hồng nhất điểm*, *não nhân xuân sắc bất tu da*, nghĩa là *Đầu cành xanh nổi thêm điểm đỏ, người buồn đầu thiết lắm sắc xuân*⁽¹⁾; *Hồ điệp mộng trung gia vạn lí*, *đỗ*

(1) Về thứ hai: *não nhân xuân sắc bất tu da*, có lẽ nên hiểu là: làm sầu não lòng người thì có cần gì phải có nhiều sắc xuân – mà chỉ cần đầu cành xanh nổi điểm một điểm đỏ là đủ rồi.

quyên chi thượng nguyệt tam canh, nghĩa là Giấc điệp mơ màng nhà vọn dậm, trên cành quyen đậu nguyệt ba canh, v.v...

Trong những cuộc sát hạch này, dường như họa sĩ nào làm đúng theo quan niệm riêng về chủ đề của giám khảo là được, còn nghệ thuật thể hiện là thứ yếu. Ví dụ như chủ đề *Trúc tỏa kiều biên mai từu gia* thì được người vẽ tranh trong đó có đám trúc ở đầu cầu, và trên ngọn đám trúc lơ lửng một bảng hiệu có chữ *từu*, thế là được. Vì biết khỏi đám trúc ở đầu cầu này là có quán rượu! Người ta không cần hỏi trong thực tế có bảng hiệu của một quán rượu ở thôn quê (vì đám trúc mọc ở đầu cầu thì nhất định không phải là ở thành phố rồi) treo cao lên mấy chục mét cho khỏi ngọn trúc không?

Còn người được giải chủ đề *Đạp hoa quy khứ mã đề hương* là tác giả bức tranh vẽ người kỵ mã phi nước đại, có đàn bướm bay theo, ý nói vó ngựa thơm nên bướm bay theo, mặc dù nếu ngựa giẫm lên hoa, thì cũng có khối hoa không bị ngựa giẫm được mùi hương mà bướm không màng đến, để bay theo vó ngựa còn tẩm mùi khác khi nó bài tiết bất thường!... Nhưng việc vô lí ấy hợp với quan điểm người chấm bài nên được giải.

Chủ đề *Dã thủy vô nhân đồ, cô châu cánh nhật hoành*, thì được người chấm ưu thể hiện⁽¹⁾ một chiếc thuyền quay ngang dòng nước, trên thuyền người lái nằm ngủ, và có một con chim đậu trên thuyền, ý tác giả muốn nói, người lái thuyền vì không có khách, ngủ đã lâu, thuyền yên tĩnh nên chim mới đến đậu. Ý này hợp với ban chấm chi... Tóm lại, những cuộc thi của *Viện hàn lâm đồ họa* thực sự là cuộc thách đố hiểm hóc...⁽²⁾

(1) Nguyên của sách: *người chấm ưu thể hiện*, thật không rõ nghĩa. Có lẽ nên hiểu là: *Người chấm yêu cầu thể hiện*...

(2) Sdd, trang 399, 400.

GIANG TÂY THI PHÁI

Theo Từ nguyên và Lịch sử văn học Trung Quốc...

Lãnh tụ thi phái Giang Tây là Hoàng Đình Kiên, người Phân Ninh, Giang Tây, chịu ảnh hưởng sâu sắc của Tô Đông Pha, các tác giả của thi phái nhiều người cũng ở Giang Tây, vì thế có tên là *Giang Tây thi phái*.

Thơ Hoàng Đình Kiên rất nổi tiếng, nhưng theo các nhà nghiên cứu thì *đều không phù hợp với thành tựu thực tế*. Thân sinh ông, Hoàng Thứ đồ tiến sĩ, là một nhà thơ chuyên học Đỗ Phủ. Cậu ông cũng là nhà thơ nổi tiếng đương thời, đã từng truyền thụ thi pháp cho ông. Từ bé ông đã đọc hết lục nghệ Lão Trang, nội điển, tiểu thuyết, tạp thư. Rất sành vẽ hội họa cổ Trung Hoa. Chữ viết được xếp vào thư gia lớn đời Tống: Tô Hoàng Mễ Sái. Cương lĩnh của *Giang Tây thi phái* do ông đề ra là: *Ông Đỗ Phủ làm thơ, ông Thoái Chi làm văn, không một chữ không có xuất xứ. Người sau đọc sách ít, tưởng là ông Hàn, ông Đỗ đặt ra. Xưa người làm văn hay quả là rèn đúc được vạn vật, tuy lấy lời cũ của người xưa đưa vào văn mặc, nhưng chẳng khác gì lấy hạt linh đơn, điểm sát thành vàng vậy.*

Lữ Cư Nhân, tự xưng mình là người được truyền y bát của thi phái, tự vẽ ra thi phả của phái này, gọi là *Giang Tây thi xã tông phái đồ*. Lại liệt kê danh sách hai mươi lăm người tiêu biểu, gồm: Trần Sư Đạo, Phan Đại Lâm ⁽¹⁾, Tạ Vô Dật, Hồng Xô, Nhiều Tiết, Tăng Tổ Khả, Từ Phú, Hồng Bằng; Lâm Mãn Tu, Hồng Đàm, Ưông Cách, Lí Hanh, Hàn Cầu, Lí Bành, Quy Xung Chi, Giang Thụy Bản, Dương Phù, Tạ Mại, Hạ Nghê, Lâm Mẫn Công, Phan

(1) Phan Đại Lâm, xin xem giai thoại về tác giả này: *Mãn thành phong vũ...*

Dại Quan, Hà Nghi, Vương Trục Phương, Tăng Thiện Quyển, Cao Hà Phàm.

GIÁO PHƯỜNG THÍCH AI ?

Vương Chúc kể trong *Bích Khê mạn chí*⁽¹⁾:

Vừa rồi, có kẻ ghé vào giáo phường, hỏi:

– Có khúc hát nào nghe được không?

Nghe đáp:

– Xin mời ngài nghe những bài hát ngắn của Điển Trung Hành, Tào Nguyên Sủng là những bài hay nhất hiện nay.

HAI MẶT ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA LÍ THANH CHIẾU

1. Tác phẩm:

TUYỆT CŨ

Sinh dương tác nhân kiệt,

Tử diệt vi quý hùng.

(1) *Bích Khê mạn chí*: do Vương Chúc, người đời Tống soạn. Kể rất rõ nguồn gốc của các điệu khúc từ nguyên sơ, qua Đường Tống. Sách làm khi Vương Chúc đang ở phường Bích Khê, nên lấy làm tên sách luôn.

*Chỉ kim tư Hạng Vũ,
Bất khảng quá Giang Đông.*

(THƠ TUYỆT CÚ

Sống là người hào kiệt,
Chết cũng ma anh hùng.
Nay còn nhớ Hạng Vũ,
Không chịu sang Giang Đông.

(*Thơ Tống*, NGUYỄN XUÂN TẢO dịch).

2. Chú giải:

Câu một và hai là từ một nhân vật lịch sử nổi tiếng đời Đường Minh Hoàng, trong biến loạn An Lộc Sơn. Trương Tuấn giữ thành Thư Dương. Thành bị vây kín. Viện binh không có. Ngựa chim chuột đều đã ăn hết. Trương Tuấn giết người thiếp yêu. Hứa Viễn giết gia đồng cho quân sĩ ăn.

Quân tướng đều gãy gươm xương, không còn cử động nổi. Giặc đã leo lên được mặt thành ngang nhiên. Trương Tuấn hướng về phía tây vái lạy - binh thường thì hướng về phía Bắc. Nhưng hiện lúc này, Minh Hoàng của họ Trương đã bỏ kinh thành, chạy dài vào tận Tây Thục:

- Sức lực thần đã cạn, chẳng thể nào giữ trọn thành để báo ơn triều đình. Dẫu có chết cũng xin thành con quý cường tráng (Nguyên văn: *Quý hùng*) để giết hết lũ giặc.

Nay ở chùa Từ Nhân, vùng Thịnh Kinh có đắp một pho tượng quý Bồ Tát mặt xanh, tóc đỏ, miệng ngậm rắn lớn, chẳng khác gì quý dạ xoa, chính là quý do Trương Tuấn biến thành, theo như lời thế ở thành Thư Dương... ⁽¹⁾

(1) Theo *Tùy Đường diên nghĩa*, tập V, NXB Thanh Hóa, 1989.

Câu ba và bốn có nguồn gốc từ *Hạng Vũ bản kỉ* của *Sử kí*, Tư Mã Thiên:

Bị vây chặt ở Cai Hạ, Ngu Cơ tự sát. Hạng Vương phá vây, chạy về phía sông Ô. Hạng Vương muốn vượt sông Ô sang phía đông. Người đình trưởng bến Ô Giang thưa với Hạng Vương:

– Giang Đông tuy nhỏ, đất hàng ngàn dặm, dân vài mươi vạn. Xin đại vương mau vượt sông. Nay chỉ còn mình thần có thuyền. Quân Hán không thể nào vượt qua.

Hạng Vương cười mà rằng:

– Trời hại ta, ta vượt qua sông làm gì. Và chẳng Tịch này cùng tám nghìn con em Giang Đông vượt Trường Giang đi về phía tây, nay không còn lấy một người trở về. Dù cho các bậc cha anh ở Giang Đông thương ta, cho ta làm vương, ta cũng còn mặt mũi nào mà thấy họ nữa. Dù họ không nói, Tịch này há chẳng thẹn lòng sao?

... Rồi Hạng Vương tự đâm cổ chết...⁽¹⁾

Một phụ nữ, xuất thân như thế, hoàn cảnh như thế, đất nước như thế, mà viết được những dòng thơ trên đây...

HÀNH NHÂN CÁNH TẬN XUÂN SƠN NGOẠI

1. Trong bài từ *Dạp sa hành* của Âu Dương Tu, có hai câu cuối:

Bình vu tận xứ thị xuân sơn,

Hành nhân cánh tận xuân sơn ngoại.

(1) Theo bản dịch *Sử kí*, tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1988

(Bãi rộng nơi hết là núi xuân,
Người đi lại mãi ngoài núi xuân nữa)

2. Dương Thận nhận xét về hai câu này trong *Từ phẩm*:
...Thạch Mạn Khanh có viết:

*Thủy tận thiên bất tận,
Nhân tại thiên tận đầu.*

(Nước hết, trời không hết,
Người mãi nơi trời tận)

Về ý, rõ ràng hai trường hợp này giống nhau. Có thể coi như bạn văn tự. Người này bắt chước người kia, ai bắt chước?

3. Trác Nhân Nguyệt nói trong *Từ thống*:

Phương thảo cánh tại tà dương ngoại...
(Cỏ thơm lại ở mãi ngoài nơi bóng chiều...)
Hành nhân cánh tại xuân sơn ngoại.

Hai câu này đọc đi đọc lại hàng trăm lần cũng không chán ⁽¹⁾.

(1) Trong nguyên bản chữ Hán, hai câu này được trình bày liền nhau. Không biết có phải của Âu Dương cả không? Hay của người nào khác. Chưa tra cứu được?

HẦU GÁI NHÀ HỌ ĐƯỜNG

Theo sách *Tị hàn*: Đời nhà Tống, người thiếp nhà Đào Cốc vốn trước là hầu gái nhà Đường Tiến. Một hôm, tuyết xuống nhiều, Đào sai người thiếp này lấy tuyết đun nước pha trà. Họ Đào ngồi uống trà, làm thơ, ngâm thơ ra vẻ đắc ý. Mới hỏi người thiếp:

- Dạo nằng ở nhà họ Đường, có được thấy cảnh như thế này bao giờ không?

Người thiếp thưa:

- Bọn họ là lũ người thô tục. Làm sao trong nhà có được cảnh thanh cao như nhà ta. Gặp thời tiết như thế này, họ bày chén ngọc bát vàng, rượu rót đầy, đàn ca réo rắt, rồi cùng nhau nâng *Dương cao mĩ tửu* mà uống...

HỌ LÃ TIẾN CỬ NHÂN TÀI

Theo *Bạch mi cổ sự*:

Lã Mông Chính trong túi áo bao giờ cũng có một quyển sổ nhỏ, mỗi lần tiếp khách xa gần đến yết kiến, đều không quên việc hỏi cận kề xem người tài ở nơi khách có những ai, tài năng như thế nào.

Sau, họ Lã dùng sổ đó, tâu ngay lên triều đình những người tài mình đã biết để tiến cử họ.

Cho nên, thời Tống, những người gặp may trong công danh,

người ta thường bảo, có tên trong *Lã tướng nang trung* (Trong túi của tướng công họ Lã ⁽¹⁾).

HỌ TÔ CHƠI TỬ LỆNH

Đông Pha cùng Khương Chi Chi ngồi uống rượu. Khương đưa ra một tửu lệnh:

– Chỉ các vật xung quanh có thể giải thích thành tên một vị thuốc.

Rồi ngay lập tức, Khương chỉ Đông Pha:

– Ngài cũng là một vị thuốc.

Họ Tô hỏi nguyên cớ. Khương giải thích:

– Là vị *tử tô* chứ còn gì nữa ⁽²⁾.

Tử Chiêm bèn tiếp:

– Ngài cũng là một vị thuốc. Không phải *bán hạ* thì cũng là *hậu phác*.

(1) Họ Lã người Hà Nam, tự Thánh Công. Đậu tiến sĩ đời Thái Bình Hưng Quốc, 976-984, Thái Tông nhà Tống. Ba lần làm tể tướng, gặp việc đàm nói. Được người đời gọi là *hiền nương*. Được phong Hứa Quốc Công. Rất giỏi hiểu biết về người đời. Đến khi về hưu, quay về ở Lạc Dương, vua Tống hỏi:

– Con khanh có người nào đương được việc nước chẳng là?

Họ Lã trả:

– Hà thần có cháu là Di Giản, đáng tài tướng quốc.

Chu ý chữ *châu* này nguyên văn là chữ *diệt* (không phải), có khi xưng thay cho từ *con* ở Việt Nam.

(2) Tô Đông Pha, tự Tử Chiêm, thường được gọi là Tô Tử. Họ Khương gọi ngược là *tử tô*, tức cây na tô, là một vị thuốc.

Họ Khương đòi giải thích. Từ Chiêm trả lời:

- Nếu không phải là *bán hạ* hay *hậu phác* thì việc gì phải dùng gừng mà hãm! (1)

Tương truyền chính Tô Đông Pha kể trong *Diệu hước biên*.

HỌ TÔ LÀM ĐẦU BẾP

Thời Tô Đông Pha làm thái thú Hàng Châu, ông cho đắp đê ngăn nước Tây Hồ và sông Tiền Đường, không cho chảy vào thành phố khi mùa nước. Những con đê này đến nay vẫn còn, và vẫn được dân ở đây gọi là *Tô đê*. Tế Hanh viết trong *Bài thơ tình ở Hàng Châu*:

*Anh đã đến những nơi lịch sử,
Đường Tô Đông Pha làm phủ ...
Đường Bạch Cư Dị đề thơ,
Hồn người xưa vương vấn tự bao giờ,
Còn thao thức trên cảnh đào ngồn liễu.*

Thấy dân chúng đắp đê vất vả, họ Tô tự chế ra một món ăn mới để động viên dân phu: đó là món thịt lợn kho mặn với mật hoặc đường. Món này ở Việt Nam ta có thời rất được chuộng.

(1) Khương, là gừng, tính nóng, thường dùng để hãm các vị tính hàn như *hậu phác*, *bán hạ*. Chí Chi, Đông Pha nói thành *chế chi*, có nghĩa là hãm lại, hạn chế, từ dùng của đồng y.

Không biết có phải là học của họ Tô không. Nhưng ta thì vẫn quen gọi là *thịt kho Tàu*...

(Theo *Tiền phong chủ nhật*, Hà Nội, 1994)

HỌ TRÌNH PHỤC HỌ VĂN

Theo *Quân kiến Nhân phả*...:

Y Xuyên tiên sinh, tức Trình Di, được vào làm trong Kinh diên viện, dung mạo lúc nào cũng đoan trang, nghiêm cẩn. Lúc này, Văn Ngạn Bác đang làm Thái sư bình chương trọng sự, suốt ngày đứng châu, không hề thấy đáng mệt mỏi. Nhiều lần nhà vua dụ cho nghỉ một lát, họ Văn cũng không nghe. Có người hỏi Trình Y Xuyên:

- Ngài là bậc chính nhân quân tử, thấy sự cung kính của quan lớn thái sư ra sao?

Họ Trình đáp:

- Văn Lộ công là bậc đại thần của bốn triều. Thờ ấu chúa cũng không dám không cung kính. Ta chỉ là kẻ áo vải, giữ chức giúp việc, cũng không dám không tôn trọng vậy...

HOA MẪU ĐÓN CHÍNH NGỌ

Âu Dương Tu có được một bức tranh cổ, vẽ khóm hoa mẫu đơn. Dưới gốc hoa, có một con mèo nằm. Âu Dương cũng chưa

biết bức tranh vẽ có đẹp không, có quý không, nên mới mang tranh đến nhà Ngô Dục để hỏi. Ngô Dục xem, bảo:

- Bức tranh này vẽ hoa mẫu đơn vào lúc chính ngọ.

Âu Dương ngạc nhiên lắm:

- Làm sao ngài biết được đây là hoa mẫu đơn giữa trưa?

Ngô Dục thần nhiên:

- Ngài xem, cánh hoa xòe hết cỡ của nó. Sắc hoa lại rất khợt. Ngài xem đây nữa: đồng tử trong mắt con mèo này chỉ còn là một đường chỉ, rất hẹp. Nó chỉ như thế vào lúc chính ngọ mà thôi. Còn nếu là buổi sáng hoặc chiều, cánh hoa mẫu đơn có dáng chụm lại. Sắc hoa cũng tươi mát hơn. Còn đồng tử trong mắt mèo thì là hình tròn, thưa ngài.

(Theo *Tam bách tự cổ sự*, quyển 3...)

HOA THƠM TẮT ĐẤT TỐT

Dại phu Lí Đơn nghỉ việc ở nhà một năm mới được sai đi nhận chức ở Xương Châu. Bạn bè có nhiều kẻ phàn nàn họ, Xương Châu xa xôi, bàn xin chuyển đi Ngạc Châu. Uyên Tài nghe tin, vội nhà cơm, chạy bộ đến hỏi chủ nhà:

- Nghe nói xin chuyển đi Ngạc Châu, có phải không?

Lí đáp:

- Vâng!

Uyên Tài giận dữ:

- Ai xui bác? Xương Châu là nơi đất tốt, sao lại không đi?

Lí kinh ngạc:

- Bống lộc nhiều chẳng?

Đáp:

- Không!

- Dân tỉnh ít kiện cáo chẳng?

- Cũng không!

- Thế thì làm sao bác biết là đất tốt?

Uyên Tài lúc ấy mới giảng giải:

- Hoa hải đường trồng ở đâu cũng không có hương, chỉ riêng hải đường trồng ở Xương Châu là có hương thơm. Thế không phải là bởi đất tốt là gì?

Người nghe, lấy làm chuyện cười.

. (Theo Phụ chương lục,...)

HỌA SĨ HOÀNG TỘC

Họa sĩ Nguyễn Phi Hoàng, viết trong *Mĩ thuật và nghệ sĩ* - Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1993 - rằng: *Trong số họa sĩ hiện thực có những bậc đại tài tiêu biểu cho thời đại* ⁽¹⁾. *Trước hết nên kể người tiếng tăm nhất là Triệu Mạnh Phủ, tức Triệu Tử Ngang, nổi tiếng về chữ đẹp. Ông thuộc dòng hoàng tộc nhà Tống, người thông minh lỗi lạc, giỏi cả mọi nghề. Triệu Mạnh Phủ được ca tụng nhất là chữ đẹp và tranh vẽ ngựa rất sinh động. Vợ của ông là Quảng Đạo Thằng cũng là họa sĩ nổi tiếng.*

(1) Nguyễn Phi Hoàng đang nói ở phần về mỹ thuật thời Tống Nguyên.

1. *Tiểu tán*, đời Minh kế:

Nguy Công Triệu Mạnh Phủ có một con dấu riêng, khắc mấy chữ: *Thủy Tinh cung đạo nhân*. Biết thế, Chu Thảo Song liền khắc một con dấu với mấy chữ: *Mã nào tự hành giả*. thành một vế đối lại có ý chế giễu mấy chữ của họ Triệu. Nguy Công liền cắt con dấu của mình, không dùng nữa.

Về sau, thấy người cùng quán với Thảo Song mở cửa hàng bán thuốc bắc, treo một biển hiệu với hàng chữ: *Dưỡng sinh chủ dược thất*, họ Triệu liền treo ngay một biển khác với mấy chữ: *Cầm tù quân y nhân*. Thôi Tiến Chi, bạn của họ Chu cũng phải bỏ cái biển của mình. Họ Triệu nói với mọi người:

- Đến giờ ta mới trả thù được cho con dấu *Thủy Tinh cung đạo nhân* của ta.

Thì làm sao còn dùng được biển hiệu thuốc ấy nữa, khi mà đến hàng, khách cứ nghĩ câu đối với biển nhà hàng: *Thầy thuốc ở trong đội quân dâm chết!*

2. *Tù bát ngữ* của nhà văn nổi tiếng Viên Mai đời Thanh kể chuyện *Ăn trộm tranh* sau:

Có kẻ đang giữa ban ngày vào nhà người ăn trộm tranh treo trên tường, cuộn tròn lại, dằng hoàng ra cửa chính chuồn. Gặp ngay lúc chủ nhà ở ngoài đi vào, trộm ta bí quá, cầm tranh, cúi xuống, kính cẩn:

- Đây là bức họa ông ngoại của tiểu nhân. Gặp lúc sinh kế quẩn bách, xin đem tới ngài đổi mấy đấu gạo vậy.

Chủ nhà cười, đuổi ra, lại còn lớn tiếng quát phũ phàng ngó ngán. Tất nhiên không thèm nhìn tới cuộn tranh.

Vào phòng, nhìn lên tường, thì bức họa nổi tiếng của Triệu Từ

Ngang đã mất biển⁽¹⁾.

3. Còn Bồ Tùng Linh, thì viết về tài năng của họa sĩ họ Triệu với một giai thoại huyền hoặc, mang tên *Ngựa tranh* sau đây:

Thôi Sinh ở Lâm Thanh⁽²⁾, nhà nghèo túng, tường rào lở đổ, vườn bỏ cỏ hoang. Mỗi buổi sáng, thường thấy một con ngựa ô, có vằn trắng, đuôi bị lửa đốt xém một đoạn, đến nằm trong đám cỏ hãy còn ẩm sương đêm phía sau nhà. Duỗi đi, đêm lại thấy. Cũng không biết ngựa từ đâu tới.

Thôi Sinh có người bạn thân làm quan ở đất Tấn⁽³⁾, lâu nay muốn đi thăm mà khổ không có phương tiện. Bèn bắt ngựa, đóng yên cương vào, lên đường. Trước khi đi, còn cẩn thận dặn người nhà:

- Nếu có người đến tìm ngựa, thì nói ta mượn ít lâu nhé!

Ngựa chạy rất khỏe, nháy mắt đã được trăm dặm. Đêm nghỉ, không chịu ăn cỏ ăn đậu gì cả, như có vẻ ốm. Nhưng sáng ra, đóng yên cương xong, chưa kịp ra roi, đã hí vang, bốn vó lại khua nhịp nhàng, sùi bọt mép, nhanh chẳng kém gì hôm qua. Cứ để cho mặc sức, quá trưa đã tới. Cưỡi vào phố đông, không ai là không tấm tắc khen. Đến nổi vị Vương ở đất Tấn cũng nghe tiếng, muốn giả Thôi giá cao để có. Thôi sợ chủ ngựa đòi, kiếm cớ không bán. Ở nửa năm, vẫn không thấy người nhà nhắn gửi gì, Thôi bèn bán ngựa cho vị Vương, lấy tám trăm lạng bạc, ra chợ, mua một con la to khỏe cưỡi về quê.

Vị Vương về sau, có việc gấp, sai viên hiệu úy cưỡi ngựa đi Lâm Thanh. Ngựa sống mất, theo đến phía đông nhà họ Thôi thì ngựa chạy tọt vào nhà lảng giềng. Hiệu úy theo ngay vào mà vẫn

(1) Theo bản dịch *Từ bất ngữ*, Lê văn Đình dịch, chưa xuất bản.

(2) Lâm Thanh: tên huyện, nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

(3) Đất Tấn: nay là vùng Sơn tây.

tìm không ra nữa. Quát hỏi chủ nhà họ Tăng, Tăng không biết nói sao. Thôi nhìn lên tường nhà, treo một bức tranh ngựa của Triệu Tử Ngang. Ngựa trong tranh có mầu lông giống hết đã đành, mà ở đuôi cũng có bị hương đốt cháy một túm. Thôi chợt hiểu ra, con ngựa tuyệt vời đó, chính là ngựa trong bức tranh này, thành tình vậy. Viên hiệu úy không thể nào về phục mệnh Vương, nên tìm đủ cách kiện họ Tăng. Lúc này, Thôi từ tiền bán ngựa, trong nhà đã có hàng vạn lạng, tự đứng ra, trả tiền ngựa cho họ Tăng.

Tăng vô cùng cảm ơn đức lớn của Thôi, nhưng cuối cùng cũng không hiểu được nguyên cớ⁽¹⁾.

4. Giang Doanh Khoa, đời Minh, kể trong *Tuyệt Đào hài sử*:

Một viên thượng thư ở Thường Đức, trong nhà có rất nhiều tranh cổ. Quý hơn cả là bức *Viên An ngựa tuyết đồ*⁽²⁾ của Triệu Tử Ngang, độc nhất vô nhị, vàng ngọc khôn sánh. Thượng thư dành bức tranh đó cho thằng con trai yêu nhất. Thằng con từ chối thẳng:

- Lấy cái thằng chết trôi ấy làm gì?

(1) Theo *Liều trai chí dị*, tập hạ, Lê Văn Đình dịch...

(2) *Viên An ngựa tuyết đồ*: Tranh Viên An nằm trên tuyết. Theo *Hậu Hán thư*, *Viên An truyện*: Trời tuyết xuống nhiều, dày hàng mấy trượng, thái thú Lạc Dương ra phố xem dân tình. Đến cổng nhà họ Viên, tuyết lấp cả lối đi, thái thú nghĩ có lẽ Viên chết mất. Lệnh cho tay chân gạt tuyết để vào nhà. Thấy Viên An đang nằm co, chịu lạnh chịu đói. Hỏi:

- Sao không ra khỏi nhà?

Viên đáp:

- Tuyết xuống nhiều như thế này, người nào chả đói. Còn đi nhờ vả người khác làm gì?

HỌA SĨ LÀM QUAN

Theo *Ấu học quỳnh lâm*, phần *Chế tác*, quyển 4:

Mễ Phát rất giỏi vẽ và thư pháp. Nhưng tính tình cũng khác thường. Có thời nghệ sĩ tài hoa này làm Phát vận sứ của Hoài Gian, ông ta viết vào một cái bảng lớn, đặt ngay ở đầu thuyền của mình mấy chữ đại tự: *Mễ gia thư họa chi thuyền* (Thuyền của nhà họa sĩ, nhà thư pháp họ Mễ).

Không thấy quan chức triều đình đâu cả...

HOÀNG ĐÌNH KIÊN VIẾNG TÔ ĐÔNG PHA

Hoàng Đình Kiên ở Kinh Châu. Nghe tin Tô Đông Pha tạ thế, văn nhân lớn nhỏ đều lũ lượt đi viếng. Riêng họ Hoàng, vẫn ở dinh của mình, hai tay ôm gối, quỳ xuống vái, rồi đứng dậy, miệng lẩm nhẩm:

- Riêng xin một lay! Riêng xin một lay!

Chuyện này là Hình Cư Thực kể.

HỌC TRÒ ĂN TRỘM

Theo Phạm Chính Mẫn:

Một anh học trò ăn trộm lụa bị bắt trời. Quan thái thú ra lệnh

làm một bài văn về việc làm đó. Hay sẽ được tha. Anh ta đọc:

*Khuy hộ nhi khuych vô nhân, tâm hồ ái hĩ;
Kì lợi nhi vong kì nghĩa, quyen nhi hoài chi.*

(Trộm nhìn, cửa mở không người, lòng tham nổi dậy,
Ngấm thấy lợi, quên điều nghĩa; cuốn dấu ngay đi)

HỌC TRÒ THIÊN TỬ

Khoa cử thời phong kiến Trung Hoa thường gọi những người đậu trạng nguyên là *Thiên tử môn sinh* (Học trò nhà vua).

Theo *Sánh sử*: Triệu Quỳ, người Bàn Thạch, đậu trạng nguyên năm Tân mùi đời Thiệu Hưng. Sau khi Cao Tông nhà Nam Tống thay đổi công việc triều đình, liền đưa Triệu Quỳ lên làm Trước tác tá lang, và phán:

- Khanh là do chính thân trầm cất nhắc. Hối Tân Cối còn nắm quyền hành triều đình, không bao giờ thấy nói tới khanh một lời. Thế cũng đủ biết khanh không thêm quy lụy lủ người ngang ngược. Thật đáng là học trò thiên tử vậy.

Sách *Huy trần tiền lục* cũng có chép rằng:

Lưu Khí Chi, về già sống ở Nam Kinh. Mã Cự Tế mỗi lần thấy Khí Chi, không chịu làm lễ môn sinh với mình, lấy làm tức giận. Cự Tế cãi rằng:

- Phàm tỉnh thí (những người đậu) phải chịu nhận là môn sinh với quan chủ khảo. Nhưng trong diện thí, chủ khảo chính là nhà

vua. Thế thì chúng tôi chỉ xưng là môn sinh với thiên tử. Không thể còn nhận môn sinh với ai khác cả.

Cho nên, những vị tiến sĩ, qua kì diện thí cũng có khi được xưng là *Thiên tử môn sinh*.

HỒNG HỒNG TUYẾT TUYẾT...

Theo *Thạch lâm thi thoại*:

Trương Tiên đã đúng tuổi tám mươi nhưng trong nhà vẫn nuôi rất nhiều con hát. Tô Đông Pha làm thơ đùa rằng:

*Thi nhân lão khứ Oanh Oanh tại,
Công tử quy lai Yến Yến mang.*

(Nhà thơ tuổi càng già đã ra đi, Oanh Oanh còn lại,
Công tử trở về Yến Yến thêm bận rộn)

Câu thứ nhất, Tô Thức dùng điển Trương Quân Thụy với Thôi Oanh Oanh trong *Hội chân kí* của nhà thơ Nguyên Chấn đời Đường.

Câu thứ hai, là do từ dân ca đời Hán:

*Yến yến vi diên diên,
Trương công tử, thời tương kiến.*

(Con chim yến có cái đuôi lông lánh,
Công tử họ Trương liếc nhìn theo)

Thơ Đỗ Mục cũng có câu: *Lục thụ oanh oanh ngữ, Bình sa yến yến mang* (Trong đám cây xanh, chim oanh hót vang, Ở ngoài bãi cát rộng, chim yến bện rộn nhảy nhót).

HƠN NHAU TẮM ÁO MANH QUẦN...

1. Theo *Cổ sự quỳnh lâm, Triều đình*, quyển 1...:

Hoàng hậu mẹ đẻ vua Nhân Tông, dưới giường ngủ mọc nấm quý linh chi ⁽¹⁾, đếm được những bốn mươi hai lá, có vân đủ năm màu rất đẹp.

Về sau hoàng hậu sinh ra Tống Nhân Tông, vua thứ tư nhà Bắc Tống, ở ngôi đúng bốn mươi hai năm, 1023-1064.

2. Tống Thái Tổ, Triệu Khuông Dấn ra đời trong doanh Hiệp Mã. Ánh sáng đỏ chiếu khắp nhà, mùi hương lạ thơm suốt một tháng mới tan. Người ta gọi hương này là *Hương hài nhi*.

(Ấu học quỳnh lâm, Cung thất, quyển 3...)

HUNG HỮU THÀNH TRÚC

Thời Tống, có một nhà thơ, nhà văn đồng thời cũng là một họa sĩ nổi tiếng trong triều ngoài nội. Họa sĩ Văn Đồng này chuyên

(1) Xin xem chú thích giai thoại: *Thăng ninh, thăng chửu ninh*.

vẽ thủy mặc. Những tranh hoa điều trùng ngư, lẫn cảnh trời sớm
ráng chiều trong tranh Văn Đông đều thật muôn ngàn sinh động,
nửa thực nửa hư...

Đặc biệt hơn cả là lòng yêu trúc của họa sĩ. Trước cửa sổ, họa
sĩ trồng hẳn một vườn trúc, tự tay chăm bón. Văn Đông tự theo
dõi một cách say mê cảnh lá rể trúc từ xuân sang đông, sáng khác
chiều, đủ mọi biến thái của họ trúc đều được quan sát để rồi được
thể hiện trên tranh.

Một hôm, bạn thân của họa sĩ là Diêu Bồ đến chơi, thấy Văn
Đông gần như đang nhắm mắt mà vẽ trúc, liền làm thơ:

*Dữ kha họa trúc thời,
Hung trung hữu thành trúc.*

(Mỗi lần anh vẽ trúc,
Trong lòng đã có sẵn trúc rồi!)

Tô Đông Pha cũng có những bức tranh vẽ trúc rất tuyệt diệu,
được đương thời đánh giá rất cao. Trong bài *Họa trúc kí*, nhà thơ
có câu: *Họa trúc tất tiên đắc thành trúc tại hung trung* (Một bên
nói bằng thơ, một bên nói thành văn). Cùng một ý...

(Theo *Thành ngữ cổ sự*, tập 3...)

HỰU VONG QUỐC CHI TỪ

Theo *Bản sự từ*...:

Trong nạn *Tĩnh Khang*, huyện lệnh huyện Dương Vũ mắc nạn.

Còn con gái, bị giặc bắt giải về Bắc. Tới Hùng Châu, cô gái xấu số để một bài từ trên tường của dịch trạm rằng:

*Triều vân hoàng độ,
Triển triển xa thanh như thủy khứ.
Bạch thảo hoàng sa,
Nguyệt chiếu cô thôn tam lương gia.
Phi hồng quá dã,
Bách kết sầu trường vô trú dạ.
Tiệm cận Yên Sơn,
Hồi thủ hương quan quy lộ nan.*

(Mây chiều kéo ngang,
Bánh xe gấp gềnh, nước mênh mang.
Cát vàng cô úa,
Trăng giãi thôn nghèo hai ba mái.
Nhạn lẻ vút đầu,
Ngày nối đêm, sầu lại nối sầu.
Yên Sơn gần tới,
Ngoài đầu quê cũ, về không lối ⁽¹⁾).

(1) Không thấy nói điều gì, đối chiếu thì có lẽ là *Giàn tỵ Mộc Lan hoa*.

KÉP HÁT ĐỌC THƠ

Sự làm quảng kí ghi:

Trương Tuấn thường cùng các quan đến uống rượu thưởng hoa mầu đơn ở chùa Vạn Thọ. Hôm ấy, trời mưa, các quan vui chơi thỏa thích, mãi chiều tối vẫn không dứt cơn mưa.

Một kép hát, tên gọi Trương Ấn, trong đội ca nhạc ngự tiền cung phụng, bọn này vốn được sủng ái lâu nay, chẳng hề biết kiêng nể ai bao giờ, bỗng đứng dậy, cao giọng ngâm một bài tứ tuyệt rằng:

*Vị quai tiếp lí chỉ phương tàn,
Tứ diện tường khuông bất nhãn khan.
Chính thị hoa thời kham hạ lệ,
Tướng công hà nhật cánh truy hoan?*

(Quan là lo liệu giang sơn,
Bốn phương lửa cháy ngút ngàn quan ơi.
Cảm thời hoa cũng lệ rơi⁽¹⁾,
Sao các quan vẫn vui chơi tới ngày?)

Lúc đầu các quan ngỡ ngàng, sau đó, mặt các ngài cứ tái dần, lặng lẽ rút lui.

Nổi giận dữ trong lòng anh kép hát cũng lắng.

(1) Mượn ý ở hai câu thơ nổi tiếng của Đỗ Phủ: *Cảm thời, hoa tiền lệ, Hậu biệt, diêu kinh tâm* (Dau dỗi, hoa rơi nước mắt, Hận xa, chìm giạt mình) - *Xuân vọng* (Ngắm xuân). Chuyện này có lẽ xảy ra vào thời Nam Tống. Đất nước đang bị quân Kim xâm lược, vua quan nhà Tống bỏ mặc đất nước, nhân dân... chỉ cốt giữ được quyền lợi riêng..

KHẨU KHÍ TẾ TƯỚNG

Vương Tăng quê ở Ích Đô, tự Hiếu Tiên. Lúc thiếu thời, làm thơ *Vịnh hoa mai* có câu:

*Vị tu liệu lí hòa canh sự,
Thả hương bách hoa đầu thượng khai.*

(Chưa thể đến lúc làm việc nêm canh⁽¹⁾,
Thì hãy cứ nở trước tiên so với trăm hoa đã).

Lại có câu:

Bình sinh chí bất tại ôn bào...
(Chỉ nguyện suốt đời không phải là ở chỗ no cơm
ấm áo...)

Đến khi làm tế tướng vào thời Tống Nhân Tông, việc Vương Tăng làm, không ai biết đầu mà lường mà đoán. Phạm Trọng Yêm khuyên Vương:

- Xin ngài hãy để ý đến việc tiến cử người hiền để làm hết phận sự của bậc tế phụ.

Vương Tăng đáp:

- Ôn thì muốn quy về mình, thế còn oán thì định đổ cho ai?

(1) Theo *Kinh thư*, Cao Tông nhà Thương nói với tế tướng Phó Duyệt: *Nếu cần nấu canh thì người làm muối và mớ*. Ý nói tế tướng phải điều hòa chính sự khác nào muối và mớ tra vào canh, làm cho canh ngon.

Ở đây còn ý, mớ chưa có quả mà chỉ mới ra hoa, thì hãy cứ làm hoa đúng đầu trăm hoa...

(*Ân dục quy kỉ, oán sử thù quy?*)

Phạm Trọng Yêm cũng phải lắc đầu, lè lưỡi vì câu trả lời khôn khéo này. Về sau, Vương không hòa hợp được với Lữ Di Giản, đổi ra làm ở Văn Châu.

Qua đời, được đặt thụy là Văn Chính⁽¹⁾.

KHÍ TIẾT TRINH HẠO

Theo *Nho giáo*...:

Lúc này Vương An Thạch làm tể tướng. Trình Hạo⁽²⁾ làm giám sát ngự sử. Họ Trình thường ngồi ung dung nghị luận, bày tỏ thẳng thắn những điều phải trái về *tân pháp* của họ Vương. Tể tướng An Thạch có khi nghiêm sắc mặt, tỏ ý không bằng lòng. Họ Trình từ tốn mà rằng:

- Việc thiên hạ, không phải là việc bàn riêng của một nhà. Xin hãy bình khí mà nghe mới phải.

Họ Vương có ý thẹn mà chịu khuất.

(1) Theo *Quyển lâm, Văn thân*, quyển 1...

(2) Trình Hạo, 1032-1085, tự là Bá Thuần, người tỉnh Hà Nam; cùng em là Trình Di, đều là học trò của nhà Tống nho nổi tiếng Chu Liêm Khê.

Đầu tiến sĩ, được người đời tôn xưng là Minh Đạo tiên sinh. Có *Minh Đạo ngữ lục* do các đệ tử ghi lại.

KHÔN VĂN TẾ, ĐẠI VĂN BIA

Đó là câu thành ngữ lưu hành trong giới trí thức phong kiến Việt Nam ta mới đây thôi. Nghĩa của nó: làm văn tế, đọc xong, người ta quên, nên ít chịu sự chê bai của dư luận; làm văn bia, khắc lên đá, còn mãi sẽ bị người đời đàm tiếu lâu dài...

Sách *Ngũ tạng hội nguyên* của Thích Phổ Tế, người đời Tống soạn, tập hợp tư liệu trong năm tác phẩm, mỗi tác phẩm đều có chữ *dăng*, nên có cái tên như vậy: *Truyền đăng lục*, *Quảng đăng lục*, *Tục đăng lục*, *Liên đăng hội yếu* và *Phổ đăng lục*. Đây là một vốn quý cho việc nghiên cứu Phật giáo Trung Hoa từ Tống, Đường về trước.

Tác phẩm có hai câu thơ:

Khuyến quân bất dụng khắc ngoan thạch,

Lộ thượng hành nhân khẩu tự bi.

(Khuyến bạn hãy đừng bao giờ khắc văn của mình
lên tấm bia ngu dốt,
Những kẻ qua đường với cái miệng của họ đều là
tấm bia cả đấy)

KHÔNG QUÊN THUỞ NGHÈO KHÓ

Theo *Lãnh trai dạ thoại*:

Phạm Trọng Yêm ngồi trị nhậm Thư Dương, sai con trai là

Nghiêu Phu đi Cô Tô thu năm trăm học lúa mạch. Nghiêu Phu quay về, thuyền ghé đậu bến Đơn Dương, gặp Thạch Mạn Khanh. Hỏi chuyện gia đình, Thạch đáp:

- Trong vòng hai tháng, ba cái tang liên tiếp, mới chỉ lo được sơ sài. Muốn đem linh cữu về bắc ⁽¹⁾, nhưng chưa thể làm được.

Nghiêu Phu giao cho họ Thạch cả thuyền lẫn lúa. Rồi cưỡi ngựa theo đường tắt Trường Lô mà về. Gặp cha, đứng hầu chuyện. Trọng Yêm hỏi:

- Về Đông Ngô có gặp người quen cũ không?

Thưa:

- Có gặp bác Thạch Mạn Khanh. Gặp ba tang liền. Lo chưa xong vì không tiến gạo.

Trọng Yêm tiếp:

- Thế sao không lấy lúa cho ông ấy?

Nghiêu Phu thưa:

- Đã cho cả rồi.

Từ đó, người đời Tống về sau, lấy từ *mạch chu* (thuyền lúa mạch) để chỉ người có ơn lớn với mình.

KHÔNG TRUNG LÂU CÁC

Mộng Khê bút đàm có kể:

Ở Dăng Châu, nay là huyện Bồng Lai, tỉnh Sơn Đông, ba mặt

(1) Dân tộc Hán xưa, nhất là nhà giàu, nếu chưa tiện họ quản linh cữu hàng năm trong chùa, trong nhà, sau đó mới chôn.

là biển Bọt Hải, cuối xuân đầu hạ, có những lúc, nhìn xa xa ngoài biển, là cả một thành phố với đủ lầu các nguy nga, tráng lệ. Người thời Tống gọi là *hải thị* (chợ biển, thành phố biển). Cũng có người gọi là *hải thị*, *thấn lâu* hoặc *không trung lâu các*, *cung ngao lầu thán*...

Người xưa giải thích, đó là do con thán, thở hơi kết thành. Nhưng thực ra, chỉ là những ảo ảnh của hơi nước lẫn ánh sáng của một thời tiết thích hợp. Cũng có thể thấy ở các vùng sa mạc.

Các thành ngữ trên, từ đó được văn thơ dùng chỉ những ảo tưởng, huyền hoặc, không có cơ sở thực hiện, viễn vông... (1)

KÍ NỮ CHÁY QUẦN

Phụ chương lục chép:

Tấn Châu có cô gái con nhà tử tế, không may rơi vào làng ca kĩ. Hát rất hay, uống rượu cũng giỏi. Nhưng rồi vẫn nghèo khổ, áo quần, ăn uống cũng không đủ.

Có người khách, vốn là thợ vẽ, đến họa địa đồ châu, chẳng may làm rớt mực vào quần cô gái, làm thế nào cũng không mất được. Gặp ngay lúc có một đám đến mời đi góp vui cho một cuộc rượu. Chờ mãi không thấy cô gái ra. Bỗng cô hầu gái chạy ra sợ hãi:

(1) *Mộng Khê bút đàm*, sách của Thẩm Quát, người đời Tống soạn. *Mộng Khê* là tên biệt tự của ông ta ở Nhuận Châu. Gồm 26 quyển. *Bổ bút đàm*, 2 quyển. *Tục bút đàm*, 1 quyển. Thâu tóm những học vấn về thiên văn, toán pháp... của thời Bắc Tống (từ nguyên).

- Nương tử làm cháy quần rồi!

Khách hỏi cháy chỗ nào? Cô hầu đáp:

- Cháy chính giữa cửa chùa Đại Vân! ⁽¹⁾.

KIẾN ĐÈN ƠN

... Thuở niên thiếu, một lần đi chơi, Tống Tường thấy một đàn kiến sa vào vũng nước, động lòng thương, bèn lấy que làm cầu cho đàn kiến thoát.

Đến khi, hai anh em cùng đi thi, đậu hương khoa, rồi hội khoa. Nhưng Tường đậu đứng dưới Kì. Vào thi đình, vua nhà Tống, xem hai quyển văn thi thấy quyển của Kì có phần xuất sắc hơn của Tường, nên phê cho đậu đầu.

Nhưng đến lúc ngự bút, thì thấy mặt nghiên kiến bám đầy đặc. Liền bỏ quyển văn của Kì xuống, cầm lấy quyển văn của Tường, lại thấy đàn kiến lập tức kéo nhau tản tránh ra. Vua lấy làm lạ, liền phê cho Tường đậu đầu.

Khi xướng danh Tường chiếm trạng nguyên, Kì đậu thứ hai, cùng vào bá mệnh. Vua mới biết là hai anh em ruột, bèn phán:

- Em nhường anh cũng đáng lắm!

Nghe vua kể lại sự lạ, Tường biết là đàn kiến trả ơn mình, liền cử thực tỉnh tâu lên. Người đời sau mới có thơ rằng:

(1) Thời Vũ Tắc Thiên nhà Đường trị vì, bắt làm một loạt chùa ở khắp nơi; và đều bắt đặt tên là Đại Vân tự. Cách nói này còn đến đời Tống, chứng tỏ sự phản ứng của dân chúng chăng?

*Châu điểm đầu tên ở bảng rồng,
Mừng nay đèn sách đã nên công.
Kìa xem chuyện kiến đền ơn đó,
Tài giỏi còn thua kẻ tốt lòng.*

(Theo *Giáo dục thời đại*, Hà Nội, 1994)

LẠI CHUYỆN TIỂU TỔNG

Tổng Tử Kinh thường qua lại phố Phồn Dài. Lần ấy, cũng khi qua phố này, Tử Kinh gặp mấy xe hương loan của nội cung chở cung nữ. Bỗng chợt ngột Tử Kinh không kịp tránh. Bỗng trong một xe, có người vén rèm gọi:

– Tiểu Tổng phải không?

Tử Kinh ngạc nhiên không hiểu duyên cớ. Trở về nghĩ ngợi, mơ tưởng mông lung, họ Tổng làm bài từ theo điệu *Già có thiên*:

*Họa cốc điều an hiệp lộ phùng,
Nhất thanh trường đoạn tú liêm trung.
Thân vô thái phượng song phi dục,
Tâm hữu linh tề nhất điểm thông.
Kim tác ốc, ngọc vi lung,
Xa như lưu thủy mã như long.
Lưu Lang dĩ hận Bồng Sơn viễn,
Canh cách Bồng Sơn kỉ vạn trùng.*

(Xe ngọc yên vàng ngổ hém trông,
Trong rèm ai gọi dứt can trường.
Chẳng vẫy chẳng cánh khôn bay bổng,
Lòng chỉ riêng soi một điểm thông.
Vàng xây cửa, ngọc tạc lồng,
Xe như nước chảy ngựa như rồng.
Chàng Lưu chỉ hận Bồng Sơn cách,
Nào biết Bồng Sơn cách mấy trùng).

Bài từ truyền vào tận nội cung. Vua Nhân Tông cũng biết. Bèn tra hỏi những người đi xe hôm ấy, ai người gọi Tiểu Tống? Cung nữ có người đứng ra nhận:

- Trước đây, nhân một lần hầu yến ở nội cung, có lệnh triệu Hàn lâm học sĩ. Tả hữu nội thần đều gọi Tiểu Tống. Hôm ấy, tình cờ, trong xe trông thấy, nhận ra, nên buột miệng gọi. Không có tình ý gì riêng khác.

Nhân Tông cho lệnh gọi Tử Kinh, cùng Tử Kinh trò chuyện. Tử Kinh rất sợ, không dám nhiều lời. Nhà vua cười, phán:

- Bồng Sơn không xa đâu!

Rồi đem người cung nữ ban cho.

Rõ ràng cả bề tôi lẫn vua nhà Tống đều thuộc lòng thơ Vô đề của Lí Thương Ẩn nhà Đường...⁽¹⁾.

(1) Theo *Bản sự từ*...

LẠI LẤY HẦU GÁI LÀM QUA TẶNG!

Theo *Cổ sự ấu học quỳnh lâm, Bằng hữu tân chủ*, quyển II....

Hàn Kì, người đời Tống, quê An Dương, tự Trí Khuê. Đậu tiến sĩ, làm quan trải ba triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, tới chức Tả bộc xạ. Được phong Ngự Quốc công, nên thường gọi là Hàn Ngự công.

Họ Hàn thời ngồi coi đất Trung Sơn, trong dinh có một môn khách, đang đêm nhảy qua tường trốn ra ngủ ở nhà kĩ nữ. Họ Hàn biết chuyện làm một bài thơ vịnh cảnh trống trức: *Chúng trức thi*:

Ăn cần tiến diệu gia bồi thực,

Mạc khiến cuồng chi loạn xuất tường.

(Ăn cần tước bốn rồi lại vun xới thêm cho,

Có bao giờ lại khiến những cành điên cuồng mọc ra
ngoài tường)

Người khách này làm thơ đáp lại, có câu:

Chủ nhân nhược dã lân cao tiết,

Mạc vị cuồng chi tặng phủ cân.

(Nếu như chủ nhân thương đến cái phẩm chất thanh cao,
Thì không vì cái cành điên cuồng kia mà làm đến
chuyện búa rìu)

Hàn Ngự công đọc thơ, tặng ngay cho môn khách nọ một nàng hầu gái.

LẠI MỘT BÀ VỢ BẤT NẠT CHỒNG

Phủ chương lục đời Tống chép:

An Hồng Tiệm nổi tiếng hài hước, nhưng lại sợ vợ. Bố vợ chết, An theo vợ về chịu tang. Vợ vốn ngược ngạo, gọi An vào buồng căn vặn:

- Vì sao khóc mà không thấy có nước mắt?

An đáp:

- Lấy khăn chùi khô rồi!

Vợ chỉ chiết:

- Sáng ngày mai, trước bàn thờ, khóc phải có nước mắt!

An đáp:

- Vâng!

An loay hoay tìm cách. Lấy một cái khăn, nhúng ướt, giấu trong khăn tang. Lúc lạy, dập đầu sát nền nhà, nước trong khăn bị ép chảy ra. Vợ gọi vào xem xét, kinh ngạc hỏi:

- Nước mắt thì phải từ trong mắt mà ra. Sao lại chảy từ trên trán xuống thế này?

An chống chế:

- Sao lại không nghe người xưa nói: *Thủy xuất cao nguyên* (Nước từ cao mà chảy xuống) hay sao!

Người nghe, mặc dù đang trong cảnh tang ma cũng không nhịn được cười.

LẠI MỘT NGƯỜI MẸ ĐÁNG KÍNH

Sách *Hải lục túy sự* do Diệp Đình Khuê, người đời Tống soạn. Sách gồm 22 quyển, chia làm 16 bộ, 84 chương. Để viết sách này, Diệp mượn sách vùng Phúc Kiến đọc kĩ hết, nhất là các sách lạ sách quý của danh sĩ, quan lại trong vùng. Rồi chọn lựa, đính chính, phê bình, sắp xếp...

Hải lục túy sự có chuyện sau:

Lưu Thức chết, người vợ chết cả nghìn quyển sách bảo các con:

- Cha các con thường nói: *Sách này chính là vườn mục, ruộng mục*. Nói rằng để lại cho các con. Các con hãy học cách trồng cây lúa lên những mảnh vườn, mảnh ruộng đó!

LẠI NÓI VỀ CON MẸ PHÁT

Theo *Thanh ba tạp chí*:

Mẽ Hữu Nhân, con trai Mẽ Phát, tự Nguyên Huy, học văn uyên bác, có tài vẽ, viết chữ. Hữu Nhân say mê sưu tầm cổ vật, tất nhiên, nhất là tranh cổ và chữ viết nổi tiếng xưa.

Có lần, trên thuyền của người quen, họ Mẽ thấy một tấm thiếp đúng là chữ viết của Vương Hi Chi ⁽¹⁾. Hữu Nhân như bắt được vàng, lập tức đòi đổi cho mình để chủ thuyền lấy một bức họa

(1) Vương Hi Chi, thuộc họ Vương nổi tiếng đời Tấn. Chữ viết đẹp có một. Thường được nhắc là thiếp *Lan Đình*, và bản viết *Hoàng Đình kinh*.

cũng thuộc loại quý. Chủ thuyền không bằng lòng. Anh ta hét tướng, vợ lấy tấm thiệp bỏ chạy, cứ như trên đất bằng. May mà có người đứng bên đỡ lấy kịp, kéo lại, nếu không, cả người lẫn tấm thiệp quý đã rơi ngay xuống sông...

Hữu nhân có lần mượn của bạn bức danh họa: *Tùng ngưu đồ* (Tranh trâu dưới gốc tùng). Anh ta vẽ một bức giống hệt. Rồi đem bức mình vẽ trả cho bạn, còn bức thật giữ lại. Lâu lắm, bạn mới nhận ra sự tráo trở này, và đến đòi lại nguyên bản. Hữu Nhân hỏi:

- Sao anh nhận ra đó là bức *Tùng ngưu đồ* giả?

Bạn đáp:

- Nguyên bản, trong mắt con trâu, tôi nhớ có hình của thành bé chân trâu, in rõ. Bản anh giả cho tôi không có.

Cứ theo cách đó, Hữu Nhân tập hợp cho mình rất nhiều tranh, chữ quý. Kể chuyện này, *Thanh ba tạp chí* gọi là: *Sáo thủ hào đoạt, cổ sở đắc đa đa* (Lấy cái khôn khéo để cướp của người, chỉ cốt của mình cho nhiều). Thành ngữ Hán nói gọn lại là: *Sáo thủ hào đoạt*...

LẠI RƯỢU ...

1. Theo *Từ nguyên*:

Họ Tô thời ở Lĩnh Nam có nấu một loại rượu, đặt tên là *Vạn hộ xuân*. Và làm hai câu thơ:

*Trì ngã Vạn hộ xuân,
Nhất lữ Ngũ Liễu Đào.*

(Cầm chén uống rượu Vạn hộ xuân,
Thì hãy dành một chén cho Ngũ Liễu tiên sinh họ Đào)

2. Trong *Hậu Xích Bích phú*, họ Tô viết:

*Ngã hữu đấu tửu tàng chi cựu hễ,
Di dai tử, bất thời chi nhu...*

(Thiếp có một đấu rượu, cất giữ đã lâu,
Để chờ chàng, lúc bất kì nào đó cần đến...)

Bất thời, từ đó thành tiếng lóng để chỉ rượu - món lúc nào cũng cần, lúc nào cũng phải có; không biết lúc nào thì cần đến.
Thơ Nguyễn Công Trứ:

*Món bất thời còn hãy lưng bầu,
Khước khoáng mấy ngọn rau cũng đủ ...*

LẠI THẠCH MẠN KHANH

Phụ chương lục chép:

Họ Thạch ở ẩn trong rượu, vốn có tài của bậc đại tiên bị đẩy xuống trần, tính thích đùa cợt. Một lần đến chơi chùa Báo Ninh, người nhà đánh đứt dây cương, ngựa sợ hãi lồng lên, Thạch ngã. Mọi người xúm lại, nâng Thạch lên yên. Dân kẻ chợ kéo đến vòng trong vòng ngoài, chờ xem Thạch quất mắng, đánh đập, nhưng Thạch cầm roi ngựa, đưa cho người hầu, thản nhiên:

- May mà ta là Thạch học sĩ (Học sĩ Đá) chứ nếu là Ngõa Học sĩ (Học sĩ Ngói) thì đã nát vụn rồi còn gì nữa!

LÀM HỌC TRÒ CỦA NHÀ VUA

Theo *Tống sử*....:

Vương Kì Hán làm khách ở nhà Lí Văn Định. Văn Định qua đời. Vua nhà Tống thân tới tận dinh họ Lí để làm lễ. Thấy ở gian tường nhà có viết hai câu thơ để rõ tên người làm là Kì Hán:

*Nhận thanh bát đảo ca dài thượng,
Thu sắc biên khi khách lộ trung.*

(Tiếng nhận kêu, không tới được lầu ca hát;
Sắc thu toàn lừa dối người khách giữa đường)

Nhà vua thích lắm, đòi cho gấp, lại phán sẽ cho dự kì điện thí sắp tới. Vương làm thơ tạ ơn, có hai câu nữa như sau:

*Bát liệu xuân quan vi tòa chủ,
Thân phùng thiên tử tác môn sinh.*

(Không thể ngờ rằng đức vua lại làm chủ khảo,
Để cho thân này được làm học trò của thiên tử)

LÀM THƠ TẶNG KỈ NỮ

Theo Từ nguyên...:

Sách *Đông Pha chí lâm* kể rằng Tô Đông Pha thời ở Hoàng Châu, có biết một kĩ nữ nổi danh tài sắc là Lí Kì. Mỗi lần có mặt trong các tiệc rượu, Đông Pha chỉ kịp nhìn Lí Kì mà cười chưa kịp một lần trò chuyện thì Đông Pha đã có lệnh triệu đình *chuyển công tác khác*. Quan lại Hoàng Châu làm tiệc rượu đưa tiễn. Lí Kì cũng có mặt. Lí Kì cầm một khăn lụa, xin Đông Pha cho một bài thơ làm của bấu. Đông Pha ghi ngay hai câu thơ bằng chữ lớn rằng:

Đông Pha thất tuế Hoàng Châu trú,

Hà sự vô ngôn cập Lí Kì?

(Đông Pha bảy năm ở đất Hoàng Châu,

Vì có gì không nói một lời nào với Lí Kì cả?)

Viết xong, Đông Pha quăng bút, quay ra chuyện trò, cười đùa với khách khứa. Vài người nói với nhau, có lẽ Đông Pha chỉ viết cho Lí Kì hai câu thôi chăng? Tiệc gần tàn, Lí Kì lại cầm tấm khăn viết giờ đến gặp Đông Pha. Họ Tô cười:

– Suýt nữa ta quên mất!

Rồi viết tiếp ngay hai câu nữa:

Kháp tự Tây Xuyên Đỗ Công bộ,

Hài đường tuy hảo bất lưu thi.

(Giống hệt Đỗ Công bộ hồi ở Tây Xuyên,
Hoa hải đường tuy đẹp nhưng cũng không để lại
dấu vết gì trong thơ ông ⁽¹⁾)

LÀM TỪ BÊNH VỰC KỈ NỮ

Lữ Sĩ Long ngày ngồi cai quản Tuyên Châu, rất hay đánh đập
kỉ nữ. Gặp khi có một kỉ nữ ở Hàng Châu đến, Lữ rất thích, nhưng
vẫn định đánh đòn một kỉ nữ ở Tuyên Châu như lệ cũ. Người kỉ
nữ này từ tốn thưa:

- Quan lớn đánh cũng đáng tội. Chỉ sợ cô bạn mới ở Hàng
Châu tới sẽ không yên lòng mà ở lại đây chăng?

Lữ bèn tha.

Mai Thánh Du ⁽²⁾ nghe chuyện, liền làm một bài từ theo điệu
Mạc dã áp:

Mạc dã áp,

Đã áp kinh uyên ương.

Uyên ương tân hướng tri trung lạc,

(1) Ý câu thứ tư này có chỗ chưa rõ. Hải đường là chỉ hoa hay tên một kỉ nữ. Chuyện này xảy ra cụ thể như thế nào trong đời Đỗ Phủ, chưa tra cứu được.

(2) Mai Thánh Du, tức Mai Nghiêu Thần, 1002-1060. Người Tuyên Thành tỉnh An Huy. Một trong những nhà thơ hiện thực thời Bắc Tống. Ngang danh với Tô Tuấn Khâm, nên thường gọi *Tô Mai*. Bạn thân của Âu Dương Tu. Tích cực đề xướng cách tân thơ ca, có ảnh hưởng lớn với thơ ca nhà Tống (*Thơ Tống...*).

*Bất tử cô châu lão quật thương.
Quật thương thương dục viễn phi khứ,
Hà hướng uyên ương tập dục hoang?*

(Dừng đập vịt,
Chỉ ngại động uyên ương.
Uyên ương chỉ mới về ao tắm,
Chẳng phải sếu già ở cổ hương.
Sếu già vẫn muốn bay xa lắm,
Hướng nữa uyên ương cánh chim hoang?)

(Theo *Ấn cư thi thoại* của Lâm Hán...)

LÃO LẠT KHÔNG THEO TẦN CỐI

Theo *Tống sử*, *Yến Đôn Phục truyện*:

Đôn Phục làm gián quan, cương trực, dám nói. Tần Cối chủ trương đầu hàng nhà Kim, Đôn Phục ngay giữa triều đình, tranh cãi với Tần Cối rất gay gắt. Tần Cối sai người đến vừa khuyên vừa dọa Đôn Phục theo mình. Đôn Phục đáp:

– Tính tình của ta là tính của gừng, của quế, càng già lại càng cay. Xin đừng nói nhiều! (*Ngô khuông quế chi tính. Đào lão du lạt...*),

Vì vậy người xung quanh mới gọi Đôn Phục là Lão Lạt. Lưu

Khắc Trang viết bạt cho tập thơ của họ Triệu cũng dùng hai từ *Lão lạt* này: *Thơ của Triệu Quân Quý, ngũ ngôn cũng như thất ngôn đều có nguồn gốc Văn Đường. Nhưng siêu thoát hơn, không bị vần luật ràng buộc. Ca hành thì bi phần, khẳng khái, có cái cứng rắn của bậc Lão lạt. Chẳng khác gì Lu Đồng...*

LẦU ÔNG SAY

Âu Dương Tu còn tự đặt cho mình biệt hiệu Túy Ông (Ông Say). Thời nhà thơ làm thái thú ở Trừ Châu, vùng này có một lầu hóng mát của một nhà sư trong núi, cách phủ đường khoảng bảy dặm, nhà thơ hay vào chơi, nhân tiện, đặt tên cho lầu này là *Túy Ông đình*. Nhà thơ còn làm một bài văn: *Túy Ông đình kí* (Bài kí về lầu Ông Say). Nhà thơ kể:

Quanh đất Trừ Châu đều là núi non. Riêng các dãy núi phía tây nam, rừng suối đều tuyệt vời. Hãy nhìn kĩ núi Lang Nha mà xem: cây cối um tùm, tươi tốt. Men theo sáu bảy dặm, tiếng suối reo róc rách giữa hai vách núi. Đó là suối Nhưỡng Tuyền. Đường quanh co uốn khúc, bỗng một cái lầu hiện ra bên suối. Đó là lầu Túy Ông. Dựng lên ngôi lầu là nhà sư Trí Tiên, đặt tên lầu là quan thái thú.

Thái thú cùng khách uống rượu. Uống ít say nhiều. Tuổi lại cao, cho nên lấy tên là Túy Ông. Túy Ông không say vì rượu, mà say vì phong cảnh. Phong cảnh làm cho lòng vui. Rượu chỉ là mượn cố để hưởng thú vui... ⁽¹⁾

(1) Theo bản chữ Hán của *Cổ văn quan chí*, tập II. L.V.D. dịch. Có tham khảo bản dịch của Hoàng Khôi...

Câu văn: Túy Ông không say vì rượu... (*Túy Ông* chỉ ý bất tại *tửu*...) trở thành thành ngữ tiếng Hán. Về sau dùng để biểu thị bản ý vốn không như thế, mà là có ý khác kia. Hoặc là để chỉ một sự so sánh khác hẳn ý người nghe hiểu ⁽¹⁾.

Giang Doanh Khoa, trong *Tuyết Đào hài sử*, có kể:

Một nhà nho nghèo, phải đến mừng lễ thượng thọ của người thân. Nhưng không kiếm đâu ra một món đồ lễ gọi là. Nhà nho bèn kiếm một bình nước lã, đem đến, rót ra một chén, mời chủ nhà mà rằng:

– Xin kiếm một câu mừng thọ bác: *Quân tử chi giao đạm nhược*...

Sự giao du giữa người quân tử với nhau, trong sạch đạm bạc như... Vì nhà nho đang cầm bình nước, chén nước, nên ông ta cố tình trốn chữ *thủy* là nước ở cuối câu trên.

Chủ nhà cũng không vừa, trả lời ngay:

– Túy Ông chỉ ý bất tại...

Hai câu đối nhau, câu sau dùng lại thành ngữ cũng như câu một, và cũng trốn chữ *tửu*.

Chủ nhà nắm vững vàng văn Âu Dương...

LẦU TRI VỌNG CỦA BÁN SƠN CƯ SĨ

Phần *Cung thất* của *Cổ sự quỳnh lâm* có nói:

Bán Sơn cư sĩ, tức Vương An Thạch. Nhà thơ tên là Thạch,

(1) *Hán ngữ thành ngữ uế từ điển*, Đại học Bắc Kinh, Trung văn hệ, 1973.

nghĩa là đá, nên lấy hiệu là Bán Sơn (đá nhưng chỉ thành nửa núi thôi), xây một cái lầu, đặt tên là *Tri Vọng* (Biết cái gì không thực, biết cái gì là cần bậy) và còn viết một bài minh, treo trong lầu *Tri Vọng* rằng:

*Tri vọng vi vọng,
Túc vọng thị chân.
Nhân vọng vi chân,
Tuy chân diệc vọng.*

(Biết vọng là hư,
Thì vọng là thực.
Nhân vọng là thực,
Tuy thực cũng hư).

LẤY ĐÚC BÁO ĐÚC

Sách *Nhân phá kế*:

Thái thương họ Cố đời Tống, làm nha lại ở trong phủ. Thường có chuyện tiếp đón khách khứa, nên phải ra Chủ Thành, đến quán của họ Giang mua các loại bánh. Về sau, Giang bị một bọn vô lại vu oan; Cố nhờ quen thuộc ở trong phủ nên thanh minh cho Giang. Họ Giang được tha. Giang đem người con gái, mới mười bảy tuổi đến nhà Cố, để Cố làm thiếp. Vợ chồng Cố lấy lễ, từ chối không nhận, trả về. Giang lại mang đến một lần nữa. Cố vẫn không chịu.

Mấy năm sau, Cố vào kinh thành, đến nhà thị lang họ Hàn để trình việc công. Gặp đúng lúc thị lang đi vắng, phu nhân từ trong nhà trông thấy, mới hỏi:

- Ngài có phải là thái thượng họ Cố không? Ta chính là con gái của người bán bánh bao họ Giang năm xưa đây. Được đưa về là thứ thất. Chính phu nhân qua đời, ta được nâng lên chính thất. Cố được như ngày nay, đều do ơn của ngài năm xưa cả. Ta sẽ trình rõ những điều này với tướng công.

Thị lang trở về, nghe chuyện phu nhân kể, thị lang nói với Cố:

- Ngài thật là một người nhân đức.

Sau đó thị lang kể chuyện ở triều, đến tai Hiếu Tông (1163-1190, Nam Tống) hoàng đế khen mãi. Lệnh cho tra xem bộ nào còn thiếu quan chức thì cho bổ khuyết. Thế là họ Cố được làm Công bộ chủ sự.

LẤY TỪ ĐOÁN ĐẠI DẰNG KHOA

Hồng Mai, hiệu Cảnh Lư, khoảng niên hiệu Thiệu Hưng ⁽¹⁾, tới Lam An dự kì thi từ khoa. Ra khỏi trường thi, cùng một vài người bạn vào từ lâu họ Tôn ở phố Bảo Kiếm. Lúc này, trăng sáng như ban ngày, bạn bè cùng nhau đứng dựa lan can ngắm cảnh đêm. Bỗng thấy hai ngọn nến trên bàn tiệc đều có hoa, ánh sáng rực rỡ như ngọc liên châu, người con gái họ Tôn nhanh nhẹn chạy ra thưa:

(1) Thiệu Hưng: một trong hai niên hiệu của Tống Cao Tông. Mở đầu đời Nam Tống, từ 1131 đến 1163.

- Đêm nay hôn quế huy hoàng thế này, hoa đèn lại báo tin mừng, các ngài văn bài chẳng có gì phải băn khoăn. Xin các ngài mỗi người một bài từ, gọi là ghi lại một giai thoại cho đời sau! ⁽¹⁾

Tự Minh làm xong trước tiên một bài theo điệu *Hoãn kê sa*:

*Thảo thảo bơi bàn phỏng Ngọc Chân,
Đăng hoa trình hỉ tọa thêm xuân.
Ngạo lang mệnh cú yếu thanh tân.
Đại tiến ba kiều tình mạch mạch,
Vân khinh liễu nhược ý chân chân.
Tùng kim phong nguyệt thuộc nhàn nhàn.*

(Ngổn ngang tiệc rượu tìm người ngọc,
Báo hỉ hoa đèn rạng ánh xuân.
Lời ngọc mời chàng thêm vẽ mới,
Vẽ mây, sóng mắt dáng thanh tân.
Liều gảy mây nhẹ ý phân vân,
Thôi nhè gió trăng mặc sức nhàn)

Ai nấy truyền nhau tán thưởng, nhưng đều thầm nghĩ câu cuối:
Tùng kim phong nguyệt... có vẻ không được may mắn lắm. Cảnh Lư thì làm một bài *Lâm giang tiên*:

*Ỗ tịch lưu hoan, hoan chính hợp,
Cao lâu giai khí trùng trùng.
Thoa đầu tiểu triện chúc hoa hồng.*

(1) Theo *Tiên lục*, trong trăng có cung Quảng Hàn, có Hằng Nga, có cây quế. Phách quế, hôn quế chỉ mặt trăng, thuộc âm. Theo *Tấn thư*, Khánh Săn tâu: *Thần đồ đầu vì bài đối sách, cũng như một cành quế trong rừng quế*. Từ đó *bé quế*, chỉ thi đậu.

*Trúc tu tương hỉ sự,
Lai báo chủ nhân công.
Quế nguyệt thập phân quang chính mãn,
Quảng Hàn cung điện thông thông.
Hàng Nga tương đối khúc lan đông.
Văn thê tri bát viễn,
Bình bộ nhiếp xuân phong.*

(Dựa ghế, giữ cuộc vui lại, vui đúng lúc,
Trên lầu cao, khí đẹp hiện lớp lớp.
Thoa vàng, chữ tên đế, hoa đèn cùng lấp lánh.
Như muốn báo thắng tin vui.
Hãy nhớ thưa với chủ nhân,
Ánh sáng cung quế mười phần đầy đặn, tốt tươi,
Còn cung Quảng Hàn thì đường lối thênh thang.
Hàng Nga đứng đối diện ở lan can phía đông.
Thang mây biết chẳng xa,
Hãy thông thả mà bước theo gió xuân)

Cô gái họ Tôn rót một chén rượu lớn, cung kính đưa cho Cảnh Lư, chúc mừng:

- Ngài nhất định sẽ đậu cao. Đêm lạnh đêm nay chính là vì ngài mà có vậy!

Quả nhiên, khoa thi đó, Hồng Mai đậu. Ngoài ra, bọn người cùng đi đêm ấy đều hỏng cả.

(Theo Bản sự từ...)

LÍ SƯ SƯ: NỔI DANH TÀI SẮC MỘT THỜI XÔN XAO NGOÀI CỦA THIẾU GI... QUAN VUA

Theo *Từ hải*:

Lí Sư Sư là kĩ nữ nổi tiếng ở Biện Thành thời Bắc Tống. Bọn văn sĩ như Tấn Quán, Chu Bang Ngạn đều có quen thân, thường xuyên đi lại và đều còn thơ lẫn từ tặng Lí, đến nay vẫn còn. Tống Huy Tông nhiều lần vì hành ra nhà Sư Sư.

Sau đó họ Lí được phong Minh Phi.

Trong nạn Tĩnh Khang, họ Lí bị phế làm thứ dân. Lưu lạc ở vùng Hồ, Tương.

Truyện về Sư Sư được ghi trong nhiều sách. Mỗi nơi một khác. Có thể kể: *Quý Nhĩ tập*, *Hạo Nhiên trai tập* dầm, *Thanh nê liên hoa kí*, *Tuyên Hòa di sự*, *Biện Đô bình khang kí*, *Mặc Trung mạn lục*...

Chỉ riêng sách *Lí Sư Sư giai truyện* thì nói khác hẳn các sách trên này. Huy Tông nhường ngôi, Khâm Tông tức vị. Lí bỏ ra làm nữ quan. Giặc Kim vào Biện Châu. Chủ tướng Kim là Thát Đạt đòi kĩ được Sư Sư. Trương Bang Xương đành vâng lệnh tìm kĩ được Lí để thỏa mãn đòi hỏi của Thát Đạt. Lí bị bắt, nhưng không chịu khuất, rút trăm vàng nuốt mà tự tử...

Trong *Hậu Thủy hử* – không phải *Thủy hử hậu truyện* – tác giả còn xây dựng Lí Sư Sư thành một hình tượng phụ nữ hấp dẫn,

đứng làm trung gian cho cuộc đàm phán giữa các lãnh tụ Lương Sơn Bạc với vua nhà Tống... Tất nhiên, sự hư cấu ở đây vượt xa các sách kể trên kia...

LIÊN CÚ

Tịch Xuyên tiểu lâm kể:

Đêm đến, trong thôn bạn bè gặp nhau: một thấy đồ, một thấy lại, thêm cả một thấy phù thủy. Kể chuyện văn xong quay ra làm thơ: mỗi người phải đọc một câu nói về nghề nghiệp của mình cho thành một bài tứ tuyệt. Thấy lại đọc trước:

Mỗi nhật bài nha thứ đệ lập ...

(Mỗi ngày nha lại theo thứ tự mà đứng ...)

Thấy thuốc tiếp:

Dược hữu ôn lương hàn táo thấp ...

(Thuốc có nóng mát, lạnh, táo, thấp...)

Thấy đồ đọc:

Dạ thâm nương tử tảo lưu trang...

(Đêm khuya cô gái đã dậy chải tóc...)

Thấy phù thủy kết:

Thái Thượng Lão Quân cấp cấp cấp ⁽¹⁾.

LIỄU TAM BIẾN

Phùng Mộng Long kể:

Liều đậu tiến sĩ thật chật vật, mà đậu xong, vẫn không được bổ một chức quan dù nhỏ. Có người tiến cử lên triều đình, nhưng Tống Thần Tông phán:

- Con người này là của trước gió, dưới trăng. Hãy để cho ông ta đi mà nặn thơ từ (*Thủ nhân phong tiền nguyệt hạ, thủ khứ điền từ*).

Liều vì vậy trở nên bất đắc chí. Chẳng còn gì bố buộc, Liều thường tự xưng:

- Ta là Liều Tam Biến, vâng mệnh nhà vua, chuyên đặt từ khúc!

Liều chết, trong nhà không một đồng, đám kĩ nữ phải góp tiền chôn cất. Hàng năm vào mùa xuân, họ rủ nhau đi viếng mộ Kì Khanh. Gọi là *Ngày hội viếng Liều Thất*.

Từ Vưu có thơ vịnh họ Liều:

(1) Thái Thượng Lão Quân. Đạo giáo, các thầy phù thủy tôn xưng Lão Tử.
Cấp cấp cấp: lời sai khiến, giục giã ở cuối các bài cúng của phù thủy.

*Sinh tuy bạch y tiên,
Tủ đặc hồng quần lân.
Bác mang chùng luy luy,
Bạch dương phong mấn thiên.
Liều tương đại hữu tác,
Thùy phục truy hoàng tuyền?
Ô hô! Liều Tam Biển,
Phong lưu chí kim truyền.
(Áo trắng khoác tuy nghèo,
Hồng quần biết mấy thương.
Cửa Bác mở má khắp,
Bạch dương đẩy trời reo.
Lấy ai người thay được?
Suối vàng mấy kẻ theo?
Thương thay Liều Tam Biển,
Phong lưu tiếng vẫn treo)*

Có lẽ Nguyễn Du cũng đã có đọc bài thơ vịnh này của Tử Vưu:
Suối vàng mấy kẻ theo, nên ông viết trong *Điếu La Thành ca* giải:

*Tương thị nhân gian vô thức thú;
Cửu tuyền khú bạn Liều Kì Khanh.*

(Chắc nghĩ rằng ở đời không ai hiểu mình,
Nên xuống dưới suối vàng làm bạn với Liều Kì Khanh)

LIẾU VĨNH KHÔNG ĐƯỢC COI TRỌNG?

Lịch sử văn học Trung Quốc, tập II, cho rằng, Tấn Quán thường được Tô Thúc khen ngợi. Và thực tế họ Tấn có nhiều thành công trong sáng tác từ khúc. Nhưng không phải lúc nào họ Tấn cũng đi theo được con đường của Tô Thúc đã khai phá trong lĩnh vực từ. Có nhiều khi, họ Tấn lại theo con đường của Liễu Vĩnh.

Trong *Hoa Am từ thoại*, Hoàng Thăng kể lại:

Thiếu Du, tức Tấn Quán, từ Cối Kê lên kinh đô chơi, gặp Đông Pha, Pha nói:

- Không ngờ sau khi chia tay, ông lại học Liễu Thất (tức Liễu Vĩnh) làm từ?

Tấn Quán đáp:

- Tôi tuy đốt nát, cũng không đến nỗi thế.

Pha tiếp:

- Say đắm vào chỗ đó, chẳng phải là cách làm từ của họ Liễu sao?

Chỗ đó, theo Tô Đông Pha, chính là *mô tả diễm tình trai gái, mở rộng đến các mặt thương xưa buồn nay, khóc người chết, đưa người sống...*

LONG ĐỒ CÁC TRỰC HỌC SĨ

1. Tiểu sử:

Theo *Từ nguyên*:

Bao công, tên thật là Bao Chứng, tự Hi Nhân, người Lô Châu, Bắc Tống, nay là Hợp Phì, tỉnh An Huy, sinh năm 999, mất năm 1062. Tính tình thẳng thắn, cương trực. Đậu tiến sĩ. Thời Nhân Tông, nhận chức Long đồ các trực học sĩ. Sau đó làm tri phủ Khai Phong, chuyển sang Tả tư lang trung.

Họ Bao vô cùng căm ghét lũ quan lại gian tham. Bản thân lại rất trung hậu. Trong công việc, nhất là án tù, ông rất kiên nghị, không chịu theo thế tục. Vì vậy đã cứu sống nhiều trường hợp oan ức trong hình sự. Từ đàn bà đến trẻ con đều biết tiếng. Kinh đô có câu ca: *Quan tiết bất đáo, hữu Diêm La Bao lão* (Quan không giữ được phẩm hạnh, đã có Diêm La họ Bao già). Dân chúng còn đồn, họ Bao không bao giờ cười. Phải đợi năm trăm năm, nước sông Hoàng Hà lại một lần trong, thì Bao công mới cười một lần. Vì vậy cũng được gọi là Bao Thiết Diện, tất nhiên, với ý tốt.

Truyền thuyết còn nói Ngọc hoàng sai Văn tinh là Bao Chứng, Vũ tinh là Dịch Thanh xuống để giúp nhà Tống ... Họ Bao còn là đối tượng khai thác của một loại sách xuất hiện ở đời Tống: Tiểu thuyết công án.

Loại sách này thời Minh Thanh rất phát triển.

2. Bao Công bị đầu độc?

Phần mộ họ Bao hiện vẫn còn ở Hợp Phì, bia trên mộ có ghi rõ cái chết đột ngột của ông.

Theo bia, ông ốm chỉ mười ba ngày thì qua đời. Trong những ngày ốm có uống thuốc quý của quan trên đưa xuống.

Người ta ngờ rằng vì họ Bao dám can vua, dám xử án công minh, không chịu sợ quyền uy, không nể nang, nhân dịp này, chúng đầu độc ông. Gần đây, Viện nghiên cứu vật lí, thuộc Viện hàn lâm khoa học Trung Quốc và Bảo tàng An Huy đang khám nghiệm, người ta thấy can xi, sắt, thủy ngân trong xương có tỉ lệ cao hơn người thường. Nhưng hiện vẫn chưa có kết luận chính thức.

3. Bao Công bị lừa:

Một tên nhà giàu can tội, theo pháp luật thì bị phạt gậy. Biết họ Bao không thể mua chuộc, y tìm đến một thuộc hạ của ông. Tên này bày kế:

- Lúc quan lớn sai ta phạt trượng, ngài cứ la to. Ta sẽ có cách. An thi hành, y lu loa kêu oan. Tên thuộc hạ quát:
- Quan lớn phạt trượng là đáng. Kêu nổi gì.

Bao Công vốn ghét quan lại nạt nộ dân chúng, nghe thấy thế, lệnh phạt tên thuộc hạ mười bảy roi. Và cục đoan hơn, tha tội cho tên nhà giàu...

(Theo Văn nghệ; Hà Nội, 1994)

LONG TỔNG, THỊNH ĐƯỜNG

1. Đường Tống văn thuần:

Do Cao Tông nhà Thanh xuống chiếu và coi sóc việc biên soạn.

Trừ Hàn, Liễu, Tam Tô, Âu Dương, Tăng, Vương ra, sách chọn thêm văn của mười nhà khác.

Sách gồm 58 quyển (*Từ nguyên...*).

2. Đường Tống thi thuần:

Cũng do Cao Tông nhà Thanh chủ trì biên soạn.

Nhà Đường thi họ chọn: Lí Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị và Hàn Dũ thời. Còn thời Tống thi người được chọn là Tô Thức và Lục Du.

Ý định của người làm sách là chỉ ra rằng: Lí Đỗ là dòng chính của thơ ca, Bạch Hàn Tô Lục là vây cánh.

Sách gồm 47 quyển (*Từ nguyên...*).

3. Đường Tống bát đại gia:

Sách do Mao Khôn đời Minh biên soạn.

Nhà Đường có mặt văn của Hàn Dũ và Liễu Tông Nguyên. Nhà Tống thi Âu Dương Tu, Tô Tuân, Tô Thức, Tô Triệt, Vương An Thạch, Tăng Củng. Gồm tám nhà. Từ sau sự ra đời của sách này, cách nói: *Đường Tống bát đại gia* mới thịnh hành.

Trưởng Sơ Trai tùy bút thì nói rõ thêm:

Đường Tống bát đại văn, người thế chỉ biết là bát đại được mình định từ Mao Khôn thời Minh. Nhờ Mao Khôn biên soạn *Đường Tống bát đại gia văn sao* được lưu hành rộng rãi ở đời, mà không biết rằng điều này đã bắt đầu từ sách *Đường Tống lục tiên sinh tập* của Chu Hữu cũng đời Minh.

Thời Nam Tống, Lã Tổ Khiêm có làm sách *Cổ văn quan kiến*, hai quyển. Sưu tầm sáu mươi hai bài văn. Trong đó văn của tám nhà chiếm tới sáu mươi bài rồi.

Tạ Phương Đắc biên soạn *Văn chương quỹ phạm*, bảy quyển.

Sao lục sáu mươi chín bài văn, thì tám nhà chiếm năm mươi chín thiên rồi.

Cho nên, tuy chưa có tên *Đường Tống bát đại gia*, nhưng thực ra điều ấy đã có sẵn trong sách các nhà rồi.

LÒNG NHÂN ÁI CỦA ÔN CÔNG

Theo *Nhân phả*....

Đời nhà Tống, Chu Mậu Thúc, trước cửa sổ, có cây mọc đầy, Chu cũng không nhổ, chặt gì cả. Có người hỏi. Chu đáp: *Cây cỏ, chim thú cũng như con người ta vậy thôi!*

Tư Mã Ôn công cũng xử sự tương tự. Họ Tư Mã nói: *Người đời có thói quen có vương chân đi thì cắt hết. Cây cối vương đầu mũi thì chặt cho quang mà không nghĩ rằng chúng cũng là những sinh vật trong cõi tự nhiên, cùng với con người tồn tại. Vì vậy chúng cũng muốn sống hết cái đời sống tự nhiên của chúng...*

LỜI LÊ CỦA THÂN PHỤ ANH EM HỌ TÔ

Tô Tuấn có bài tán văn nổi tiếng: *Biện gian luận* (Bàn luận về việc nhận biết kẻ gian trá). Bài văn như một luận chiến, của *cựu đảng*, chỉ đích danh người lãnh đạo *tân đảng* là Vương An Thạch, với lời lẽ rất gay gắt. Xin trích vài đoạn:

Xưa, Sơn Cự Nguyên, gặp Vương Diễm, có nói:

- Làm hại dân chúng trong thiên hạ, chính là thằng này.

Quách Phấn Dương, thấy Lư Kỉ cũng bảo:

- Thằng này mà đắc chí, thì con cháu ta sẽ không còn sót một mống ⁽¹⁾.

... Hiện nay có một đứa, tuy miệng thì tụng niệm lời của Khổng Tử, Lão Tử, thân thì bắt chước đức hạnh của Di Tể, nhưng lại chỉ thu nạp lũ hiệu danh, bọn bất đắc chí, rồi cùng nhau thành lập một văn phái, tự ý đề ra danh hiệu riêng. Tự cho mình là Nhan Uyên, Mạnh Kha tái thế. Tên thì âm hiểm ghê khiếp, chí thú khác hẳn mọi người. Tên đủ cả cái xấu của Diễm Kỉ. Như vậy cái họa do đứa ấy gây ra há có thể nói hết được ư? Phàm mặt dơ, quên không rửa, áo bẩn quên giặt, cũng là thói thường tình của con người. Nhưng đối với tên này thì không thế. Hắn mặc cái áo của thằng mọi nê lệ, ăn đồ ăn của đàn heo chó. Dấu thì bù lên như dấu thằng tù, mặt thì lem luốc như đứa để tang ... Hắn nhờ cái tiếng tăm trùm đời để che đậy cái việc làm hiểm họa chưa xảy ra của hắn... ⁽²⁾.

(1) Sơn Cự Nguyên, Vương Diễm, người đời Tấn. Quách Phấn Dương, tức Quách Tử Nghi, người đời Đường. Lư Kỉ, người đời Đường, chính là nhân vật hãm hại Mai Bá Cao trong truyện *Nhị độ mai*.

(2) Theo bản dịch *Đường Tống bát đại văn gia* của Nguyễn Hữu Lương, có thay đổi một vài chữ, khi đối chiếu với nguyên bản trong *Cổ văn quan chi*.

LỤC DU CA NGỘI LÍ DỊ AN

Lục Du trong *Lão Học Am bút kí* có viết:

Dị An cư sĩ giỏi viết chữ, vẽ rất đẹp. Từ khúc nổi tiếng, lời lẽ rất trau chuốt. Cho đến bây giờ, các vị học giả, mỗi lần đọc *Kim Thạch lục tự* thì tâm thần sáng khoái đến cùng cực.

Không hiểu sao, một người đàn bà không còn trẻ nữa mà có thể sinh được những lời hoa gấm đến thế? Thật là đại kì. Thật là đại kì!

Hai người này, có năm sinh, năm mất là: Dị An, 1084-1151; Lục Du, 1125-1210, nên những nhận xét trên đây của Lục Du có thể coi như đại diện cho xu hướng tán thưởng Dị An của đời Nam Tống rất đáng tin cậy vậy.

LỤC NGÔN TUYỆT CÚ

Các tuyển thơ Tống, tập *Tống nhân thiên thủ tuyệt cú* chiếm một vị trí độc đáo, hấp dẫn. Trong *Một ngàn bài tuyệt cú của người đời Tống* này, Nghiêm Trường Minh, sống vào đời Thanh, chỉ tập hợp toàn thơ tuyệt cú. Tất nhiên, thất ngôn nhiều hơn cả, sau đó là ngũ ngôn, rồi đến lục ngôn.

Thất ngôn, bảy quyển, 686 bài, 269 tác giả.

Ngũ ngôn, hai quyển, 216 bài, 112 tác giả.

Lục ngôn, một quyển, 98 bài, 44 tác giả.

Thơ lục ngôn ở đây cũng khác thơ lục ngôn của Việt Nam thời Lê. Lục ngôn của Việt Nam, thường chỉ một, nhiều là hai câu sáu. Của đời Tống, toàn bài đều lục ngôn. Xin đơn cử một bài: *Đề Tây Thái nhất cung bích* (Đề trên tường cung thứ nhất của điện Tây Thái):

*Nhị thập niên tiền thủ địa,
Phụ huynh trì ngã đông tây.
Kim nhật trùng lai bạch thủ,
Dục tầm trần tích đô mê.*

(VƯƠNG AN THẠCH)

(Hai mươi năm trước đây, cũng nơi này,
Cha anh dắt tay đi khắp ngõ ngách.
Hôm nay trở lại đầu đã bạc trắng,
Muốn tìm dấu vết cũ đều mờ màng như mê)

LƯU CÔNG PHỦ LÀM CHIM

Sách *Phụ chương lục đời Tống*:

Vương Kinh Công cùng khách ngồi uống rượu. Có người đưa ra tửu lệnh: lấy chữ trong *tứ thư ngũ kinh* giả làm được tiếng chim. Khách có người đọc:

- Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã ⁽¹⁾.

(1) Chữ của *Luận ngữ*: Biết thì nói rằng biết, không biết thì nói không biết, chính là biết vậy.

Không ai nổi được. Lưu Công Phủ bỗng lên tiếng:

- Tôi chỉ lấy từng chữ, không lấy cả câu, để bắt chước tiếng chim *bắt cô trôi cột* thôi nhé: "Cô bắt cô! Cô!".

Cả bàn tiệc cười thả cửa ⁽¹⁾.

LƯU ĐỨC THẦN NÓI CÀN

Trần Nguyên Tịnh viết trong *Sự lâm quảng kí* đời Tống:

Trong làng có Lưu Đức Thần tuy chăm học nhưng văn lí chưa thông, bàn cãi vong mạng. Anh ta vận bạn bè:

- Văn chương Ban Cổ lỗi lạc như thế sao lại không được đưa vào *Văn tuyển*? ⁽²⁾

Bạn có người đáp:

- Các bài *Lương đô phú*, *Yên Nhiên sơn minh* đều là của Ban Cổ. Sao lại bảo là không?

Đức Thần cãi:

- Những bài đó là của Ban Mạnh Kiên. Không phải của Ban Cổ.

Ài nấy đành lạng lẽ cười. Đức Thần có biết đâu rằng Ban Cổ có biểu tự là Mạnh Kiên ⁽³⁾.

(1) Chữ Hán: *Bội cô. Cô bắt cô*, không có nghĩa. Nhưng trong *Luận ngữ*, rất nhiều câu có âm gần hoặc đồng âm hoàn toàn như thế này. Ví dụ: *Tử viết: Cô bắt cô, cô tại, cô tại! Thiên Ưng dã*. Khổng Tử nói rằng: Cái bình đựng rượu không cạnh góc, là cái bình gì vậy, là cái bình gì vậy?

(2) *Văn tuyển*, một hợp tuyển văn học nổi tiếng do thái tử nhà Lương là Tiêu Thống biên soạn, khoảng nửa đầu thế kỉ VI.

(3) Ban Cổ, 32-92, sau Công nguyên, sử gia nổi tiếng thời Hán. Anh ruột Ban Chiêu. Hai anh em cùng soạn *Hán thư*.

MA ĐÒI CHỦ ĐẸP

Hình Cừ Thục ghi theo lời kể của Vương Vĩnh Lão:

Họ Vương thôi việc quan ở Quan Châu trở về. Chờ ở sông Trường Giang đã bảy ngày, nhưng sóng gió không ngớt, chẳng thể nào qua. Các ông già vốn mấy đời ở bên sông hỏi:

- Có lẽ trong hành lí ngài có cái gì quý chăng? Thần sông ở đây thiêng lắm. Ngài phải đem của quý ấy ra mà dâng thì mới yên được sóng gió.

Vĩnh Lão xưa nay chẳng có cái gì quý, chỉ có cái chổi cán ngọc, làm bằng đuôi con chừ. Bèn đem ra làm lễ rồi ném xuống sông. Vẫn không có gì thay đổi. Lại hiến cái nghiền mực làm bằng đá Doan Khê nổi tiếng... Vẫn không xong. Hiến tiếp bức tranh đức Khổng Tử *thiết trướng giáo đồ* (chăng màn dạy học), vẫn chẳng chút hiệu nghiệm.

Đêm hôm ấy, họ Vương nằm ngủ, mơ có người nhắc:

- Ngài có cái quạt để bài thơ của Vi Ứng Vật ⁽¹⁾ bằng chữ thảo của Hoàng Đình Kiên:

*Độc lân u thảo giản biên sinh,
Thượng hữu hoàng li thâm thụ minh,
Xuân triều đại vũ vẫn lai cấp,
Đã độ vô nhân chu tự hoành ⁽²⁾.*

Sao ngài lại không nhớ?

Sáng ra, Vĩnh Lão lấy ra xem ngay. Lòng dạ hoảng hốt, vừa

(1) Vi Ứng Vật: nhà thơ nổi tiếng đời Đường. 737-780, người Trường An, đậu tiến sĩ. Thơ tả tâm tình nhân hạ. Mỗi bài thơ là một bức tranh đẹp.

(2) Xin xem giải thoại *Cái khó của khai sơn phá thạch*

ngắm những chữ đẹp như múa của họ Hoàng vừa trầm nghĩ: "Lâu nay mình có mà vẫn không biết là chữ của Hoàng Đình Kiên, sao các vị thần sông ở đây lại biết được? ". Bèn làm lễ dâng. Chưa cháy hết một tuần hương, thì trời nước đã lặng yên soi bóng, chẳng khác gì hai tấm gương chiếu vào nhau. Gió nam thổi nhẹ nhàng, cánh bướm giương đón gió chạy êm như ru.

Có lẽ thần sông là kiếp sau của khách đời Nguyễn Hựu⁽¹⁾ chăng? Nếu không thế, làm sao mà biết, mà ham mê mấy chữ thảo đến như vậy!

MA LÀM TỪ KHÚC

Theo Lãnh trai dạ thoại...

Hoàng Lỗ Trục lên đình Kinh Châu chơi, thấy cột đình có đề một bài từ:

*Liêm quyền khúc lan độc ý,
Sơn triển mộ vân vô tế.
Lệ nhân bất tăng tình.
Gia tại Ngô đầu Sở vị,
Sổ diêm tuyết hoa loạn ủy,
Phác lộ sa ôu kinh khởi.
Thi cú dục thành thời,
Một nhập thương yên từng lí.*

(1) Nguyễn Hựu, là niên hiệu của Triết Tông, đời Tống. Tương đương với Hoàng Đình Kiên. Nên Khách đời Nguyễn Hựu là chỉ họ Hoàng.

(Cuốn rèm riêng tựa lan can,
Núi mở mây chiều miên man.
Mắt lệ chưa từng ráo,
Nhà tại đầu Ngô cuối Sở.
Dập dờn hoa tuyết bay tan,
Kính hoàng hươu rừng âu bãi.
Câu thơ vừa nghĩ xong,
Chìm trong khói biếc la đà ⁽¹⁾)

Lỗ Trục⁽²⁾ đọc xong, than:

- Lời thơ cứ như từ trong lòng mình mà chảy thẳng ra vậy.
Di vi du phát dã! Nét chữ như là của dân bà. *Lệ trong mắt chưa bao giờ khô* thì thật chẳng khác nào lời của ma quỷ!

Đêm hôm đó, Lỗ Trục mộng thấy một người dân bà hiện lên nói rằng:

- Thiếp quê ở vùng núi Ngô Thành đất Dự Chương, theo thuyền khách đi đến vùng này, chẳng may rớt xuống sông chết đuối. Có hồn vất vưởng, lên đình Kinh Châu, cảm xúc mà làm nên bài từ ấy. Không ngờ ngài cũng nhận ra điều đó.

Lỗ Trục kinh ngạc:

- Thì thì đúng nường tử là Tiểu Long Nữ ở Ngô Thành rồi!

Bài từ được viết theo điệu *Giang đình oán* (Nỗi oán hận ở đình bên sông). Sự phù hợp này, có thể coi là nguồn gốc của điệu từ này chăng?

(1) Bài từ theo *Bản sự từ*...

(2) Hoàng Lỗ Trục, tức Hoàng Đình Kiên.

... MAI LÀ BẠN CŨ, HẠC LÀ NGƯỜI QUEN

(Nguyễn Du?)

Lâm Bô, 967-1028, tự là Quân Phục, người Tiến Đường, nay là thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết Giang. Tính tình điềm đạm, hiếu cổ. Không chịu ra làm quan, không cầu danh lợi. Ở ẩn trên núi Cô Sơn bên Tây Hồ. Suốt hai mươi năm, chân không bước tới thị thành. Vẽ giỏi, viết chữ đẹp, làm thơ hay.

Không vợ, không con. Trống mai nuôi hạc làm bạn suốt đời. Cho nên, người đời Tống bảo họ Lâm lấy *Mai thể, hạc tử* (Mai làm vợ, hạc làm con).

Chết được tặng thụy là Hòa Tĩnh tiên sinh. Đến nay vẫn còn mộ ở chân núi Cô Sơn cạnh Tây Hồ, bên cạnh là mộ của chim hạc.

Họ Lâm có nhiều thơ vịnh mai, trong đó có bài *Mai hoa*, có bốn câu đầu rất nổi tiếng - *Khoái chá nhân khẩu*:

*Chúng phương dao lạc độc huyền nhiên,
Chiếm tận phong tình hướng tiểu viên.
Sơ ảnh hoành tà thủy thanh thiên,
Âm hương phù động nguyệt hoàng hôn...*

Trong *Thơ Tống*, Nguyễn Văn Tú dịch:

Giữa đám hoa tàn giữ vẻ tươi,
Vườn con một mảnh đẹp mười mười.
Cảnh thưa bóng ngả ngang lòng nước,
Hương thoảng vờn trắng lóa góc trời

(Theo *Từ hải...*)

MẮN THÀNH PHONG VŨ ...

Thích Huệ Hồng thời Tống có làm sách *Lãnh trai dạ thoại*, gồm mười quyển, ghi đủ các loại chuyện mắt thấy tai nghe.

Trong những ghi chép của Thích Huệ Hồng, có những dòng dành cho Phan Đại Lâm, một trong những nhà thơ của *Giang Tây thi phái*. Phan vốn quê ở Hoàng Châu, nay là Ma Thành, tỉnh Hồ Bắc.

Trong thư gửi cho bạn thân là Tạ Vô Dật, có đoạn họ Phan viết:

Mùa thu về, nhìn cảnh sắc, đâu đâu cũng có thể là một câu thơ đẹp. Ngày hôm qua, nằm nhàn thanh thân, bỗng nghe tiếng gió thổi qua rừng cây, tiếng mưa rơi. Lòng như thức tỉnh, ngồi bật dậy, để ngay lên vách phòng trọ:

Mãn thành phong vũ cận trùng dương...

(*Đây thành mưa gió sắp trùng dương*⁽¹⁾)

Bỗng lão chủ tới đòi tiền thuê nhà, hứng thơ tan biến, thành ra chỉ có mỗi một câu thơ gửi tới bạn với tấm lòng trân trọng ...

Mãn thành phong vũ trở thành thành ngữ chỉ một tác phẩm, một ý thơ, câu thơ... đẹp, hay nhưng chưa trọn vẹn.

MẶT TRỜI CỦA NGƯỜI MÙ

Đông Pha có truyện *Nhật dụ* như sau:

Một người sinh ra đã bị mù. Vì vậy, anh ta không biết mặt trời là thế nào. Có lần, anh ta mới hỏi một người sáng mắt:

- Mặt trời hình dáng ra sao?

Anh sáng trả lời:

- Giống cái mâm đồng vậy.

Anh ta vẽ, lật cái mâm đồng ra, gõ kêu ngân nga trong trẻo. Anh ta nhớ làm lòng.

Một hôm, nghe chuông chùa đánh, anh ta bảo mọi người:

- Mặt trời đỏ!

Xung quanh có người bảo:

- Không phải đâu. Mặt trời chiếu sáng như ngọn nến ấy.

(1) Trùng dương, mừng chín tháng chín, tiết cuối thu.

Anh ta lại về tìm ngọn nến, sờ nắn thật kĩ. Hôm ấy, tình cờ cầm một cái sáo trúc, anh ta hét to:

- Mặt trời đây rồi!

Nhật du, nghĩa là ví dụ, so sánh với mặt trời.

MẪU MỤC VỀ ĐỜI TU

Theo Vương An Thạch...:

Cầm đầu cự đảng là Tu Mã Quang, cầm đầu tân đảng là Vương An Thạch. Đối kháng nhau về chính trị, nhưng trong đời sống riêng cả hai đều thành thực liêm khiết. Có một đời tu rất mẫu mực.

Một lần, vợ Vương, không hỏi ý chồng, kiếm ngay một nàng hầu cho chồng. Thiếu phụ vào chào Vương. Vương ngạc nhiên hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

Thiếu phụ thưa:

- Bà lớn bảo con vào hầu ông lớn.

- Nhưng chị là ai?

- Bẩm, nhà cháu đang lính, trong đội tái lương, lỡ để chìm thuyền lúa. Chúng con bán cả nhà cửa, vườn ruộng để đền cũng không đủ. Nên nhà cháu phải bán cháu cho bà lớn.

- Bán được bao nhiêu?

- Bẩm chín trăm đồng.

Vương An Thạch cho gọi chồng thiếu phụ đến, bảo dắt vợ về, và giữ lấy chín trăm đồng mà trả nợ nước.

MỀ TÍN CÙNG ... HAY!

Sách *Khải nhan lục* đời Tống kể:

Vợ một nhà nho ở một ấp gần kinh thành, tính ghen tuông, lại ngang ngược. Với chồng mà, vừa thì chửi bới, quá thì đánh đập hần hoi. Lại thường lấy dây thừng buộc chân chồng, lúc nào cần cứ kéo dây.

Chồng ngấm bần với một cô đồng, nhân lúc vợ ngủ, chống lên vào chuồng xí, mở dây thừng, rồi buộc vào một con dê. Xong xuôi, anh ta nhảy qua tường trốn mất.

Vợ ngủ trưa dậy, kéo dây thừng, thấy con dê, hoảng hốt. Mời cô đồng đến, khóc lóc. Cô phán:

- Mợ lâu nay góp đồn tội nghiệt. Thần thánh quả phạt, bắt chống biến thành dê. Phải thực thà hối cải thì nạn này mới qua khỏi được.

Vợ ôm lấy dê, nước mắt chan hòa, tỏ vẻ thực thà xót xa, thế không bao giờ dám ngược ngạo nữa. Cô bèn lệnh cho ăn chay bảy ngày, cả nhà lớn bé không được bén mảng tới nơi cô hành lễ ở ngay trên mặt ao. Anh chồng mới từ từ nhô lên khỏi mặt nước. Vợ trông thấy mừng rỡ rít:

- Mấy ngày nay biến thành dê có khổ lắm không?

Chồng đáp:

- Chỉ cần nhớ lại vị đắng của lá cỏ, bụng đã nổi cơn đau quặn lên rồi!

Vợ càng thương xót, từ đó trở nên biết điều hơn nhiều.

MỐI TÌNH VƯỜN THẨM BẰNG TÚ TUYỆT

Theo *Chuyện làng văn*....:

... Mười năm sau, bấy giờ Lục Du đã ba mươi tuổi, một hôm đi chơi chùa Vũ Tích, phía nam vườn họ Thẩm, không ngờ gặp lại Đường Uyển và người chồng sau. Đường Uyển không giấu chuyện riêng - mà có giấu cũng chẳng được - Sĩ Trinh cũng là một người phong nhã, nghe tiếng Lục từ lâu, nay gặp tỏ ra niềm nở, thân ái. Họ mời nhau vào quán uống rượu...

Không bao lâu, Đường Uyển ốm rồi qua đời. Vết thương lòng của họ Lục không sao lành được nữa.

Lúc về già, vườn Thẩm dù đã nhiều lần đổi chủ, họ Lục vẫn thăm nhiều lần, mỗi khi đến chùa Vũ Tích. Về chuyện này, ông có làm hai bài thơ nổi tiếng:

THẨMVIÊN (nhị thủ)

1.

*Thành thượng tà dương họa giác ai,
Thẩm viên phi phục cộ trì dài.
Thương tâm kiều hạ xuân ba lục,
Tằng thị kinh hồng chiếu ảnh lai.*

2.

*Mộng đoạn hương tiêu tứ thập niên,
Thẩm viên lão liễu bất suy miên.
Thủ thân hành tác Kê Sơn thổ,
Do diếu di tông nhất huyễn nhiên.*

VƯỜN THẨM

1.

Bóng xế thành hôm ốc gợn sầu,
Thăm viên dâu nữa dấu dài ao?
Dưới cầu sóng biếc trông đau ruột,
Đây bóng hồng soi thoảng lúc nào?

2.

Mộng đứt hương tan bốn chục thu,
Thăm viên liễu cổ chẳng bay tơ.
Thân này vùi đất Kê Sơn nữa,
Vấn nhỏ dòng châu khóc dấu xưa.

(KHOẢNG HỮU DUNG dịch)

Bấy giờ, họ Lục đã bảy lăm tuổi. Về đề tài này, ta còn tìm thấy trong nhiều bài thơ khác của họ Lục. Có thể đoán rằng, bà mẹ không chấp nhận cô con dâu, cũng là cô cháu, gọi mình bằng cô ruột này chỉ vì Đường Uyên không sinh được cho bà cháu trai nào để nối dõi tông đường họ Lục ...

MỐI TÌNH VƯỜN THẨM TỰ BẠCH BẰNG TỪ KHÚC

Theo *Bản sự từ*:

Lục Phóng Ông lấy con gái nhà Đường Hoành. Đường Thị gọi thân mẫu Lục Du là cô. Vợ chồng rất tương đắc, nhưng không hiểu nguyên do gì, Đường Thị bị mẹ Phóng Ông rất ghét. Cuối cùng phải bỏ nhà chồng mà về. Phóng Ông không tài nào quên được Đường Thị, ở nhà đọc sách riêng của mình, hai người vẫn thường gặp gỡ vụng trộm. Thân mẫu biết chuyện, tìm cách đưa mối người mỗi nơi trong im lặng. Cuối cùng, để yên ổn trong đại gia đình, họ Lục đành giấu yên tình xưa.

Đường Thị sau đó lấy con trai nhà họ Tôn là Sĩ Trình. Mùa xuân ra khỏi nhà, gặp Phóng Ông ở vườn Thẩm, phía nam chùa Vũ Tích. Đường Thị sai người họ Triệu bày tiệc rượu. Phóng Ông xúc động làm bài từ *Thoa đầu phương*:

Hồng tô thủ,

Hoàng thảng từu.

Mẩn thành xuân sắc cung tường liễu.

Đông phong ố,

Hoan tình bạc.

Nhất hoài sầu tự, kỉ niên li cách.

Thố, thố, thố!

Xuân như cữu, nhân không sáu.

Lệ ngân hồng tí giao tiêu thẩu.

Đào hoa lạc, nhân trì các,

Sơn minh tuy tại, cảm thư nan thác.

Mạc, mạc, mạc!

(Tay sửa đông,

Rượu ánh vàng.

Khắp thành xuân sắc, liễu đầu tường.

Gió đông ác,

Tình sao bạc.

Mấy năm xa cách, một lòng sầu muộn.

Lỡ, lỡ, lỡ!

Xuân như cũ, người sao gầy.

Nước mắt hồng đầm thấm lụa giao.

Hoa đào rụng, nhàn gác vắng.

Núi thể còn đó, thư gấm khó trao.

Chớ, chớ, chớ!)

Dường Thị vốn giỏi văn thơ, nghe xong liền đọc họa theo đúng
điệu *Thoa đầu phượng*:

Thế tình bạc,

Nhân tình ác.

Vũ tống hoàng hôn, hoa dị lạc.

Hiếu phong cân,

Lê ngân tàn.

Dục tiến tâm sự, độc ngữ tà lan.

Nan, nan, nan!

Nhân thành các, kim phi tạc.

*Bệnh hồn thường tự thu thiên sách.
Giác thanh hàn, dạ lan san.
Phạ nhân tâm vấn, lệ yết trang hoan.
Man, man, man!*

(Thế tình bạc,
Nhân tình ác.
Mưa tiễn hoàng hôn hoa dễ rụng.
Gió sớm khô,
Ngấn lệ tàn.
Uớc đẹp lòng này, riêng tựa lan can.
Khớ, khớ, khớ!
Người đôi ngả, nay khác trước.
Hồn vất vương theo sợi du tiên.
Tiếng tù lạnh, đêm dần tan.
Sợ người hỏi chuyện, nuốt lệ làm vui.
Dối, dối, dối!)

Sau đó, Đường Thị ôm mối hận lòng mà qua đời.

MỘNG KHÊ BÚT ĐÀM

Thẩm Quát, 1031-1095, tự là Tồn Trung, người Tiến Đường, là một trợ thủ tích cực cho những biến pháp của Vương An Thạch; cũng là một nhà lí luận nghệ thuật nổi tiếng thời Bắc Tống. Tác

phẩm *Mộng Khê bút đàm* của ông là sự kết tinh trong việc nghiên cứu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

Sách gồm 30 quyển, quyển 14 có kể:

Thơ của cổ nhân có câu:

Phong định hoa do lạc...

(Gió lặng hoa còn rụng...)

và đó là câu chưa ai có thể đối được. Vương Kinh công đối rằng:

Điều minh sơn cánh u.

(Chim kêu núi thêm u)

Điều minh sơn cánh u vốn là câu thơ của Vương Tích đời Tống. Nguyên câu đối đó là *Thiền táo lâm du tỉnh, Điều minh sơn cánh u* (*Ve kêu rừng tỉnh mịch, Chim hát núi thêm u*). Câu trên là trọng tĩnh có động, câu dưới là trọng động có tĩnh.

(Theo bản dịch của Mai Xuân Hải...)

MỘT CÂU LẠC BỘ VĂN HỌC: KÌ ANH HỘI

Văn Ngạn Bác quê ở Giới Hưu, tự là Khoan Phu. Đậu tiến sĩ đời Tống Nhân Tông. Cuối đời Khánh Lịch làm Đồng trung thư môn hạ bình chương sự. Được phong Lộ Quốc công.

Đến đời Hi Ninh, bị tế tướng Vương An Thạch đổ kị, phải ra làm Tiết độ sứ Hà Đông. Rồi xin về trí sĩ với hàm tư không.

Văn thờ trải bốn đời vua nhà Tống: Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông. Chết được đặt thụy là Trung Liệt. Sách viết có *Lộ Công tập*. Được xem là bậc hiền tướng nhà Tống, suốt năm mươi năm làm quan trọng thần, không có tiếng xấu.

Thời về Lạc Dương, họ Văn cùng với Tư Mã Ôn công ⁽¹⁾, Phú Bật... lập ra *Lạc Dương Kỳ Anh hội*, là một hội thơ, rất nổi tiếng thời Tống. Được coi là một *thịnh sự*. Hội thơ gồm mười hai vị sĩ đại phu tiếng tăm nhất. Theo *Mộng Khê bút đàm* thì là mười ba người.

MỘT NĂM MỚI ĐỌC XONG

Theo *Từ nguyên*:

Thái Bình ngự lãm là tên một bộ sách, năm thứ hai niên hiệu Thái Bình hưng quốc, 976-984, bọn Lí Phương vâng mệnh Tống Thái Tông soạn, gồm có 1.000 quyển. Lúc đầu có tên là *Thái Bình biên loại*, sau này mới đổi tên thành *Thái Bình ngự lãm*.

Theo sách *Xuân Minh thoái triều lục* thì sau khi sách viết xong, dâng lên vua. Thái Tông một ngày đọc xong ba quyển, trong vòng một năm thì đọc xong cả bộ, vì vậy vua mới ngự ban tên mới *Thái Bình ngự lãm*.

(1) Tư Mã Quang cũng đã từng làm tế tướng. Được phong Ôn Quốc công. Nổi tiếng đức hạnh. Người Tống gọi ông là *Vạn gia sinh Phật* (Phật sống của vạn nhà).

(Theo *Ấu học quỳnh lâm*...)

Sách được chia làm năm mươi lăm phần. Tư liệu rất sâu rộng, các sách xưa, sách hiếm được dẫn nhiều. Rất chú trọng việc phân loại, khảo thích.

Cũng thường được gọi tắt là *Ngũ lâm*.

MỘT NHÀ HAI CHỦ...

Tào Bân vây Giang Nam, mấy lần đánh bại quân nhà Hậu Đường. Vua Đường là Lí Dục trong cơn khốn quẫn, sai Từ Huyền đem vàng ngọc cùng sản vật quý của vùng đất Hậu Đường, dâng biểu xin hoãn binh. Từ Huyền tâu với Tống Thái Tổ:

– Chúa Lí Dục lấy lễ nước nhỏ thờ nước lớn, như con thờ cha. Làm sao mà bệ hạ vẫn cho quân chinh phạt?

Thái Tổ phán:

– Cha với con, mà mỗi người mỗi nhà, ai cũng là chủ, liệu có được chăng? Đất Giang Nam tội tình gì mà không được hưởng giáo hóa chung? Thiên hạ đã về một mối rồi, liệu có thể yên lòng khi ngồi nghe người khác ngáy ngay trên giường của mình không?

(Theo *Ấu học quynh lâm, Nhân sự*, quyển 3...)

MỘT NHÀ KHỐC HƠN HAY MỘT LỘ KHỐC HƠN?

Chu Hi có viết một quyển sách theo thể bút kí, mang tên *Danh thần ngôn hạnh lục*. Sách lập tức được hoan nghênh. Các đời sau: Nguyên, Minh, Thanh đều có nhiều người viết tiếp, sửa chữa, thêm bớt. Thành hẳn một loại sách như kiểu *người tốt việc tốt*. Mang tên *Ngôn hạnh lục*.

Xin kể một truyện trong *Danh thần ngôn hạnh lục*: Phạm Trọng Yêm tham chính. Thấy các lộ – đơn vị hành chính đời Tống, tương đương với tỉnh, các thuộc lại vừa bất tài vừa tham bẩn, họ Phạm bèn dùng một quyển sổ riêng, ghi tên tất cả các viên thuộc loại này, mỗi tên, khi tội đã rõ, đều được họ Phạm đánh một dấu móc bên trên để lập tức ra lệnh nghiêm trị.

Phú Bật thấy vậy mới nói khích Trọng Yêm:

– Cứ mỗi một dấu móc như thế là có một nhà khốc lớn đấy ngài ạ!

Phạm Trọng Yêm đáp ngay:

– Một nhà khốc, làm sao cho bằng cả một lộ khốc cho được, thưa ngài!

MỘT NHÀ THƠ NỮ BẤT ĐẮC CHÍ

1. Tiểu sử:

Họ Chu, tên Thục Nhân, sinh năm 1170, năm mất không rõ. Người Tiền Đường, tự đặt hiệu là U Thê cư sĩ.

Thuở nhỏ đọc nhiều sách, giỏi cả thơ lẫn từ. Nổi danh thời Nam Tống, không kém gì Lí Thanh Chiếu. Người đời sau tập hợp thơ từ của bà thành tập *Đoạn trường tập*.

Họ Chu lấy một người chồng lái buôn - có lẽ như người kĩ nữ trên bến Tầm Dương của Bạch Cư Dị: *Lão đại giá tác thương nhân phụ*... - nên trong thơ từ Thục Nhân thường thể hiện nỗi oán hận, lòng khao khát tình yêu đôi lứa...

2. Tác phẩm:

NGUYỄN DẠ

*Hòa thụ ngân hoa xúc mục hồng,
Yết thiên cổ súy não xuân phong.
Tân hoan nhập thủ sầu mang lí,
Cựu sự kinh tâm ức mộng trung.
Dẫn nguyện tạm thành nhân khiến khuyến,
Bất phương thường nhiệm nguyệt mộng lung.
Thường dâng na đặc công phu túy,
Vị tất minh niên thủ hội đồng.*

ĐÊM RẼM THÁNG GIÊNG

Lửa dâng bạc điểm rực đèn hoa,
Trống dậy trời xuân rộn gió đưa.
Vui đến giữa khi sầu rối ruột,
Việc còn để rộn nhớ trong mơ.
Chỉ mong người tạm cùng vương vít,
Chẳng quản trăng kia mãi mặt mờ.

Mái thường hoa dăng không chuốc chén,
Sang năm chưa chắc giống bây giờ.

(*Thơ Tống*, KHUÔNG HỮU DUNG dịch)

(Theo *Tổng thi nhất bách thủ*, *Từ hải...*)

MỘT NHÀ THƠ YÊU NƯỚC CUỐI TỐNG BẠN VĂN THỪA TƯỚNG

1. Tác giả:

Uông Nguyên Lượng, là một trong những nhà thơ yêu nước tiêu biểu cuối thời Tống, Biệt hiệu là Thủy Văn, quê ở Tiên Đường, nay là thành phố Hàng Châu tỉnh Triết Giang. Nguyên Lượng vốn là thầy dạy nhạc trong cung đình Nam Tống. Năm 1276, quân Nguyên kéo vào Lâm An, Tống Cung Đế, Triệu Hiến cùng với thái hậu, hoàng hậu – gọi chung là *Tam cung* – bị bắt đưa về bắc. Nguyên Lượng cũng đi theo.

Cuộc đi này, khiến họ Uông thế nghiệm bằng nước mắt, máu, sinh mạng của mình về nỗi nhục mất nước, làm được nhiều bài thơ thống thiết. Nguyên Lượng lưu lại Yên Kinh – nay là thủ đô Bắc Kinh – một thời gian rất dài, chính vào lúc Văn Thừa tướng bị giam ở đây, nên họ Uông thường đến nhà giam thăm nom chăm sóc Thiên Tường. Hai người, trong cảnh tù đầy, lưu lạc, nước mất, đất khách, vẫn cùng nhau xướng họa rất nhiều. Và tất nhiên, họ trở thành *cố tri* bởi *thiên lí tha hương* còn thua.

Và sau này, Nguyên Lượng xuất gia, làm đạo sĩ. Đến năm 1315, Nguyên Lượng vẫn còn sống.

2. Tác phẩm:

HỒ CHÂU CA TAM THỦ

*Nhất cúc Ngô Sơn tại nhân trung,
Lâu đài luy luy giản thanh hồng.
Cầm phàn hậu dạ yên giang thượng,
Thủ bảo tì bà ức cố cung.*

BÀI CA HỒ CHÂU (ba khúc)

Trong ánh mắt giờ đây, núi Ngô Sơn còn nhỏ đến
để vừa lòng tay,
Bên cạnh núi, lâu đài từng từng lớp lớp, lúc xanh
lúc đỏ.
Đêm nay, cánh bướm gấm chìm trong khói sương
trên mặt sông,
Tay ôm đàn tì bà nhớ về kinh đô cũ.

3. Bình giải:

Sự kiện *Tam cung* bị bắt về bắc trên xảy ra khi vua nhà Tống mới chỉ sáu tuổi. Việc đầu hàng tướng Nguyên Bá Nhan, hoàn toàn do bà nội nhà vua là Tạ Thái hậu và mẹ vua là Kim Thái hậu. Bá Nhan lúc này vẫn đóng quân ở Hồ Châu, nay là đất tỉnh Triết Tây. Y sai người xuống Lâm An tiếp nhận đầu hàng. Sau đó bắt tất cả đưa về bắc. Nguyên Lượng cũng trong số bị bắt. *Hồ Châu ca* là tác phẩm của cuộc đi không chút vui đó. Bài trên đây, tả lúc thuyền cách Lâm An chưa xa. Hai bài sau, không dẫn, viết vào những ngày sau của cuộc hành trình.

Chính vì thế, câu một, núi Ngô Sơn, lâu đài cao thấp của Hàng Châu vẫn còn trông thấy. Tất cả, giờ đã là quá khứ, "Xưa sao

phong gấm rủ là, Giở sao tan tác như hoa giữa đường, Mất sao..."
(Nguyễn Du), nên đều hiện lên trong thực tại tối tăm với những
nét lung linh huyền ảo...⁽¹⁾.

MỘT TAM GIÁC TÌNH YÊU: LÍ SƯ SƯ, CHU MỈ THÀNH, VUA HUY TÔNG

Theo *Bản sự từ* ⁽²⁾....:

Chu Mỉ Thành ⁽³⁾ tinh thông âm luật, mỗi khi làm được một điệu từ mới, giáo phường tranh nhau hát truyền rộng khắp. Mỗi lần về kinh thành Biện Châu đều ở trong nhà Lí Sư Sư. Từng làm nhiều thơ từ tặng nàng, trong đó có bài *Lạc Dương quân* nổi tiếng, có mấy câu cuối:

Tri âm hi hữu,

Dục tri nhật nhật ý lan sầu,

Dán vắn thu đình tiên liễu.

(Tri âm mấy kẻ,

Sao ngày ngày ngơ ngẩn dựa lầu.

Hãy hỏi hàng liễu dưới sân)

(1) Theo *Tổng thi nhất bách thư*, Trung Hoa thư cục xuất bản, Thượng Hải, 1959.

(2) *Bản sự từ*: Diệp Thân Hương, người đời Thanh soạn. Gồm hai quyển, quyển một, ghi chép giai thoại từ thời Đường, Ngũ Đại, Bắc Tống. Quyển hai, là Nam Tống, Liêu, Kim. Những giai thoại của *Bản sự từ* chọn ở đây, chúng tôi tuyển từ bản dịch theo Cổ điển văn học xuất bản xã, Thượng Hải, 1957; L.V.D. dịch. Chưa xuất bản.

(3) Chu Mỉ Thành, tức Chu Bang Ngạn, người Tiền Đường. Đời Huy Tông là Thái nhạc chính. Hiệu Thanh Chân cư sĩ. Có *Phiên Ngọc từ*, hai tập. *Từ Khiết* đánh giá: *Những nhà làm từ lớn, trước phải kể Tần Thiệu Du, Chu Mỉ Thành. Nhưng Tần còn cách xa Chu không phải chỉ ba xa. Các nhà làm từ cuối Tống đều từ Mỉ Thành mà ra...*

Sư Sư cũng tính chuyện gửi thân họ Chu, nhưng chưa xong. Một tối, Đạo Quân ngự ngay nhà Lí. Trong lúc vội vàng, Mĩ Thành không kịp tránh, đành phải nép vào giữa tường⁽¹⁾. Đạo Quân cho mang theo cả ghế mới của vùng Giang Nam vừa mới dâng hoàng đế. Những lời Huy Tông đùa cợt với Sư Sư, Mĩ Thành nghe rõ cả. Về sau Mĩ Thành đưa vào bài từ *Thiếu niên du*:

Đề thanh vấn:

- Hương thùy hành túc?

Thành thương dĩ tam canh,

Mã hoạt sương nùng...

(Thăm thì hỏi:

- Quán nào qua đêm?

Trên thành đã canh ba,

Ngựa trơn bước sương dày...)

Lại còn nhắc cả đến chiếc ghế mới *Lựa giàng mặt ghế, Đêm gần vừa êm, hương rừng chưa hết*. Nền lần khác, Đạo Quân ngự, Sư Sư hát, Đạo Quân nhận ra ngay bài từ nói về cuộc chơi của mình. Vua hỏi, Sư Sư phải tâu thực. Huy Tông giận lắm. Ra ngay lệnh đuổi Mĩ Thành khỏi kinh thành.

Mấy ngày sau, Đạo Quân lại ngự nhà Lí. Không gặp. Vua ngồi chờ mãi, hết canh một mới thấy Lí về. Mày ngài còn hoen dấu nước mắt, vẻ buồn càng tăng nét diêm kiều. Đạo Quân can vãn nguyên do. Sư Sư thưa:

(1) Nhà phương bắc Trung Hoa thời xưa, để chống rét lớn, người ta làm hai lớp vách. Giữa hai vách không khí không chuyển động, nên rất ấm. Ngăn giữa đôi khi thành kho nhỏ. Sau vụ *đốt sách chôn học trò* của Thủy Hoàng, người ta tìm thấy sách còn sót được ở lớp vách này trong đền thờ Khổng Tử, nước Lỗ.

- Bởi Mĩ Thành phạm thượng, phải đi khỏi kinh thành nên tối nay đặt tiệc tiễn. Không ngờ quan gia giáng lâm.

- Trong tiệc rượu, có bài từ nào mới không?

- Có bài từ điệu *Lan Lăng vương*.

- Hãy hát trăm nghe xem sao.

Sư Sư vội thay y phục, dâng rượu, ca rằng:

... Phất thủy phiêu cầm tống hành sắc.

Đăng lâm vọng cố quốc,

Thùy thức kinh hoa quyện khách?...

(... Nước ngược liễu bông bay tống biệt.

Lên cao với quê cũ,

Ai biết, phồn hoa chán khách?...)

Đạo Quân nghe ra, thích lắm. Lệnh gọi ngay Chu về. Ban cho chức Đại thịnh nhạc chính.

Ô hô! Bậc vương giả cử động như thế đấy! Thật là hợp với lời truyền, Đạo Quân chính là hậu thân của Lí Đồng Quang vậy ⁽¹⁾.

MỘT TRONG BÁT TIÊN LÀ CẬU VUA TỐNG

Theo *Tục Văn hiến thông khảo*, *Từ Châu chí*:

Truyện thuyết cho rằng một trong bát tiên là Tào Quốc cửu, em ruột Tào Thái hậu nhà Tống.

(1) Có lẽ là chỉ vua Hậu Đường. Lí Trang Tông. Mấy ông vua Hậu Đường này, việc nước không biết lo nhưng rất tài hoa, ăn chơi rất giỏi...

Tào Quốc Cửu vào núi tu tiên, gặp Chung Li Quyên, Lã Động Tân... cho nhập bọn. Đến năm thứ bốn mươi, đời Thiệu Hưng thì Tào *thoát xác* thành tiên ở Ngọc Hư quán. Quán này nằm cách huyện Từ Châu về phía đông nam năm mươi dặm, nay đổi thành chùa Dằng Vân.

Thế nhưng sách *Cai du Tùng khảo* thì lại nói:

Đọc kĩ Tống sử, Từ Thánh Quang Hiến thái hậu quả có một người em là Tào Cán, mất năm bảy mươi hai tuổi, không hề thấy nói gì việc tu tiên đắc đạo cả.

MUỐN SỐNG ĐEM VỚI QUÉT TRÁ ĐÈN

Triệu Nam Tinh kể trong *Tiểu tán*:

Một lần, tình cờ, Lưu Cống Phủ tới một gác rượu, thấy trên tường viết:

*Xuân vương chính nguyệt, công dũ phu nhân hội
vu thử lâu. Cái huê kì ám tửu giả sở vi giả.*

(Tháng giêng xuân đẹp, tướng công cùng phu nhân
gặp nhau ở lầu này. Dem theo kĩ nữ cùng uống rượu,
viết những dòng đây làm ghi).

Cống Phủ viết xuống phía dưới:

*Hạ hạn thu cơ, đông đại vũ tuyết, công băng. Quân
tử viết: "Bất độ đức, bất lượng lực, kì tử vu cơ hàn dã,
nghi dã".*

Mùa hạ hạn, mùa thu đói, mùa đông tuyết mưa lớn, tướng công chết. Bạc quân tử nói: "Không biết cái đức của mình bao nhiêu, không lường được sức của mình, đến nỗi chết đói chết rét, đúng quá rồi còn gì").

Lời bàn của người chép chuyện - tức Triệu Nam Tinh:

Trên đời này, những người như vị tướng công đây nhiều lắm, và rồi kết cục của họ cũng tương tự. Có vị Quốc công họ Cữu, tên Hi, thường đi lại hẹn hò với phu nhân họ Lí. Về sau gia tài khánh kiệt, lâm cảnh đói rét, phải đổi tên là Chiêu Tài, vào làm đầy tớ cho chính Lí Phu nhân. Mẹ Lí Phu nhân xấu hổ, đánh thuốc độc cho chết. Thật đáng thương mà cũng đáng ghét...

MUỖI HAI THẺ VÀNG TRONG MỘT NGÀY

Theo *Tống sử, Nhạc Phi truyện*:

Tấn Cối tâu với vua Tống, quân đội của Nhạc Phi lực lượng mỏng manh, không tạo được một thế liên hoàn, thế nào cũng thất bại, nên tìm mọi cách để vua Tống xuống lệnh rút về. Trong nội một ngày, Tấn Cối đã sai mười hai lần sứ giả cầm kim bài ⁽¹⁾ ra tận quân dinh của Nhạc Phi triệu ki được đội quân của Nhạc Phi về. Được lệnh, Nhạc Phi phấn uất, lăn ra đất gào khóc. Người xung quanh cũng phải tức tối mà thốt nên lời:

(1) Theo *Tống sử, Dư Phục chí* và *Mộng Khê bút đàm*, thì kim bài là tấm bảng gỗ, sơn đỏ chói, viết chữ bằng vàng thật, rực rỡ. Được ngựa phi như chớp để truyền đi, ngày phải đảm bảo trên năm trăm dặm, mang lệnh quân cấp thiết do ngự tiền phát ra. Nhanh hơn việc truyền những lệnh thường nhiều. Ai cũng phải tránh xa. Lệ này đặt ra vào thời Hi Ninh, đời Tống.

... - Công lao trong mười năm, bỏ đi trong một buổi sáng rồi thôi!

Thành ngữ *Thập nhị kim bài*, thường được dùng trong tiếng Hán, chỉ tình thế nguy khốn của một mệnh lệnh cấp trên, thường là phi lí...

MƯỜI HAI VỊ KHÁCH QUÝ

Trương Mẫn Thúc, một họa sĩ nổi tiếng thời Tống, chuyên vẽ hoa lá.

Họ Trương tôn mẫu đơn là *Quý khách*; hoa mai là *Thanh khách*; *Thọ khách* là hoa cúc; thuy hương là *Giai khách*; *Tổ khách* là hoa đình hương; hoa lan tôn là *U khách*; *Tĩnh khách* để gọi hoa sen; hoa trà mi được mang hiệu *Nhã khách*; hoa quế khoác tên *Tiên khách*; *Dã khách* là ngôi của hoa tường vi; hoa nhài không hiểu sao được mang tên *Viễn khách*; có khi là hàm ý chỉ nên thưởng thức hoa nhài ở khoảng cách xa thôi chăng? Hoa thược được gọi là *Cận khách*.

Thế là đủ mười hai vị khách quý. Tất nhiên các vị này là khách thường xuyên của giấy vẽ, của thơ từ họ Trương.

(Theo *Tam Du chuế bút ...*)

MƯỜI LOẠI KHÁCH CỦA TẦN CỐI

Theo *Lão Học Am bút kí*:

Tần Cối có đủ mười loại khách trong dinh của mình. Tào Quán, để làm thầy dạy dỗ các cháu nhỏ trong trường ở dinh, nên được gọi là *Môn khách*.

Vương Huệ, em trai của vợ, nên là *Thân khách*.

Quách Tri Vận, li hôn rồi, nhưng vẫn ở trong nhà là *Trục khách* (Khách bị đuổi đi).

Ngô Ích là chàng rể yêu được gọi là *Kiều khách*.

Thi Toàn là kẻ được chủ nhà nuôi để sai việc dao kiếm, nên đáng được gọi là *Thích khách*.

Lí Quý, chuyên lo việc yến tiệc, ca múa, nên được mang tên *Vũ khách*.

Họ Mỗ chuyên trông coi, quản lí tài sản của Tần Cối nên mang hiệu *Trang khách*⁽¹⁾.

Đinh Dị hay ra vào trong dinh - vì là thông gia - nên gọi là *Hiệp khách* (Khách thân cận) sống sã, không cần giữ phép tắc.

Tào Vịnh dự vào việc bàn mưu tính kế, nên cũng gọi là *Thuyết khách*.

Lúc đầu chỉ có chín loại khách này thôi, mãi đến khi Tần Cối chết, có một người đất Thục, tên là Sử Thúc Dạ, chẳng hiểu nguyên do gì, đến khóc lóc trước mộ Tần Cối, nên có hiệu là *Đồng Mộ Tiên*, vị khách thứ mười của dinh Tần Cối: *Điều khách*⁽²⁾.

Sử sách gọi là *Thập khách*.

(1) Theo sách *Tị thử mạt sao* (trong lúc tránh nắng ghi chép linh tinh) của Lục Du thì người tổng quản lí của Tần Cối này có tên là Tập Phủ.

(2) Cũng theo sách trên của Lục Du, thì vị *Điều khách* này đúng họ tên, quê quán như trên, mang gà xôi, mặc áo tang, đến khóc trước mộ Tần Cối chôn ở Kiến Khang. Người nhà Tần Cối mừng, thích lắm, kéo về tận dinh, đãi tiệc rất ân cần.

MƯỜI NGƯỜI BẠN

Theo *Tam Du chước bút*:

Tăng Doan Bá chọn mười loài hoa làm mười người bạn. Mỗi người bạn này đều có một biệt hiệu và được miêu tả trong một bài từ.

Trà mi thì được gọi là *Vân hữu*; hoa nhài được gọi là *Nhã hữu*. Thuy hương ⁽¹⁾ tôn là *Thù hữu*; hoa sen mang tên *Tĩnh hữu*; hoa quế đặt là *Tiên hữu*; hoa hải đường khoác áo *Danh hữu*; hoa cúc đội hiệu *Giai hữu*; hoa thược được dâng tên *Diễm hữu*; mai hoa chiếm hiệu *Thanh hữu*; chi tử ⁽²⁾ thì mang tên *Thiền hữu*.

MUỘN LỬA MẮNG SƯ

Túy Ông đàm lục của La Hoa đời Tống:

Vương Thử công người Kiến An, Nam Lăng. Một hôm, dây tổ thả lửa chạy rong vào ruộng mạch của chùa Quý An, vừa ăn vừa phá không ít. Nhà sư chửi mắng om sòm. Dây tổ về thưa lại với Thử công.

Sáng ngày hôm sau, Vương cười lửa, theo sau là dây tổ, tìm đến chùa, gặp nhà sư, Vương cất tiếng:

(1) Thuy hương: loại cây thân gỗ, cao khoảng bốn năm mét, mùa xuân ra hoa, trong trắng, ngoài hồng, tím. Có loại ra vôi hoa màu vàng, gọi là hoàng thuy hương. Cũng còn có tên là kết hương.

(2) Có lẽ là một loại hoa như hoa dành dành.

- Chiều hôm qua, con lừa trọc⁽¹⁾, ăn mất của hòa thượng một ít mạch. Con lừa này ở nhà vốn hiền lành, ra khỏi nhà ⁽²⁾ lập tức trở nên vô lễ.

Rồi gọi đầy tớ:

- Cởi yên cương ra, lôi con lừa trọc này, đánh cho một trận. Hãy đánh thật đau vào, để đến nỗi đánh hàm dưới, hàm trên cũng phải lác lư.

NĂM NĂM LẦN LỪA VUI CƯỜI...

Theo Diệp Thân Hương:

Trương Hiếu Tường tự An Quốc, làm tri phủ Kinh Khẩu. Vương Tuyên Tử đến thay. Hôm làm lễ lạc thành lấu Đa Cảnh, tri phủ mới mời tri phủ cũ tới để mấy chữ lớn vào tấm biển trước cửa lấu, rồi lấy ngay hai trăm lạng bạc của công quỹ làm nhuận bút. Trương từ chối không chịu nhận, mà đòi cho được một trăm tấm lụa màu hồng.

Thế rồi trong tiệc mừng sau đó, Trương cầm bút viết ngay một bài từ, sai tất cả kĩ nữ có mặt trong buổi lễ hợp xướng. Hát xong, họ Trương đem cả một trăm tấm lụa hồng thưởng cho ...

(1) Con lừa trọc (*thốc lư*) tiếng chửi các nhà sư.

(2) Ra khỏi nhà, họ Vương dùng chữ *xuất gia*, lại còn có nghĩa, bỏ nhà để đi tu của các nhà sư.

NĂM NỮ HỌC SĨ NHÀ HỌ TỐNG

Theo *Cổ sự bạch mi* ... Đời Tống, nhà Tống Diên Phương, có năm cô con gái. Con gái đầu là Nhược Tuy, cô tiếp theo là Nhược Chiêu, đều thông thạo văn từ, thế không lấy chồng, quyết nổi tiếng trong làng văn chương.

Nhược Tuy dạy dỗ các em rất chu đáo, nghiêm túc. Vua nhà Tống thường gọi cả năm chị em vào cung, hỏi nghĩa lí sách vở, làm thơ từ. Và gọi họ là *Nữ học sĩ*...

NGỌA LONG ĐẤT NAM DƯƠNG

Thạch Mạn Khanh có bài thơ tứ tuyệt:

Hùng bi thanh vị phùng hà mộ?

Long ngoạ Nam Dương khứ bất hoàn.

Thiếu niên khách du, kim quận thú,

Ủy nhiên nghi tại lập đàm gian.

(Có được giấc mơ sao mà muộn màng ?

Rong nằm ở đất Nam Dương đã đi là không về.

Thiếu niên còn làm kẻ lang thang dong chơi nay đã
lại là quan thái thú,

Dàng hoàng đứng giữa mọi người bàn bạc đủ chuyện)

Câu một và hai, họ Thạch dùng những điển tích văn học vẫn

thường thấy. Nhưng câu ba và bốn thì là một sự việc cố tính thời sự đối với tác giả:

Triệu Bình Thúc đến lang thang trong quân ngũ thuộc châu Liên Thủy. Quan thái thú gọi đến cho làm tay chân dưới trướng. Vài năm sau, họ Triệu đã thành học sĩ Viện hàn lâm, rồi ra nhận chức thái thú Liên Thủy...⁽¹⁾.

NGOÀI CHÚNG MỌI VIỆC ĐỀU THÔNG HẾT, DUY MỘT LÒNG NGƯỜI....

(Thơ chữ Nôm Trương Trình)

1.

Dương Liễn chân giả là tên một sư hổ mang sứ Tây Vực, nay thuộc tỉnh Duy Ngô Nhĩ. Thời Nguyên Thế Tổ được hoàng đế đầu tiên của Nguyên triều này đưa lên làm *Giang Nam Thích giáo tổng thống*. Để tỏ lòng khuyến mã, chính y đã xin với vua Nguyên cho khai quật, đập phá các lăng mộ của triều Nam Tống. Lại có thêm Tổng chế viện Tăng Kha làm chỉ điểm, nên một trăm linh một phần mộ của các hoàng đế nhà Tống và các đại thần bị đào bới không còn gì cả. Lăng tẩm này phần nhiều nằm ở Tiên Đường, Thiệu Hưng.

(1) Theo *Bạch mi cổ sự*, Vĩnh Tân thư cục ấn hành, Hương Cảng, 1960.

Thường ngày, vị chân già này, cây thế lớn, tước đoạt vàng ngọc, tài sản quý, cướp chiếm, hãm hiếp phụ nữ. Không điều ác gì không làm. Nguyên Thế Tổ vốn tin đạo Phật, nên dẫu có nhiều người tố cáo nhưng vẫn không bị hỏi tội.

(Theo *Từ hải...*)

2.

Lâm Cảnh Hi, 1242-1310, một trong những nhà thơ yêu nước thời Tống mất. Tự Đức Di, hiệu Tế Sơn. Người ở Bình Dương, nay thuộc tỉnh Triết Giang. Xuất thân từ thái học sinh. Từng làm giáo thụ Tuyên Châu, Phúc Kiến. Nhà Tống mất, bỏ quan về.

Khi xảy ra việc Dương Liễn chân già quật các lăng tẩm nhà Nam Tống, xương trắng phơi đầy, Cảnh Hi tìm nhặt từng xương, mai táng lại chu đáo. Lại trồng cây đồng thanh làm dấu. Còn viết bài thơ *Đồng thanh hành* tỏ lòng trung trinh bi phẫn. Có ảnh hưởng lớn trong thời đó và cả thời sau.

(Theo *Lịch sử văn học Trung Quốc*, tập II...)

3.

Nhà Tống mất, Lâm Cảnh Hi bỏ chức Tông chính lang tìm vào núi, làm nhà ở ẩn. Suốt đời không ra làm quan với tân triều.

Một hôm, nhân rỗi, nằm nhìn mấy tờ giấy mới dán kín cửa sổ cho đỡ lạnh, thấy đó là tờ tấu về việc chống quân xâm lược gửi lên vua nhà Tống xưa kia, Cảnh Hi cảm khái làm một bài tứ tuyệt:

SƠN SONG TÂN HỒ, HỮU CỔ TRIỀU PHONG SỰ CẢO,
DUYỆT CHI HỮU CẨM

*Ngẫu bạn cô vân túc lĩnh đông,
Tú xuyên dục tuyết địa lô hồng.
Hà nhân nhất chỉ phòng thu số,
Khuốc dữ sơn song chuồng bắc phong.*

CỬA SỔ NHÀ TRÊN NÚI, VỪA MỚI DÁN GIẤY, CÓ BÀI
TẤU, DẶNG TRIỀU CŨ, NHÂN ĐỌC CẢM XÚC THÀNH THƠ

Tình cờ ngủ ở núi phía đông, làm bạn với đám mây
cô độc,
Xung quanh núi, tuyết xuống đầy, ngồi ôm lò sưởi
đỏ rực.
Không biết tờ số tau vua về việc phòng giặc mùa
thu của ai,
Trái trở lại, bây giờ chỉ dùng vào việc ngăn gió bắc
cho cửa sổ ngôi nhà ở trên núi này)

(Theo Tổng thi nhất bách thủ...)

NGUY QUỐC THÁI PHU NHÂN TRỊNH THỊ

1.

Theo *Ấu học quỳnh lâm*...

Âu Dương Tu bốn tuổi đã mồ côi cha. Mẹ là Trịnh Thị, thế

thờ chồng nuôi con giữ tiết. Tự mình dạy con. Bà nói: *Cha con làm quan thanh liêm, lại hay giúp người, hay dãi bạn. Bổng lộc có ít, không thừa... Cho nên suốt đời, nhà ở không có, ruộng đất cũng không. Lấy gì mà mưu sinh, lấy gì mà đủ sống. Mẹ biết được vài điều, đợi con lớn sẽ truyền lại...* (1).

Trịnh Thị tự thân dạy chữ cho con. Nhà nghèo, không đủ tiền mua giấy bút nên bà lấy thân cây lau, viết xuống đất, dạy con học chữ... Sách xưa nói: *Tu Mẫu hạ dịch dĩ giáo tử, thùy bất xứng hiên* (2) (Bà mẹ của họ Tu, lấy que lau viết xuống mặt đất để dạy con, không thể không đáng là người hiền).

2.

Cha Âu Dương cũng đậu tiến sĩ, từng làm thối quan, phán quan ở các vùng Đạo Châu, Thái Châu. Được truy phong Sùng Quốc Công. Trong bài văn bia Âu Dương viết cho thân phụ: *Lũng Cương thiên biểu*, có đoạn về Trịnh Thị: *Thái phu nhân họ Trịnh, vốn là nhà danh tộc đất Giang Nam. Tính cung kiệm, nhân ái, hiếu lễ... Khi ít tuổi, ở nhà quen tính kiệm ước. Về sau cứ giữ nề ấy, có nói rằng: "Mẹ biết tính con, không a dua với đời được. Nên giữ nề cần kiệm để khi hoạn nạn vẫn giữ được mực thường!". Về sau, Tu bị biếm đi Di Lăng, Thái phu nhân cười nói như thường, bảo Tu: "Mẹ biết nhà ta nghèo, mẹ quen từ lâu rồi. Con cứ yên phận được thì mẹ cũng yên phận"* (3).

(1) *Lũng Cương thiên biểu*, bản dịch của Hoàng Khôi, *Cổ văn*, tập 3, Trung tâm học liệu Sài Gòn, 1970.

(2) *Ấu học cổ sự quận lâm*, thiên *Nữ nữ*, quyển 2. Hương Cảng, Vĩnh Tân thư mục ấn hành, 1959.

(3) Theo *Ấu học cổ sự quận lâm* thì Trịnh Thị được phong Hàn Quốc Phu nhân, nhưng theo *Cổ văn bình chú*, *Cổ văn quan chí* thì là Ngụy Quốc Phu nhân. Đều theo bản chữ Hán.

NGUYỆT TUYỀN NGÂM XÃ

Ngô Vị người Bồ Giang, tự Thanh Ông, sống vào cuối Nam Tống. Từng làm huyện lệnh Nghĩa Ô. Nhà Tống mất, Ngô bỏ quan về ẩn ở Ngô Khê. Lập một thi xã, gọi là *Nguyệt Tuyền ngâm xã*.

Năm Chí Nguyên, niên hiệu của Nguyên Thế Tổ, Hốt Tất Liệt, vua đầu của nhà Nguyên thiết lập vương triều trên cả cơ đồ Bắc, Nam Tống, họ Ngô làm bài phú: *Xuân nhật điền viên tạp hứng*, nói rõ việc mở cuộc thi thơ thất luật, ngũ luật với đề tài: *Tùy hứng về cảnh điền viên mùa xuân*. Tổng kết, có tới 2735 quyển thơ dự thi.

Họ Ngô mời hẳn các nhà thơ có tên tuổi của Nam Tống cũ đứng ra chấm bài, có thay tên, lấy tên hiệu, chấm xong, mới trả về tên thật - như kiểu chấm thi, đánh phách, đọc phách của các cuộc thi bây giờ, ví dụ, người được giải nhất là Liên Văn Phương thì mang tên hiệu là La Công Phúc. Tạ Cao, Phương Phụng, Ngô Tự Trai... được mời giám khảo, chọn ra được 280 tác giả có tên tuổi.

Sau đó, họ Ngô lại làm sách *Nguyệt Tuyền ngâm xã* nói rõ chuyện thi thơ này. Ngoài ra còn sưu tầm thơ văn của 60 nhà thơ tiếng tăm, với những bài thơ đôn hậu giản dị...

(Theo *Từ hải*...)

NGƯỜI BẠN GIÀ CỦA CHU HI

Thái Nguyên Định quê Kiến Dương, tự Quý Thông. Thuở thiếu thời hay vào núi Tây Sơn, ăn rau, uống nước suối, đọc sách. Nền

cũng có hiệu là Tây Sơn tiên sinh. Nhiều tuổi, tìm đến học Chu Hi. Lần đầu tiếp kiến, Chu cũng phải khâm phục, kinh ngạc:

- Đây chính là người bạn già của ta. Dâu có phải là hàng môn đệ được!

Thế rồi chủ khách ngồi hai giường song song mà đàm đạo văn chương, triết lí. Nguyên Định nhiều lần được vua Tống mời ra làm quan, nhưng đều từ chối. Hàn Sa Trụ lấy cớ cấm các tà giáo hoạt động, không cho Chu Hi lẫn Nguyên Định hành đạo. Đây Nguyên Định đi Đạo Châu.

Đến Xuân Lăng, xa gần đều biết tiếng, tìm đến học Nguyên Định rất đông.

Sách còn lại là: *Luật Lữ tân thư, Bát trận đồ thuyết, Đạo diễn trường thuyết...*

(Theo *Từ nguyên...*)

NGƯỜI HẦU GÁI THÔNG MINH CỦA TÔ ĐÔNG PHA

Vương Thế Trinh, người đời Minh, ghi lại những sự trạng của Tô Đông Pha trong *Điều ước biên*, có chuyện sau:

Đông Pha vào chầu vua xong, ăn no, lấy tay xoa bụng, đi lại thông thả trong dinh, hỏi những người theo hầu:

- Hãy đoán xem, cái gì trong này?

Một người thưa:

- Toàn là văn chương cả!

Họ Tô bảo không phải. Người khác thưa:

- Nơi chứa gan ruột người ta.

Đồng Pha vẫn chưa hài lòng. Đến lượt mình, người hầu gái quý của họ Tô là Triều Vân mới thưa:

- Kẻ sĩ của triều đình, nhưng ôm trong bụng toàn những thứ không hợp thời cả!

Nguyên văn lời của Triều Vân: *Triều sĩ nhất đồ bì bất hợp thời nghi.*

Đồng Pha thích chí, cười ha hả.

NGƯỜI LÀM THƠ *TRÍCH TINH*, BÂY GIỜ?

Cái tên *Thế Tây Côn* là do tập sách *Tây Côn thù xướng tập* mà có. Tập thơ gồm 248 bài ngũ ngôn và thất ngôn. Chủ yếu của ba người: Tiền Duy Diễn, Lưu Quân và Dương Úc, thần đồng của thời khai quốc nhà Tống, đã được nói tới trong giai thoại *Thơ hái sao*.

Dương Úc là người chủ trương của tập thơ. Trong lời tựa, ông viết:

Ông Tiền Duy Diễn ở tứ vi sảnh, hiệu là Hy Thánh, ông Lưu Quân ở bí thư các, hiệu là Tử Nghi, văn đều rất hay, càng tinh thông hơn về đạo nhà. Lời gọt giũa, chữ dùng hay, đọc lên rất khoái trá. Do các ông đã đọc nhiều sách xưa, nghiền ngẫm nhiều thơ đời trước, rồi hái được cái đẹp cái hay, xuất phát từ lòng sùng mộ, nên các ông đã cùng nhau xướng họa, phân tích.

Nhưng thực ra họ chỉ giỏi đeo gót, nhặt nhanh điển tích. Không có gì là sáng tạo. Dương Úc viết về Kinh Kha thì: *Lạnh lòng sông Dịch nghỉ mà buồn tênh*; về Biện Hòa thì: *Ngán nỗi vua Kinh ngồi đá quý*... Cho nên đã bị Thạch Giới phê phán:

Từ khi Hàn lâm Dương công để xuống lời dâm loạn, nịnh hót, làm thay đổi tiếng nói chính trực trong thiên hạ hơn bốn mươi năm, khiến cả gầm trời u u mê mê, không còn nghe được những tiếng văn nhã. Nên tôi thường nói thói đời ngày càng tệ bạc, văn chương ngày một mất dần.

(Theo *Lịch sử văn học Trung Quốc*...)

NGƯỜI THIẾP XẤU SỐ CỦA LỤC PHÓNG ÔNG

Lục Du ghé vào một trạm dịch, thấy trên tường có để một bài thơ tứ tuyệt:

*Ngọc giai tất xuất nào thanh dạ,
Kim tình ngộ đồng từ cố chi.
Nhất chẩm thê lương miên bất đắc,
Hô dăng khởi tác cảm thu thi.*

(Thêm ngọc suốt năm canh tiếng dế,
Giếng vàng lá cũ lia cành ngô.
Cô miên trần trọc chẳng thành giấc,
Đèn thấp, nỗi dài thu với thơ)

Họ Lục căn vận người làm. Thỉ ra con gái của viên coi trạm dịch. Họ Lục bèn đưa về làm thiếp. Mới được hơn nửa năm, Lục phu nhân không dung, nên phải đuổi khỏi nhà họ Lục. Người thiếp làm bài từ theo điệu *Sinh tra tử* rằng:

*Chỉ tri mi thượng sầu,
Bất thức sầu lai lộ.
Song ngoi hữu ba tiêu,
Trận trận hoàng hôn vũ.
Hiếu khởi mai tàn trang,
Chỉnh đón giáo sầu khứ.
Bất hợp họa xuân sơn,
Y cựu lưu sầu trú.*

(Chẳng hay sầu đâu tới,
Chỉ thấy đôi mi sầu.
Tiếng mưa rơi tí tách,
Trên tàu chuối song sầu.
Dậy sớm chôn hương cũ,
Những mong đuổi quách sầu.
Vẽ mây xuân, không nổi,
Dành ở vậy với sầu)

(Theo *Bản sự từ...*)

NGƯỜI THỢ ĐÁ VÀ TƯ MÃ QUANG

Sái Kinh vốn không ưa Tư Mã Quang. Năm quyển sinh sát trong triều rồi, Sái Kinh tìm đủ cách hãm hại Tư Mã. Không hiểu cái chết của ông, có bàn tay của họ Sái không? Nhưng khi Tư Mã chết rồi, lòng căm ghét ông của Sái Kinh vẫn chưa nguôi, Sái soạn một bài văn để ghi lại một việc gì đó, nhưng mục đích chính là để vu khống, nhằm bôi nhọ người đã qua đời. Và để bài văn được truyền rộng trong không gian và thời gian, Sái gọi thợ đến, lệnh khắc bài văn đó vào bia đá.

Thợ đá An Dân từ chối:

- Tôi không thể khắc bia nói xấu cho một người nổi tiếng trung thực như ngài Tư Mã được!

Sái Kinh lấy quyển nghiêng thiên hạ bắt An Dân phải làm. An Dân đành khước mà xin:

- Xin khắc, nhưng xin không để tên thợ khắc vào bia!

Vì rằng, ở Trung Quốc, cũng như ở Việt Nam, thợ khắc đá được coi như nghệ nhân, tên của họ cũng được khắc dưới bài văn bia như tác giả của bài văn bia đó.

(Theo *Giáo dục và thời đại*, Hà Nội, 1994)

NGƯỜI THỨ BA TRONG TÔ HOÀNG MỄ SÁI

1.

Mễ Phát đời Tống, vốn người Nhương Dương, ngụ cư ở đất Ngô, tự Nguyên Chương, hiệu Hải Nhạc Ngoại Sử. Lại có hiệu là

Lộc Môn cư sĩ. Người đời thường gọi là Mễ Nhược Dương. Vì không chịu trói buộc vào những thói thường nên Mễ còn được mang hiệu Mễ Điện.

Văn chương của họ Mễ kì lạ hóc hiểm, nhưng Mễ nổi tiếng hơn ở lĩnh vực tạo hình: vẽ tranh và viết chữ, hai thứ này là một nhưng vẫn là hai. Tranh sơn thủy, tranh nhân vật của Nguyên Chương làm hẳn thành một họa phái có phong cách riêng biệt. Còn chữ viết của họa sĩ thì được người đời tôn xưng cùng Vương Hi Chi – không như Đỗ Thẩm Ngôn, tự nhận chữ mình chỉ có Vương Hi Chi mới đáng sánh.

Họ Mễ còn yêu đến si mê các loại kim thạch cổ khí, nhất là các loại đá dị hình. Nên người thế có thành ngữ *Mễ Chương bái thạch*.

Hoạn lộ của Mễ tới chức Lễ bộ viên ngoại lang, nên cũng gọi là Mễ Nam cung. Sách còn lại: *Bảo Tấn anh quang tập*, *Thư sử*; *Họa sử*; *Nghiên sử...* (Từ hải...).

2.

Theo sách *Hiên Cư lục* của Lữ Cư Nhân, người cùng thời Tống với họ Mễ:

Mễ rất ưa sạch sẽ. Một người ở Kim Lăng tên là Đoàn Phát⁽¹⁾, tự là Khử Trán, đậu tiến sĩ. Nguyên Chương đọc thấy tên Đoàn trong bản sao những ông nghề tân khoa. Nguyên Chương thích lắm:

– Xem tên tự như thế này, nhất định là người sạch sẽ!

Liền tìm cách làm quen rồi gả con gái cho.

(1) Hai chữ Phát của bố vợ và chàng rể tuy đồng âm, nhưng khác nghĩa, khác mặt chữ. Chữ Phát của con rể có nghĩa phủi, quét; vì thế lấy tự là Khử Trán, làm cho sạch bụi bẩn. Còn chữ Phát của bố vợ có nghĩa là che, nhỏ nhặt; vì vậy có tự là Nguyên Chương, nghĩa là to lớn, đẹp đẽ. Còn đọc là Tế. Nhưng ta quen đọc tên nhà họa sĩ nổi tiếng này là Mễ Phát.

3.

Con trai Mễ Phát là Mễ Hữu Nhân, tự Nguyên Huy. Cũng thông minh, thích cổ vật. Giỏi thư pháp, nổi tiếng là một họa sĩ tài hoa. Người đời gọi là Tiểu Mễ.

Nguyên Huy làm tới Binh bộ thị lang, Phu văn các trực học sĩ.

Cha con họ Mễ đều biệt tài vẽ tranh sơn thủy của đời Tống, lập thành một họa phái, người đương thời gọi là *Mễ Gia Sơn họa phái*.

(Theo *Từ nguyên...*)

NHÀ DỘT TỪ NÓC...

Theo *Nho giáo* của Trần Trọng Kim, Trung tâm học liệu Bộ giáo dục, Sài Gòn, 1971, quyển hạ:

Thái Tổ nhà Tống, vừa lên làm vua, bắt sửa học xá ở Quốc tử giám. Tô lại tượng của *Tiên thánh* và *thập triết* ⁽¹⁾, cùng vẽ hình của *thập thất nhị hiền* và *nhị thập thất tiên nho* ở hai bên vách. Thái Tổ tự làm bài tán tiên thánh và á thánh. Và sai các văn thần làm bài tán các chư hiền. Thái Tổ thường bảo các quan lại, cận thần:

- Trẫm muốn các võ thần đều đọc sách để biết cái đạo làm việc trị dân.

Bởi vậy, người trong nước, từ quan cho chí dân thường, ai cũng quý văn học...

(1) Chữ *tiên* và chữ *thánh* ở đây, hiểu theo nghĩa là bậc đi trước, bậc sáng láng mẫu mực nhất trong đạo Nho. Không phải là nói về Đạo giáo. Sự độc tôn của Nho giáo thời Tống khá triệt để.

NHÀ ĐẠO HỌC TRƯƠNG TÀI

Trương Tài là người Mi Huyền, trấn Hoàn Cừ, tự Tử Hậu. Mồ côi từ nhỏ, phải sống tự lập. Cùng với anh em họ Trình là những nhà nghiên cứu đạo học nổi tiếng triều Tống. Họ Trương tin rằng những điều thánh nhân chỉ ra có thể đạt tới, cái đạo của thời Tam đại có thể khôi phục. Ông thường nói:

- Vì trời đất mà vun xới tấm lòng mình. Vì dân chúng mà lập thân mình. Vì việc trở về với thánh nhân mà khôi phục cái đạo học đã bị bỏ phế. Vì vạn đời sau mà mở ra cuộc đời thái bình.

Ông đậu tiến sĩ năm Gia Hựu. Có làm huyện lệnh Văn Nham, làm Chính viện hiệu thư. Người đời tôn là Hoàn Cừ tiên sinh. Sách còn: *Chính mộng, Đông minh, Tây minh, Dịch thuyết...*

(Theo *Nho giáo*, Trần Trọng Kim...)

NHÀ THƠ LO VIỆC NƯỚC

Sách *Huộc lãng* của Úc Lí Hàng đời Minh kể:

Vương Giới Phủ – tức Vương An Thạch – thời kì làm tể tướng thi hành chính sách thủy lợi rộng khắp trong nước. Có người hiến kế:

- Lắp đầy tám trăm mẩu hồ nước ở Lương Sơn Bạc để thành ruộng lúa thì lợi không xiết kể.

Họ Vương thích lắm, nhưng rồi trầm ngâm hỏi:

- Đất lấy đâu cho đủ?

Vừa dịp có Lưu Cống Phủ ngồi bên, Lưu dùa:

- Khoét tám trăm mẫu đất ở bên cạnh mà đổ vào đó chứ gì nữa!

NHÀ THƠ TRÀO PHÚNG

Theo Quá đình lục:

Tôn Sơn người đời Tống, quê ở đất Ngô, vốn tài hoa, giỏi hải hước. Đi thi, có người làng đến gửi con cùng đi với Tôn Sơn.

Thi xong, người con này thấy bài vở làm kém, chẳng có chút hi vọng gì, nên bỏ vé trước, Tôn Sơn ở lại, chờ kì ra bằng mới về. Người làng nghe tin Tôn Sơn đã về, đến hỏi xem con mình đậu hỏng ra sao. Tôn Sơn trả lời bằng cách đọc hai câu thơ:

Giải danh tận xứ thị Tôn Sơn,

Hiền lang cánh tại Tôn Sơn ngoại.

(Yết bằng những người đậu, tên cuối cùng là Tôn Sơn,

Người con giỏi giang của bác lại còn ở dưới cả tên

Tôn Sơn)

Từ hai câu thơ này, *lạc Tôn Sơn, Tôn Sơn ngoại*, được dùng để chỉ việc hỏng thi.

NHÀ TỔNG NHO TIÊU BIỂU: CHU HI

Theo *Nho giáo*...:

Chu Hi, 1130–1200, tự Nguyên Hối, đổi Trọng Hối; hiệu Hối Am, người Vụ Nguyên, An Huy. Đậu tiến sĩ năm mười tám tuổi.

Được bổ làm chủ bạ huyện Đồng An. Bỏ về, dựng Trúc Xá trong núi Võ Di. Học trò theo học rất đông. Hình thành môn phái riêng, gọi là *Mân phái* (*Mân* là tên riêng của tỉnh Phúc Kiến, nơi dựng Trúc Xá).

Đời Ninh Tông nhà Nam Tống, triệu ông về triều, giao chức thị giảng. Mới được bốn mươi ngày thì lại bị bãi về, bị chỉ trích là *ngụy học* (cái học giả dối).

Học trò Hoàng Cán kể về ông:

Sắc mặt ông trang nhã, lời nói nghiêm lệ. Đi thì thông thả mà cung kính. Ngồi thì đoan trang mà chính trực.

Lúc nhân cư thì chưa sáng đã dậy, mặc áo thâm, bịt khăn xếp, đi giày vuông, vào lạy gia miếu, và các đấng tiên thánh rồi lui ra ngồi ở thư viện. Ấn thư để ngay ngắn, sách vở đồ dùng xếp chỉnh tề.

Lúc ăn uống thì đồ ăn bày đặt cố định vị. Cái thìa, đôi đũa cất nhắc cố thứ tự. Khi mới nghỉ ngơi thì nhắm mắt ngồi ngay ngắn. Nghỉ xong đứng dậy bước đi thông thả. Nửa đêm mới đi ngủ. Có khi thức dậy, ôm gối mà đợi đến suốt sáng. Lúc nào cũng giữ phép tắc. Từ thuở nhỏ đến già, lúc rét lạnh, lúc nóng nực, cho đến lúc vội vàng hoảng hốt, không bao giờ rời bỏ lễ phép.

Chu Hi trước tác rất nhiều. Tác phẩm chính: *Dịch bản nghĩa*, *Thi tập truyện*, *Tứ thư tập chú*, *Thái cực đồ giải*,... là những sách

chú giải kinh truyện thánh hiền. Nói về tư tưởng riêng, ông viết:
Cận tư lục, Văn tập, Ngũ lục, Gia lễ...

NHÀ TUƠNG SỐ HỌC: THIỆU UNG

Theo *Nho giáo*...:

Tương số học nhà Tống khởi nguyên từ Trần Đoàn, để đến Thiệu Ung thì thành một học phái hẳn hoi. Thiệu có tự là Nghiêu Phu, thụy là Khang Tiết, 1011-1077, quê ở phủ Vệ Huy, tỉnh Hà Nam. Thiệu đức tốt, tài cao hiểu rõ bí truyền của hà đồ và tiên thiên tượng số. Theo *Từ hải*, hai lần vua Tống mời ra làm quan, nhưng Thiệu đều từ chối. Ông ẩn cư ở thung lũng An Lạc, nên tự xưng là An Lạc tiên sinh.

Sách của Thiệu hiện còn: *Hoàng cực kinh thế, Tiên thiên đồ, Vô danh công truyện* và *Ngũ tiểu vấn đối*. Sau đây là một đoạn của *Ngũ tiểu vấn đối*, dựa theo bản dịch của Trần Trọng Kim:

Tiêu giả: Bác dùng đạo gì mà được cá?

Ngũ giả: Ta dùng sáu vật là cần trúc, dây tơ, phao nổi, đồ chằm, lưới câu, mối câu. Dù sáu vật ấy là việc người, được cá với không được cá là việc trời. Nếu sáu vật ấy không đủ mà không được cá là không phải tại trời, tại người vậy.

Ngũ giả: Tiểu nhân có thể tuyệt hết được không?

Tiêu giả: Không thể được. Không có âm thì dương không thành. Không có tiểu nhân thì quân tử không thành. Duy trong khoảng đó có thể khiến cho bên thịnh bên suy vậy. Đời trị thì quân tử

sáu phần, tiểu nhân bốn phần. Đời loạn thì khác thế. Quân tử thường làm hơn nói, tiểu nhân thường nói hơn làm. Đời trị, thì kẻ sĩ dốc thực nhiều, đời loạn thì kẻ sĩ duyên sức nhiều ⁽¹⁾. Những người dốc thực ít khi không thành sự. Những người duyên sức ít khi không bại sự.

Tiêu giả: Có người có tài mà chính, có người, tài mà không chính. Vậy sao không chọn người mà dùng? Chọn người làm tôi là ở ông vua, chọn vua là ở người làm tôi. Kẻ hiền kẻ ngu đều kẻ nào theo loài ấy. Có vua là Nghiêu Thuấn, tất có người tôi giúp Nghiêu Thuấn. Có vua là Kiệt Trụ, tất có người tôi giúp Kiệt Trụ.

NHÂN DUYÊN TIỀN ĐỊNH

Lang hoàn kí của Doãn Thế Chân viết:

Triệu Minh Thành lúc tuổi thanh niên, cha định hỏi vợ cho mà chưa xong. Minh Thành ngủ ngày, mơ đọc một quyển sách, tỉnh dậy, chỉ nhớ ba câu:

Ngôn dữ tu hợp;

An thượng dĩ thoát;

Chi phu thảo bạt.

Tỉnh dậy, Minh Thành kể lại cho cha nghe. Nghĩ ngợi một hồi, người cha phán:

(1) Dốc thực: thẳng thắn, chân thành, có thực tài, có đạo đức.

Duyên sức: dựa theo vào một thế lực nào đó ở bên ngoài. Không có thực lực.

- Mày sẽ lấy được một người vợ biết làm thơ từ. Này nhé: ở câu một, chữ *ngôn* với chữ *tu* hợp thành chữ *từ*. Ở câu hai, chữ *an* bỏ phần trên, thành chữ *nữ*. Câu thứ ba, hai chữ *chi phu* bỏ bộ *thảo*, thành chữ *chi phu* là chồng. Từ *nữ chi phu*, chồng của người con gái biết làm từ. Không phải chỉ mày thì còn ai vào đó nữa? ⁽¹⁾.

Về sau, Lí Cách Phi, đem con gái là Lí Dị An gả cho Minh Thành. Chuyện quả ứng nghiệm.

NHÂN SINH HÀNH LẠC

Yến Nguyên Hiến ngày ngồi chức Kinh triệu phủ doãn, đưa Trương Tử Dã làm phán quan. Quan Kinh triệu mới có thêm một người thiếp. Quý lắm. Mỗi lần Tử Dã tới, đều gọi ra hầu rượu. Hát những bài từ do Tử Dã làm. Chủ khách lấy đó là vui.

Về sau, Yến Phu nhân không dung, đuổi đi. Tử Dã đến, ngồi uống rượu với họ Yến, làm bài từ *Bích mẫu đơn*, gọi kĩ nữ hát:

Bộ trưởng dao hồng ý,

Hiếu nguyệt trụ,

Trầm yên thiết, hoán phách hương tàn.

Xuong triệt Y Châu tàn chế...

(1) Nghĩa đen của ba câu này là: Chữ *ngôn* cộng với chữ *nữ*: chữ *an* mất đi phần trên; Chữ *chi phu* mất đi bộ *thảo*.

Chữ *chi phu* có bộ *thảo*, là tên cây hoa phù dung, và tên một loài nấm quý linh chi. Bỏ bộ *thảo* của cả hai chữ thì vẫn đọc là *chi phu*, nhưng biến nghĩa thành...

(Tân gần quanh màn đơn chiếc,
Trăng sớm biếc,
Khởi nặng râu, phách thừa hương nhạt,
Y Châu điệu mới lửa lần...)

Yến Kinh triệu bụi ngùi:

- *Nhân sinh hành lạc*. Đời người ta cốt ở vui chơi. Sao lại cứ tự làm khổ mình đến thế?

Rồi lớn tiếng lệnh lấy tiến của nhà để chuộc người thiếp về.

Yến Phu nhân cũng không dám làm gì khác.

(Theo *Bản sự nữ...*)

NHẤT NHẬT THIÊN LÍ

Theo *Bạch mi cổ sự...*:

Quyển Bang Ngạn, tự Triều Mĩ, ngay từ lúc trẻ con đã có chí lớn. Năm lên bảy tuổi, nghe giảng *Mao Thi* - tức là *Kinh thi*, do họ Mao chủ giải - về nhà, Quyển giảng lại cho người thân đầy đủ nghĩa lí, trôi chảy. Năm mười ba tuổi, lúc nào cũng hăm hở, như một ngọn núi cao chót vót giữa bạn bè cùng lứa.

Âu Dương Vĩnh Thúc - tức Âu Dương Tu - bảo với mọi người:

- *Chân danh gia câu nhất nhật thiên lí* (Thật đúng là con ngựa non đang sung sức của một nhà có tiếng, ngày có thể đi ngàn dặm vậy).

NHẤT TÙNG HOA

Có ba quyển văn mang tên *Quá đĩnh lục*. Hai quyển viết đời Tống, một quyển viết đời Thanh.

Tên sách này được dùng nhiều bởi nó dính dáng đến bố con Khổng Tử:

Trần Cang hỏi Bá Ngự rằng:

– Anh có nghe thấy dạy điều gì lạ không?

Thấy Bá Ngự thưa rằng:

– Chưa, cha tôi thường đứng một mình, một hôm, tôi đi nhanh qua sân, cha tôi hỏi: *Học Kinh thi chưa?* Tôi thưa rằng: *Con chưa học.* Cha tôi bảo: *Không học Kinh thi, lấy gì để nói chuyện.* Lí này lui về học *Kinh thi*. Ngày khác cha tôi lại đứng một mình, Lí này đi nhanh qua sân...⁽¹⁾

Xin nói về một trong hai quyển *Quá đĩnh lục* thời Tống, quyển của Phạm Công Xứng, cháu bốn đời của Phạm Trọng Yêm, ghi lại những hành vi, ngôn ngữ, đạo đức, thơ văn của nội tổ. Rất đáng tham bác. Ngoài ra cũng tập hợp cả giai thoại về những người nổi tiếng cùng thời.

Trong phần *Đông Pha từ*, có nói:

Lang trung Tử Dã có một bài từ theo điệu *Nhất tùng hoa* rằng:

*Trầm hận tế tư,
Bất như đào hạnh,
Do giải giá đông phong.*

(1) *Luận ngữ*, bản dịch, tập III. Lê Phục Thiện dịch, Sài Gòn, 1967.

(Lặng giận trăm ngăm,
Không hạnh chẳng đào,
Mặc sức lấy gió đông)

Mấy câu, nhất thời vang khắp xa gần. Vĩnh Thúc rất thích
Chỉ ân hận chưa được gặp người làm ra bài từ.

Tử Dã, nhà vốn ở phương nam. Nhân có việc lên kinh đô. Tìm
vào yết kiến Vĩnh Thúc. Vĩnh Thúc trong lúc vội ra đón khách
quý, đi giày lộn ngược, ra mà hớn hờ rằng:

- Đây chính là vị *Lang trung Đào hạnh giá đông phong* rồi!

Hồi Đông Pha ngồi ở Hàng Châu, Tử Dã vẫn còn sống. Thường
vẫn đến dự yến tiệc. Tuổi lúc này cũng ngoài tám mươi rồi.

Vĩnh Thúc tức Âu Dương Tu.

Tử Dã tức Trương Tiên.

NHẬT KÍ GIA TỘC

Hoàng Đình Kiên có soạn một tác phẩm văn xuôi, theo thể tùy
bút, gọi là *Nghi Châu gia thặng*. Thực chất, đây là một loại gia
phả. Nhưng được viết dưới dạng nhật kí.

Theo Lục Du, trong *Lão Học am bút kí* ⁽¹⁾ thì: *Hoàng Lô Trục*
có viết nhật kí. Cũng là một loại tộc phả vậy.

(1) *Lão Học am bút kí*, cũng viết theo thể tùy bút. Gồm 10 quyển. *Tục bút kí*, 2 quyển.
Chép những điều mắt thấy tai nghe của họ Lục lúc tuổi già. Rất cần, rất thích thú cho
người nghiên cứu văn hóa Tống.

Sách *Học Lâm ngọc lộ* cũng nói: *Sơn Cốc*, lúc tuổi già có viết nhật kí. Nói là viết gia phả. Lấy ý ở *Mạnh Tử*, *Tấn thư*, nên đặt tên là *Nghi Châu gia thặng*⁽¹⁾.

NHỊ TÔ TAM KHỔNG

Thi thoại tổng quy của Nguyễn Duyệt đời Tống kể:

Khổng Văn Trọng hiệu là Kinh Phủ, Khổng Vũ Trọng hiệu là Thường Phủ, Khổng Bình Trọng hiệu là Nghi Phủ. Cả ba anh em tài năng nức tiếng thiên hạ. Hoàng Lỗ Trực có thơ ca ngợi:

*Nhị Tô thương liên bích,
Tam Khổng phân lập đỉnh.
Thiên hạ kí kì văn,
Cụ lai tập dài tỉnh ...*

(Hai anh em họ Tô (Tô Thức và Tô Triệt) như hai
ngôi sao liên nhau,

Ba anh em họ Khổng giống ba chân của cái đỉnh
chia nhau đứng.

Thiên hạ đều cúi đầu trước văn chương của họ,
Những người này đều là người của tỉnh dài...)

(1) Theo *Từ hải*...

NHÌN GÀ HÓA CUỐC

Theo Cổ kim thi thoại....

Lư Triệu cùng Hoàng Pha vào kinh thi tiến sĩ. Quan thái thú ngồi ở quê hai người là Nghi Xuân, làm tiệc tiễn hành, nhưng chỉ mời Hoàng Pha.

Năm sau, Lư Triệu đậu trạng nguyên cấp đệ. Trở về quê, Lư Triệu tình cờ gặp quan thái thú ở đạo quán Cảnh Độ. Lư Triệu làm ngay hai câu thơ trên bàn tiệc rằng:

*Báo đạo thị long, quân bất tín,
Quả nhiên đoạt đắc cầm phiêu quy.*

(Tin báo hóa rồng, ngài chẳng chịu,
Thật rồi, áo gấm đã hoàn hương...)

Quan thái thú nghe, về hổ thẹn...

NHO ĐỐI VỚI SỞ LÃO NÀY...

Đời Đại Quan ⁽¹⁾, Viện hàn lâm dâng thiệp mừng xuân lên nhà vua. Một vị Hàn lâm học sĩ viết câu đối sau:

(1) Đại Quan, một trong những niên hiệu của Huy Tông nhà Nam Tống, dùng từ 1107 đến 1111.

*Thần kì tổ khảo an lạc chi,
Thảo mộc điều thú dụ như dã.*

(Thần thánh tổ tiên yên vui vậy;
Cây cỏ, chim thú đầy đủ thay)

Mới đọc, tưởng không có gì phải nói. Nhưng đọc đi đọc lại, mới thấy lấy *điều thú* đối với *tổ khảo*, rõ ràng là không ổn chút nào! Không những thế có thể khép vào tội bất kính được lắm!

(Theo Phụ chương lục...)

NHƯ KIM XỬ THẾ CÁNH NAN NAN

(Hồ Chí Minh)

Dinh Vị được tham gia chính phủ - như vậy là phải được giữ chức vị tương đương tham tri, giống như thứ trưởng bây giờ trở lên - là do tể tướng Khấu Chuẩn tiến cử.

Họ Dinh dương dương tự đắc, không coi ai ra gì, duy chỉ cùc cung nịnh nọt Khấu Chuẩn tể tướng ra mặt, không một chút tự trọng còn lại. Trong một bữa tiệc ở dinh tể tướng, một sợi miến dính vào râu Khấu Chuẩn. Họ Dinh từ tốn đứng dậy, đưa hai tay, gỡ sợi miến cho Khấu Chuẩn rất cung kính. Khấu Chuẩn cười:

- Một vị đại thần trong chính phủ mà lại đi gỡ râu cho người sao?

Trăm mắt đổ dồn vào, họ Đinh xấu hổ lắm. Từ đó họ Đinh thù không đội trời chung với Khấu Chuẩn.

(Theo *Cổ sự quỳnh lâm*, *Thân thế*, quyển 2...)

NHƯ NGỒI TRƯỚC GIÓ XUÂN

Theo *Ấu học quỳnh lâm*, phần *Sư sinh*...

Chu Quang Đình đi Nhữ Nam, tìm đến thụ giáo Minh Đạo tiên sinh Trình Hạo. Được tròn một tháng, nhân có việc, phải về quê, Quang Đình báo với mọi người:

- Quang Đình này vừa được ngồi trước gió xuân một tháng trời (Quang Đình tại xuân phong trung tọa liễu nhất nguyệt)

NHỮNG CHUYỆN GHI TRONG LÚC TRÁNH NẮNG

Theo *Từ hải*, Diệp Mộng Dắc trưởng thành thời Bắc Tống. Nhà Tống chạy về nam, họ Diệp đã là một ông già sáu mươi tuổi.

Nhà thơ lục tuần lúc này có một thư viện rất lớn, hơn ba vạn quyển. Điều này giúp họ Diệp trở nên thông kim bác cổ. Ông viết *Tị thủ lục thoại* (Những chuyện ghi chép trong lúc tránh nắng). Tác phẩm gồm hai tập, những nhận xét, sự việc trong từng trang

viết của Mộng Dắc đều có căn cứ chính xác, cung cấp tư liệu rất tốt, rất lí thú cho đời sau.

Ngay tên của tập sách cũng đầy vẻ hình tượng. Năm thứ 42 đời Khang Hi nhà Thanh, có xây hẳn một hoàng cung nho nhỏ, xinh đẹp ở Nhiệt Hà để làm chỗ nghỉ mát cho hoàng đế. Khang Hi cũng cho đặt tên là *Tị thủ sơn trang* (Xóm núi tránh nắng). Hai chữ *Tị thủ* này, rõ ràng có nguồn gốc từ tên sách của Mộng Dắc. Sơn trang này vẫn còn, là một thắng tích du lịch nổi tiếng. Khu *Giang sơn cầm tú* ở Thẩm Quyến hiện nay, cũng có mô hình thu nhỏ của *Tị thủ sơn trang*.

NINH VI VIÊN SÁN TỬ...

Viên Sán cùng Lưu Bình tìm cách trừ diệt Tiêu Đạo Thành. Chữ Uyên biết, mách với Đạo Thành, rồi cùng với Dải Tàng Tĩnh tìm cách chống lại Viên Sán. Sán nói với con là Viên Tối:

- Ta cũng biết một cây gỗ thì không tài nào chống đỡ nổi cả một tòa nhà bằng hoại. Nhưng cũng không thể làm việc ô danh, bất nghĩa được.

Tàng Tĩnh trèo thành mà xông vào. Tối lấy thân mình đỡ cho Sán. Sán nói với Tối:

- Ta thì không mất tiếng trung thân, còn con thì không hổ danh con hiếu.

Thế rồi cả hai cha con đều bị giết. Trăm họ thương lắm, mới làm câu ca:

*Ninh vi Viên Sát tử,
Bất tác Chữ Uyên sinh.*

(Thà chết như Viên Sát,
Không sống như Chữ Uyên)

Sau đó, cha con Lưu Bình cùng bị đâm chết.

(Theo *Cổ sự quỳnh lâm, Địa dư*, quyển 1...)

NÓI LÃO MÀ CHƠI! NGHE LÃO CHƠI⁽¹⁾

Theo *Liều trai chí dị*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1989,
và *Tô Đông Pha*...

Trong lời đáp Tư khấu Vương Nguyên Đình để tặng, Bồ Tùng
Linh có hai câu thơ:

*Mười năm mới hiểu lời Tô Tử,
Mưa lạnh đèn tàn, kẻ lão chơi.*

(NGUYỄN HUỆ CHI dịch)

(Nguyên văn là:

*Thập niên phá đắc Hoàng Châu ý,
Lãnh v... hàn đăng dạ thoại thì)*

(1) Lời để tặng tập *Liều trai chí dị* của Vương Sĩ Trinh, hiệu Ngư Dương, tiến sĩ, thượng thư nhà Thanh, quê Tô Thành, cùng thời với Bồ Tùng Linh (Tân Đà dịch).

Hai câu thơ trên, có nguồn gốc từ giai thoại về Đông Pha - Tô Tử - thời gian bị giáng đi Hoàng Châu ⁽²⁾. Tô vốn giản dị nên dễ thân với mọi lớp người, không bao giờ cô độc. Ngày nào trong nhà cũng đầy khách.

Ông ngồi ngay ở thềm mà chuyện trò. Tô thích nói mà cũng thích nghe mọi người nói. Khi không có khách ông dất theo con chó mực, dạo thăm các nhà nông trong vùng. Tô bảo những nhà nông này kể chuyện cho nghe. Biết ông đã đi khắp lục địa, đọc thiên kinh vạn quyển, họ ngại ngừng thưa:

- Chúng tôi thì biết gì mà kể.
- Kể chuyện đời sống. Kể chuyện ma quỷ càng hay.
- Chúng tôi không có chuyện nào hay cả.
- Không sao, không có thì cứ bịa ra mà kể!

Sách *Tô Đông Pha* thì bảo việc này xảy ra thời họ Tô bị đày ra Đàm Châu - tức đảo Hải Nam - nhưng có lẽ nó xuất hiện thời ông bị giáng đi Hoàng Châu, thì hợp lí hơn.

Họ Bô, nơi gương này của Tô, trữ sẵn trà thuốc, ai qua ngõ, ông mời vào, hút thuốc, uống trà và ít nhất cũng phải kể cho ông nghe một chuyện, thật, ma quỷ, bịa... đều tốt:

*Chuyện đời đã chán, không thêm nhắc,
Thơ thần nghe ma đọc mấy lời.*

(TÂN DÀ dịch)

NÓI DANH TÀI SẮC MỘT THÌ...

Theo *Bản sự từ*...

Lí Su Su, danh kĩ của đất Biện Châu, không chỉ Đạo Quân Hoàng đế với Chu Mĩ Thành diên đảo, mà hầu như những văn nhân tài tử phong lưu nhất của nhà Tống lúc này đều ngưỡng mộ.

Họ đều có làm thơ, và nhiều nhất lẽ dĩ nhiên là từ để tặng người đẹp.

1.

Yến Tiểu Sơn có bài *Sinh tra từ*, tặng Su Su:

*Viễn sơn mi đại trường,
Tế liễu yêu chi niếu...
... Biện khán Dĩnh Xuyên hoa,
Bất tự Su Su hảo.*

(Núi xa ngút mắt mây dài,
Lưng thon óng ả, Thiên Thai mơ màng...
... Dĩnh Xuyên hoa ngấm khắp,
Đẹp nào bằng Su Su)

Cũng nên nói rõ, Tiểu Sơn chính là Yến Cơ Đạo, con của Yến Thù, nhưng về sau gia thế sa sút phải sống một đời nghèo khổ, sầu muộn. Nên từ của ông rất thể lương. Quê ông chính là ở trấn Hứa Diển, Dĩnh Xương. Ông còn tập *Tiểu Sơn từ*.

2.

Trong số quà tặng của Tần Quán, có bài *Nhất tùng hoa*:

Niên thời kim dạ kiến Sư Sư,

Song di tiêu hồng tư....

... Duy hữu họa lâu...

Dương thời họa nguyệt,

Lương xứ chiếu tương tư.

(Đêm nay mừng gặp Sư Sư,

Rượu hồng nâng chén, má đào say say...

... Lầu ngọc đầu đây,

Trăng sáng như ban ngày,

Chiếu hai đầu thương nhớ)

3.

Trương Tử Dã, tức Trương Tiên, người Hồ Châu, đậu tiến sĩ năm Thiên Thánh thứ tám. Làm Đô quan lang trung. Tác phẩm còn lại là *Tử Dã từ*, còn đặt hẳn một điệu từ mới để tặng Sư Sư, được đặt tên rất công khai là *Sư Sư lệnh*:

... Đô thành trì uyển khoa đào lí,

Vấn đông phong hà tự?

Bất tu hồi phiến chương thanh ca.

Thần nhất điểm,

Tiểu u chu nhụy,

Chính trực tàn anh hòa nguyệt trụ,

Kí thù tình thiên lí.

(Gió xuân xem thử đầu nào,

Kính thành thôi nhé lí đào dừng khoe.

Mặt hoa đẹp chẳng thêm che,
Môi hồng hé mở, lòng nghe ghen ngào.
Khác gì một đóa anh đào,
Phương trời xa thăm lòng nào xót xa.
Nghìn trùng tình gửi tiếng ca...)

NỖI KHỔ VÌ ...

1.

Học sĩ Hàn Hi Tái đời Tống, mỗi lần thấy học trò mang một quyển văn dở đến, ra lệnh ngay cho thị nữ đốt ngải để xông cho mất mùi.

2.

Gần đây Phùng Cầu Khâu cũng nói rằng:

- Tôi thường ngày khổ nhất là chuyện có người cầm văn dở của mình đến để kiếm một lời bình hay. Mỗi lần như thế không thể nào không chau mày, nhăn trán như đang có việc phải lo lắng khổ sở vậy...

(Theo Giang Doanh Khoa trong
Tuyệt Đào hải sử...)

3.

Nguy Minh rất hay làm thơ, ngâm thơ. Chỉ cần một thoáng là đã có hàng trăm câu thơ ngay.

Một lần, nhà thơ cuộn tập thơ của mình tìm tới học sĩ Hàn Hi

Tái. Hi Tái đặt tập thơ trên bàn, lấy cổ mát kém, không chịu đọc.
Nguy Minh vẫn nài nỉ:

- Tiểu nhân xin đọc để ngài nghe vậy!

Hi Tái vẫn từ chối:

- Gần đây già này lại thêm chứng nặng tai, chẳng nghe rõ gì cả.

Nguy Minh hổ thẹn ôm tập thơ ra về.

(Theo Thiên Hòa Tử, trong *Thiên hước tập*,
đời Tống...)

NƯỚC CÓ DA

Tiểu tán kể:

Vương An Thạch chuyên khảo cứu *Tu học*, họ Vương nói với mọi người:

- *Ba* là da của nước! ⁽¹⁾

Tô Đông Pha hỏi:

- Thế thì *hoạt* có phải là xương của nước không? ⁽²⁾

Lời tán:

Vương An Thạch mù mờ như thế mà làm tế tướng thì làm gì mà thiên hạ chả đại loạn ... ⁽³⁾

(1) Chữ *ba* là sóng, gồm bộ *thủy*, chỉ về nước và chữ *bì* là da.

(2) Chữ *hoạt* là trôn, nhẵn, gồm chữ *cốt* là xương và bộ *thủy*.

(3) Thực ra thì Vương có phần đúng hơn. Đây là cách tạo chữ Hán theo phép *hội ý*, theo bộ. Nhưng không phải là tất cả. Cả hai tiền bối đều có chỗ cục đoạn.

NƯỚC MẮT ĐO RUỘNG

Cổ kim đàm khái có ghi:

Thời Lí Tông nhà Tống⁽¹⁾, mấy lần có lệnh triều đình bắt đo ruộng đất. Nhưng rồi đình thần, kẻ nói ra người bàn vào nên chưa làm được. Mãi đến thời Giả Tự Đạo nắm triều chính, công việc mới xong. Có kẻ làm thơ châm chọc:

*Tam phân thiên hạ nhị phân vong,
Vưu bà giang sơn thốn thốn lương.
Tòng sử nhất khâu thêm nhất mẫu,
Đã ưng bất tự cữu phong cương.*

(Thiên hạ chia làm ba phần thì hai phần đã mất,
Còn đem núi sông đo từng tấc từng tấc mà làm gì?
Từ nay trở đi, mỗi gò đất phải thêm vào một mẫu nữa,
Thì may ra bờ cõi mới không khác xưa)

PHẠM TRỌNG YÊM LIÊN TÀI

Theo Thanh niên mô phạm...:

Phạm Trọng Yêm hồi ở Thư Dương, có một người học trò họ Tôn xin vào gặp quan chương giáo. Họ Phạm tặng anh ta một

(1) Lí Tông, vua thứ năm của nhà Nam Tống. Ở ngôi 40 năm, 1225-1265.

ng nghìn đồng. Năm sau, anh ta lại đến. Họ Phạm lại cho tiếp một nghìn đồng tiền nữa. Nhân đó mới hỏi tới gia cảnh, anh ta thưa:

- Đi học xa, nhưng ở quê vẫn còn mẹ già ốm yếu, không ai nuôi dưỡng. Tiểu nhân thường vẫn phải kiếm tiền đem về.

Họ Phạm thấy anh học trò này có phẩm cách đàng hoàng, dù phải nhận của làm phúc. Nên họ Phạm tìm cho Tôn một chức giáo học, mỗi tháng cũng được ba nghìn đồng. Dù phụng dưỡng mẹ già và tiền ăn học tằn tiện.

Mười năm sau, họ Phạm nghe tiếng tiên sinh Tôn Minh Phục ở Thái Sơn nổi tiếng vì đường học vấn lẫn đạo đức. Triều đình xuống chiếu, mời về nhà thái học. Gặp nhau, họ Phạm mới nhận ra chính anh học trò họ Tôn ngày nào.

PHONG LẠC NGÔ GIANG...

Theo Bạch mi cổ sự...:

Thôi Tín Minh và Trịnh Thế Dục gặp nhau trên sông Chu Giang. Thế Dục hỏi:

- Nghe nói ngài có câu thơ *Phong lạc Ngô Giang lãnh* hay lắm. Tiện đây, xin được cho nghe cả bài.

Tín Minh hân hoan đưa tất cả thơ từ trước đến nay của mình cho Thế Dục đọc. Thế Dục đọc chưa được bao nhiêu, ngẩng đầu nói với Tín Minh:

- *Sở kiến bất như sở văn* (Điều mắt thấy không như điều nghe thấy).

Thế rồi, Thế Dục vớt tất cả thơ của Tín Minh xuống sông, nhớ sào dong thuyền đi ngay...

Sau này, người ta dùng mấy chữ *Phong lạc Ngô Giang*... (Lá phong rơi trên sông Ngô...) – bỏ bớt chữ *lạnh*, là lạnh. Lá phong rơi trên sông Ngô lạnh, để chỉ một vẻ đẹp chưa hoàn toàn, mong được nhiều hơn, toàn bích hơn... (1).

PHÓNG ĐĂNG, PHÓNG HÓA

Quyển 16, *Ngũ tạp trở* của Tạ Triệu Triết đời Minh kể:

Đời Tống, Diên Đăng làm quận thú. Bất quan lại dân chúng kiêng tên quan lớn rất ngặt. Tên *Đăng* của ngài có nghĩa là treo, lên... *Đăng lâu phú* (bài phú lên lầu). Thơ chữ Hán Nguyễn Du: *Hành nhân mạc tụng Đăng lâu phú*... (Khách đi đường đừng đọc bài phú lên lầu...). Bài phú của Vương Sán, đời Đông Hán, treo lên lầu nhớ quê hương xa cả về thời gian, không gian... Chữ *Đăng* này chỉ đồng âm với chữ *đăng* là đèn, sự thấp sáng. Nhưng họ Diên vẫn bất kiêng. *Điểm đăng* (tháp đèn) thì phải nói là *điểm hóa*... Tùy mức độ phạm húy, nặng thì vào nhà giam vài năm, nhẹ cũng vài chục trượng.

Cũng như các châu khác, hàng năm, rằm tháng giêng có ăn tết nguyên tiêu rất to. Không thể thiếu việc treo đèn, gọi là *Thuận nguyên phóng đăng hội*. Phóng đăng có nghĩa là treo đèn, thả

(1) Về giai thoại này, nhiều tài liệu không ghi xuất xứ. Nên không thật chắc có phải thời Tống không. Xin chờ tra cứu lại.

đen. Nhưng dâng lại là tên quan, nên bá cáo của châu đều phải viết: *Bản châu y lệ phóng hỏa tam nhật*. Rõ ràng có nghĩa là: Bản châu theo lệ đốt nhà ba ngày. Người trong châu, quen thì chỉ tức cười, khách xa đến quả là hoảng hốt.

Về sau, có kẻ tức giận chửi: *Chỉ hứa châu quan phóng hỏa, bất hứa bách tính điểm đăng* (Chỉ cho quan châu đốt nhà, không cho trăm họ thắp đèn).

PHÚ BẬT KHÔNG CHỊU THEO LỆNH VƯƠNG AN THẠCH

Theo Từ nguyên:

Phú Bật quê ở Hà Nam, tự Ngạn Quốc, học văn uyên thâm, có đức độ. Thời Nhân Tông thi đầu khoa mẫu tài loại đặc biệt.

Đầu năm Chí Hòa, niên hiệu thứ tám trong chín niên hiệu của đời Tống Nhân Tông, 1054-1056, cùng làm tể tướng với Văn Ngạn Bác. Người đời gọi tắt là Phú Văn. Đến đời Anh Tông, lấy lí do mẹ già, Phú xin nghỉ. Sau lại ra làm Khu mật sứ. Phong Trịnh Quốc Công, nên thường gọi Phú Trịnh công.

Khi Vương An Thạch được tin dùng, họ Phú bị đưa đi làm Tiết độ sứ ở Vũ Ninh. *Phép Thanh miêu* của Vương ban ra, họ Phú không chịu thi hành - tất nhiên trong phạm vi đất đai của quan Tiết độ sứ⁽¹⁾. An Thạch muốn xử tội, họ Phú bèn xin cáo lão...

Thuở họ Phú mới mười tuổi, tình cờ gặp Lã Mông Chính, nhìn tướng Phú, Lã Mông Chính đã khẳng định trước mọi người rằng: *Huân nghiệp của thằng bé này rồi sẽ vượt cả ta đây!*

(1) *Phép Thanh miêu*: khi giáp hạt, nghĩa là lúa còn xanh - Thanh miêu - nhà nước bỏ tiền cho vay, lãi nhẹ, chống lại sự bóc lột của phú hộ.

PHỤ NỮ TÍNH TOÁN THẾ TỪ ĐỜI TỔNG !

Tô Đông Pha kể trong *Ngái Tử tập thuyết*:

Ngái Tử trên đường đi Hàm Đan, thấy hai bà già nhường đường cho nhau rất thân ái. Một bà hỏi:

- Năm nay bà bao nhiêu rồi đã nào?

Bà kia đáp:

- Bảy mươi!

Bà vừa hỏi tiếp ngay:

- Tôi năm nay sáu mươi chín. Nhưng chỉ sang năm thôi, tôi với bà cùng một tuổi rồi!

QUÁ THẬT KHÔNG DÁM NÓI

Theo *Tịch Xuyên tiểu lâm*:

Đời Ngũ Đại môn khách của Phùng Doanh Vương ngồi giảng sách. Hôm ấy giảng phần đầu của *Đạo đức kinh*, gặp ngay câu: *Đạo khả đạo, phi thường đạo* ⁽¹⁾, môn đệ sực nhớ ra *đạo* chính là tên húy của họ Phùng, bèn đọc thành:

- *Bất cảm thuyết khả bất cảm thuyết, phi thường bất cảm thuyết* ⁽²⁾

(1) *Đạo đức kinh*, tác phẩm của Lão Tử, kinh điển số một của Đạo giáo. Câu trên là câu mở đầu của kinh, thiên *Thượng thiên*.

(2) Vì môn đệ này thay mỗi chữ *đạo* bằng ba chữ *bất cảm thuyết*: không dám nói.

QUÁCH TRUNG THỨ VẤN THẾ !

Phùng Mộng Long kể:

Quách Thứ Tiên, tự Trung Thứ, một họa sĩ tài hoa. Có ai nhờ vẽ, họ Quách tức giận chửi mắng, không bao giờ chịu làm. Lúc nào thích lại vẽ, thế thôi!

Có lần, cùng người quen vào uống rượu ở phố chợ, Trung Thứ bảo:

- Những kẻ giao du với ta, đều là phường chết rồi cả.

Một nhà giàu ở vùng Chi Hạ, rất thích chơi tranh, mời Trung Thứ vẽ, ngày ngày đãi rượu thịt sang trọng lắm. Ít lâu sau, mới mua lụa quý, xin Trung Thứ vẽ cho.

Trung Thứ vẽ một đứa bé cầm dây thả diều, với sợi dây dài đến mấy tượng, kéo hết tấm lụa này sang tấm lụa khác.

Lão nhà giàu tức giận. Hai bên tuyệt giao.

QUAN CHẤM TRƯỜNG CUNG PHẢI PHỤC, VUA ĐỌC QUÊN ĂN

Đường Tống bát đại văn gia...:

Tô Thức học rộng tài cao. Năm thứ hai niên hiệu Gia Hựu, ông cùng với em là Tô Triệt ứng thi ở Lễ bộ, được Âu Dương Tu chấm đầu thứ nhì tiến sĩ. Lúc bấy giờ ông mới hai mươi hai tuổi. Đầu đề bài văn sách là *Hình thượng trung hậu chi chí luận* (Luận

về sự trung hậu trong phép thưởng phạt). Đọc bài văn này, quan chánh chủ khảo Âu Dương đã phải than:

- Ta còn phải thua người này một bậc đấy! (*Ngô dương tị thủ nhân nhất bậc địa*).

Danh tiếng anh em họ Tô nhờ đó nổi như cồn. Và người ta còn khen họ Âu Dương có lòng để bạt tuổi trẻ. Không phải hạng đó rách chiếm chỗ.

Bài chế sách của cả hai anh em họ Tô dâng lên, vua Nhân Tông nhà Tống xem xong, mừng rỡ nói:

- Hôm nay, trăm vì con cháu mà được hai vị tể tướng vậy!

Nhân Tông yêu văn của anh em họ Tô đến nỗi đọc quên ăn. Mỗi lần đọc là một lần khen:

- Thiên hạ kì tài!

QUAN NIỆM VỀ HẠNH PHÚC

Sách *Đồn Trai nhân lâm* chép:

Bồ Phó Chính làm tri phủ Hàng Châu. Một thầy phù thủy tới xin gặp. Thấy tuổi hơn chín mươi, nhưng sắc da vẫn đỏ tươi như trai tráng. Phó Chính tiếp rất vui vẻ, nhân hỏi thầy thuật sống lâu. Thầy đáp:

- Thuật sống lâu của tôi thật giản dị, thật dễ theo, không phải kiêng kị gì cả. Duy chỉ việc sắc dục là không được đụng đến!

Phó Chính cúi mặt, nghĩ ngợi hồi lâu rồi cất tiếng rằng:

- Nếu như thế, dẫu có sống đến nghìn năm cũng chẳng thích thú gì!

QUAN THỊ LANG VỚI TỪ LIỄU VĨNH

Theo *Tống từ tam bách thủ tiên chú*, Thượng Cương thôn dân trùng biên ... Trung Hoa thư cục xuất bản, Thượng Hải, 1958:

Thị lang Lưu Quý Cao, vào những năm Tuyên Hòa ⁽¹⁾ thường ăn cơm ở chùa Tướng Quốc. Nhân bàn tới chuyện văn chương, quan thị lang ta mặt sát đến điệu từ khúc của Liễu Vĩnh, chẳng thềm để ý tới thái độ của người xung quanh. Một viên hoạn quan già nghe chán, lặng lẽ đứng dậy, lấy giấy bút, quỳ xuống, kính cẩn dâng trước mặt quan thị lang mà rằng:

- Ngài phán rằng từ của họ Liễu không ra gì. Xin ngài hãy làm một tiểu khúc để sáng mắt lũ tiểu nhân này có nên chăng?

Họ Lưu ngồi yên không trả lời.

Ở nơi quảng chúng, lời nói nên cần trọng vậy.

QUAN, TRƯỞNG CỦA NHÀ TỐNG

Theo *Cổ sự quỳnh lâm*, *Vô chúc*, quyển 1:

Dịch Thanh được người nhà Tống tôn xưng là Dịch Thiên sứ (Sứ nhà trời họ Dịch). Thời họ Dịch coi giữ Kinh Nguyên, vua Tống rất muốn thấy mặt, định triệu vào bệ kiến, nhưng gặp đúng lúc giặc quấy phá ở Bình Lương, nên lại phải xuống ngay lệnh

(1) Tuyên Hòa: niên hiệu cuối cùng trong sáu niên hiệu của Huy Tông, Bắc Tống, 1119-1126.

điều Dịch Thanh đi dẹp loạn vùng này.

Thay vào việc được trông thấy mặt Dịch Thanh thật, vua Tống sai họa sĩ vẽ hình Dịch Thanh dâng lên cho vua xem. Nhìn dung nghi viên võ tướng qua tranh thôi, vua Tống khen:

- Thật đúng là Quan Vân Trường, Trương Phi của trăm vậy!

Không biết hình dung họ Dịch oai phong như vậy hay do tài của họa sĩ? Có lẽ phải cả hai...

QUANH QUÉ THU PHẦN THƠ BẬT TIẾNG ...

(Vú Hoàng Chương)

Theo *Bản sự từ*...:

Thái thú Đàm Châu mở tiệc chiêu đãi ngay trên đỉnh sông Hợp Giang. Khách dự có Trương Tài Thúc. Quan lệnh cho đội kĩ nữ ca điệu *Lâm giang tiên*. Một cô chỉ hát hai câu:

*Vi ba huân bất động,
Lãnh xâm nhất thiên tinh ...*

(Sóng biếc chỉ thì thầm,
Một trời sao nhuộm lạnh...)

Tài Thúc thích lắm, đòi nghe cả bài. Cô kĩ nữ này thưa:

– Thiếp ở gần một bến thuyền buôn. Đêm trăng trong gió mát, nghe trên một thuyền gần đó, có người đàn ông, dựa mạn thuyền, hát bài từ này âm điệu cực kì ai oán, thê lương. Thiếp vốn đầu óc hay quên, nên không nhớ được cả. Xin quan thái thú cho chị em tới đó chờ nghe thì mới nhớ được cả bài.

Quan thái thú bằng lòng. Đêm hôm sau, quan cùng bạn bè mở ngay cuộc rượu ở bến sông để chờ nghe. Đêm đã gần tàn, trăng bạc một màu, quả nghe ở thuyền bên, thò vắn than dài mãi rồi cất tiếng hát bài từ trên. Trong số khách khứa, có người tên là Triệu Quỳnh, vừa nghe vừa rót nước mát, nói với thái thú:

– Đây chính là giọng ca của Tấn Thất ⁽¹⁾.

Triệu Quỳnh vốn hát rất hay. Khi họ Tấn phải quay về nam, nghe tiếng ca của Triệu Quỳnh thích lắm. Nghe họ Triệu nói thế, quan thái thú mới cho người đi thăm dò xem sao. Thì ra, trời ơi! Thuyền kia, chính là thuyền chở linh cữu Tấn Quán.

Toàn bài từ thì như sau:

*Thiên lí Tiêu Tương tiếp Lam Phố,
Lan khiêu tích nhật tàng kinh.
Mình nguyệt phong tình lộ hoa thanh,
Vi ba huy bất động,
Lãnh xâm nhất thiên tình.*

(1) Tấn Quán, còn có tên tục là Tấn Thất. Tự Thái Hư và Thiệu Du. Người Cao Bưu, Giang Tô, 1049-1100. Đậu tiến sĩ. Tô Thúc tiến cử là Bí thư sảnh chính tự. Chương Đôn chấp chính, bị cách chức, đưa đi kiểm soát thuế rượu ở Xứ Châu. Đồi đi Lâm Châu, Lôi Châu. Khi được về thì chết ở dọc đường thuộc Đằng Châu (Theo *Lịch sử văn học Trung Quốc*.)

*Độc ý nguy lan tình tiêu tiêu,
Thời văn phi sát lãnh lãnh.
Tiên âm hàm tận cổ kim tình,
Khúc chung nhân bất kiến,
Giang thượng số phong thanh.*

(Nghìn dặm Tiêu Tương nối Lam Phố,
Chèo lan xưa đã từng qua.
Trăng sáng gió lay, sương loáng bạc,
Sóng biếc chỉ thỉ thầm,
Một trời sao nhuộm lạnh.
Riêng tựa thuyền rồng lòng rười rượi,
Đâu đây đàn lạnh vương phi,
Âm điệu ngâm đủ sáu kim cổ,
Lời dứt, người chẳng thấy,
Trên sông, mấy ngọn núi)

QUÂN TỬ CHI GIAO ...

Theo *Bản sự từ*:

Phạm Thạch Hổ cáo lão về vườn rồi, mùa tuyết, Khương Nghiêu

Chương ⁽¹⁾ thường tới chơi, được họ Phạm giữ lại trong nhà hàng tháng trời. Những ngày này, hoa mai xung quanh Trại Hồ nở rộ. Thành Đại bắt họ Khương phải làm những bài từ mới. Các từ khúc mới nổi tiếng sau này như *Sơ ảnh*, *Âm hương*... của Nghiêu Chương là được sáng tác trong những dịp này.

Ca nữ trong nhà Thành Đại, hát hay nhất là Tiểu Hồng. Khương thường nghe ngấm không chán. Một lần, Khương xin đi, Thành Đại đem Tiểu Hồng tặng Khương.

Thuyền Khương đem đi qua Thuyền Hồng, gặp lúc tuyết rơi nhiều, Khương sai Tiểu Hồng ra ca bài từ mình mới làm xong. Khương cảm dịch họa theo. Hứng chí, Khương làm thơ:

*Tự hỉ tân từ vận tối kiêu,
Tiểu Hồng đề xướng ngã suy tiêu.
Khúc chung quá tận Tùng Lăng lộ,
Hồi thủ yên ba thập từ kiêu.*

(Riêng ham từ mới điệu hay,
Tiểu Hồng khế hát, ta tay đệm đàn.

(1) Khương Quý, 1155-1221, tự Nghiêu Chương, biệt hiệu Bạch Thạch đạo nhân. Người Phiên Dương, nay thuộc Giang Tây. Nhà làm từ khúc nổi tiếng thời Nam Tống. Bạn thơ văn của Phạm Thành Đại, Dương Vạn Lí. Thi nhiều lần không đậu, chưa làm quan bao giờ, thường đến làm khách ở các nhà sĩ hoạn. Có sách: *Bạch Thạch từ. Hoa Âm từ tuyển* nhận xét: "Từ của Bạch Thạch cực kì tình diệu. Không kém gì Thanh Chân. Những bài thành công thì ngay cả Mĩ Thành cũng không theo kịp".

(Tùng Lăng qua, điệu hát tan,
Ngoái đầu, sương khói miên man khắp cầu ⁽¹⁾)

QUÊN VÀNG ĐỂ GIÚP NGƯỜI

Theo Thủy Quê đường hà lục:

Đời Tống, Lưu Quang Tổ, tự Giản Trì, hiệu Hậu Khê, là học trò ưu tú của Chu Văn Công. Họ Lưu suốt đời mình, rất thích làm việc từ thiện, chẳng cần tính toán xem trong nhà của cái ra sao. Bất kì ai đến nhờ cậy đều được chu cấp bằng đủ cách.

Một hôm, họ Lưu đang ngồi nhà trong, còn phu nhân vừa mới gội đầu xong, có nhà nho tới thăm. Họ Lưu bảo phu nhân lui vào nhà sau để mình tiếp khách. Trong lúc vội vàng, phu nhân để quên chiếc thoa vừa tháo ra chưa kịp đeo lại. Sau đó, họ Lưu cũng vào, qua cửa rèm, phu nhân thấy khách nhón chiếc thoa giấu vào người. Giấu chưa xong, họ Lưu quay ra. Phu nhân níu tay áo chống kéo lại. Lát sau, họ Lưu mới ra, rồi thì khách về. Họ Lưu hỏi vợ duyên cớ. Phu nhân đáp: *Khách đương giấu thoa chưa xong. Khách đương lúc túng thiếu, cũng đã được phần nào. Đừng làm cho khách hoảng hốt, lỡ việc.*

Dại khải, cả vợ lẫn chồng đều hiền như thế ...

(1) *Tống thi nhất bách thủ* để tên bài thơ này là *Quá Thủy Hồng*. Thủy Hồng là tên một cái cầu ở huyện Ngô Giang, Giang Tô.

Tùng Lăng: chỉ huyện Ngô Giang.

SÁCH GIẤU ... DƯỚI GIẾNG

Theo *Từ hải*:

Trịnh Sở Nam người cuối đời Tống, tính tình cương trực, thủy chung, thi khoa bác học hoành từ. Quân Nguyên xâm lược, Trịnh thường chờ trước cửa khuyết dâng thư lên vua Tống, hiến kế chống giặc. Nhưng không được trả lời.

Nhà Tống mất, Trịnh bỏ về ở ẩn, làm ruộng ở Ngô Trung, lấy hiệu là Tử Tiêu, Úc Ông, đều hàm ý nhớ nhà Tống, không chịu hàng phục nhà Nguyên.

Lúc ngồi, Trịnh bao giờ cũng chỉ quay mặt về hướng nam. Lại thường quay về hướng nam mà khóc rống. Không nghe người nói giọng bắc.

Trịnh rất giỏi vẽ hoa lan. Từ ngày nhà Nguyên lập vương triều trên đất Trung Hoa, Trịnh vẽ hoa lan, nhưng không lần nào chịu vẽ đất. Hàm ý đất nước nhà Tống đã bị nhà Nguyên chiếm rồi còn đâu. Tất nhiên đây là loại *Địa lan* (lan sống dưới đất) (*Xuân lan thu cúc thành hư sự*, Nguyễn Du) chứ không phải phong lan. Trịnh có cả một tập tranh *Lan phả*.

Trịnh còn viết sách. Tập *Tâm sử* của Trịnh mãi đến đời Sùng Chính nhà Minh mới tìm thấy vì được giấu kĩ dưới giếng chùa Thừa Thiên thuộc Ngô Trung, đựng trong một hòm sắt kín. Vì vậy, sách này cũng được gọi là *Thiết hàm Tâm sử* (Sử của lòng người đựng trong hòm sắt) hoặc *Tĩnh trung Tâm sử* (Sử của lòng người giấu dưới giếng).

SÁCH VIẾT BA THỨ MỰC

Theo *Tống sử*, *Phạm Xung truyện*:

Phạm Xung được giao viết lại sách *Thần Tông bảo lục*. Phạm làm riêng hẳn một quyển khảo dị, nói rõ cách nhuận sắc của mình. Những đoạn văn đề nguyên như sách cũ thì Phạm dùng mực đen để viết. Những đoạn văn cắt bỏ thì được viết lại y nguyên nhưng dùng mực màu vàng. Phần nào Phạm viết thêm thì được dùng mực màu đỏ.

Người đời Tống vì vậy gọi sách này của Phạm là *Chu mực sử*.

SAU ĐÔNG PHA LÀ AI?

Đông Pha cư sĩ Ngải Tử tạp tuyệt ghi:

Đất Tề mùa rét kéo dài, xuân đã gần tận mà vẫn còn rét như cát da. Năm ấy, vừa lập xuân, có ông già nhà quê mang một giỏ rau muống ⁽¹⁾ đến biếu Ngải Tử, kính cần thưa:

- Đây là giỏ rau đầu mùa. Chưa dám ăn, xin đem đến biếu ngài trước!

Ngải Tử vui vẻ:

- Cảm tạ tấm lòng trân trọng của bác. Sau tôi được hưởng rồi sẽ đến lượt ai?

(1) Nguyên văn: *mực nước*, nhiều tài liệu dịch là rau muống, có lẽ không đúng. Xứ lạnh không có, nhiều đại gia súc cũng không ăn rau muống.

Ông già thưa:

- Dem biểu ngài rồi, còn bao nhiêu sẽ cất cho la ăn!

SÁU CÁI MỘT CƯ SĨ

Lục Nhất cư sĩ là hiệu của Âu Dương Tu những năm tuổi già. Về cái hiệu có vẻ lạ lùng này, sách *Lục Nhất cư sĩ* truyện kể rằng:

Lục Nhất cư sĩ những ngày mới bị giáng đi Trù Châu chỉ mới có hiệu là Túy Ông tiên sinh (Ông già say) về sau, tuổi ngày càng cao, bệnh tật càng nhiều, nhà thơ đặt thêm cho mình hiệu Lục Nhất cư sĩ. Có nhiều người hỏi họ Âu Dương:

- *Lục Nhất* nghĩa là gì thưa ngài?

Cư sĩ đáp:

- Trong nhà già này chất chứa một vọn quyển sách; lại thêm một ngàn quyển ghi chép lại những thư tịch cổ xưa từ thời tam đại trên đồng trên đá, trên xương thú mai rùa; một cây đàn nữa này; một bộ cờ sẵn bày đó chờ bạn, vừa là di dưỡng, vừa là giao hữu; rồi nữa bao giờ cũng sẵn bên là một hồ rượu. Và một ông già này nữa giữa năm thứ vật đó, không phải là *Lục Nhất* thì còn là gì nữa?

Những năm tuổi già, Âu Dương viết *Lục Nhất thi thoại* là quyển sách mở đầu cho thi thoại của đời Tống. Vừa bàn luận về văn chương, vừa ghi lại những chuyện lí thú về thi ca.

Sau đó Tư Mã Quang theo lệ luật của *Lục Nhất thi thoại* viết

tiếp *Tục thi thoại*. Tư Mã tuy không nổi tiếng về thơ như Vương An Thạch, Âu Dương Tu, Tô Đông Pha nhưng những lời bàn về thơ của ông lại rất hay, nên *Tục thi thoại* rất có giá trị...

SÁU NGƯỜI HỌC TRÒ QUÂN TỬ

Theo *Từ nguyên*...:

Vào thời Ninh Tông của triều Nam Tống, tá thừa tướng Triệu Nhữ Ngu, hãm hại Hàn Sa Trụ, các Thái học sinh: Chu Thụy Triều, Trương Hành, Từ Phạm, Tưởng Phớ, Lâm trọng Lân, Dương Hoàng Trung cùng làm đơn kêu cho Hàn Sa Trụ. Nhưng công việc không xong. Cả sáu người đều bị trừng phạt, đuổi đi.

Người đương thời gọi họ là *Lục quân tử* (Sáu người quân tử).

SÁU VỊ TÀI TỬ Ở CỦA HỌ TÔ

Theo *Từ nguyên*:

Tấn Quá, Hoàng Đình Kiên, Trương Lỗi, Triệu Bố Chi, Trần Sư Đạo, Lí Tiến, sáu người này thường đi lại với Tô Đông Pha, được họ Tô tiến cử. Vì vậy, người đời gọi họ là *Tô môn lục tài tử*.

Về sau có kẻ sao lục văn thơ của cả sáu vị này tập hợp thành sách *Tô môn lục tài tử văn túy* (Những bài văn, bài thơ tinh túy

của sáu tài tử của họ Tô). Nhưng không đề tên rõ từng người vào từng bài.

Từ đời Càn Đạo, Nam Tống, Hiếu Tông, 1165-1174, phong cách Tô Đông Pha được ưa chuộng, cho nên trong các cửa hàng sách, loại sách của sáu tài tử này rất nhiều.

SẮC ĐẸP BẮT MẮT HỒN

Theo *Thi từ du thoại*:

Chiêm Thiên Du, tên là Chính, tự là Khả Đại, vốn là bức phong lưu tài tử. Giao du với bạn bè không chịu trói buộc bởi thế tục.

Phò mã nhà Tống là Dương Thận có mười cô kĩ nữ đều thuộc loại tuyệt thế giai nhân. Trong đó thì Phấn Nhi là người đứng đầu. Hôm ấy, Dương Thận mở tiệc, khách mời có Thiên Du. Cả mười cô con hát được gọi ra chúc rượu. Khả Đại nhìn Phấn Nhi không rời mắt rồi khẩu chiếm ngay một bài từ:

Dạm dạm thanh sơn lưỡng điểm xuân,

Kiều tu nhất điểm khẩu nhi anh.

Nhất thoa nhi ngọc nhất đoá vân,

Bạch ngẫu hương trung kiến Tây Tử.

Ngọc mai hoa hạ ngộ Văn Quân.

Bát tàng chân cá dã tiêu hồn.

(Mây ngài hai nét núi xuân xa,
Hoa đào một đóa vẻ diễm kiều.
Mây vờn mái tóc giữa yên ba,
Mặt hồ sen trắng dáng Tây Từ,
Vấn Quân tường gặp gốc mai ngọc.
Cũng mất hồn ai nét kiều sa ⁽¹⁾)

Dương Thận bèn đem ngay Phấn Nhi tặng cho Khả Đại, lại còn bảo:

- Thiên Du rõ ràng là kẻ mất hồn chứ còn ai vào đây cơ chứ!

SEN TỊNH ĐẾ

Theo *Tĩnh sử*....:

Thời Nam Tống, triều Độ Tông, 1265-1275, nhà họ Trương ở Dương Châu giàu có nhất quận. Có người con gái tên là Lệ Xuân tài sắc vào bậc hoa khôi. Họ Trương chưa chịu gả cho ai. Cùng làng có nhà họ Tào thanh bạch, con trai là Tào Bích, mười sáu tuổi, thông minh tuấn tú. Trương muốn kén làm rể nhưng Tào nghĩ phận nghèo, không dám hỏi.

Họ Trương đón thấy mở trường ngay trong nhà, mời Bích sang cùng học. Lệ Xuân thấy mặt Bích, thích lắm, viết một bài thơ, sai con hầu Lan Hương đưa cho Bích. Bích xem thơ, mừng lắm, họa

(1) Có lẽ là theo điệu *Hoàn khê sa*.

lại, có câu:

*Tạc dạ Thường Nga giáng tiêu tức,
Quảng Hàn dĩ hứa chiết cao chi.*

(Đêm hôm qua, Thường Nga đưa tin xuống,
Cung Quảng Hàn hứa sẽ cho bé cảnh cao)

Một đêm, Bích đang đọc sách ở trong phòng, chợt nghe tiếng gõ cửa, thì ra là Lệ Xuân. Bích đón vào. Lệ Xuân đưa cho Bích một mảnh hoa tiên:

- Thiếp vừa làm được bốn bài tứ tuyệt theo thể hồi văn. Xin chàng phủ chính cho.

Bích đọc rồi khen, định họa. Nhưng Lệ Xuân bảo:

- Thơ này chẳng nên họa lại. Phụ thân thiếp mới làm một biệt thự, có đủ cảnh bốn mùa. Nhiều người đã đề vịnh. Nhưng chưa ai làm theo thể hồi văn. Chàng thử làm xem sao.

Bích cầm bút, thoáng đã xong bốn bài. Lệ Xuân khen nức nở. Đã trống canh hai, Bích ra chiếu là lời. Lệ Xuân nghiêm trang:

- Thế là hồng lễ vu quy của thiếp đấy. Xin chàng hãy chịu khó đợi ít lâu!

Họ Trương tìm mối, cho Bích làm lễ cưới. Bích ở nhà bố mẹ vợ. Đêm động phòng vui vẻ, Lệ Xuân bảo:

- Trước thiếp trái tình chàng là để chờ đêm nay.

Bích phục lắm.

Cuối niên hiệu Hàm Thuần, chỉ ba bốn năm sau khi nhà Nam Tống kết thúc, khắp trung nguyên loạn lạc. Cướp biển kéo vào thành Dương Châu, xông vào tận nhà họ Trương. Vợ chồng Bích

sợ nhục, cả hai ôm nhau từ trên lầu cao nhảy xuống hồ lớn mà chết.

Năm sau, trong hồ sinh một loài sen lạ, sắc hồng, hương ngát, cùng chung một rễ. Tao nhân mặc khách để vịnh rất nhiều. Bài sau đây hay hơn cả:

*Giai nhân tài tử thị tiền duyên,
Bất tác thiên tiên tác thủy tiên.
Bạch cốt bất mai hoàng nhược thổ,
Thanh hồn trường tẩm bích ba thiên.
Sinh tiền tàng kết đồng tâm đới,
Tử hậu nhưng khai tịnh đế liên.
Thiên cổ phong lưu, thiên cổ hận,
Ân tình bất đoạn ngẫu ti khiên.*

(Người đẹp với người tài có duyên nợ với nhau từ
kiếp trước,
Chẳng làm tiên trên trời mà lại làm tiên dưới nước.
Xương trắng không chịu vùi nơi đất vàng,
Hồn xanh đắm đuối mãi sống biếc.
Lúc sống đã cùng nhau kết dải đồng tâm⁽¹⁾,
Khi chết thì lại sinh ra loài sen cùng gốc.
Khách phong lưu nghìn đời mang mối hận cũng
nghìn đời,
Ân tình như ngó sen không bao giờ dứt hẳn được)

(1) Theo *Tùy Đường diển nghĩa*, Tùy Dương Đế trao cho Tuyên Hoa Phu nhân - tức Trần Công chúa - một hộp gấm, bên trong có những dải lụa ngũ sắc kết chặt với nhau để tỏ tình gắn bó ("Bấy lâu kháng khí dải đồng ..." - *Truyện Kiều*)

SỐNG CHẴNG THẤY DẦU !

1.

Trình Su Mạnh đến thưa với Vương An Thạch:

- Văn chương của ngài trùu thiên hạ. Tiểu nhân may mắn được sống cùng thời với ngài. Chỉ có mỗi một mong muốn là được ngài viết mộ chí cho. May ra theo đó mà được bất hủ. Xin ngài đừng nỡ lòng từ chối!

Họ Vương hỏi:

- Trước đây khách làm quan tước gì?

Trình thưa:

- Dạ không! Tiểu nhân chỉ sợ không được luôn hầu hạ song thân nên không đi đâu khỏi nhà. Xin ngài viết sẵn mộ chí, khi nào chết sẽ khắc.

2.

Vương Văn chết. Trương An Quốc xóa tóc, đội khăn cỏ đến khóc trước linh cữu:

- Ngài bất hạnh chưa có con trai. Hiện giờ quan bà đang bụng mang dạ chửa. Tiểu nhân chỉ xin được chết ngay bây giờ, để được đầu thai làm kẻ nối dõi của ngài.

3.

Nhân hai chuyện này, người kinh sư bàn với nhau:

- Trình Su Mạnh đang sống thì lại mong cho chóng chết, Trương An Quốc thì lại mong chóng được đầu thai giữa lúc còn sống (*Trình Su Mạnh sinh cầu tóc tử, Trương An Quốc tử nguyện thác sinh*).

(Theo Lí Trác Ngô trong *Sơn trung nhất ịch thoại*)

SƠN CỐC ĐẠO NHÂN

Hồng Đình Kiên đi chơi chùa Sơn Cốc, động Thạch Ngưu, trong dãy Tam Tổ Sơn vùng Tiềm Hoàn, nay là phía tây bắc huyện Tiềm Sơn, tỉnh An Huy.

Phong cảnh sơn thủy ở đây làm họ Hoàng rất say mê. Trong sân chùa Sơn Cốc, có một hòn đá to như con trâu nằm. Lí Công Lân ⁽¹⁾ viết mấy chữ: *Đình Kiên tọa thạch ngưu thượng* (Đình Kiên ngồi trên hòn đá như con trâu này).

Họ Hoàng vì vậy lấy luôn hiệu là Sơn Cốc đạo nhân.

(Theo *Tống sử*, *Hoàng Đình Kiên truyện*).

SƠN CỐC TẬP

Là tập thơ văn của Hoàng Đình Kiên. Sách *Tị thử lục thoại* của Diệp Mộng Dắc nói về tác phẩm này như sau: ⁽²⁾

(1) Lí Công Lân: người cũng đời Tống, quê Thư Dương. Đậu tiến sĩ năm Nguyên Hựu. Thơ hay, cổ tự giỏi. Thư pháp nổi tiếng. Vẽ tranh sơn thủy, tượng Phật rất điêu luyện. Cùng với các danh họa họ Lục, Tượng, Cố, Ngô lập thành một trường phái riêng của họa phái thời Bắc Tống.

Về già, sống ở Long Miên sơn trang nên còn gọi là Long Miên sơn nhân. Tự vẽ danh họa *Long Miên sơn trang đồ*... (*Từ hải*...).

(2) Diệp Mộng Dắc: người Ngô Huyện. Đậu tiến sĩ đời Thiệu Thánh. Từng làm Hàn lâm học sĩ. Nhà Tống về nam, chủ chiến, đã hơn năm mươi lần, cầm quân đánh thắng quân Kim. Giỏi về tử hân thơ. Trước tác: *Thạch Lâm xuân thu truyện*, *Dịch truyện*, *Thư truyện*...

Hoàng Lỗ Trục vốn có hơn một nghìn bài thơ. Vào lúc tuổi đã nhiều, nhà thơ chọn đốt đến hai phần ba số thơ đó. Số còn lại cũng không biết là bao nhiêu. Được đặt là *Tiểu vĩ tập* (Tập thơ còn lại sau khi đã đốt bớt). Đến lúc tuổi già lại được san định một lần nữa. Chỉ còn ba trăm linh tám bài ⁽¹⁾. Nhưng tập thơ do chính họ Hoàng san định này không còn. Nay còn lại một bản khác, do Tôn Vinh biên tập. Gồm *Nội tập*, 30 quyển; *Ngoại tập*, 14 quyển; *Biệt tập*, 20 quyển; *Từ tập*, 1 quyển; *Giản xích*, 2 quyển; *Niên phả*, 3 quyển. Sách được Thanh Ông Phương Cương hiệu khác. Nhiệm Uyên, Sử Dung, Sử Quý Ôn chú giải.

SU TỔNG TIẾP SỨ KIM

Tổng Hiếu Tông ⁽²⁾ chơi cầu, chẳng may bị ngựa làm hỏng một mắt. Người Kim sai sứ xuống mừng thọ lại chọn một pho tượng Phật Bà nghìn mắt nghìn tay làm lễ, có ý châm chọc việc hỏng mắt của hoàng đế.

Hiếu Tông ra lệnh đón tượng về Kinh Sơn, mời cả sứ giả cùng đi. Đến cổng chùa, sư trụ trì đã chờ đón, đọc một bài kệ rằng:

Nhất thủ động thời thiên thủ động,

Nhất nhân quan thời thiên nhân quan.

(1) Bằng số bài của *Kinh thi* sau khi được Không Tử san định. Có lẽ nhà thơ có ý so sánh.

(2) Hiếu Tông, vua thứ hai của thời Nam Tống. Ở ngôi từ 1163 đến 1190.

*Hạnh đắc thái bình vô nhất sự,
Hà tu tác đắc hứa đa bàn?*

(Một tay động kéo nghìn tay động,
Một mắt xem thì nghìn mắt xem.
Thiên hạ yên hàn không lộn xộn,
Việc gì phải vẽ chuyện lem nhem?)

Chuyện này được Trần Nguyên Tịnh ghi trong *Sự lâm quảng kí*. Cuối cùng, Trần còn nói: Sứ giả nghe xong rất xấu hổ. Thực ra cách nói này cũng chỉ để che giấu nỗi buồn nhục tiểu mà thôi...

SƯ TRẢ MIẾNG TÔ THỨC

Dông Pha nói với Phật Ấn:

- Người xưa thường đem sư đối với chim, ví như:

*Điều túc trì biên thụ,
Tăng sao nguyệt hạ môn.*

(Chim ngủ cây trên ao,
Sư gõ cửa dưới trăng)

Lại còn câu:

*Thời vân trác mộc điều,
Nghị thị khẩu môn tăng.*

(Lắng nghe, chim mổ cây,
Những ngờ, sự gõ cửa)

Phật Ấn trả miếng ngay:

- Cũng như giờ bắn tãng ngồi đối diện với quan lớn vậy thôi.

(Theo *Tiểu tán...*)

SU TỬ HÀ ĐÔNG

Sách *Điều ước biên*, tác giả nói rằng ghi lại những lời kể của Tô Đông Pha, trong đó có truyện sau đây:

Trần Tháo, tự Quý Thường, người Kì Đình, Hoàng Châu, xưng hiệu là Long Khâu tiên sinh, lại có hiệu là Phương Sơn tử, là bạn của họ Tô - vì vậy họ Tô có viết cả *Phương Sơn tử truyện*. Trần Tháo thích hát xướng, tiếp đãi khách khứa. Nhưng vợ là Liễu Thị vừa ghen tuông vừa hung hãn. Vì vậy Đông Pha làm thơ đùa:

*Long Khâu cư sĩ diệc khả liên,
Đàm không thuyết hữu dạ bất miên.
Hốt văn sư tử Hà Đông hống,
Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên.*

(Cư sĩ Long Khâu thật đáng thương,
Đêm dài nói có với đàm không.

Bỗng nghe sư tử Hà Đông rống,
Gậy chống cũng rơi xạm mặt vàng)

Chữ Hà Đông vốn xuất từ câu thơ của Đỗ Phủ: *Hà Đông nữ nhi thân tánh Liễu* (Cô gái ở Hà Đông người họ Liễu). Chữ sư tử, vốn xuất từ kinh Phật: Sư tử là vua các loài thú, mỗi khi nó rống lên, các loài thú đều sợ. Quý Thường vốn cũng ham đạo Phật nữa. Vợ Quý Thường lại cũng họ Liễu nên Đông Pha mới có những câu thơ trên.

SỰ HẸP HÒI CỦA MỘT VIÊN QUAN, MỘT NHÀ THƠ ?

Theo *Bản sự thi* ...

Trần Tiên người vùng Tương Giang, sau khi thi đậu, làm giáo chức ở Nhạc Châu, chơi rất thân với một ca nữ ở giáo phường là Giang Liễu. Quan thái thú Nhạc Châu là Mạnh Chi Kinh biết chuyện, nhân phủ đường có tiệc rượu, Giang Liễu không thấy tới hầu, Mạnh sai cho gọi, Liễu mới tới. Mạnh giận truyền phạt trượng, sau đó thích hai chữ "Trần Tiên" giữa hai mày, lại còn dày đi Thần Châu.

Trần Tiên tuy căm lắm, nhưng cũng không có cách nào khác. Mẹ Giang Liễu oán trách. Trần bán sạch gia tài, được khoảng

ngàn quan, chu cấp cho mẹ con Giang Liễu trước lúc lên đường.
Việc mới tạm yên. Trần có làm một bài từ, đưa riêng cho Giang Liễu:

*Mấn biên nhất điểm tự phi nha,
Hưu bả thủy điền già.
Tam niên lương tải,
Thiên nhuần bách trực,
Kim nhật thiên nha.
Dương hoa hữu trục đông phong khứ,
Tùy phận nhập nhân gia.
Bất yển tư lương,
Trừ phi tửu tỉnh,
Bất chiếu lãng hoa.*

(Bên cạnh mái tóc có một chấm như con quạ đang bay,
Việc gì mà phải lấy cành thoa che đi?
Hai ba năm sau,
Trăm nghìn việc rồi qua cả.
Dù bây giờ có phải chân trời góc bể.
Hoa dương rồi sẽ đuổi gió đông,
Theo phận duyên mà vào nhà người,
Chẳng cần phải đắn đo,
Có chăng khi tỉnh rượu,
Đếm xia làm gì cái chấm hoa đó?⁽¹⁾)

(1) Bản sự từ không thấy nói rõ bài từ này là điệu gì. Tra các tuyển từ, thì là điệu *Nhân nhĩ mi*.

Vừa lúc Liễu phải lên đường, một người quen của Trần là Lục Duệ, hiệu Vân Tây, làm Chế tư cán quan, vùng Kinh Hồ, theo sắc chỉ đến Nhạc Châu. Trần ngầm đến gặp bạn, kể lại đầu đuôi chuyện Liễu. Họ Lục liền lấy ngay một tờ tín chỉ diển tên họ Trần đưa vào làm trong chế tư.

Vào phủ đường Nhạc Châu, Mạnh ra nghênh tiếp. Trong tiệc rượu mừng quan chế tư, họ Lục lên tiếng nhỏ nhẹ:

- Nghe nói giáo phường đây có Giang Liễu hát hay lắm, nay có đây không?

Mạnh vội cho gọi đến. Liễu che giữa mi bằng một cánh thoa dáng lông chim trả. Rượu ngà ngà say, Lục nửa đùa nửa thật hỏi Mạnh:

- Ngài có cho phép làm quen riêng với Giang Liễu chăng?

Mạnh xin vâng. Họ Lục cười:

- Ngài không dung nổi thấy đồ họ Trần. Liễu có tha tội đường đột cho tiểu nhân được?

Mạnh kể những công cuống của họ Trần. Rượu tàn, Lục gọi Giang Liễu lại, hỏi rõ đầu đuôi. Liễu kể rồi ca bài từ Trần tặng. Lục lên tiếng trách cứ. Mạnh xin Lục đứng hòa giải. Lập tức, Trần được mời đến. Ngày hôm sau, Mạnh cho gọi quan cai quản giáo phường đến, xóa tên Giang Liễu, đưa về với họ Trần.

Có người báo, những chuyện này là của Dương Thành Trai ⁽¹⁾ khi ngồi tri phủ Nhạc Châu. Nhưng cũng không lấy gì làm chắc. Dương làm gì đến nỗi thất nhân tâm đến thế?

(1) Xem *Dương Vạn Lý* chữ su.

TẠ TẠO: XỨNG ĐÁNG VỚI VĂN THIÊN TƯỜNG

1.

Theo *Từ nguyên*:

Tạ Tào người Trường Khê, sau chuyển về Phổ Thành, nay là tỉnh Phúc Kiến, 1249–1295, là nhà thơ yêu nước tiêu biểu cho thời Tống diệt. Có hiệu là Hi Phát Tử. Thơ ông có khí cốt Thịnh Đường. Văn cũng hào hùng, đầy khí phách.

Quân Nguyên đánh Lâm An, thừa tướng Văn Thiên Tường mở phủ Diên Bình, phát hịch cần vương khắp châu quận. Họ Tạ vốn giàu có, đem tất cả gia tài, *chiêu binh mãi mã* được mấy trăm người, theo Văn Thiên Tường. Sau đó tác giả *Chính khí ca* bị bắt, rồi bị giết. Nghe tin, Tạ đến Nghiêm Lăng, tìm Diêu Dài ⁽¹⁾, lập bài vị thừa tướng, làm lễ tế. Lấy trúc như ý đập vào đá núi, gào khóc theo điệu Sở để làm lễ chiêu hồn. Cho tới khi trúc nát đá tan mới thôi.

Mộ Tạ được cất ngay ở phía nam Diêu Dài.

Tạ từng làm Tư nghị tham quân. Thơ văn có: *Hi Phát tập*, *Thiên địa nhân tập*, *Sở từ phương thảo đồ bộ*...

(1) Diêu Dài (Phiến đá ngồi câu cá). Ở Trung Quốc, nhiều nơi có tên này. Nhưng với Tạ Tào thì chính là Tử Lăng Diêu Dài, của Nghiêm Tử Lăng, một ẩn sĩ đời Hán, bạn ngày nhỏ của Hán Quang Vũ. Quang Vũ lên ngôi, mời mãi ông mới tới ra mắt. Đêm ngủ cùng giường, gác chân lên bụng vua nói chuyện. Nhưng rồi xin về, ngồi câu bên sông Đồng Giang, hiện di chỉ còn ở huyện Đồng Lu, tỉnh Triết Giang. Có hai đài Đồng Tây, mỗi đài cao hàng mấy trượng. Tạ Tào khóc Văn Thiên Tường ở đài Tây (Theo *Từ nguyên*).

2.

Theo Tống thi nhất bách thủ:

QUÁ HÀNG CHÂU⁽¹⁾ CỔ CUNG

*Hòa thủ hà nhân vi thủ hôn,
Lạc hoa dài diện ám tiêu hồn.
Triều Nguyên các hạ quy lai yến,
Bất kiến tiền đầu anh vũ ngôn.*

(Lúa mạch phủ kín, ai người canh giữ cung điện xưa,
Hoa rơi trên nền điện lặng lẽ làm tan nát lòng người.
Gác Triều Nguyên ⁽²⁾ là nơi chim én đi về,
Chẳng thấy đầu trước điện, tiếng chim anh vũ).

TAM ĐA CỦA NHÀ VĂN

Tam đa lâu nay được xem như là sự thể hiện gọn gàng của ước muốn, là lời chúc tụng. Ba cái nhiều này, theo Từ nguyên là: *Đa phúc, đa thọ, đa nam tử*.

Chương Thiên địa, Trang tử kể:

Vua Nghiêu đến đất Hoa Phong, có người chúc vua:

(1) Hàng Châu, nay thuộc Triết Giang, thời Nam Tống lấy làm kinh thành Lâm An.

(2) Gác Triều Nguyên, tên một gác của thời nhà Đường. Đây chỉ cung cũ của nhà Tống ở Lâm An.

- Xin chúc thánh nhân giàu có, xin mong thánh nhân sống lâu, xin cầu thánh nhân lắm con trai!

Vua Nghiêu từ tạ:

- *Đa phúc đa sự, đa thọ đa nhục, đa nam tử đa luy!*

Theo *Hàn Sơn thi thoại*, Âu Dương Vĩnh Thúc cho rằng người làm văn cũng phải có được *Tam đa* là: *Khán đa, tác đa, thương lượng đa* (Xem nhiều sách, viết nhiều văn thơ, nghĩ ngợi đắn đo nhiều).

TAM SAO THẤT BẢN...

Theo *Tô Đông Pha* của Nguyễn Hiến Lê, Nhà xuất bản Cao Thơm, Sài Gòn, 1970:

... Trong vụ án Ô đài, bài thơ của Tô bị bọn Lí Định đem ra mổ xẻ nhiều nhất là bài *Vịnh hai cây bách* sau:

*Lâm nhiên tương đối cảm tương khi,
Trực tiết lãng vân yếu vị kì.
Cần đao cửu tuyền vô khúc xử,
Ta gian duy hữu trập long tri.*

(Song song cùng mọc đã từ lâu,
Thẳng vót từng mây có lạ đâu.

Rể đến âm ti không khuất khúc,
Có rồng nấp đó biết cho nhau.

NGUYỄN HIẾN LÊ dịch)

Tội của bài thơ tập trung ở hai chữ *trập long* (rồng nấp). Rồng tượng trưng cho vua, vậy thì phải bay trên trời. Đúng như hào thứ năm quẻ cần, *Kinh dịch: Long phi tại thiên*.

Công việc điều tra, khép tội đang tiến hành, thì Thái hoàng hậu, tức Cao Hoàng hậu, mẹ đẻ ra Anh Tông, mời Thần Tông vào phán rằng:

- Ta còn nhớ hồi hai anh em họ Tô thi đậu, thì ông nội cháu bảo mọi người rằng: *Đã kiếm được hai tể tướng cho tương lai*. Nay bọn tiểu nhân muốn hại Tô Thúc, không tìm được lỗi gì trong việc quan rồi đem thơ của hắn ra buộc tội. Đừng nên hại người vô tội.

Có lẽ nghe theo lời này, Thần Tông, khi nghe bọn Lí Định vạch tội chết của bài *Vịnh hai cây bách*, đã phán:

- Không thể hiểu thơ theo cách đó được. Hắn vịnh hai cây bách thì có liên hệ gì đến trẫm.

Rốt cục, Tô bị giáng chức, đưa đi Hoàng Châu...

TAM TÔ : TÔ LÃO TUYỀN

Trong lời tựa viết lấy cho *Tô Đông Pha* của mình, Nguyễn Hiến Lê viết:

Suốt đời Đường và Tống, từ đầu thế kỉ thứ bảy đến cuối thế kỉ mười ba, nghĩa là suốt bảy thế kỉ, Trung Hoa có tám văn hào lớn nhất (*bát đại gia*), thì riêng họ Tô đã chiếm được ba rồi: Tô Tuân (1009-1066), Tô Thúc (1137-1101), Tô Triệt (1039-1112), còn năm nhà kia là Hàn Dũ, Liễu Tôn Nguyên đời Đường, Âu Dương Tu, Vương An Thạch và Tăng Củng đời Tống, đồng thời với *Tam Tô* (ba cha con họ Tô).

Nói về cả triều đại thì cũng nên nhận xét thêm: thời Đường chỉ có hai. Thời Tống những năm.

Trong tám người này, bảy vị có học vị cao nhất của thời phong kiến: tiến sĩ. Chỉ riêng Lão Tô, là không. Không những thế, bảy người này đậu tiến sĩ lúc còn rất ít tuổi: Tô Triệt, đậu năm 19 tuổi; Liễu Tôn Nguyên, năm 21 tuổi; Tô Đông Pha năm 22 tuổi, cũng như Vương An Thạch; Hàn Dũ giống như Âu Dương đều năm 24 tuổi. Tăng Củng muộn nhất thì cũng chỉ mới 39 tuổi đã đậu... Thật là những thanh niên tiêu biểu cho thời đại bấy giờ...

Riêng về Tô Tuân, không tiến sĩ nhưng là bố của hai tiến sĩ. Theo *Đường Tống bát đại văn gia*...:

Tô Tuân tự là Minh Doãn, hiệu là Lão Tuyền, người Mi Sơn tỉnh Tứ Xuyên.

Mãi đến năm hai mươi lăm tuổi ông mới phần chí, cấp sách đi học. Sau đó đi thi tiến sĩ nhưng không đậu. Ông đóng cửa khổ công đọc sách. Thâm cứu đủ các loại của *Bách gia chư tử*. Lưu tâm đến thời cuộc, sở trường về văn nghị luận. Trở thành một nhà cổ văn trứ danh.

Vào khoảng năm Gia Hựu, ông cùng hai con Tô Thúc và Tô Triệt lên kinh, gặp minh chủ văn đàn lúc bấy giờ là Âu Dương Tu, trình 22 thiên trước tác: *Quyền thư luận hành*. Được Tu tán thưởng và tiến cử.

Về sau, nhờ tể tướng Hàn Kì, ông giữ chức Bí thư tỉnh hiệu thư lang.

Sách của ông có: *Gia Hựu tập*, *Lão Tuyên văn sao*. Người đời gọi ông là Lão Tô, Tô Thúc là Đại Tô, Tô Triệt là Tiểu Tô. Cả ba cha con, anh em là Tam Tô...

TÂN ƯỐC: AI GIEO NHIỀU THÌ GẶT NHIỀU

Theo *Bạch mi cổ sự*:

... Một hôm, Tống Giao ở trọ trong phòng sách, thì trời mưa lớn. Có tổ kiến hàng triệu triệu con bị nước ngập, không lối thoát. Giao liền lấy một cành tre, đặt làm cầu, giải thoát cho lũ kiến.

Sau đó ít lâu, Giao gặp lại một thầy tướng quen thuộc, ông ta nhìn Giao hồi lâu rồi kinh ngạc thốt:

- Trông tướng của tiên sinh so với trước đây có chỗ khác nhau nhiều lắm. Hình như tiên sinh đã có âm đức cứu cho hàng vạn hàng triệu sinh linh thì phải?

Giao nghĩ ngợi hồi lâu rồi kể lại việc làm tình cờ của mình hôm nước lớn, mà Giao đã quên. Thấy tướng khẳng định:

- Đúng rồi!

Quả nhiên, sau Giao đậu tiến sĩ thứ mười. Lại được hoàng hậu nhà Tống nâng lên trạng nguyên. Em, Tống Kì, người đời gọi là *Tiểu trạng nguyên*; Giao, anh, người đời gọi là *Đại trạng nguyên*.

TẦN QUÁN NỔI TỬ CỦA MA

Tư Mã Dữu hiệu Tài Trọng, thi hồng, nằm ngủ ngày, thấy một người đàn bà rất đẹp, vén màn hát rằng:

*... Yến tử hàm tượng xuân sắc khứ,
Sa song kì trợn hoàng mai vũ...*

(Chim yến ngậm sắc xuân bay đi mất,
Bên song mưa mai vàng từng trận...)

Tài Trọng thích lắm, mới hỏi tên điệu tử là gì? Người đàn bà đáp:
- *Hoàng kim lữ.*

Sau đó, Tài Trọng được Tô Đông Pha tiến cử làm mặc quan ở Tiền Đường. Tấn Quán⁽¹⁾ lúc này đang làm Tiền Đường úy. Tài Trọng mới kể cho Tấn Quán nghe chuyện này. Tấn Quán liền làm tiếp:

*Mộng đoạn thái vân vô mịch xứ,
Dạ lương minh nguyệt sinh nam phố.*

(Mộng tan, ráng đẹp tìm đâu nữa,
Đêm lạnh bên nam trăng vẫn sáng)

(1) Tấn Quán, 1049-1100, người Giang Tô. Được Tô Thức tiến cử làm Bí thư sảnh chính tự. Một trong những tác gia từ khúc nổi tiếng nhà Tống. *Hình ảnh xây dựng thường có tính sáng tạo, và ngôn ngữ cũng tự nhiên, mới mẻ, rất ít điển tích, rất ít chữ sáo. Ông là bậc thầy ngôn ngữ của phái uyển ước (Lịch sử văn học Trung Quốc...).*

Mấy đêm sau, Tài Trọng lại nằm mơ thấy người đàn bà, cười mà nói:

- Ước nguyện của thiếp lâu nay thế là đã thành.

Rồi cùng nhau chung chăn gối. Từ đó, đêm nào cũng tối. Tài Trọng đem chuyện kể cho bạn đồng liêu. Có người bảo:

- Phía sau đình, có mộ Tô Tiểu⁽¹⁾. Liệu không phải là sự yêu ma sao?

Chưa đầy năm, Tài Trọng nhuộm bệnh. Nhà lại thuê thuyền lớn cho ở để chạy chữa. Thuyền thường buộc ngay trên hồ. Một hôm, phu thuyền bỗng thấy Tài Trọng dắt một người đàn bà đẹp lên thuyền. Chào hỏi chưa xong, đuôi thuyền đã phát hỏa cháy rực. Dập lửa, vội vàng lên báo quan. Lên đến sảnh đường thì có tin Tài Trọng đã chết rồi.

(Theo *Bán sự nữ...*)

TẬP TỔNG ĐƯỜNG THI

Tiểu hải thiên kim, đời Minh có chép:

Huyện doãn, huyện thừa đều tham bần, riêng chủ bạ lại thanh liêm. Cả ba ngồi uống rượu, ngà ngà say, huyện doãn ra một tửu lệnh:

- Đọc một câu thơ trong *Thiên gia thi*, nối theo là một thành ngữ gồm hai vế. Cùng nói một ý.

Rồi huyện doãn đọc trước:

(1) Tô Tiểu, tức Tô Tiểu Muội, em gái Tô Đông Pha.

*Toàn khảm sinh sại đái điệp thiêu, nhiệt độ nhất
bả, lạnh độ nhất bả.*

(Chặt hết cả cây cối, đem lá về đốt ⁽¹⁾,
một bếp thì ấm, một bếp thì lạnh)

Huyện thừa đọc:

*Trượng lê phù ngã quá kiều đông, tả dã khao trước
nhĩ, hữu dã khao trước nhĩ.*

(Chống chiếc gậy gỗ lê ta qua phía đông cầu⁽²⁾, trái
cũng phải dựa vào ngải, phải cũng dựa vào ngải)

Chủ bạ ngụ ý châm biếm:

*Mai tuyết tranh phân vị khảng hàng, nguyên cáo
nhất lương tam, bị cáo nhất lương tam.*

(Hoa mai cùng tuyết tranh nhau hơn kém,
không bên nào chịu bên nào, nguyên cáo cũng một
lạng ba, bị cáo cũng một lạng ba ⁽³⁾).

TẾ DƯ NGŨ NGÀY

Triệu Nam Tinh viết trong *Tiểu tán*:

(1) Ôn Đình Quân, *Sơn trung quả phụ*, đời Đường.

(2) Tăng Chí An, *Tuyết cú*, đời Đường.

(3) Lư Mai Pha, *Tuyết mai*, đời Tống.

Năm Chính Hòa ⁽¹⁾, sĩ tử đều phải thi kinh nghĩa. Có một anh học trò, chuyên trị *Chu Lễ*, gặp được đề ra là: *Cấm tiêu hành giả* (Cấm người đi ban đêm), chữ trong sách *Chu Lễ*. Anh ta bèn làm:

*Phàm đạo phủ gian dân, quền vì quá ố giả, bạch trú bất năng
hiển hành giả, tất hôn dạ hợp đồ khuy phát, tông tích u ám, tuy
dục bố trị, bất khả vật sắc. Cố tiên vương mệnh, quan viết tư ngộ
thị, nhi lập pháp dĩ cấm chi. Hữu phạm vô xá, nghi hĩ. Bất nhiên,
tác Tế Du trú tẩm, hà dĩ đắc tội u Phu Tử...*

(Phàm trộm cướp gian dân, tỵ hợp nhau làm ác, thanh thiên bạch nhật không thể công nhiên hoành hành, tất phải chờ đêm tối hợp nhau nhử ngó, hành động mờ ám, dầu có lòng bất, phạm vẫn còn nhiều. Vậy nên bậc vua chúa phải thức tỉnh dân đen, lập thành luật pháp để nghiêm cấm. Phạm tội không tha, thật là sáng suốt. Nếu không được như vậy, thì tất là Tế Ngã ⁽²⁾ ngủ ngày, đến nỗi đắc tội với Khổng Phu Tử ...).

Quan đốc học đọc, thích lắm, thấy lí lẽ, từ ngữ, câu cú chặt chẽ. Nhưng không hiểu ý nghĩa của việc đưa chuyện Tế Ngã ngủ ngày như thế nào, mới gọi anh học trò đến hỏi. Anh ta thưa:

- Ban ngày không phải lúc để ngủ, mà Tế Ngã lại ngủ rất say, thì rõ ràng là do Tế Ngã đã lang thang suốt đêm ngoài phố chứ còn gì nữa. Thưa tiên sinh...

(1) Thiệu Hưng, niên hiệu cuối cùng của Huy Tông, vua thứ tám trong chín vua đời Bắc Tống. Dùng từ 1111 đến 1118.

(2) Tế Ngã, học trò xấu của Khổng Tử, luôn bị thầy chê trách. Trong *Luận ngữ*, thiên *Công Dã Trùng*, có câu: *Tế Du trú tẩm*, Tử viết: "Hủ mục bất khả diêu dã. Phấn thổ chi tường, bất khả ô dã. Ú Du dư hà chu?" (Tú Du ngủ ban ngày, Dục Khổng nói rằng: "Cay gỗ mục không thể chạm khắc được. Tường bằng đất nhơ không thể trát cho đẹp được. Đối với trò Dư, còn trách làm gì?" (Bản dịch Lê Phục Thiện, Tập I, Sài Gòn, 1971).

TỂ TƯỚNG BUÔN MUỐI

Theo *Cổ kim đàm khái* của Phùng Mộng Long đời Minh:

Tể tướng Giả Tự Đạo sai người mua rẽ một trăm thuyền muối chờ đến tận Lâm An bán. Thái học sinh có người làm thơ:

*Tạc dạ giang đầu dũng bích ba,
Mãn thuyền đồ tải tướng công ta.
Tuy nhiên yếu các điều canh dụng,
Vị tất điều canh dụng hứa đa.*

(Dầu sông đêm trước sóng vơi dấy,
Trăm thuyền ông chở những gì đây?
Nếu là tể tướng điều canh nhĩ,
Vị tất điều canh đến thế này?)

Chuyện đến tai, ngài tể tướng lập tức cho bắt nhà thơ giam vào ngục.

Câu ba, nhà thơ xấu số dùng điển vua Cao Tông nhà Thương từng ví tể tướng như người nấu canh, dùng muối, mơ (nếu nấu canh chua), gia giảm cho canh ngon.

TỂ TƯỚNG CẦN DỪNG NGƯỜI CÓ ĐỌC SÁCH!

Theo *Tống sử*...

Tống Thái Tổ lên ngôi hoàng đế. Xướng chiếu cấm thần dân từ nay không được dùng các niên hiệu của những triều vua cũ.

Niên hiệu đầu tiên của Thái Tổ là Kiến Long, dùng từ 960, ba năm sau, đổi là Càn Đức. Năm đầu đời Càn Đức, một hôm, nhà vua thấy một cung nhân, có cái gương để mấy chữ: *Càn Đức tứ niên trú* (Đức năm thứ tư đời Càn Đức). Gương thời này vẫn còn làm bằng kim loại, thường là đồng, đánh thật bóng.

Nhà vua ngạc nhiên lắm, hỏi khắp quần thần, không ai biết đời nào, niên hiệu của vua nào. Hỏi tới Đậu Nghị, Nghị thưa:

- Người cung nữ đó tất là người đất Thục rồi. Vua Thục cũng có dùng niên hiệu Càn Đức⁽¹⁾.

Thái Tổ nghe xong, than:

- Tế tướng tu dụng độc thư nhân!

(1) Nhà Thục thời Hậu Hán của cha con Lưu Bị, không dùng niên hiệu này. Cách thời nhà Tống khá xa.

Nhà Thục nói ở đây có thể là một trong hai: Tiền Thục của Vương Kiến, hoặc Hậu Thục của Mạnh Xưởng. Cả ba nhà Thục này đều đóng đô ở Thành Đô, vùng đất Thục, nay là tỉnh Tứ Xuyên.

Các vua đời sau, không bao giờ dùng lại niên hiệu của vua đời trước. Vì vua tôi Thái Tổ chưa đọc hết sách nên mới có sự trùng này...

TỂ TƯỚNG TIẾM NGÔI 40 NGÀY

1.

Trương Bang Xương người đời Nam Tống, quê ở Đông Quang, tự là Tử Long. Đậu tiến sĩ đời Tĩnh Khang. Làm tới thiếu tể.

Giặc Kim vào Biện Châu, giải hai vua Tống về bắc. Trương nhận ngôi Sở Đế, do giặc Kim phong. Tức vị trong nội cung nhà Tống. Nhưng chỉ được 40 ngày phải chạy về Đông Kinh. Mời Khang Vương về lên ngôi tức Tống Cao Tông. Trong 40 ngày Sở Vương ở ngôi, triều thần không ai phục nên Trương lại đã phải mời Mạnh Thái hậu ngồi thính chính.

Cao Tông lên, phong Trương làm Đông An Quận Vương, nhưng rồi Lí Cương hặc tội, đuổi ra Đàm Châu. Cuối cùng bắt phải chết.

2.

Trương Bang Xương đặt tên phòng sách là Mặc Trang. Cho nên, khi soạn sách, Trương đặt tên sách của mình là *Mặc Trang mạn lục*, gồm 10 quyển. Trong lời tựa viết lấy, Trương nói: *Tính ta thích chứa sách. Chỗ chứa sách cũng là chỗ ở, nên đặt tên là Mặc Trang. Và cũng vì thế sách này có tên là Mặc Trang mạn lục.*

Sách ghi chép rất nhiều mục loại phong phú. Rất cần cho việc khảo cứu rộng rãi, nên được người đời tìm đọc nhiều...⁽¹⁾.

(1) Theo *Từ nguyên* ...

TÊ TUỐNG VẠN HÀ CỦA ... TRUNG QUỐC

1.

Theo *Tống sử*, *Khấu Chuẩn truyện*:

Khấu Chuẩn tự Bình Trọng, người Hạ Bưu, chuyên trị kinh *Xuân Thu*, đậu tiến sĩ thời Tống Thái Tông.

Đời Thái Tông, Khấu Chuẩn làm Khu mật viện trực học sĩ. Thường có việc tâu trên điện, có việc gì không hợp ý, nhà vua giận dữ đứng dậy, họ Khấu lại níu hoàng bào của nhà vua, kéo cho nhà vua ngồi xuống. Bàn cho tới khi ngã ngũ mới chịu lui xuống dưới điện.

2.

Khiết Đan xâm lược, họ Khấu gạt mọi lời dị nghị của triều thần, xin Chân Tông thân chinh cầm quân chống giặc. Vua nghe theo, tổ thấy kéo quân ra Thiểm Châu, quân tướng toàn quốc được huy động, được khích lệ, họ Khấu thi hành hiệu lệnh nghiêm minh. Quân Kim hoảng sợ, xin giảng hòa mà kéo quân về.

Họ Khấu do đó không khỏi ít nhiều kiêu căng. Vương Khâm Nhược chờ dịp hỏi Chân Tông:

- Bệ hạ có biết những cách thức lạ lùng của bọn đánh bạc không?

Chân Tông phán:

- Không! Nó ra làm sao?

Vương Khâm Nhược tâu:

- Bọn cờ bạc thua, tiến sắp cạn, còn bao nhiêu, vét kĩ hết, đánh một tiếng bạc cuối cùng. *Được ăn cả ngã về không*. Kiểu đánh như thế, lũ cờ bạc gọi là tiếng bạc *cổ chú* (rót hết rượu). Bệ hạ

vừa rồi chính là một cú đánh *có chủ* của Khấu Chuẩn đấy!

Sau đó ít lâu, vua bãi chức thừa tướng của họ Khấu.

(Theo *Ấu học quỳnh lâm...*)

3.

Khấu Chuẩn vâng mệnh vua Tống ra chống giặc ở Thiển Uyên. Khấu công đi rồi, Chân Tông cho người ngấm ra xem Khấu Chuẩn động tĩnh ra sao. Gặp đúng lúc họ Khấu nằm ngủ say, tiếng ngáy như sấm.

Nghe bé tôi vé tâu như thế, Chân Tông vui vé phán:

- Khấu Chuẩn ăn ngủ như thế, rõ ràng là đã tính toán yên ổn lắm rồi. Trẫm còn lo gì nữa!

(Theo *Tống sử...*)

4.

Khấu Lai Công làm tể tướng, dinh thự cũng không rộng rãi gì hơn. Trước cửa thêm, đất chỉ đủ trồng mấy luống hoa. nên dân chúng có câu: *Khấu Lai công dinh trừ chủ xứ, chỉ khả tài hoa* (Trước sân nhà Khấu Lai công, đất rộng chỉ đủ trồng hoa).

(Theo *Tống thư...*)

5.

Triều Nhân Tông, gian thần Đinh Vị chuyên quyền, Khấu Chuẩn bị ra tận Lôi Châu xa xôi. Ở kinh sư, trẻ con hát rằng:

*Dục dắc thiên hạ ninh,
Bạt khí nhân trung đình.
Dục dắc thiên hạ hảo,
Bất như chiêu Khấu Lão.*

(Muốn thiên hạ được yên,
Phải nhớ được cái đình trong mắt⁽¹⁾.
Muốn được thiên hạ tốt đẹp,
Chẳng gì bằng mời được Khấu Lão về)

(Theo *Ấu học quỳnh lâm...*)

6.

Theo Tống thi nhất bách thủ:

Nữ thi sĩ Thiến Đào, vốn là hầu gái của Khấu tướng công. Cũng theo lệ rất thịnh hành của đời Đường, đời Tống, mỗi lần các kĩ nữ hát xong, tùy tài nghệ của người hát, tùy giàu có, tấm lòng của người nghe mà thưởng nhiều ít, thường bằng lụa, ít ra cũng từng tấm trở lên. Cảnh này, tất nhiên cũng thường xuyên diễn ra trong dinh quan họ Khấu. Thiến Đào, một lần chứng kiến, làm bài tứ tuyệt sau:

TRÌNH KHẤU CÔNG

*Nhất khúc thanh ca nhất thúc làng,
Mĩ nhân do tự ý hiềm khinh.
Bất tri chúc nữ huỳnh song dạ,
Kỉ độ phao thoa chúc đắc thành.*

(TRÌNH ÔNG HỌ KHẤU)

Khúc hát ban cho tấm lụa hồng,
Chị em ra về chứa hài lòng.

(1) Chữ *đình* này có hai nghĩa: cái đình, họ Đình của Đình Vị. Xem giai thoại *Như kim xà thế cảnh nan nan...*

Biết đâu cô gái bên song quanh,
Mấy độ thoi đưa mới dệt xong.

NGUYỄN BÍCH NGÔ dịch)

THÁI BÌNH TẾ TƯỚNG

Ngũ tạp trở của Tạ Triệu Triết đời Minh chép:

Niên hiệu Khang Định ⁽¹⁾, ở miền tây, ngoại tộc vào cướp phá liên miên. Triều đình mỗi lần cất quân là một lần thua trận. Một vị tể tướng tuổi già, về hưu, liêu thuộc làm lễ mừng. Rượu ngà ngà, lão già đứng lên, dấy vế tự thị:

- Ta là một kẻ dân dã. May gặp được đức hoàng đế sáng suốt, anh minh, nay được cáo lão quy điền. Dúng vào giữa khi *thái bình vô nhất sự chi thời* ⁽²⁾. Cũng là đáng đứng bậc chõ che cho dân chúng vậy.

Thạch Trung Lập đứng dậy tiếp lời:

- Chỉ có vùng Thiểm Tây, giặc già trộm cướp chưa dẹp được thôi!

Xung quanh cố nhin không dám cười.

(1) Khang Định: một trong chín niên hiệu của Tống Nhân Tông, dùng từ 1040 đến 1041.

(2) Thời buổi yên hòa, không một việc phải lo.

THÁI ĐỘ LÀM VIỆC

1.

Trình Minh Đạo tiên sinh giữ thái độ rất kính cẩn khi viết chữ. Tiên sinh nói rằng: *Không phải là để có chữ đẹp đâu! Đây chính là học cách làm người đấy!*

2.

Hoàng Sơn Cốc có lần được xem bản thảo sách *Tự trị thông giám* của Tư Mã Ôn công. Bản thảo có đến mấy trăm quyển, chỗ nào cũng dập xóa, chữa đi chữa lại, đảo lên, đưa xuống, nhưng tuyệt nhiên không một chữ nào viết thảo ⁽¹⁾.

3.

Lục Tượng Sơn ⁽²⁾ nói: *Viết chữ, một điểm phải cho ra một điểm. Một nét phải ra một nét. Không được cầu thả* ⁽³⁾.

THAM QUAN CÙNG LÀM THƠ

Theo Đào Trinh Nhất:

Thời Bắc Tống, nổi tiếng xấu trong hàng ngũ quan trường là

(1) Cách viết chữ Hán chia làm bốn phương pháp chính: chân thảo triện lệ. Chữ thảo gần như một dạng tốc kí, viết nhanh, nhưng khó đọc.

(2) Lục Tượng Sơn: tức Lục Cửu Uyên, 1139-1192, người Kim Khê, Giang Tây, đậu tiến sĩ. Bỏ quan về dạy học ở núi Tượng Sơn. Nổi tiếng là học giả uyên thâm của tâm học đời Tống. Có *Lục Tượng Sơn toàn tập*. Nho giáo, quyền hạ...

(3) Theo *Cổ sự quỳnh lâm*...

Dặng Oản. Y tìm đủ cách nịnh hót, hối lộ, để được chức vị tốt nhất, béo bở nhất. Chuyện đàm tiếu đến tai, y trăng tráo tuyên bố, bằng thơ hân hoi rằng:

*Tiểu mạ hoàn tha tiểu mạ,
Hào quan hoàn ngã vi chi.*

(Quan ngon cứ việc ta làm,
Mặc ai cười mắng đến nhảm thì thôi)

THĂNG NINH, THĂNG CHỦ NINH

Sách *Hải tòng* của Chung Tinh đời Minh chép:

Thời Tuyên Hòa, một trong nhiều niên hiệu của Huy Tông, đời Nam Tống, dùng 1119 đến 1126, Vương Tương Minh được vua ban ơn làm phủ đệ riêng. Làm xong, Vương tâu rằng, trên thượng lương của dinh thự, linh chi mọc rất rộ rõ⁽¹⁾. Vua thân ngự tới xem, gặp đúng lúc năm quý bị mưa, ngấm nước, rơi ngay xuống đất.

Một kẻ vô danh nào đó ở kinh đô, làm một bài thơ theo thể yết hậu rằng:

*Tướng công tử tân đệ,
Lương thượng sinh chi thảo.*

(1) Linh chi, một loài nấm, mọc ở cây mục. Thân có vân như mây, đủ sáu sắc: xanh, đỏ, vàng, trắng, đen, tía. Người đời xưa cho đó là cỏ báo điềm lành (*Hán Việt từ điển...*).

Vì thộm thoát hạ lai?

Giao thiếu!

(Được ban làm dinh mới,

Thượng lương sinh nắm quý.

Keo ít rơi xuống ngay⁽¹⁾,

Đổ quỳ!)

THẦN ĐỒNG BẤT ĐẮC DĨ

Sách *Nhân phá* của Lưu Tông Chu đời Minh có kể:

Hồ An Quốc, người đời Tống nổi tiếng thần đồng. Sách, dù dày dù mỏng, chỉ cần đọc qua một lần thôi là có thể đọc lại thuộc lòng. Cho nên thầy học thường không giữ họ Hồ lâu, nhưng khổ cái là An Quốc đã dùng khoảng thời gian này để nghịch phá. Hồ lôi kéo, không cho các bạn khác học. Lấy giấy nhai nát làm đạn bắn các bạn rất đau. Có lần thầy học cũng là nạn nhân của những trò chơi này.

Bố An Quốc giận lắm, nhốt con vào phòng, khóa chặt. Không còn cơ hội nghịch, An Quốc lấy dao nhọn, gọt mẫu gỗ vút trong phòng thành những tượng người rất tinh tế. Nhưng rồi ông bố thu hết những mẫu gỗ đó, và thay cho cậu con bằng một giá sách. Chỉ trong vòng ba tháng, An Quốc đã thuộc lòng cả giá sách.

(1) Họ Vương kiếm nấm này, dùng keo gắn lên để nhện vua. Nấm mới mọc, bám trên cây chủ rất chắc.

Ông bố lại đổi cho giá toàn sách mới. Cứ với cách học lạ kì này, An Quốc trở thành người có học vấn uyên bác nhất nhì thời nhà Tống⁽¹⁾.

THẦN ĐỒNG KHẨU CHUẨN

Theo *Cổ sự quỳnh lâm, Lão thọ ấu dân thiên*:

Khẩu Chuẩn năm bảy tuổi đã có bài *Vịnh Hoa Sơn thi* (Vịnh núi Hoa Sơn):

Chỉ hữu sơn tại thượng,

Cánh vô sơn dữ tề.

Cử đầu hồng nhật cận,

Hồi thủ bạch vân đề.

(Ngước lên chỉ có núi,

Chẳng ngọn nào cao bằng.

Ngẩng đầu, mặt trời đỏ gần,

Quay xuống, mây trắng thấp)

Thầy học đọc được bài thơ này, nói với thân phụ Khẩu Chuẩn:

- Hiên lang sau này thế nào cũng làm tới tể tướng.

(1) Theo *Từ hải*: Hồ An Quốc, người Sùng An, tự Khang Hậu, đậu tiến sĩ năm Thiệu Thánh. Từng làm Thái thường bác sĩ, Trung thư xá nhân thị giảng. Tác phẩm có: *Xuân Thu truyện*, *Tu trị thông giám cử yếu bổ di*, *Thượng Sái ngữ lục*...

Quả nhiên, đời Chân Tông nhà Bắc Tống, Khấu Chuẩn giữ chức tể tướng. Chính tích không một vị tể tướng nào của nhà Tống bằng được...

THẦN ĐỒNG TƯ MÃ QUANG

Theo Sơ học cổ sự, quỳnh lâm....:

Tư Mã Ôn công lúc năm tuổi, cùng bạn bè vui đùa, một bạn sợ ý rơi vào một chum nước lớn. Cả bọn sợ hãi bỏ chạy. Chỉ riêng Tư Mã kiểm ngay một tảng đá, đập vỡ chum, bạn không may được cứu thoát.

Mọi người đều lấy làm lạ lùng, cho rằng Tư Mã năm tuổi này là bậc kì tài.

THẦN... NHÀ XÍ

1.

Thường gọi tránh di là Tử Cô thần. Nhưng cũng có nơi gọi là Khanh Tam Cô ⁽¹⁾. Sách *Hiển dị lục* chép:

Tử Cô người Lai Dương. Họ Hà, tên Mị, tự là Lệ Khanh.

(1) Khanh Tam Cô (Cô Ba Hồ Xí) Không phải chữ Khanh trong Lệ Khanh. Khanh sau, có nghĩa đẹp tốt. Mị, đẹp, lấy nhan sắc để quyến rũ, nịnh hót.

Lí Cảnh ở Đào Dương lấy làm thiếp. Gặp phải người vợ cả là Tào thị ghen tuông, ngược ngạo. Giữa đêm rằm tháng giêng, lén giết họ Hà ngay trong nhà xí. Thượng đế thương tình, phong cho làm *Thần Nhà Xí*. Vì vậy, đến ngày đó, người ta vẽ hình Khanh Tam Cô dán ở nhà xí để làm lễ cầu may.

Tô Đông Pha làm bài *Tử Cô thần kí* như sau:

Hà Mị có đọc sách. Biết làm văn thơ. Lấy lẽ một kép hát. Vốn người Thùy Cung vào thời nhà Đường. Thử sử Thọ Dương giết chồng Hà Mị, đem Hà Mị về làm thiếp. Người vợ cả ghen, giết Hà Mị trong nhà xí. Sử nhà trời biết rõ oan tình, bèn phong cho làm *Tử Cô thần*.

Kể được phong làm *Tử Cô thần* ở đời nghe nói có nhiều lắm. Nhưng không có thần nào lại được vẽ xinh đẹp, kiêu mị như *Tử Cô thần* họ Hà này.

2.

Trong *Tử bát ngữ*, Viên Mai cũng có một truyện ngắn mang tên *Tử Cô thần*, có lẽ cũng là chỉ vị thần này chăng? Xin trích đoạn đầu:

Vưu Thám, người Trường Sa, đẹp trai. Tình cờ đi qua một miếu hoang ở Trường Khê, thấy tượng *Tử Cô thần* rất xinh xắn. Vưu thích lắm, gơ tay vuốt khắp mặt thần, rồi để lên tường một bài thơ rằng:

*Tử Cô tiên tử lạc yên sa,
Ngọc tác lan can, băng tác xa.
Ngược úy dạ thâm phong lộ lãnh,
Cận li mao xá thị lang gia.*

(Ngọc làm rèm, băng làm xe,
Bống bính mây tím nhẹ che mái dậu.
Nàng ơi! Khuya xuống dãi dậu,
Hàng râm bụi dỏ, dây lầu nhà ta)

Canh ba đêm hôm ấy, nghe tiếng gõ cửa nhẹ, Vưu trở dậy, thì ra Từ Cô thân. Thân khế khàng:

- Thiếp vốn là tiên nữ trên cung Thượng Thanh bị đẩy xuống trần để coi việc mây mưa. May được chàng quá yêu, nên đến để sum họp.

Vưu mừng phát cuồng, dắt vào nhà. Thế là thành đôi lứa. Không đêm nào không tới...

Về sau, họ Vưu được Từ Cô giúp cho học giỏi thi đậu tiến sĩ. Thân tìm cách dẫu thai làm con gái nhà họ Mỗ. Tình cờ, họ Vưu nhận ra, lại sum họp.

THẬT VINH HẠNH: GIỐNG ÂU DƯƠNG TU!

Theo *Tuyệt Đào hài sử* của Giang Doan Khoa đời Minh:

Một anh học trò, mỗi lần làm xong bài văn gà bới của mình, lại tìm những người tiếng tăm, để hỏi thì ít, khoe khoang thì nhiều. Một vị bị anh ta làm phiền nhiều lần, bảo:

- Ngày xưa, đời nhà Tống, Âu Dương Tu làm văn, thường tự cho có ba chỗ đặc ý. Văn của anh, giống được họ Âu Dương ở chỗ

đắc ý thứ ba.

Anh học trò thích lắm. Bạn bè có người biết, bảo:

- Ông ấy cười nhạo anh đấy!

Anh học trò cãi:

- Tôi được ví với Âu Dương Tu, làm sao lại là chê bai cho được?

Bạn giảng:

- Âu Dương Tu thường nói, mình làm văn có ba chỗ đắc ý nhất, một, trên gối; hai, trên yên ngựa; ba, trên chuồng xí. Chỗ đắc ý thứ ba là chỉ chuồng xí chứ gì nữa?

Anh học trò lúc ấy mới tỉnh ra.

THẦY ĐỒ LÀM THƠ TRÀO PHÚNG

Trần Nguyên Tịnh ghi:

Thấy đồ họ Bảo, người Thái Nguyên, ngồi dạy học trong nhà một phú ông. Hàng xóm của phú ông vốn keo kiệt, dịp lễ đông chí, không sắm quà cáp gì, sẵn con chó, cho người nhà kéo đến biếu thông gia. Thông gia cũng chẳng kém cạnh gì, mấy ngày sau, thui con chó, sai người mang đến ông thông gia trả lễ. Ông hàng xóm nấu nướng xong, mời phú ông cùng thầy đồ sang đánh chén. Rượu vào, mọi người giục thầy đồ làm thơ vịnh chuyện đi lại đó. Thấy đồ liền khẩu chiếm:

*Địa dương xuất khứ địa dương lai ⁽¹⁾,
Lưỡng cá thân gia bất dụng bài.
Kháp tự tiểu sinh phó khoa cử,
Tú tài xuất khứ tú tài lai.*

(Chớ đi rồi chớ lại về,
Thông gia hai bác chẳng hề mất chi.
Ngẫm thân tôi chẳng khác gì,
Di thi chân trắng, thi về chân trơn).

THẦY MỘT CHỮ ĐỜI TỔNG

1.

Theo *Thi thoại tổng quy* của Nguyễn Duyệt đời Tống:
Trương Vịnh làm hai câu thơ:

*Độc hận thái bình vô nhất sự,
Giang nam nhân sát lão thượng.*

(Riêng ân hận rằng sinh ra trong thời thái bình
chẳng có việc gì,
Sự nhân rồi giết chết cả vị thượng thư già ở phía
nam sông)

(1) Cũng nên biết thêm là thời Tống, người ta gọi chớ là *địa dương*, nghĩa là *dê dừ*.

Tiêu Sở Tài đọc xong, bình rằng:

– Chữ *hận* không thỏa đáng, nên thay bằng chữ *hạnh*.

Chẳng là chữ *hận*, là ân hận, còn chữ *hạnh* là may mắn. Và câu một trở thành:

Độc hạnh thái bình vô nhất sự...

(Riêng may mắn rằng sinh ra trong thời thái bình...)

Trương Vịnh nghe ra, than:

– Tiên sinh họ Tiêu đúng là thấy một chữ của ta.

2.

Cũng theo *Thi thoại tổng quy*:

Nhà sư Tế Kỉ làm bài ngũ ngôn tuyệt cú *Mai thi* (Thơ vịnh hoa mai) có hai câu sau:

Tiền thôn thâm tuyết lí,

Tạc dạ sổ chi khai.

(Ở chỗ tuyết rơi dày đặc ngoài đầu thôn,

Đêm hôm qua lại có mấy cành hoa mai nở)

Bài thơ được Trịnh Cốc biết đến, họ Trịnh khuyên nên chữa chữ *sổ* ở câu sau thành *nhất*:

Tạc dạ nhất chi khai.

(Đêm hôm qua lại có một cành hoa mai nở)

Tế Kỉ nhận Trịnh Cốc là *Nhất tự sư*.

Chuyện này xảy ra đời Đường.

3.

Theo *Nhàn trung kim cổ lục*:

Dời Nguyên, Tất Thiên Tích có làm hai câu thơ:

*Địa thấp yếm văn Thiên Trúc vũ,
Nguyệt minh lai thính Cảnh Dương chung.*

(Đất ẩm chán nghe mưa Thiên Trúc,
Trăng sáng đến nghe chuông Cảnh Dương)

Hai chữ *văn*, và *thính* đều là nghe cả, nên có một ông cụ già ở Sơn Đông nghe thơ, mới bảo nên sửa chữ *văn* thành chữ *khan*, là xem. Câu thơ thành:

Địa thấp yếm khan Thiên Trúc vũ...

(Đất ẩm chán xem mưa Thiên Trúc...)

Thiên Tích cũng bái ông già làm *Nhất tự sư*.

THẾ GIỚI ĐỀU LÀ ĐÀN BÀ

Sách *Quần cư giải dị* của Cao Dịch đời Tống có chép rằng:

Dời Hàm Thông, Đường Hi Tông, 874-875, anh rể Lí Khả Cập rất nổi tiếng, tài nghệ hơn hẳn bạn bè. Tuy làm nghề mua cười, nhưng Lí thông minh, đọc đủ loại bách gia chư tử.

Nhân dịp hội mừng, các trò giải trí khác đã xong xuôi, đến

phần các anh hể. Khả Cập khoác áo mang đai rất có dáng, xin
thưa chuyện về tam giáo. Anh hể ngồi bên hỏi:

- Xin được hỏi đức Phật là ai?

Đáp:

- Phật Thích Ca là đàn bà!

Hể ngồi bên ngạc nhiên:

- Sao lại thế?

- *Kim Cương kinh* có câu: *Phu tọa nhi tọa* (Chống ngồi rồi mới ngồi). Nếu không phải là đàn bà thì sao lại phải chờ chống ngồi rồi mới ngồi? ⁽¹⁾

Hi Tông cũng cười thích chí.

Hể ngồi bên lại hỏi:

- Thái thượng Lão Quân là ai?

Khả Cập điểm nhiên:

- Cũng là đàn bà!

Hể ngồi bên đòi dẫn chứng. Đáp:

- *Đạo đức kinh* nói: *Ta có một mối lo lắng lớn là vì ta có thai. Nếu ta không có thai, ta chẳng có điều gì phải lo cả. Không là phụ nữ, sao lại lo lắng có thai?* ⁽²⁾

Vua thích lắm. Hể ngồi bên hỏi tiếp:

- Văn Tuyên Vương là ai?

- Lại cũng là đàn bà!

- Căn cứ đâu?

(1) *Phu tọa nhi tọa*: đợi cho người ngồi cả rồi mới ngồi, nhưng *phu* lại cũng có cả nghĩa là *chồng* như Khả Cập giải thích.

(2) *Vị ngữ hữu thân: Thân*, vừa có nghĩa là thể xác, vừa có nghĩa là đàn bà có mang. Thiện ý với *Đạo đức kinh* thì phải hiểu là: Vì ta có phần thể xác này.

- *Luận ngữ* có câu: *Chờ bán chẳng, đợi được giá chẳng?* Nếu không phải là đàn bà, thì sao lại đợi lấy chồng? ⁽¹⁾

Vua nghe rất vừa ý, thưởng cho nhiều lắm.

THẾ NÀO LÀ SỐNG THỪA?

Theo Văn liệu từ điển:

Hồ Đán, tự là Chu Phụ, học giỏi, thơ hay thường nói với bạn bè rằng:

- Làm trai đi thi mà không đậu trạng nguyên; làm quan không làm đến tể tướng; lấy vợ mà không lấy được công chúa, thì cũng chỉ là sống uống, sống thừa!

Sống thừa, bắt nguồn từ chữ Hán: *Hu sinh*. Thơ Tạ Linh Vận, đời Tấn có câu: *Hu sinh bất hoan ngu* (Sống thừa chẳng vui vẻ gì). Chu Phụ, người đời Tống, dùng lại chữ này của Tạ Linh Vận.

(1) *Luận ngữ*, sách của Khổng Tử có câu:

Thấy Tử Cống hỏi rằng: *Có hòn ngọc tốt ở đây, giấu vào ruộng mà cất đi chẳng hay là cầu giá cao mà bán chẳng?* Đức Khổng Tử nói: *Bán chứ, bán chứ, ta còn đợi giá* Ý kẻ sĩ chờ người biết mình mới chịu ra giúp, ra làm quan.

Tam giáo: Lão giáo, do Lão Tử đứng đầu, được phong Thái thượng Lão Quân. Phật giáo, do Phật Thích Ca để xướng. Và Khổng Tử, chủ trương Nho giáo; được các triều vua sau phong là Văn Tuyên Vương. Cũng như *Luận ngữ* là sách của Khổng Tử, cái khéo của Khả Cập là dùng sách *Kim Cương kinh* của Phật giáo, và *Đạo đức kinh* của chính Lão giáo cho những nguy biến của mình càng tăng tính *chân thực*.

THẾ SỰ PHÙ TRẦM HƯU THÁN TỨC...

(Thăng Long II-*Nguyễn Du*.)

Theo *Cổ sự quỳnh lâm... Ngoại thích*:

Vi Cao ⁽¹⁾ là con rể của Trương Diên Thường, tính tình khoáng đạt, phóng túng. Diên Thường không ưa chàng rể chút nào. Chỉ riêng bà mẹ vợ là Miêu Thị thì lại rất quý trọng con rể họ Vi này.

Vi làm quan ở miền đông, sau có chiếu phong làm Tiết độ sứ Tây Xuyên, thay chức của Diên Thường. Sứ giả phi ngựa tới báo trước cho Diên Thường việc này. Bà vợ họ Miêu nói:

- Tất là họ Vi con rể ta thôi!

Diên Thường đáp ngay:

- Thăng họ Vi nhà ta thì đã chết lấp ở ngòi rãnh nào đó từ lâu rồi. Sao lại có thể tới mà thay chức ta được.

Hôm sau, quan Tiết độ sứ mới tới nhậm chức, chính là Vi Cao. Diên Thường xấu hổ, bỏ đi trước, không dám tiếp...

THI ĐẬU NĂM TÁM HAI TUỔI?

Theo *Tống sử bản truyện*:

Lương Hiệu, một nhà nho, người Tu Thành, tự Thái Tổ. Đậu

(1) Theo *Từ nguyên*, thời Đường, cũng có người là Vi Cao. Niên hiệu Trinh Nguyên đã từng làm Kiểm Nam, Tây Xuyên Tiết độ sứ. Phong Nam Khang Quận Vương. Không hiểu ở đây có sự lầm lẫn gì không? Chưa kịp tra cứu thêm.

tiến sĩ năm Ung Hi thứ hai, Tống Thái Tông, 985. Lúc này đã bảy mươi hai tuổi, làm Hàn lâm học sĩ. Vẫn còn rất phong độ, ứng xử nhanh nhẹn. Tống Chân Tông rất thích.

Năm Cảnh Đức nguyên niên, 1004, làm Quyền tri Khai Phong phủ. Bị bệnh đột ngột qua đời, lúc này đã chín mươi hai tuổi.

Có thời kì bị giáng làm Quốc Châu tư bộ tham quân sau thăng tri huyện Ngự Đài.

Làm sách *Văn tập* gồm 15 quyển.

Theo *Đồn Trai nhàn lãm* của Trần Chính Mẫn thì Lương Hiệu đậu tiến sĩ năm tám mươi hai tuổi.

THÍCH KHÁCH CÙNG PHỤC ĐẠO LÍ

Trương Lăng, người Miên Trúc đời Tống, tự Đức Viễn, đậu tiến sĩ. Từng làm Thái thường tự bạ, rồi Tuyên phủ sứ. Quyết tâm chống giặc Kim, khôi phục đất nước, nên Tấn Cối đẩy ra làm thứ sử Vĩnh Châu. Đến thời Hiếu Tông về làm Khu mật sứ. Tính tình ngay thẳng. Lúc chết được tặng tên thụy Trung Hiến, phong Ngụy công, nên thường gọi Trương Ngụy công.

Thời Nam Tống, Phó Miêu nổi loạn, Trương Ngụy công được lệnh mang quân tiêu trừ. Đêm đã khuya, liêu thuộc, chân tay đã ngủ cả, một mình họ Trương ngồi đọc sách trong phòng. Bỗng một người cầm dao, đứng ngay trước án. Trương biết ngay là thích khách. Trương bình thân hỏi:

- Anh là thích khách của Phó Miêu phải không?

Người này đáp:

- Phải!

Trương tiếp:

- Nếu đúng thế, anh còn đợi gì mà không cắt đầu ta đi!

Khách đáp:

- Tiểu nhân cũng có đọc sách. Hiểu phải trái. Ngài là người trung nghĩa. Tiểu nhân không muốn bị bọn phỉ lợi dụng làm điều xấu. Tiểu nhân cảnh cáo ngài phải để phòng chu đáo. Chỉ sợ sẽ còn kẻ khác tới thăm ngài.

- Anh có cần tiền không?

Khách cười:

- Giết ngài, tiểu nhân được nhiều tiền lắm. Tiền thưởng không cần, tiểu nhân cần gì tiền của ngài?

- Anh có muốn làm một chức quan dưới trướng ta chăng?

- Không được. Tiểu nhân còn mẹ già, nên phải ở nhà lo phụng dưỡng.

Hỏi họ tên. Khách không đáp. Thoáng mắt, đã không thấy đâu nữa.

(Theo *Từ nguyên và Tam bách tự cổ sự*.
Quốc ngữ nhật báo, Đài Bắc, Đài Loan, 1967)

THIÊN PHONG HẢI ĐÀO ĐÌNH

Theo *Từ hải*:

Trên núi Cổ Sơn huyện Mân Hưu, tỉnh Phúc Kiến, có *Thiên Phong Hải đào đình* (Đình gió trời sóng biển), làm từ thời nhà

Tống. Một tấm biển lớn, viết mấy chữ trên là thủ bút của chính Chu Tử nhà Tống. Triệu Nhữ Ngu làm đôi câu đối để ở tam quan:

Giang nguyệt bất tùy lưu thủy khứ,

Thiên phong trực tống hải dào lai.

(Trăng trên sông không theo dòng nước mà trôi
đi mất,

Gió bên trời đưa thẳng sóng biển lại ⁽¹⁾)

Vừa vịnh cảnh vừa giải thích được tên của ngôi đình.

THIÊN TRÚC QUAN ÂM

Phùng Mộng Long kể:

Thời Hiếu Tông ⁽²⁾, trời hạn lớn, chiếu vua ban xuống, lệnh cho rước tượng Thiên Trúc Quan Âm về chùa Minh Khánh để làm lễ cầu mưa. Có người làm thơ rằng:

Tầu sát đông đầu cung phụng ban,

Truyền tuyên thánh chỉ đáo nhân gian.

Thái bình tế tướng đường trung tọa,

Thiên Trúc Quan Âm khước hạ san.

(1) Tạm dịch câu đối:

Trăng sông không theo nước trôi mất;

Gió trời thẳng đưa biển sóng về.

(2) Hiếu Tông, niên hiệu của Triệu Thận, vua Nam Tống dùng từ 1164 đến 1190.

(Lũ quan hầu chạy tất tả khắp đông tây,
Để truyền thánh chỉ cho mọi người biết.
Thời buổi thái bình, tể tướng ngồi trong dinh yên ổn,
Còn Thiên Trúc Quan Âm thì phải xuống núi)

Sau việc này, Triệu Ôn Thúc bị bãi chức tể tướng.

THỊT LỢN QUAY

Theo *Điều ước biên*, tương truyền là của Tô Thúc:

Tô Đông Pha rất thích ăn thịt lợn quay. Thời Phật Ấn ở Kim Sơn, mỗi lần có thịt lợn quay, thế nào cũng chờ Đông Pha tới.

Một lần, vì có khách, nên họ im lặng ăn, không chờ họ Tô. Đông Pha biết, làm thơ đùa:

Viễn Công cô tửu ẩm Đào Tiêm,
Phật Ấn thiêu chu đãi Tử Chiêm.
Thái đạc bách hoa thành mật hậu,
Bất tri tân khổ vị thù cam?

(Viễn Công mua rượu uống với Đào Tiêm,
Phật Ấn quay lợn chờ Tử Chiêm.
Sau khi đã hút trăm hoa làm thành mật,
Thì phần cay đắng ai là người chịu đựng? ⁽¹⁾)

(1) Theo nhiều tài liệu, thì Phật Ấn rõ ràng là một nhà sư, tại sao lại ăn thịt lợn quay. Và dù không ăn, chỉ dùng để đãi khách cũng không thông? Hoặc Phật Ấn là đồ đệ của phái Phật không ăn chay?

THO ĐÈ ĐÈN NGUYÊN TIÊU

Theo Tống thi nhất bách thủ....:

Trần Liệt, người Hậu Quan, nay là thành phố Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến. Sinh vào khoảng 1088. Từng làm Quốc tử trực giảng.

Thời nhà thơ còn ở Phúc Châu, vào niên hiệu Nguyên Phong, 1078-1086, quan thái thú Phúc Châu Lưu Cấn nhân ngày tết nguyên tiêu, mười lăm tháng giêng, ra lệnh mỗi hộ dân thành phải nộp mười cái đèn lồng để treo ngày tết. Những cái đèn này, thường phải làm bằng vải lụa hoa mỏng, trong thấp nển. Nên giá tiền một cái cũng không nhỏ. Vì vậy đối với những hộ nghèo, thì lệnh này của thái thú quả là một tội ác. Tác giả, nhân tết, trăng sáng, đến chơi một ngôi lầu ở đường phố, để ngay bài thơ sau đây vào một chiếc đèn lồng:

ĐÈ ĐĂNG

Phú gia nhất uyển đăng,
Thái dương nhất lập túc.
Bần gia nhất uyển đăng,
Phụ tử tương tự khốc.
Phong lưu thái thú tri bất tri?
Duy bạn sinh ca vô diệu khúc?

THƯ ĐỀ TRÊN CHIẾC ĐÈN

Nhà giàu một đội đèn⁽¹⁾,
Kho trời một hạt thóc.
Nhà nghèo một đội đèn,
Cha con nhìn nhau khóc.
Phong lưu quan phủ biết cho chăng?
Múa hát còn chăm lo chọn khúc.

(HOÀNG TAO dịch)

THƠ ĐÓN QUAN

Tịch Xuyên tiểu lâm kể:

Thái thú mới tới nhậm chức, châu lỵ ba ngày hát múa liên tiếp đón tân quan. Có người ở đội nhạc ngâm thơ:

*Vì báo lại dân tu khánh hạ,
Hóa tinh thoái khứ phúc tinh lai.*

(Xin báo để nha lại và dân chúng vui mừng,
Sao lửa đã đi khỏi, sao phúc tới rồi)

(1) Hình như chữ *đội* này không chính xác. *Đội*, tiếng địa phương miền Trung là cái bát. *Đội đèn*, chỉ cái đèn dùng bát hoặc đĩa hổng, đổ dầu trâu, lạc... thắp trong nhà, không có cái che. Loại đèn thấp tẹt này của người Hán, phải là treo được, và thường là treo ngoài đường, sân vườn, nên phải có che, là đèn lồng. Chỉ ít, cũng như đèn trung thu chứ?

Thái thú nghe, thích ra mặt, hỏi ai làm. Nhạc công thưa:

- Bản châu từ xưa đã có lệ tiếp đón rồi đọc những câu thơ này.

THƠ HÁI SAO

Theo *Từ hải*:

Dương Úc, người Bồ Thành, tự Đại Niên, triều Thái Tông nhà Tống, được gọi vào triều thi thơ phú, sau đó được trao chức Bí thư tỉnh chính tự, lúc mới vừa mười một tuổi. Người đương thời gọi là thần đồng. Đến triều Chân Tông được thăng Tri chế cáo, Hàn lâm viện học sĩ kiêm Sử quán tu soạn.

Dương Úc tỉnh tỉnh cương trực, trọng khí tiết, thông minh miễn tiệp. Văn chương hùng hồn. Hiện còn lại *Vũ Di tập*.

Tương truyền, Dương Úc sinh mấy năm mà vẫn chưa biết nói. Một hôm, người nhà bế lên lầu cao, đầu va phải mái, bỗng chú bé họ Dương cất tiếng ngâm ngay một bài thơ rằng:

Nguy lâu cao bách xích,

Thủ khả trích tinh thần.

Bất cảm cao thanh ngữ,

Khủng kinh thiên thượng thần.

(Mệnh môn trăm thước lầu cao,

Tay ta có thể hái sao trên trời.

Nói năng chẳng dám lớn lời,
Sợ làm kinh động đến nơi chư thần⁽¹⁾

Cũng cần nói thêm, mấy câu thơ thần đồng này, trong *Đường thi*, Ngô Tất Tố ghi là của Lí Bạch, và còn nói là theo *Đường thư*...

THƠ HÒA GIẢI

Xá nhân Từ Uyên Tử giỏi thơ hài hước. Đinh Thiệu Chiêm cùng vợ có chuyện lời qua tiếng lại. Họ Đinh bỏ nhà vào trong núi Trà Liêu, ăn chay niệm Phật, ngày ngày mua hải sản phóng sinh⁽²⁾.

Bà vợ không biết làm thế nào, bèn đến tìm Uyên Tử khuyên giải hộ cho. Uyên Tử nhận lời. Họ Từ chọn mua một ít cua ốc biển của một bà già bán rong. Dem về, bỏ vào giỏ cẩn thận, làm một bài từ kèm theo, gửi người mang tới tặng họ Đinh. Bài từ⁽³⁾ như sau:

*Trà Liêu sơn thượng nhất đầu đà,
Tàn lai học thậm ma?
Tu mâu, bạng giải dữ ô loa,
Tri tha phóng kỉ đa?
Hữu nhất vật từ phong oa,*

(1) Theo *Tần nguyên tử điển*...

(2) Phóng sinh, tiếng nhà Phật, chỉ việc thả các loài vật cho chúng sống theo tự nhiên. Không giết, không bắt giữ để lấy phúc.

(3) Không thấy nói theo điệu gì. Theo chúng tôi, thì là điệu *Nguyệt Lang quy*.

*Tính nha danh lão bà.
Tuy nhiên vô nại đắc tha hà,
Như hà phóng đắc tha?*

(Trên núi Trà Liêu có một đầu đà,
Mới tới không biết đã học được những gì?
Cua gai, cua gạch với ốc đen,
Biết đã phóng sinh được bao nhiêu?
Có một thứ giống như tổ ong,
Họ như ngà voi, tên là bà già ⁽¹⁾
Đầu rằng không phải dễ có được,
Nhưng cũng khó mà phóng sinh được đâu?)

Thiếu Chiêm nhận được quà, đọc bài từ xong, liền cười xòa rồi
bỏ chùa, về với vợ.

(Theo *Bản sự từ*...)

THƠ KHINH BẠC

Sự làm quảng kí kể:

Ở Hồ Bắc, mùa tuyết rơi nhiều, tri phủ hợp quan lại dưới quyền
uống rượu, ngâm thơ thưởng tuyết. Một vị vốn làm tới quốc sư ở
kinh đô, họ Dương, tên Quân Tùng, gặp lúc loạn lạc, phải đổi tên

(1) Họ Từ đùa: lấy ốc, cua, ngà voi để ví với người vợ già, lấy việc phóng sinh để ví
với việc *lì thân*.

họ, trốn tránh khắp nơi không ai biết tung tích nữa, hôm ấy cũng tình cờ có mặt. Ngồi ở cuối tiệc, đến lượt mình, ngài cũng đọc một bài thơ tứ tuyệt:

*Dại quyền đại khối mẫn thiên phi,
Đỉnh đỉnh quân tùng bí áp chi.
Lãng tiêu giá bàn khinh bạc vật,
Nan dung nan đắc kỉ da thì?*

(Bóng to bóng nhỏ đầy trời,
Lớp dày lớp mỏng đè tao thế này.
Mong manh nhẹ bồng thân mây,
Thử xem chịu được bấy chày nắng mưa?)

Hai chữ *quân tùng*, vừa chỉ cây tùng lớn già, dấu có bị tuyết phủ cũng không sợ, vừa là tên của ngài cựu quốc sư.

THƠ KHÔN LỎI

Tịch Xuyên tiểu lâm kẻ:

Một người quen kiểu khôn lấy được, anh ta công nhiên đọc bài thơ triết lý sau:

*Chân của người, ta dập,
Đệm của người, ta nằm.
Tiền của người, ta tiêu chung,*

Tiền của ta, người dừng nhìn.
Lúc leo núi, người đỡ chân ta,
Khi xuống núi, ta vịn vai người ⁽¹⁾
Thế nào ta cũng chết sau người ⁽²⁾,
Nhường người được chết trước ta.

THƠ PHẠM TỘI

Theo *Phụ chương lục*:

Âu Dương công cùng mấy người thi làm thơ. Giao hẹn là chỉ làm hai câu, nói về việc phạm tội, tội càng nặng càng tốt. Một người đọc:

*Tri đao hống quả phụ,
Hạ hải khước nhân thuyền.*

(Cầm dao dọa bà góa,
Xuống biển cướp thuyền người)

(1) Theo *Quách Tử hài ngữ* thì sau câu này còn hai câu:

*Vợ người dành để ngủ với ta,
Còn vợ ta, là của riêng ta.*

(2) Sau câu này cũng còn:

*Khi người già cõi thế,
Ta sẽ đi sau người.
Lời thề ta quên mất,
Để người chết trước ta.*

Người thứ hai tiếp:

*Nguyệt hắc sát nhân dạ,
Phong cao, phóng hỏa thiên.*

(Trăng mờ, đêm giết người,
Gió lớn lửa đốt nhà)

Âu Dương Tu đọc cuối cùng:

*Từ chiêm sam tỵ trọng,
Hoa áp mao diêm biên.*

(Rượu thắm, tay áo nặng,
Hoa dựa, cánh rèm nghiêng)

Có người chê. Âu Dương đáp:

- Lúc này, tay còn đỏ đã phạm những tội trên rồi còn gì!

THƠ THẦN ĐỒNG

Theo Từ nguyên:

Sách *Dũng tròng tiểu phẩm*⁽¹⁾, một loại sách dạy trẻ em đời Tống có ghi rằng: Ông Thù, tự Đức Ôn, quê ở Cạn Huyện, chín tuổi đã biết làm thơ. Quan trên nghe chuyện cho gọi đến nơi để

(1) Dũng: nước vọt lên rất mạnh từ mạch ngầm.

Tròng: sách chép kinh Phật, sách giáo khoa.

khảo hạch hư thực xem sao. Đức Ôn mặc áo ngắn vải to vào ra mắt. Quan hỏi:

- Thần đồng sao mà áo xống cũn cữn thế này?

Đức Ôn đáp lời ngay bằng một bài thơ:

Thần đồng sam tử đoán,

Tụ đại nhạ xuân phong.

Vị khứ triều thiên tử,

Tiên lai yết tướng công.

(Thần đồng mặc áo ngắn,

Áo rộng tổ gió lùa.

Chưa tới chầu thiên tử,

Trước hãy chào sứ quân)

Người đời sau sưu tầm thơ văn của họ Ôn, để dạy trẻ nhỏ, gọi là *Thần đồng thi*.

Năm thứ 3 đời Nguyên Phù, Ôn đậu tiến sĩ. Rồi làm tới Quan văn điện đại học sĩ.

THƠ TƯỚNG CƯỚP

Phụ chương lục có kể:

Ở đất Mân - nay là vùng Phúc Kiến - có một tướng cướp biển, tên gọi Trịnh Quảng, về sau ra hàng triều đình, được bổ quan. Bạn đồng liêu ép làm một bài thơ tự vịnh. Quảng đọc:

*Bát vấn văn quan dữ vũ quan,
Tổng nhất bàn.
Chúng quan thị tác quan liễu tác tặc,
Trình Quảng thị tác tặc liễu tác quan.*

(Chẳng hỏi quan văn với quan võ làm gì,
Cũng đều một ruộc như nhau.
Các quan, làm quan rồi làm cướp,
Trình Quảng, làm cướp rồi làm quan)

THƠ VÀ ĐỜI

Đồn Trai nhàn lâm kể:

Lưu Thị, vợ Hứa Nghĩa Phương, lúc nào cũng tự răn mình phải đoan chính. Nghĩa Phương xa nhà năm này qua năm khác, lần ấy đột nhiên trở về, hỏi vợ rằng:

- Ở nhà một mình lẻ loi, buồn lắm. Có hay đi lại với thân thích láng giềng không?

Lưu Thị đáp:

- Chàng đi xa, thiếp đóng cổng. Chưa hề ra khỏi buồng.

Nghĩa Phương xuyết xoa thương cảm. Lại hỏi:

- Thế thì làm gì cho khuây khỏa?

Lưu Thị đáp:

- Thiếp làm thơ, ghi lại tâm sự của mình.

Nghĩa Phương cầm tập thơ xem. Mở trang đầu, thấy ngay một bài có đề: *Đêm trăng sáng, mời nhà sư láng giềng tới nói chuyện phiếm* (Nguyệt dạ, chiêu lân tăng nhàn thoại).

THƠ XUA YÊU CẢNH...

1.

Chu Huy kể trong *Thanh Ba tạp chí*:

Triệu Minh Thành những ngày ở Kiến Khang vợ chồng rất say chuyện thơ từ. Mỗi lần trời xuống tuyết, Lí Thanh Chiếu lại đội nón khoác toi đi rất xa ra ngoại thành ngắm cảnh thiên nhiên cây cỏ, sinh hoạt trong lúc tuyết trắng trời đất để tìm thi tứ.

Sau đó, trở về nhà cùng chồng xướng họa ...

2.

Còn Trầm Hùng thì viết trong *Cổ kim từ thoại*:

... Hối Minh Thành ở nhà thái học, nhân ngày rằm, đem cầm áo, lấy năm trăm đồng, mua một tấm bía cổ, về vợ chồng cùng nhau thưởng thức, ngâm nga suốt ngày... Chẳng nghĩ gì đến việc túng bần...

THÚY LÂU NGÂM

Tên của một điệu từ. Trong *Lời tựa viết lấy*, Khương Quỳ, tác giả của từ khúc, nghĩa là cả phần nhạc lẫn phần lời, nói về trường hợp ra đời của *Thúy Lâu ngâm* như sau:

Mùa đông năm Bính ngọ, đời Thuấn Hi⁽¹⁾, lầu An Viễn ở Vũ Xương làm xong. Ta cùng Lưu Khứ Phi với các bạn dự lễ lạc thành. Nên đặt ra từ khúc này để tỏ nỗi lòng. Ta rời Vũ Xương

(1) Tức năm 1186, đời Hiếu Tông, vua thứ hai của Nam Tống.

đã mười năm. Có người bạn cũ đậu thuyền ở bãi Anh Vũ, nghe một kĩ nữ hát bài này. Hỏi duyên do. Cô gái trẻ kể lại nguồn gốc rất tường tận. Về đất Ngô, cố nhân kể lại cho ta nghe. Vui buồn lẫn lộn, nhớ tới cuộc chơi xưa, ngẫm mà thương cho cảnh trước mắt...

THƯƠNG NHÀ, MỖI MIỆNG CÁI ĐA ĐA...

(Bà Huyện Thanh Quan)

Hoàng Đình Kiên có hai câu thơ rất được truyền tụng bởi tình người chân thành, sâu sắc, tinh tế rất mực:

*Tòa thượng nhọc hữu Giang Nam khách,
Mạc hướng xuân phong xuống giá cô!*

(Ồ trên bàn, nếu như có khách quê ở Giang Nam,
Thì nhớ đừng có hướng về phía gió xuân mà nghe
chim đa đa kêu!)

Nhưng Bạch Cư Dị thì lại nghị khác, bị đẩy xuống phương nam, vốn người bắc, nghe tiếng chim đa đa này, ông kết luận:

*Duy năng sầu bắc nhân,
Nam nhân quán vẫn như bát vân.*

(Chỉ làm cho người phương bắc sinh buồn,
Người phương nam quen rồi, nghe cũng như
không nghe)

Nhưng cũng có thể lí giải, người phương nam xa quê, làm khách của họ Hoàng thì lại cảm khác đi chứ?

(Theo Tống từ tam bách thủ...)

THƯƠNG NỮ ... TRI VONG QUỐC ...

Năm Bình tí⁽¹⁾, quân Nguyên kéo vào Hoàng Châu, hai cung bị lửa về bắc. Các phi tần đều phải đi theo cả. Trong số này có Vương Chiêu nghi, tên là Thanh Huệ, có đề một bài từ trên tường quán dịch Di Sơn:

*... Đối sơn hà nhị bách,
Lệ chiêm khâm huyết.
Dịch quán dạ kinh trần thổ mộng,
Cung xa hiếu chuyển, quan sơn nguyệt...*

(... Sông núi hai trăm năm trước mặt,
Lệ thấm trần vật áo máu.
Đêm quán khách, giật mình tỉnh giấc bụi đời,
Dây xe trần trọc, trăng bên trời ...)

Đợi đến khi thừa tướng Văn Thiên tường cũng bị giải về bắc, qua đây, đọc đến mấy câu cuối, than rằng:

- Tiếc thay! Phu nhân cạn nghĩ quá!

(1) Dùng làm sự kiện ở giai thoại này với *Nạn Tĩnh Khang*. Đây là quân Nguyên, không phải Kim. Nền Bình tí này có thể là năm 1276; ba năm sau, 1279, triều Nam Tống kết thúc.

Có lẽ thừa tướng đọc mấy câu: *Nguyễn Hằng Nga, Tương cố hằng thông dong, Tùy viên khuyết* (Nguyễn với Hằng Nga, Theo cùng chác thanh thân, Mặc tròn khuyết) mà cho rằng Thanh Huệ đã tìm tới cái chết chẳng? *Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân...*, Văn thừa tướng để tiếp lên vách hai bài từ, có những câu như:

... *Tướng nam nhi hằng khái,
Tước xuyên khản huyết,
Hồi thủ triều dương từ nhật lạc,
Thương tâm Đồng Tước ngênh tân nguyệt ...*

(... Tướng tài trai hằng khái,
Phanh thầy uống máu.
Ngoái đầu từ biệt ánh trời chiều,
Dau lòng Đồng Tước đón trăng mới...)

Tra khảo thêm nữa, mới biết, Vương Chiêu nghi, lên đến nơi, khẩn thiết xin được làm nữ đạo sĩ. Lấy hiệu là Xung Hoa. Điều ước nguyện này, so với thừa tướng cũng không khác, chỉ mong được khoác áo vàng. Thì ra, câu *Tùy viên khuyết* lại phải hiểu ra vậy. Sự khen chê mực độ thật khó thay⁽¹⁾.

(Theo *Bản sự từ...*)

(1) Ca ba điệu từ này đều không thấy nói tên điệu.

THƯỜNG HOA CÂU CÁ

Tống sử, phần Lễ chí:

Ngày mùng 2 tháng 4 năm thứ 2, đời Ung Hi, Tống Thái Tông, 984-988, triệu bề tôi của ba ti, hàn lâm viện, khu mật viện, thượng thư tỉnh, từ tứ phẩm trở lên; các quan ở hai tỉnh từ ngũ phẩm cùng các học sĩ ở ba quán, ban yến ở ngự uyển, thưởng hoa, câu cá và nghe nhạc. Rồi lệnh cho quán thần làm thơ và bắn cung, ai hơn thì có thưởng.

Lệ này có từ đời vua thứ hai của triều Bắc Tống này.

TIÊN ƯU HẬU LẠC

1.

Theo *Tống thi nhất bách thủ*, Phạm Trọng Yêm người Ngô Huyện (nay là thành phố Tô Châu); 989-1052; đậu tiến sĩ thời Chân Tông, Bắc Tống. Làm tới Tham tri chính sự. Thơ và từ của ông rất hào phóng. Phản ánh phong cảnh đất nước, chiến tranh, đời sống rất sâu sắc.

Sách *Cổ sự quỳnh lâm* kể rằng, thuở thiếu thời, họ Phạm rất khốn khó. Sớm mồ côi cha, theo mẹ đến ở nhờ nhà Chu Thị tận Trường Sơn. Phạm vào chùa trong núi Trường Bạch trọ học. Mỗi ngày với hai ống gạo, nấu thật nhão như cháo, khi cháo đã nguội, lấy dao cắt thành bốn miếng (có lẽ như bánh dúc của ta xưa vậy).

Buổi sớm hai miếng, buổi chiều ăn nốt hai miếng. Thức ăn thì mỗi bữa đếm đúng mười cây dưa muối.

Cứ như thế trong ba năm trời...

2.

GIANG THƯỢNG NGŨ GIÁ

Phạm Trọng Yên

Giang thượng vắng lai nhân,

Đến ai ngư lộ mi.

Quân khan nhất điệp chu,

Xuất nhập phong ba lí.

(NGƯỜI ĐÁNH CÁ TRÊN SÔNG

Khách trên sông qua lại,

Tắm tắc cá vược ngon.

Thấy chằng chiếc thuyền nhỏ?

Nhấp nhô trong sóng cồn.

(*Thơ Tống, HOÀNG TẠO dịch...*)

TIÊU TƯƠNG BÁT CẢNH

“Theo Từ nguyên...:

Tại phía tây huyện Linh Lăng thuộc tỉnh Hồ Nam, sông Tương

Thủy hợp lưu với dòng Tiêu Thủy, nên sông này gọi là sông Tiêu Tương. Tên sông này thấy rất xưa từ sách địa lí cổ nhất Trung Hoa - *Sơn hải kinh*: *Vực rất sâu của nơi gặp nhau Tiêu Tương*. Cũng chính nơi này, hiện vẫn có một thị trấn mang tên Tiêu Tương trấn⁽¹⁾.

Kí Viên kí sở kí lục có nói:

Viên ngoại Tống Dịch, người đời Tống. Xem ngắm phong cảnh Tiêu Tương, rồi vẽ nên tám bức tranh sơn thủy. Nhất thời được người đời lưu để rất nhiều. Gọi là *Tiêu Tương bát cảnh*.

Mộng Khê bút đàm còn nói rõ hơn:

Tống Dịch vẽ giỏi. Đặc ý nhất là các bức:

1. *Bình sa nhận lạc*

(Bãi cát bằng, nhận sà xuống đậu)

2. *Viễn phố phàm quy*

(Bến xa, thuyền dương buồm về)

3. *Sơn thị tình lam*

(Chợ họp vào lúc khí núi tan)

4. *Giang thiên mộ vân*

(Trời trên sông vào lúc mây chiều)

5. *Động Đình thu nguyệt*

(Trăng thu trên hồ Động Đình)

6. *Tiêu Tương dạ vũ*

(Đêm mưa trên sông Tiêu Tương)

(1) Người viết, thời gian của *Sơn hải kinh* vẫn chưa khẳng định. Sách ghi chép về núi sông nhưng lại rất nhiều thần thoại ma quái. Nên có người xếp vào tiểu thuyết chí quái. Có lẽ ra đời vào thời Chu Tấn. Mặc dù truyền thuyết thì nói do Vũ và Ích làm.

7. *Yên tự vân chung*

(Chùa trong mây đóng chuông chiều)

8. *Ngư thôn tịch chiếu*

(Làng đánh cá trong bóng chiều)

Cộng lại, là tám cảnh đẹp của Tiêu Tương.

TIÊU TƯƠNG TRÚC THẠCH ĐỒ

Cũng là một bức tranh vẽ trúc, nhưng nổi tiếng hơn cả, vẫn còn cho đến nay của Tô Đông Pha là bức *Tiêu Tương trúc thạch đồ* (Bức vẽ đá và trúc bên dòng sông Tiêu Tương). Theo những lời phẩm bình, bạt đề ở bên phải bức tranh, và đằng sau – có tài liệu nói gồm ba nghìn lời hơn cả thầy. Nhưng sợ không chính xác chăng. Lời hay chữ? Chữ thì còn khá dễ – thì nội dung bức tranh là:

*Đông Pha vẽ tranh hay cảnh lạ,
Bờ Tiêu Tương mộm đá càn tre.
Phảng phất hai phi tựa vào đá,
Dưới bóng chiều tà giọt lệ sa.*

(HA BANG MÔ)

Sở dĩ có thêm hai phi vì theo truyền thuyết, vua Thuấn đi tuần thú ở đất Ngô và chết ở đây. Hai bà vợ, Nga Hoàng, Nữ Anh, hai chị em ruột, con vua Nghiêu, đi tìm, đến bến sông Tiêu Tương

này ngồi khóc. Nước mắt vấy vào cành tre. Tre này trở nên có đốm lấm chấm như đôi mắt, rất đẹp (*Tầm nguyên từ điển...*).

Lời phẩm đề cuối cùng là năm Tân dậu, Gia Tĩnh đời Minh, 1561. Sau đó, tranh được một nhà họ Lí ở Kim Lăng giấu kĩ, nên suốt từ Gia Tĩnh về sau, không thấy nói gì tới tranh này. Đến bây giờ...

Sau đây là một vài lời bình khác:

Diệp Thạch viết:

*Nét bút lưu truyền suốt muôn thuở,
Vẽ cành tre sau mưa Tiêu Tương.*

Lí Hoa thỉ viết:

*Như cảnh sông Tương mưa mới tạnh,
Khiến người xem cất bước không đành.*

Và cuối cùng là lời Trịnh Định, một trong *Thập nhị tài tử* ở Phúc Kiến, đời Nguyên, tác giả *Đạm Trai tập*:

*Tài Tô Lão xưa nay lừng tiếng,
Tranh, chữ ông muôn thuở như vàng.
Chập chờn mây vũ băng ngàn,
Bóng chiều sắp ngả dưới hàng trúc xinh.*

(Theo Trần Xuân, *Mỹ thuật ngày nay*, 1990)

TIỂU MUỘI BA LẦN THỬ TÀI CHỒNG ĐÊM TÂN HÔN

Chuyện kể ở Mi Sơn thuộc Tứ Xuyên, có gia đình một nhà nho nổi tiếng. Người cha là Tô Tuấn, tự Minh Dẫn, biệt hiệu Lão Tuyền. Sinh được hai người con trai: Đại Tô và Tiểu Tô. Đại Tô tên Thức, tự Tử Chiêm, biệt hiệu là Đông Pha. Tiểu Tô tên là Triệt, tự Tử Do, biệt hiệu là Dĩnh Tân. Cả hai đều thông kim bác cổ, kinh luân đầy túi, đậu tiến sĩ đồng khoa. Danh tiếng nước triều đình, đều được đưa vào ngôi ở chức Hàn lâm học sĩ. Lại còn cô con gái út, tên Tiểu Muội, thông minh tuyệt thế. Từ tính tình cho tới tư chất đều hơn người hàng chục lần. Lão Tuyền vì thế yêu quý muốn vãn. Cho được theo đuổi nghiệp thi thư, không nhìn ngó gì đến nữ công. Từ thi từ cho đến văn bài đều hơn người.

Đến khi Tiểu Muội mười sáu tuổi, Lão Tuyền cũng có ý tìm một bậc tài tử làm con rể. Nhưng việc không thể vội vàng.

Bỗng một hôm, tể tướng Vương An Thạch, sai quan hầu, mời Lão Tuyền đến dinh. Họ Vương tự Giới Phủ, tên An Thạch. Ngay khi chưa thi đậu, đã có tiếng đạo đức. Thường ngày, không bao giờ rửa mặt, không thay áo mặc. Lão Tuyền lâu nay vẫn chê là kẻ không có tình. Sẽ có lúc trở nên gian thần. Lão Tuyền đã từng viết *Biện gian luận* để chỉ trích họ Vương. Bởi thế, Vương Kinh công giận lắm. Vế sau, thấy anh em họ Tô đều đậu cao, nên bỏ qua oán hận xưa mà đi lại vui vẻ. Lão Tuyền, cũng vì Kinh công ở ngôi tể tướng, sợ có trắc trở gì chẳng cho đường tiến thủ của hai con, nên cũng phải uốn mình giao thiệp. Hôm ấy, Lão Tuyền đến gặp Kinh công, hai người ngồi uống rượu, chuyện trò sự đời kim cổ. Kinh công khoe người con út của mình là Vương Vụ, chỉ

đọc một lần, đã thuộc lòng thơ văn. Lão Tuyền đã có ít nhiều hơi rượu, đáp:

- Con nhà ai cũng phải đọc nhiều lần mới thuộc. Nhưng không phải cháu nhỏ nhà ngài đọc một lần đã thuộc mà con gái út của tiểu nhân cũng chỉ cần đọc một lần thôi.

Vương kinh ngạc:

- Nếu như thế thì anh linh, tú khí của vùng Mi Sơn đều từ nhà ngài mà ra cả sao?

Lão Tuyền hối hận vì mình lỡ lời, vội đứng dậy cáo từ. Kinh công gọi thư đông, lấy ra một quyển văn, đưa cho Lão Tuyền mà rằng:

- Đây là những văn bài ở trường của cháu, nhờ ngài chỉ giáo cho!

Lão Tuyền giấu trong tay áo, lên tiếng từ tạ mà ra khỏi dinh.

Về đến nhà, Lão Tuyền làm một giấc, mãi đến khi tỉnh rượu, mới nghĩ rằng: "Giới Phù đưa bài vở của con cho ta, nhờ ta chấm, nhất định là có ý cầu thân. Đó không phải là chỗ ta vừa ý, nhưng thực khó lòng có cơ chối từ". Nghĩ ngợi mãi tới trời sáng, trở dậy rửa mặt chải đầu, rồi giờ quyển văn của Vương Vụ ra xem. Rõ ràng hàng cấm tú, lời lẽ châu sa. Lão Tuyền nổi hứng liên tài, thử xem con gái đánh giá ra sao, bèn giấu họ tên, sai a hoàn đem quyển văn, nói rằng của một thiếu niên danh sĩ đưa trình, nhờ tướng công phẩm bình, nhưng quá bận, nên đưa tiểu thư xem thay. Lúc nào xong, đưa lại để còn trả ngay cho khách. A hoàn vâng mệnh, đem trình Tiểu Muội, cùng những lời của Lão Tuyền.

Tiểu Muội thông thả bày nghiên bút, mở xem từ đầu. Chẳng mấy chốc đã xong, than rằng:

- Đây chính là từ một bậc văn nhân tài tử mà ra. Nhưng anh

hoa nhả tận cùng. Đẹp mà không thực. Chỉ sợ không phải là một thực thể có mặt lâu ở cõi đời này được!

Than rồi viết ngay ở mặt quyển rằng: *Ý tứ mới lạ, đẹp đẽ. Nhưng hơi văn không dài. Thừa sức để giành ngôi khôi khoa. Chỉ e tuổi thọ không nhiều.* Về sau, năm mười chín tuổi, Vương Vụ đậu trạng nguyên, nhưng chẳng bao lâu thì qua đời. Quả là Tiểu Muội có con mắt khác thường. Đây là chuyện mai hậu.

Hãy nói, Tiểu Muội viết xong, đưa a hoàn trình lại phụ thân. Lão Tuyền kinh ngạc:

- Như thế này thì làm thế nào đưa giả Giới Phủ cho được?

Dành phải thay một tờ giấy khác, bằng những lời nhận xét hoàn hảo hơn. Vừa lúc quan hầu đến lấy, Lão Tuyền bèn giao trả họ Vương. Viên quan hầu thưa rằng:

- Tướng công rất quý tài hoa của tiểu thư, ý muốn hai nhà kết duyên Tấn Tấn.

Lão Tuyền đáp:

- Tướng phủ đã nói tới chuyện nghị thân, lão phu đâu dám không vâng lời, chỉ sợ tiểu nữ diện mạo xấu, không đáng được chọn vào nhà vàng. Cái này cũng là bởi lão phu tự biết phận, chứ không phải là sự từ chối.

Quan hầu về thưa lại. Kinh công thấy tờ đầu quyển văn đã bị thay, nên đã không vừa ý ít nhiều. Ngày thường, Kinh công nghe những lời thơ trào lộng giữa Đông Pha với Tiểu Muội. Bởi Đông Pha râu rậm, Tiểu Muội có thơ:

*Khẩu giác kì hồi vô mịch xứ,
Hốt văn mao lí hữu thanh truyền.*

(Mồm miệng mấy hồi tìm chẳng thấy,
Bỗng nghe lông lá nói ồm ồm)

Còn Tiểu Muội trán đỏ, Đông Pha có thơ trêu:

*Vị xuất đình tiền tam ngũ bộ,
Nghịch đầu tiên đảo họa đường tiền.*

(Chưa ra tới cửa ba bốn bước,
Trán đầu đã thấy trước thêm nhô)

Tiểu Muội còn đùa Đông Pha má dài rằng:

*Khử niên nhất điểm tương tư lệ,
Chỉ kim lưu bất đảo tư biên.*

(Tương tư giọt lệ rơi năm ngoái,
Mà tới hôm nay chưa tới cầm⁽¹⁾)

Tiểu Muội có hai con mắt sâu hoắm, nên Đông Pha mới trêu đùa rằng:

*Kì hồi thí lệ thâm nan đảo,
Lưu khước uông dương lưỡng đạo tuyền.*

(Bao phen gạt lệ, sâu không thấu,
Xa xôi hai hàng, suối chảy ra)

Kinh công nghe được những câu này từ trước, nên tin rằng dung mạo của Tiểu Muội cũng bình thường, nên không nói đến việc hôn nhân với họ Tô nữa.

Xung quanh, thấy việc hôn nhân của họ Tô chưa thành, số người tìm tới lại nhiều thêm. Lão Tuyền đều đưa các quyển văn

(1) Bản dịch cũ. Không rõ xuất xứ. Theo trí nhớ!

loại này cho Tiểu Muội xem. Một quyển văn, đề tên Tấn Quán được Tiểu Muội viết bốn câu:

*Kim nhật thông minh tú tài,
Tha niên phong lưu học sĩ.
Khả tích nhị Tò đồng thời,
Bất nhiên hoành hành nhất thế.*

(Hiện nay thì mới chỉ là một học trò giỏi,
Mai này sẽ là một học sĩ phong lưu.
Đáng tiếc là sống cùng thời với anh em nhà họ Tô,
Nếu không, đã ngang ngửa đứng đầu một đời)

Lão Tuyền xem xong, cũng thấy con gái ưng chọn Tấn Quán. Vì vậy bảo người nhà cho gọi Tấn Quán tới.

Nói về Tấn Quán, vốn người Cao Bưu, vùng Dương Châu, tự là Thiệu Du, từng đọc thiên kinh vạn quyển, học văn uyên bác, vì vậy dù là ngọc lành chờ kẻ mua, nhưng vẫn phải giữ danh giá, không thể theo chúng mà chờ người gọi thì vâng dạ mà đến.

Lão Tuyền thấy Tấn Quán không đến, lại cho người nhà tìm đến tận nhà trọ của Tấn Quán để mời. Tấn dù trong lòng thấy há hê, nhưng lại trầm nghĩ: "Tài danh của Tiểu Muội thì thiên hạ truyền tụng lâu nay, nhưng mình chưa từng được thấy mặt. Lại còn nghe Tiểu Muội trán dô, mắt sâu, không biết có xấu lắm không? Phải làm thế nào để được thấy một lần thì mới yên tâm được".

Nghe nói ngày mùng một tháng hai này, Tiểu Muội sẽ lên miếu Đông Nhạc dâng hương. Tối ngày ấy, Tấn chải chuốt ăn mặc ra dáng một đạo sĩ vân du, cổ đeo chuỗi hạt, tay cầm bát, tìm đến

miếu Đông Nhạc. Dợi một hồi, quả nhiên Tiểu Muội đi kiệu tới, ghé sát dài hành lang phía trái, xuống kiệu, vào ngay trong miếu.

Thiếu Du trông rõ, tuy không yêu kiệu quốc sắc, cũng thanh thoát yếu điệu. Nhưng vẫn bản khoản, liệu có thực tài. Nên đợi cho Tiểu Muội dâng hương xong, Thiếu Du tiến đến hành lang phía trái, chờ Tiểu Muội ra, thưa:

- Tiểu thư có phúc, có thọ, xin mở lòng từ bi!

Tiểu Muội đáp ngay:

- Đạo nhân nào đức, nào tài, dám xin của bố thí?

Đạo sĩ thưa:

- Tiểu thư thân như linh dược, bách bệnh không sinh.

Tiểu Muội đáp ngay:

- Đạo nhân miệng nở hoa sen, nửa đồng chẳng mất.

Thiếu Du đến bên kiệu thưa tiếp:

- Nương tử một trời hoan lạc, sao nở tay tung bảo tháp?

Tiểu Muội cũng đáp ngay:

- Đạo nhân nhất dạ tham lam, chẳng thể hồn hóa Thiên Thai.

Tiểu Muội vừa đáp vừa lên kiệu. Thiếu Du cũng quay đi, nghỉ ngơi: "Đạo nhân đối với tiểu thư. Hay lắm? Hợp lắm? ". Không ngờ đạo trưởng Đông Nhạc nghe được, lấy làm lạ cho phong điệu phóng túng của vị đạo sĩ lạ mặt. Mới tìm xem vị đạo sĩ này từ đâu đến. Thấy một tiểu đồng đứng dưới thềm đông, mới hỏi:

- Đạo sĩ từ đâu đến?

Tiểu đồng thật thà đáp:

- Chính là tướng công Tân Thiếu Du ở Cao Bưu đó.

Đạo trưởng không nói gì, về phủ, thưa lại với Tô phu nhân. Vì

thế, chuyện trở thành vớ vẩn. Tiểu Muội cũng biết vị đạo sĩ hóa duyên kia chính là Thiếu Du giả trang. Nhưng cũng chỉ tự cười thầm, không nói gì.

Lại nói, Thiếu Du thấy Tiểu Muội không xấu, lại đối đáp như nước chảy, tài mạo đều đã rõ, nên thân tới nhà họ Tô làm lễ cầu thân. Lão Tuyền bằng lòng ngay. Thiếu Du định chọn ngày làm lễ nạp thái, rồi đón dâu. Lúc này là tháng hai, Thiếu Du ý mong lo liệu mọi chuyện chóng xong. Nhưng Tiểu Muội lại nghĩ rằng, chữ nghĩa Thiếu Du nhất định thi đậu, ngày thi đã gần, hãy cứ lo cho mũ cao áo rộng, rồi sẽ động phòng hoa chúc cũng không muộn. Mới thưa lại với Lão Tuyền. Thiếu Du cũng đành nghe theo thôi.

Ngày mừng ba tháng ba là mở khoa thi. Tiêu Quán quả nhiên đậu ngay chế khoa. Đến bái yết nhạc gia. Nói chuyện hôn nhân, làm lễ động phòng ngay trong phủ Tô. Lão Tô bằng lòng:

- Ngày ra bảng là thế, ngày thành thân là thế. Liệu có được không?

Thiếu Du xin vâng. Đêm ấy, trăng sáng như ban ngày. Hai người song song vào lễ gia tiên. Xong xuôi, Thiếu Du ở nhà ngoài dự tiệc.

Đến khi vào phòng cưới, thấy hai cửa đóng chặt. Phía ngoài bày một án thư, trên đặt đủ văn phòng tứ bảo: ba cái phong bì, ba cái cốc nhỏ - một cái bằng ngọc, một cái bằng bạc, một cái bằng sứ. Một người hầu gái đứng bên cạnh. Thiếu Du hỏi:

- Vào thưa với tiểu thư, ta đã tới, sao không mở cửa đón?

A hoàn thưa:

- Phụng mệnh tiểu thư, hiện có ba đề văn ở đây. Cả ba tướng công đều làm đúng, thì tiểu thư cho vào phòng ngay.

Thiếu Du chỉ ba cái cốc, hỏi:

- Những cái này là ý làm sao?

A hoàn thưa:

- Cốc ngọc để uống rượu ngon, cốc bạc để uống trà ngon, cốc sứ để uống nước trắng. Cả ba đế đều trúng, dùng cốc ngọc uống ba chén mĩ tửu, rồi xin mời vào phòng cưới. Chỉ đúng hai bài, dùng cốc bạc, uống nước trà giải khát, đợi đến ngày mai, thì lại một lần nữa. Hai đế cũng chẳng trúng, xin uống một cốc nước trắng thôi, rồi phạt ở phòng ngoài, đọc sách ba tháng.

Thiếu Du cười bảo:

- Ta đã từng vượt cả kì chế khoa, đề đỗ nghìn vạn người, dùng nói ba bài, mà ba trăm bài ta cũng không sợ.

A hoàn thưa:

- Tiểu thư nhà, không phải là quan giám khảo bình thường. *Chi hồ giả dã*. Trả lời quấy quá là xong. Những đề bài này rất khó. Đề thứ nhất là một bài thơ tứ tuyệt, tướng công phải đặt một đề bài hợp với bài thơ. Đề thứ hai, cũng gồm bốn câu thơ, ẩn tên bốn người xưa. Tướng công phải chỉ ra, sai một người cũng không được. Đề thư ba thì dễ hơn chỉ là một vế đối bảy chữ.

Nói xong, cầm một phong bì, đưa cho Thiếu Du. Thiếu Du xé ra. Một tờ hoa tiên, viết bốn câu thơ:

*Đồng thiết đầu hồng dã,
Lâu nghị thượng phấn tường.
Âm dương vô nhị lí,
Thiên địa ngã trung ương.*

(Đồng sắt bỏ lò nung,
Bên tường leo kiến gió.

Âm dương không hai đường,
Trời đất giữa là ta)

Thiếu Du nghĩ ngợi: "Bài này, với người khác thì không thể nghĩ ra để mục thích hợp. Nhưng ta từng đóng giả đạo nhân, ở miếu Đông Nhạc để hóa duyên. Thì rõ là bốn câu này hàm nghĩ bốn chữ *Hóa duyên đạo nhân*, chứ còn gì nữa⁽¹⁾. Cả bốn câu, đều có ý trên chọc cả". Bèn cầm bút, viết một bài thơ vào phía sau:

*Hóa công hà ý bả xuân thôi,
Duyên đạo danh viên hoa tự khai.
Đạo thị xuân phong chân hữu chủ,
Nhân nhân bất cảm thương hoa đài.*

(Hóa công có ý gì mà giục già mùa xuân,
Chữ duyên mà tới, thì vườn hoa đẹp tự mở cửa.
Nói rằng gió xuân đúng là có chủ,
Chẳng ai dám trèo lên đài hoa cả)

A hoàn thấy thơ xong rồi, liền cầm giấy hoa tiên ghé vào cửa sổ, nói lớn:

- Chàng rể nạp quyển!

Thế là xong trường thi thứ nhất. Tiểu Muội xem thơ, câu nào cũng vừa ý. Các chữ đầu của bốn câu hợp thành bốn chữ *Hóa duyên đạo nhân*. Tiểu Muội khê cười.

Thiếu Du lại mở đề thứ hai. Trên hoa tiên thấy viết:

(1) Tiểu Muội dựa theo những câu văn ngôn thông dụng. Đóng sắt bỏ vào lò nung thì hóa nước. Duyên, còn có nghĩa leo, men theo, như con kiến leo tường. Ở đâu cũng chỉ một đường, một đạo, Trên trời, dưới đất, giữa là con người, nhân.

*Cưỡng gia thắng tổ hữu thi vi,
Tạc bình du quang dạ độc thư.
Phùng tuyến lộ trung thường ức mẫu.
Lão ông chung nhật ý môn lư.*

(Hơn cha, hơn ông, công việc tài giỏi,
Khoét tường, cắp ánh sáng để đọc sách.
Trên đường may vá, thường nhớ mẹ già,
Ông già, suốt ngày tựa cửa)

Thiếu Du xem xong, liến ghi rõ ngay vào câu đầu là Tôn Quyền, câu hai là Khổng Minh, câu ba là Tử Tư, câu bốn là Thái Công Vọng⁽¹⁾. A hoàn lại từ khe cửa sổ đưa bài vào. Thiếu Du thẩm nghĩ: "Hai đề vừa rồi, không làm gì được ta. Đề thứ ba là làm câu đối, không lấy làm ngại". Rồi cú thế mở giấy ra, thấy viết: *Bế môn thôi xuất song tiền nguyệt* (Đóng cửa, đẩy ánh trăng ra trước cửa sổ). Mới nhìn, thì thấy rất dễ. Đọc kĩ mới thấy vẽ ra rất công phu. Nếu cú đối bình thường, thì chứng tỏ không có tài cán gì đáng giá. Nghĩ đi nghĩ lại, vẫn không ra.

Đông Pha lúc này chưa ngủ, chờ xem đêm tân hôn của các em diễn ra thế nào. Thấy Thiếu Du ngoài sân, đi đi lại lại. Miệng ngâm nga: "Bế môn thôi xuất song tiền nguyệt...". Tay làm điệu bộ đẩy cửa. Đông Pha nghĩ thầm: "Đây nhất định cô em gái mình làm khó để chú rể mới". Lại thấy Thiếu Du tới gần bốn nước,

(1) Người đời thường ca ngợi thành lời, Tôn Quyền, vua Ngô, thời Tam Quốc, làm nên sự nghiệp hơn Tôn Kiên, Tôn Sách là cha, anh. Khổng Minh cũng có nghĩa là cái lỗ sáng.

Câu ba, dựa theo bài thơ *Du tử ngâm* của Mạnh Giao đời Đường. Con đi xa, nhớ mẹ, nghĩa đen: *Tử tư*.

Thái Công, họ Lữ, gần như *Lư*, là cái công. Thành nghĩa: Ông già tựa cửa trông.

Đồng Pha chợt nghĩ ra, lấy một hòn đất nhỏ, ném vào mặt nước. Nước lấp lánh, sóng lăn tăn, ngay trước mặt Thiếu Du. Ánh trăng chiếu rọi thành muôn nghìn điểm sáng linh động. Thiếu Du như chợt tỉnh, về ngay phòng, vớ bút viết ngay: *Đầu thạch xung khai, thủy đế thiên* (Ném đá, chìm đáy nước, trăng trộn nước trong).

A hoàn đem giao bài thứ ba, chỉ nghe xịch một tiếng, cửa buồng mở rộng, thị nữ bước ra, tay cầm một hồ rượu bạc, rót ra chén ngọc, đưa mời tân lang. Dù ba chén, a hoàn đưa Thiếu Du vào buồng.

Đêm ấy, giai nhân tài tử, mười phần nguyện ý.

Về sau, Thiếu Du nức tiếng tài danh, được đưa vào Hàn lâm viện. Cùng làm sử quan với hai anh họ Tô. Ở nội cung, Tuyên Nhân thái hậu, cũng nghe tiếng Tiểu Muội, thường cho người đem thưởng vải lụa, hoặc rượu ngon, thức nhắm. Lệnh cho làm thơ văn. Được bài nào, nội cung đua nhau truyền tụng. Lan khắp kinh thành.

Tiểu Muội qua đời trước Thiếu Du. Nhớ thương khôn nguôi, Thiếu Du không lấy vợ kế nữa. Có bài thơ làm chứng sau:

*Văn chương tự cổ thuyết tam Tô,
Tiểu Muội thông minh thắng trượng phu.
Tam nạn tân lang chân di sự,
Nhất môn tú khí thế gian vô.*

(Người đời truyền tụng tam Tô,
Thông minh Tiểu Muội, trượng phu chẳng bằng.
Ba lần làm khổ tân lang,
Một nhà chữ nghĩa, thế gian khó tìm.

LÊ VĂN ĐÌNH dịch)
(Theo *Kim cổ kì quan*, tập II, Ngũ Quế
đường thu cục, Hương Cảng)

TIỂU PHA, CON TRAI ĐÔNG PHA

Tên thực là Tô Quá, tự Thúc Dăng. Người đời gọi là Tiểu Pha⁽¹⁾. Giỏi văn thơ, tài thư pháp và vẽ tranh. Từng làm Binh bộ tả thừa vụ lang. Ra làm tri phủ Dĩnh Xương.

Khi Đông Pha bị đày đi Anh Châu, Huệ Châu, chỉ một mình Tô Quá đi theo, trăm việc đều đến tay, không chút nề hà khó nhọc. Mới tới biển, Tô Quá viết bài *Trí ẩn*. Đông Pha xem xong, than:

- Ta có thể yên tâm ở ngoài đảo này rồi đây!

Về sau, Tô Quá đem hài cốt Đông Pha về táng ở Tiểu Nga, Mi Sơn. Rồi đưa gia đình tới Dĩnh Xương. Đặt tên trang trại là Tiểu Tà Xuyên. Lấy luôn hiệu là Tà Xuyên cư sĩ.

Trước tác có: *Tà Xuyên tập*.

(Theo *Từ hồi...*)

TIỂU TÔ ĐI SỨ

Theo *Tống sử*, *Hung Nô truyện*:

Tô Triệt đi sứ Khiết Đan. Tô Đông Pha làm thơ tiễn em trai, có hai câu:

(1) Pha: sườn núi. Đông Pha: sườn núi phía đông. Tiểu Pha: sườn núi nhỏ, thấp.

*Bắt từ dịch kì lãng sương tuyết,
Yếu sử thiên kiều thức phượng lân.*

(Chẳng né vó ngựa xông sương tuyết,
Phải bắt thiên kiều biết phượng lân⁽¹⁾)

Hai chữ *thiên kiều*, vốn nghĩa là đứa con ngạo ngược của trời, chỉ người Hung Nô phía bắc nói chung. Hình như bà Đoàn Thị Điểm dịch thoát hai chữ này thành *giặc trời*. Làm cho ông Đ.T.M. khi chú *Chinh phụ ngâm* cũng phải đắn đo:

*Thành liền mong tiến bệ rồng,
Thuốc guom đã quyết chẳng rong giặc trời.*

Cái đáng nói ở hai câu thơ này nữa là ở *tu tướng Đại Hán* của anh em họ Tô, của nhà Tống. Ngay cả khi *phượng lân* sắp làm thân nô lệ cho *thiên kiều*...

TÔ ĐÔNG PHA PHẢI PHỤC!

Lí Tiến quê ở Hoa Châu, giỏi viết văn làm thơ. Có thể giữa đám đông ồn ào như quán rượu, hè chợ, tiệc lớn mà vẫn viết văn làm thơ như bay.

Tô Thức thường khen là một mình họ Lí có thể địch vạn người

(1) Theo bản dịch của *Thơ văn Lí Trần* tập III, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.

trong việc văn chương. Họ Lí lại còn thích bàn về việc trị loạn. Sách còn *Sư hữu đàm kí*, *Tế Nam tập*...

(Theo *Tô Đông Pha*...)

TÔ ĐÔNG PHA SỢ CHẾT

Từ Tọa, người đời Tống, ghi trong *Mạn tiểu lục*:

Đông Pha đang làm phán quan Tiết độ sứ ở Phượng Tường, còn Chương Tử Hậu làm tri phủ Thương Châu, thì cùng được điều về làm trong đội quân Vĩnh Hưng do tướng quân Lưu Nguyên Thụ thống lãnh. Thật là một cuộc gặp gỡ kì thú giữa các bậc danh sĩ.

Riêng họ Tô với họ Chương lại càng gắn bó, hai người cùng đi thăm thú khắp núi non chùa chiền trong vùng. Lần ấy đi Nam Sơn. Chùa này nghe nói có Sơn thần chiếm giữ, khách không ai dám qua đêm, nhưng cả hai vẫn ở lại. Năm canh chẳng thấy ma quỷ gì cả.

Dưới vực sâu cạnh chùa là hồ Du Tiên, bốn bên vách đá dựng đứng, cao nghìn thước, có cầu ván bắc ngang. Tử Hậu đẩy Đông Pha qua cầu để viết chữ vào vách đá. Đông Pha không dám bước Tử Hậu bình tĩnh, từng bước, dùng dây buộc vào cây, leo lên leo xuống sắc mặt không đổi, nhúng bút vào sơn đen, viết lên mặt đá mấy chữ cực lớn: *Chương Đôn, Tô Thức đã đến chơi đây*.

Đông Pha vỗ vai Tử Hậu:

- Tử Hậu có thể giết người!

Họ Chương hỏi:

- Tại sao?

Đông Pha đáp:

- Kẻ liều mạng của chính mình đến thế thì có thể kết liễu tính mạng của người khác lắm!

Tử Hậu không nói, chỉ cười.

TÔ ĐÔNG PHA THÍCH ĂN GÌ?

Tô Đông Pha chỉ thích ăn cá chép. Trong bàn tiệc đông người, dù món cá đó để cách xa mấy, ông cũng với dũa gắp một cách rất tự nhiên.

(Kiến thức ngày nay, 5-1993)

TÔ ĐÔNG PHA VỚI TÂY HỒ

Năm Hi Ninh thứ tư, đời Tống Thần Tông, 1072, Tô Đông Pha ra làm thông phán Hàng Châu. Ở đây, ông đã làm được những việc tốt cho dân như cứu tế, giảm sưu thuế. Và đặc biệt Đông Pha cho đắp đê bên Tây Hồ. Đến nay đoạn đê này vẫn mang tên Tô Đê, và là một trong mười cảnh đẹp của Hàng Châu: *Tô Đê xuân*

hiếu (Sáng mùa xuân trên đê họ Tô). Ông còn làm nhiều thơ về Hàng Châu, về Tây Hồ. Nổi tiếng là hai bài:

LỤC NGUYỆT NHỊ THẬP THẤT NHẬT
VỌNG HỒ LÂU TÚY THU

*Hắc vân phiêu mặc vị già sơn,
Bạch vũ khiêu châu loạn nhập thuyền.
Quyển địa phong lai hốt suy tán,
Vọng hồ lâu hạ thủy như thiên.*

(Mây đen trút mực chưa nhòa núi,
Mưa trắng gieo châu nhảy rộn thuyền.
Trận gió bỗng đâu lôi cuốn sạch,
Dưới lầu bát ngát nước trời in.

*Ngày 27 tháng 6, viết tại lầu Vọng hồ trong
lúc say. NAM TRÂN dịch)*

ẨM HỒ THƯỢNG SỞ TÌNH HẬU VŨ

*Thủy quang liễm diễm tình phương hảo,
Sơn sắc không mông vũ diệc kì.
Dục bả Tây Hồ tỉ Tây Tử,
Đạm trang nồng mật tổng tương nghi.*

(Dưới nắng long lanh màu nước biếc,
Trong mưa huyền ảo vẻ non tươi.

Tây Hồ khá sánh cùng Tây Tử,
Nhật phần nồng son thấy tuyệt vời.

*Uống rượu ở Tây Hồ,
lúc đầu trời tạnh sau mưa.
NAM TRẦN dịch)*

Sau đây là lời bình của Nguyễn Khắc Phi trong một bài bút kí viết khi đi thăm cảnh Hàng Châu: *Thăm Tây Hồ ở Hàng Châu:*

"Trong bài trên, cảnh mưa rào mùa hè ở Tây Hồ đã hiện lên một cách rõ nét bằng tỉ dụ sinh động, bằng sự lột tả một cách thần tình sự thay đổi đột ngột của cảnh sắc ở ba thời điểm: ngay trước cơn mưa, trong cơn mưa và ngay sau lúc mưa. Chỉ bốn câu song đủ cả viễn cảnh (núi) và cận cảnh (thuyền), động (trút mực, gieo châu, nhảy rộn, cuốn sạch) và tĩnh (bát ngát nước trời in), màu sắc (đen, trắng, xanh) Bản dịch thơ khá đạt, không hiểu vì sao lúc tái bản, câu cuối bị sửa thành:

Dưới lầu nước gọn sóng thanh thiên.

Nguyên văn ba chữ cuối bài chỉ là *thủy như thiên* (nước như trời), mây mưa đã bị gió cuốn sạch, trời tĩnh, nước cũng tĩnh, trời xanh, nước cũng xanh, thế thôi! Thêm *gọn sóng* vào là phi lí, là xóa mất sự đối lập động và tĩnh, cái *thần* trong sự biến hóa của khung cảnh Tây Hồ trước, trong và sau trận mưa rào chớp nhoáng.

Hai câu ba và bốn của bản dịch bài thơ thứ hai khá thành công song hai câu trước đặc biệt là câu hai, không đạt. Nguyên văn câu thứ hai là *"Sơn sắc không mờ vũ diệp kì"* (Lúc mưa sắc núi mờ cũng kì diệu). Đã *lờ mờ* làm sao còn *tươi* được, nắng tạnh thì *nước biếc*, mưa thì *non tươi* thế còn đâu là biến hóa của Tây Hồ, còn đâu là sự đối lập của *nhật phần* và *nồng son* nữa? Hai bài trên chỉ là trích từ hai chùm thơ trong số hàng trăm bài thơ,

bài văn của Tô Đông Pha miêu tả cảnh đẹp Tây Hồ. Hai lần và năm năm làm quan ở Hàng Châu, Tô Đông Pha đã tự coi mình *vốn là người* Hàng Châu, say đắm cảnh Tây Hồ nhà thơ đã khám phá và tái hiện được bao vẻ đẹp kì ảo của Tây Hồ. Dẫu vậy, hình như Tô Đông Pha cũng cảm thấy bất lực nếu cứ theo mãi phương pháp miêu tả trực tiếp và cụ thể. Tác dụng của chữ nghĩa là có hạn, nhưng sức mạnh của trí tưởng tượng là vô cùng. Nhà thơ cuối cùng đã chọn biện pháp mượn Tây Thi làm tỉ dụ để kêu gọi óc liên tưởng của người đọc và cực tả vẻ đẹp của Tây Hồ. Việc dùng tỉ dụ ở bài thơ này được xem là một thành công tiêu biểu trong thơ ca cổ điển Trung Quốc: không những hay về âm điệu (nhờ điệp ngữ *Tây*) mà còn sát hợp về nhiều phương diện (*Tây Thi* quê ở vùng này; *Tây Thi* không trang điểm cũng đẹp, thậm chí lên cơn đau, ôm ngực càng đẹp!). Bởi vậy mọi người đều thừa nhận hai câu thơ *Dục bả Tây Hồ tử Tây Tử, Dạm trang nồng mặt tống tương nghi* là sự bình giá có tính chất quyết định, là hai câu thơ hay nhất trong số hàng trăm câu thơ ca ngợi vẻ đẹp của Tây Hồ..."

TÔ HOÀNG MỄ SÁI

Tô Hoàng Mễ Sái là cách gọi tắt để chỉ bốn thư gia nổi tiếng thời Bắc Tống: Tô Thúc, Hoàng Đình Kiên, Mễ Phất và Sái Nhượng.

Theo *Định Ngụy loại biên* của Trương Thanh Phủ thì Sái

Nhượng là không đúng. Mà thật ra là Sái Kinh⁽¹⁾. Nhưng người đời sau ghét Sái Kinh nên đưa y ra khỏi tập hợp bốn người này, thay bằng Sái Quân Mô, tức Sái Nhượng vào. Thực ra Quân Mô sống trước Tô Thức và Hoàng Đình Kiên nhiều. Không thể xếp cuối cùng được, lại còn sau cả Mễ Nguyên Chương, tức Mễ Phất.

Chữ Sái Kinh rất tuyệt vời, Quân Mô không thể nào sánh được.

TÔ THỨC BỊA SỬ SÁCH VẤN ĐẬU TIẾN SĨ THỨ HAI

Sau khi thi, Mai Thánh Du, tức Mai Nghiêu Thần, cũng là một nhà thơ nổi tiếng đương thời – một vị giám khảo của kì thi, hỏi Đông Pha:

– Trong bài của thầy, có đoạn viết rằng Cao Dao muốn xử tử một kẻ có tội nặng, ba lần bảo: "Giết đi!", vua Nghiêu ba lần bảo: "Tha cho!" là thầy đọc ở sách nào vậy? Tôi không nhớ.

Đông Pha thú thực:

– Thưa, kẻ hậu sinh này thêm thất ít nhiều.

Mai trợn mắt:

– Cả gan thật!

(1) Sái Kinh, người Tiên Du, tính tình hung bạo, hiểm ác. Đậu tiến sĩ thời Sùng Ninh, Tống Huy Tông, 1102-1107, làm Hộ bộ thượng thư, bốn lần ra làm tướng, tri phủ Khai Phong. Thiên hạ cho là một trong sáu gian thần sùng sỏ nhất thời Nam Bắc Tống.

Đời Khâm Tông, bắt phải chết (Từ *hải...*).

Nguyên văn đoạn văn như sau:

Thời vua Nghiêu, ông Cao Dao làm hình quan, muốn giết người. Ba lần bảo: *Giết đi!*, Vua Nghiêu ba lần bảo: *Tha cho!* Cho nên thiên hạ sợ Cao Dao giữ phép nghiêm nhặt và mừng vua Nghiêu dùng hình khoan hậu. Vua Nghiêu nói: *Không được, Cỗn trái mệnh và bại hoại*. Rồi lại bảo: *Thử đi!* Vì lẽ gì vua Nghiêu không nghe lời Cao Dao bảo giết người mà lại nghe các quan tứ nhạc và lại dùng Cỗn? Xét hai việc đó thì cái ý của thánh nhân cũng có thể thấy được rồi.

(Theo Tô Đông Pha...)

TÔ THỨC GIẬN DỮ

Dời Nguyên Hựu, Tô Đông Pha được vào Viện hàn lâm. Tự coi mình là đẳng tài tử, nên họ Tô rất cao ngạo với bạn đồng liêu. Nhiều khi họ Tô coi thường ra mặt. Chỉ riêng với Tư Mã Ôn công là bao giờ Đông Pha cũng giữ thái độ kính trọng.

Một hôm, nhân bàn việc thuế phu, ý hai người không hợp, về đến nhà rồi, vừa cởi mũ áo, Đông Pha vừa không ngừng miệng rủa:

– Tư Mã Ngưu! Tư Mã Ngưu!

Chá là chữ *Mã* trong họ Tư Mã của Ôn công là ngựa, Đông Pha thay bằng chữ *Ngưu* là bò, là trâu cho tên Quang, liền thành *mã ngưu* là trâu ngựa.

(Theo *Điều huớc biên*, tương truyền là của chính Tô Thức viết)

TÔ THỨC HỦY VĂN TỰ

Một lần, đến nhiệm sở mới, họ Tô nhờ bạn bè mua trước cho một ngôi nhà nhỏ, để đến là có chỗ ở ngay.

Chiều tối hôm ấy, họ Tô từ trong nhà bạn, vừa xong bữa rượu tiễn bước ra, bỗng nghe có tiếng người khóc rất gần. Họ Tô lại gần, thì ra một bà già. Họ Tô hỏi nguyên do. Bà già đáp:

- Chúng tôi có một ngôi nhà, ở đã bao đời này. Nay thành con già, không chịu nổi đói nghèo, đem nhà cửa bán mất. Ngài xem, chúng tôi còn biết ở đâu bây giờ?

Họ Tô tìm lời an ủi, rồi hỏi:

- Người mua nhà là ai?

- Nghe nói tên là Tô Đông Pha.

Ngày hôm sau, họ Tô tìm đến nhà bà già nọ, lấy tờ văn tự mua nhà ra trước mặt bà già, đốt tờ văn tự cho cháy kĩ hết rồi lặng lẽ mỉm cười đi ra.

(Theo *Tam bách tự cổ sự*, tập 2...)

TÔ TIỂU MUỘI, EM GÁI TÔ ĐÔNG PHA, SẢN PHẨM CỦA TƯỜNG TƯỢNG!

Xưa nay có nhiều sách viết về Tô Tiểu Muội, một người em gái giỏi thơ văn, không đẹp của Tô Đông Pha. Nhiều sách, như *Kim cổ kì quan*, *Mĩ Sơn Tú*... còn đưa nhiều văn thơ làm chứng. Tô Đông Pha hài hước cái mặt dài của em gái:

Tương tư giọt lệ rơi năm ngoái,
Mà tới hôm nay chưa tới cảm...

Còn cô em thì trêu bộ râu tốt, *che kín cả miệng* của ông anh, đến nỗi *chỉ nghe tiếng ồm ồm phát ra từ đám lông lá xồm xoàm...*

Tô Tuấn, tự Minh Dẫn, hiệu Lão Tuyền, có một người con gái, em Tô Thúc, tên là Tô Tiểu Muội, gả cho Tấn Thiệu Du, tức Tấn Quán. Sách *Truyền kì cảo* khảo kể rằng: Tô Lão Tuyền cùng bạn bè làm thơ *Tử cầu hoa*, nhưng chưa xong. Tô Tiểu Muội làm tiếp kì xong mới thôi. Hoàng khen Tiểu Muội và đứng ra làm mối cho Tấn Quán. Đêm động phòng hoa chúc, Tiểu Muội ra ba đề thơ khó, bắt Tấn Quán phải làm được mới cho vào. Nhưng rồi mọi chuyện kết thúc tốt đẹp cả...

Nhưng tác giả *Giới Am mạn bút*, đã từng bỏ nhiều công sức tìm hiểu việc này đã trình bày rất có sức thuyết phục, thì rõ ràng không phải như vậy:

"Ta đã đọc kĩ *Hoài Hải tập*⁽¹⁾, trong bài *Từ Quân Chủ hạ hành trạng*, Thiệu Du viết: *Từ Quân đem con gái là Văn Mĩ gả cho ta*. Thế là vợ Thiệu Du là Từ Thị không phải Tô Thị. Thiệu Du tiếp: *Tiền sinh Lão Tô, ta không hề được quen biết riêng. Mọi đến nay mới được làm việc dưới trướng Trung thu cùng Bồ khuyết* ⁽²⁾. Xem vậy thì thấy Thiệu Du lúc đầu không hề đến nhà họ Tô, nói chi đến việc khác.

Lão Tuyền, trong bài *Tế vong thê Văn* (Tế người vợ qua đời tên là Văn), có viết: *Sáu con sinh ra, nay còn những đứa nào. Chỉ mỗi Thúc và Triệt, là còn trên cõi đời thôi*.

Âu Dương công⁽³⁾ trong *Tô Minh Dẫn* chỉ cũng nói: *Sinh ba*

(1) Tác phẩm của Tấn Quán, tự Thiệu Du.

(2) Có lẽ chỉ Tô Thúc và Tô Triệt.

(3) Chỉ Âu Dương Tu.

con trai, Cảnh qua đời sớm, Thúc, Triệt thì theo đời việc quan. Ba con gái đều chết sớm cả.

Lại nữa, trong thơ của Đông Pha gửi cho Lí Phương Thúc có đoạn: *Trong vòng một vài năm mà tập hợp được những người tài giỏi như: Trương Tần Hoàng Triều. Mà đây còn là vì trời không yêu người tài, thu nhặt chưa hết đó*".

Xem thế thì thấy những người con gái của Lão Tuyền đều qua đời rất sớm, trước khi anh em Đông Pha thi đậu. Mà Tần Thiệu Du, Hoàng Đình Kiên đều ra làm quan sau Đông Pha, thì làm sao có những chuyện đi lại như vậy được. Đúng là những chuyện tưởng tượng thôi...

TỐ CÁO ... CHỒNG!

Theo Tống sử:

Lương Hồng Ngọc, vợ Hàn Thế Trung, vốn là kĩ nữ đất Kinh Khẩu. Quen biết, rồi thành vợ chồng từ lúc họ Hàn còn chưa làm nên. Khi họ Hàn danh giá, Hồng Ngọc được phong An Quốc Phu nhân. Người đời quen gọi là Lương Phu nhân.

Hàn Thế Trung đánh nhau với Ngột Truật ở chùa Tiêu Sơn, Hồng Ngọc cũng tham gia rất hăng hái. Họ Lương cầm dùi thúc trống trợ chiến, làm cho tướng sĩ đều nức lòng, chống cự rất nhiệt huyết, khiến quân Kim không thể nào qua sông nổi.

Sau đó, Thế Trung mời Ngột Truật thương lượng ở Hoàng Thiên Dăng, suýt bắt sống được Ngột Truật, nhưng rồi tướng Kim

trốn được. Hồng Ngọc tâu lên vua Tống, tố cáo Thế Trung để lỡ cơ hội bắt tướng giặc, xin nhà vua làm tội Thế Trung. Chuyện này khiến cả triều Nam Tống nhốn nháo...

TỔNG THÁI HẦU ...

1.

Theo *Cổ kim từ thoại*...:

Thời Thiên Thánh hoàng đế, Tống Tử Kinh làm trong Viện hàn lâm, viết bài *Phú Thái hầu*, để dự kì thi Bác học hồng từ. Trong phú, có hai câu:

*Sắc ánh băng vân lan,
Thanh liên vu nguyệt trì...*

(Sắc mây rơi đỏ rực,
Cánh chim đập nơi trăng muộn...)

được người đời rất tán thưởng, vì vậy bài *Thái hầu phú* này truyền tụng rất rộng. Đến nỗi người ta gọi Tống Kì là Tống Thái hầu⁽¹⁾.

2.

Theo *Lịch đại thi dư dẫn*...:

Mỗi buổi tối, họ Tống, chỉ Tống Kì, Tiểu Tống - ngồi viết thơ từ, tất sai người em gái đốt hai ngọn nến soi hai bên. Người em

(1) Thái hầu: thái, chỉ mấy năm sắc; hầu, chỉ một trong cách gọi năm tước phong. Có lẽ bài thi bàn đến việc phong thưởng chăng?

gái này đẹp nổi tiếng kinh đô...

Họ Tống cũng chính là người mà Trương Từ Dã gọi là *Hồng hạnh chi đầu xuân ý nào thương thư...* ⁽¹⁾.

TỐNG THÁI TỔ, CÁI CHẾT MỜ ÁM?

Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn, người Bái Quận. Giữ chức Điện tiền đô kiểm điểm, kiêm Kiểm hiệu thái úy, thời Cung Đế nhà Hậu Chu.

Thái Tổ được binh sĩ tạo ra cuộc binh biến Trần Kiều, ép thay Cung Đế làm vua. Đổi quốc hiệu là Tống. Trở thành hoàng đế khai quốc của nhà Tống hơn ba trăm năm.

Triệu Khuông Dẫn dùng cảm, mưu trí. Lên ngôi, Thái Tổ, với sự giúp sức của quân sư Triệu Phổ, và các tướng Thạch Thủ Tín, Vương Phiên Kì, Cao Hoài Đức, Tào Bản... diệt các nước Hậu Thục, Nam Hán, Nam Đường...; thống nhất Trung Quốc, chấm dứt thời kì Ngũ đại hơn năm mươi năm loạn lạc. Công nghiệp của Thái Tổ đã được Thiệu Ung ca ngợi trong một bài thơ nổi tiếng:

*Phân phân Ngũ đại loạn li gian,
Nhất đán văn khai phục kiến thiên.
Thảo mộc bách niên tân vũ lộ,
Xa thư vạn lí cựu giang san.*

(1) Tống Kỳ, làm thương thư, lời từ có nghĩa: Hoa hồng hạnh nở đầu cành, ý xuân thật nào nề.

Câu này rất nổi tiếng, người đời Tống dùng luôn để chỉ quan thương thư.

*Tâm thường hạo mạch trần la ý,
Kỉ xứ lâu dài tấu quân huyền.
Thiên hạ thái bình vô sự nhật,
Oanh ca vô hạn nhật cao miên.*

(Năm đời liên tiếp loạn li,
Mây tan một sớm trời thì lại xanh.
Cỏ cây mưa mới tươi xinh,
Sách, xe muôn dặm đượm tình nước xưa.
Lụa là phởn thắm đẹp chưa,
Đó đây lâu gác vang đưa tiếng đàn.
Gặp thời thịnh trị thanh nhân,
Hường xuân ta cứ ngủ yên chẳng lo)

Cái chết của Thái Tổ đầy mờ ám. Đỗ Thái hậu, lâm chung, có trăng trời:

- Nhà Chu vì truyền ngôi cho con còn trẻ dại nên mất nước. Mai sau con trăm tuổi, nên truyền ngôi cho em thứ hai con là Quang Nghĩa. Quang Nghĩa truyền ngôi cho em thứ ba là Quang Mĩ. Quang Mĩ truyền ngôi lại cho con trưởng của con là Đức Chiêu. Như thế, lúc nào cũng có vua lớn tuổi. Sẽ là một điều phúc đức cho xã tắc.

Vốn là người con hiếu, Thái Tổ quỳ khóc mà thưa:

- Con xin tuân lời mẹ dạy!

Thái Tổ gọi ngay Triệu Phổ vào, ghi những lời này vào *Kim sách*, cất trong hộp vàng để nghe theo.

Thái Tổ làm vua được 16 năm. Phút qua đời của nhà vua được *Tống sử* ghi rằng:

Thái Tổ bị chứng hậu bối. Tấn Vương Quang Nghĩa vào thăm. Thái giám, cung nữ đứng ngoài nhìn qua ánh đèn. Bóng Quang Nghĩa đứng lên kèm theo là tiếng Thái Tổ la lớn: *Giỏi thật!* Thái Tổ quăng mạnh chiếc búa ngọc. Bóng Quang Nghĩa né tránh. Và một lát sau thì Quang Nghĩa bước ra báo tin Thái Tổ thăng hà.

Quang Nghĩa nối ngôi anh, khi chết miếu hiệu là Thái Tông. Phải chăng, Quang Nghĩa sợ rằng lúc lâm chung, Thái Tổ nghĩ lại mà truyền ngôi cho con chứ không cho mình, nên đã ra tay giết Thái Tổ trước khi việc có thể xảy ra? Thái Tông lên ngôi, rất khắt khe với em và cháu. Đến nối Quang Mĩ và Đức Chiêu đều qua đời rất sớm vì... lo buồn, càng khẳng định điều này. Ngai vàng được truyền cho con Thái Tông là Triệu Hằng, tức Tống Chân Tông, mà không được trả về cho con thứ hai của Thái Tổ. *Kim sách* bị hủy bỏ!

Tống sử còn chép, Thái Tổ rất có tình với các em. Quang Nghĩa bị bệnh nặng, phải đốt nóng nghệ dít vào huyết để chữa, rên la thảm thiết. Thái Tổ thương em, nước mắt chảy ròng, tự tay cầm nghệ nóng, dít vào thân mình để chung chịu đau với em. Mỗi khi có món thịt nướng mà Thái Tổ rất thích, nhưng cũng phải tìm được Quang Nghĩa tới mới chịu cầm đũa...

(Theo *Những chuyện cung đình*.
Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1992)

TỔNG THÁI TỔ NÓI: *KHAI QUYỀN HỮU ÍCH !*

Theo *Tống sử*...:

Triệu Khuông, Tống Thái Tổ, rất thích đọc sách, ham chuộng

và hiểu biết khá chu đáo về hội họa. Chưa thấy tài liệu nào nói Thái Tổ nhà Tống có biết vẽ không, nhưng các vị vua Tống ngay sau: Nhân Tông, Anh Tông, đều ham thích và biết vẽ...

Hàng ngày, Thái Tổ đọc sách từ giờ tị cho mãi tới giờ thân (bắt đầu giờ tị là chín giờ sáng, kết thúc giờ thân là năm giờ chiều). Sau đó nhà vua mới rời sách vở, giấy tờ.

Thái Tổ còn lệnh cho sử quán tu soạn *Thái Bình ngự lãm*, gồm một nghìn cuốn. Tống Kì thấy công việc lớn quá, nên lên tiếng can ngăn việc biên soạn. Thái Tổ bèn phán:

– *Khai quyển hữu ích, bất vi lao dã!* (Mở sách ra đọc là thế nào cũng có ích. Không có chuyện nhọc mệt ở đây!).

TRĂM HAY KHÔNG BẰNG TAY QUEN

Loại thuyết là tác phẩm của Tăng Tháo đời Bắc Tống có kể:

Trần Nghiêu Tư, một võ tướng giỏi, làm Tiết độ sứ, có tài *Bách phát bách trúng*. Hàng ngày Trần chuyên tập bắn trong vườn nhà, mọi người vây quanh tán thưởng. Hôm ấy, một ông lão bán dầu đi qua, Trần đang bắn, ông lão đặt gánh dầu xuống xem. Trần bắn mười, trúng được tám chín. Lão bán dầu gật gù cười. Trần thấy thế hỏi:

- Nhà ngươi cũng biết bắn sao? Ta bắn chưa giỏi hay sao?
- Chẳng ai giỏi giang gì đâu. Chỉ do quen tay.
- Nhà ngươi dám chê ta sao?
- Cứ xem tôi rót dầu thì ngài sẽ thấy.

Ông lão lấy một cái bấu đặt xuống, đặt đồng tiền có lỗ rất nhỏ lên miệng bấu, rồi từ từ rót dầu qua lỗ đồng tiền mà không hề làm dính một chút dầu nào tới đồng tiền cả. Xong, ông già bảo:

- Tôi cũng chẳng giỏi giang gì. Chỉ quen tay.

Nghiêu Tư cười, chịu là phải.

TRẦN ĐOÀN CHẴNG CHỨT LO ÂU...

(Nguyễn Đình Chiểu)

Theo *Từ hải*...:

Trần Đoàn, người Bắc Tống, quê Chân Nguyên. Tự là Đỗ Nam, lấy hiệu là Phù Dao Tử. Sinh vào thời loạn nhất của Trung Quốc, thời Ngũ Quý. "*Ghét thời Ngũ Quý phân bang, Sớm dầu tới đánh làng nhằng đối dân*"... vào núi Hoa Sơn tu luyện. Luyện khí, nhịn ăn, đã ngủ là ngủ liền một giấc một trăm ngày mới dậy.

Nghe người đời bàn chuyện giang sơn từ Tần Hán về sau, mỗi lần đối vạc, họ Trần lại một lần nhân trán lắc đầu than thở. Chỉ riêng một lần, sau giấc ngủ trăm ngày liền, nghe Tống Thái Tổ lên ngôi, họ Trần cười mà nói lớn: *Thiên hạ từ đây mới thái bình!*⁽¹⁾.

Đến thời Thái Tông, được ban hiệu Hi Di tiên sinh.

Có làm sách *Chỉ nguyên thiên*.

(1) Nhiều sách, trong đó có *Thủy hử* còn kể: Một hôm, Trần Đoàn cưỡi lừa xuống núi, lững thững đi về con đường Hoa Âm. Chợt nghe thấy khách đi đường lao xao thuật chuyện: Hiện nay Sài Thế Tông ở Đông Kinh, đã nhường ngôi cho Triệu Kiêm Diêm... Tiên sinh nghe nói, lòng mừng rỡ, vỗ tay lên trán, ngồi trên mình lừa cười ha hả, đến nỗi ngã lăn xuống đất... (*Thủy hử*, tập I, Trần Tuấn Khải dịch...)

TRÙNG PHÚC THI⁽¹⁾

Theo *Cổ kim đàm khái*:

Dời Ung Hi⁽²⁾, một nhà thơ có tên tuổi làm bài *Túc sơn phòng tức sự thi* (Thơ tức sự nhân qua đêm ở nhà trên núi):

*Nhất cá cô tăng độc tự quy,
Quan môn bế hộ yếm sài phi.
Bán dạ tam canh tí thời phận,
Đồ quyền tạ báo tử quy đề.*

Về nghĩa đầy đủ của bài thơ chỉ là:

Sư một mình về,
Đóng cửa.
Nửa đêm,
Cuộc kêu⁽³⁾.

Chưa hết, nhà thơ còn bài *Vịnh lão nho thi* (Thơ vịnh nhà nho già):

*Tú tài học bá thị sinh viên,
Hảo thủy tham han chỉ ái miên.*

(1) *Trùng phúc thi*: trùng, nhiều lớp trập trùng; phúc, nhiều lớp. Thơ nhiều lớp giống nhau, thường là quá hai.

(2) Ung Hi, một trong sáu niên hiệu của Tống Thái Tông, dùng từ 984 đến 988.

(3) *Nhất, cá, cô, độc, tự* đều có nghĩa một mình.

Quan, bế, yếm, đều có nghĩa là đóng.

Môn, hộ, sài, phi đều có nghĩa là cửa.

Đồ quyền, tử quy là chim cuộc.

Tạ, báo, đề đều có nghĩa kêu, hát.

*Tiền lậu hoang sơ vô học thuật,
Long chung suy ố trụ cao niên.*

Và nghĩa cũng chỉ là:

Thấy đồ,
Thích ngủ.
Nông cạn,
Yếu già⁽¹⁾.

Hình như, đây là một sự cố ý

TRUYỀN THỐNG GIA TỘC

1.

Khổng Bình Trọng, người Tân Dục, nay thuộc tỉnh Giang Tây. Dạo tiến sĩ năm 1065. Cùng với anh là Văn Trọng và Vũ Trọng nổi tiếng văn chương vùng sông Giang. Người đương thời tôn xưng là Tam Khổng. Chu Tất Đại có thơ ca ngợi:

*Tam Khổng Tam Lưu tuế nguyệt xa,
Hậu lai nho thuật số quân gia.*

(1) *Tú tài học, bá sinh viên*, là học trò.

Thụy, han, miên là ngủ.

Long chung suy ố, cao niên đều có nghĩa người già, ốm yếu.

Thành ra, có câu lặp tới năm lần, ít ra cũng là hai. Ca dao Việt Nam:

*Nửa đêm giờ tí canh ba,
Vợ tôi con gái đàn bà nữ nhi...*

Liệu có liên quan...

(Ba anh em họ Khổng cùng với ba anh em họ Lưu
tên tuổi tồn tại cùng năm tháng,
Chữ nghĩa nhà nho sau này cũng chỉ lưu lại mấy
nhà ấy thôi)

2.

Thơ của Khổng Bình Trọng rất hào phóng, phong cách gần với Tô Thức. Xin dẫn đây lời dịch nghĩa bài ngũ ngôn cổ phong, bài thơ: *Dại tiểu tử Quảng tôn kí ông* (Thay lời con nhỏ là Quảng viết thư cho ông nội):

Cha mẹ cháu tới Mặt Châu được hai năm, sinh được hai em bé. Cu Nha vừa xinh vừa béo, nhỏ Trịnh thì vừa mới mọc răng. Ông bà đều chưa được thấy, nếu thấy nhất định thích. Cháu Quảng của ông bà chăm đọc sách lắm, chỉ một lúc là đã viết chữ đầy mấy trang giấy rồi. Cháu Tam thì lại vừa to vừa khỏe. Cháu An đã biết đi giày. Ông bà tuy đã biết mặt, nhưng giờ thì khác lắm rồi. Bao giờ nhà ta đoàn tụ, để tất cả các cháu xếp hàng lạy chào.

Bà cháu ở kinh đô, ông thì ở công sở. Cố nội nay cũng đã tám mươi lăm, ăn ngủ gần đây không biết ra sao? Bố mẹ chúng cháu, không ngày nào là không nhớ tới ông bà. Mỗi lần đẹp trời, hay có thức ăn ngon, đều bấm tay tính ngày sum họp. Hôm kia, vừa mới nhóm lò sưởi, gió bắc thổi hun hút, bố mẹ cháu sau khi uống cạn mấy chén rượu, thấy đều buồn rầu đưa mắt nhìn về phương quê nhà.

(Theo nguyên bản chữ Hán của *Tống thi nhất bách thủ...*)

TRUYỆN CỦA BỒ TÙNG LINH: TÀN CỐI

Nhà họ Phùng ở xóm núi vùng Thanh Châu làm thịt một con lợn. Dưới lớp lông vừa cạo, trên da trắng thấy có dòng chữ: *Tàn Cối thất thế thân* (Đời thứ bảy của Tàn Cối).

Nấu thịt con lợn này lên, rất thối. Đành phải đổ cho chó. Nhưng, trời ơi! Thịt Tàn Cối chó cũng không thèm ăn!

(Theo nguyên bản chữ Hán, *Liêu trai chí dị*,
Quảng Ích thư cục, Thượng Hải, 1935.
L.V.D. dịch).

TRƯỚC TIÊN, PHẢI LÀ NGƯỜI CHÂN THỰC

Theo *Nhân pháp*:

Tư Mã Ôn công tự kể một kỉ niệm không quên về thời thơ ấu của mình:

Quang này (tên của Tư Mã) lúc còn nhỏ, đang chơi với mấy quả hồ đào xanh, em gái đòi Quang bóc hết vỏ, thịt của quả để chỉ còn hạt. Quang không thể làm được, tay yếu, lông ngóng, quả cứng vì còn xanh lại trơn. Em gái bỏ đi. Một người hầu gái thấy thế, lấy nước sôi dội, bóc được ngay. Em gái quay lại ngạc nhiên:

- Ai bóc cho anh đấy?

Quang đáp không kịp nghĩ:

- Anh bóc chứ còn ai nữa!

Chẳng ngờ thân phụ Quang biết chuyện, mắng:

- Sao con lại nói dối như thế mà không chút xấu hổ là làm sao?

Quang này từ đó không bao giờ dám mở miệng nói sai sự thật nữa.

TRƯƠNG CÒ TRẮNG

Đời Khai Bảo⁽¹⁾, họ Trương ngồi huyện lệnh Thần Tuyền, ngoài ra về thanh liêm, nhưng thực ra thì cực kì tham bẩn.

Một hôm, huyện lệnh tự tay viết bảng trước công đường:

"Mỗ ngày, mỗ tháng, là ngày sinh nhật quan huyện nhà. Vậy có cáo thị cho nha lại và các hàng chức sắc không được mang đồ lễ đến mừng".

Các thầy lại bàn với nhau:

- Quan lớn đã viết rõ thế, là ý bắt chúng ta phải đến lễ. Còn mấy câu sau chẳng qua là một cách khôn khéo của quan lớn đó thôi!

Cả bọn tán đồng:

- Thì đã hẵn vậy!

Đúng ngày, ai nấy kéo đến, đem theo đồ lễ. Tất nhiên! Gọi là *Thọ y*. Quan huyện không hề trách mắng gì, nhận ngay. *Áo mừng thọ* kia mà. Ít lâu sau, quan ngài lại ra cáo thị:

"Ngày mỗ, tháng mỗ, là ngày sinh nhật bà huyện. Không cần phải đến.

Nhưng rồi cũng không đuổi ai cả. Và tất nhiên phải đến không sót một thầy nào.

Có kẻ dựa vào bài thơ *Lộ tư thi*, để làm mấy vần châm biếm quan lớn, có hai câu cuối:

Phi lai nghị tự hạc,

Hạ xứ khước tầm ngư.

(1) Khai Bảo: Thái Tổ nhà Tống, Triệu Khuông Dấn, có ba niên hiệu, đây là niên hiệu cuối, dùng từ 968 đến 976.

(Mới bay tới nghĩ là hạc,
Đậu xuống rồi cũng chỉ là để bắt cá)

(Theo Cổ kim đàm khái...)

TRƯƠNG TIÊN, CỎ DUYÊN VỚI SỐ 3

1.

Trương Tiên là người Bắc Tống, quê ở Ô Trình, hiệu là Tử Dã. Đậu tiến sĩ thời Khang Định - một trong chín niên hiệu của Tống Nhân Tông, dùng khoảng 1041-1041. Từng làm thứ sử Ngô Giang, là Bộ quan lang trung. Rất giỏi thơ lẫn từ khúc. Tác phẩm có: *An Lục tập, Tử Dã từ*.

(Theo Từ hải...)

2.

Về từ khúc, Trương Tiên nổi tiếng không kém gì Liễu Vĩnh. Người đời gọi Trương là Trương Tam Trung - họ Trương có ba cái - để chỉ rằng trong từ khúc của Trương, thường thấy xuất hiện ba hình ảnh, ba sự việc:

- Bao giờ cũng có tâm sự trong lòng.
- Bao giờ trong mắt cũng đầy nước mắt.
- Bao giờ cũng có người yêu - ý trung nhân - để mà ngợi ca.

(Theo Cổ kim thi thoại...)

3.

Cũng theo *Cổ kim thi thoại*...

Có người khách đến gặp Trương Tiên, hỏi:

- Người ta gọi ngài là Trương Tam Trung. Ngài có nghe không?

Trương đáp:

- Có, tôi có nghe. Nhưng sao không gọi tôi là Trương Tam Ảnh?

Khách không hiểu. Họ Trương giải thích:

- Trong từ khúc của tôi, tôi thích nhất với các câu:

Vân phá, nguyệt lai, hoa lộng ảnh...

Mây tan, ánh trăng lại về, hoa đùa với bóng...,

là một *Ảnh* nhé. *Ảnh* thứ hai là:

Kiều nhu loạn khởi,

Liêm giáp quyển hoa ảnh...

(Vừa đẹp vừa yếu đuối nên ngại ngồi dậy,

Cuốn rèm lên để bóng hoa đừng in nữa...)

Còn *Ảnh* thứ ba là:

Liều kính vô nhân,

Truy phi như vô ảnh...

(Liều bên lối mòn không người,

Những đóa hoa rơi như không có bóng...)

Chẳng phải *Tam Ảnh* là gì?

4.

Lại theo Đạo Sơn thanh thoại:

Trong văn chương của Trương Tiên, có các câu:

Phù bình đoạn xứ kiến sơn ảnh...

(Bèo dạt ra, từng lối thì thấy bóng núi in ...)

Câu hai:

Vân phá, nguyệt lai, hoa lộng ảnh ...

Câu ba:

Cách tường, phong lộng thu thiên ảnh...

(Cách tường, gió thổi đùa với bóng du tiên...)

Thế là đủ ba ảnh. Vì vậy, người đời gọi Trương Tiên là Trương Tam Ảnh.

Cộng hai thứ lại, thì nhất định đều là văn chương của họ Trương cả, thì có năm ảnh, nên phải gọi là Trương Ngũ Ảnh chăng? Nhất định, trong thơ từ của Ngũ Ảnh vẫn còn ở :² nữa, chưa đếm hết đấy thôi...

TƯ MÃ ÔN CÔNG LÀ MA?

Tư Mã Quang sống nhàn rồi ở Lạc Dương, gặp tết nguyên tiêu, Tư Mã phu nhân muốn ra phố xem đèn. Ôn công hỏi:

- Trong dinh cũng có thắp đèn. Hà tất phải ra phố mới xem được?

Phu nhân cãi:

– Còn xem người nữa chứ!

Ôn công vặn:

– Thế thì ta là ma hay sao?

Lữ Cư Nhân có ghi lại những lời này trong *Hiên cử lục*.

TU MÃ ÔN CÔNG QUÝ SÁCH

Nhà đọc sách riêng của Ôn công có hơn một vạn quyển sách. Tư Mã đọc sách ngày đêm suốt cả cuộc đời mà sách vẫn như còn mới nguyên. Ông chỉ đọc sách trong thư viện. Bàn ghế sạch sẽ rồi mới lót đệm ngồi. Rửa tay sạch, lau khô mới cầm đến sách, gỡ xem. Đang đi trên đường mà đọc sách thì kẹp sách vào một tấm ván vuông nhỏ mà không dùng tay trực tiếp cầm sách vào lúc này, sợ mồ hôi thấm hỏng gáy, bìa sách. Đọc xong, gỡ trang khác, Tư Mã ngênh ngón tay cái, lật trang giấy, lấy mặt ngón tay trở, lật qua trang khác, nên không bao giờ nhăn mặt giấy. Ông không cho các con lật trang giấy với những móng tay dài, sắc.

Hàng năm, đến ngày lập thu – khoảng giữa tháng sáu âm lịch, và ngày trùng cửu – mừng chín tháng chín âm lịch, tiết trời khô tanh, mặt trời rọi nắng, ông đem sách ra tu chỉnh, phơi phóng. Phơi mặt trái, mặt phải, gáy sách, bên trong rất có thứ tự.

Xem ra, chỉ có ai kính trọng sách, mới được sách dạy cho nên người.

(Theo *Giáo dục và thời đại*, Hà Nội, 1993)

TU MÃ QUANG TỰ NHẬN XÉT

Tư Mã Ôn công thường nói với mọi người:

- Ta không có điều gì hơn ai cả. Duy chỉ có một thứ, đấy là, những việc ta làm trong suốt cả đời, không có việc gì mà lại không thể kể cho người khác nghe cả.

Cổ sự quỳnh lâm... nói nguyên văn là: Bình sinh sở vi, giai khả đối nhân ngôn. Tư Mã Quang tự tín.

Nguyễn Khuyến khiêm tốn hơn, khi ông *Di chúc*:

*Ôn vua chưa chút báo đền,
Cúi trông hổ đất, ngựa lên thềm trời...*

TỪ CỦA NỮ QUỶ

Theo *Bản sự từ*:

Chùa Ung Hi ở Bình Giang, đêm trăng, có người khách, nghe tiếng đàn bà ca điệu *Hoãn Khê* sa sau:

*Mãn mục giang sơn ức cữu du,
Đình hoa, đình thảo, lộng xuân nhu.
Trường đình nghi chú mộc lan nhu,
Hào mộng dịch tùy lưu thủy khứ,
Phương tâm do trục hiếu vân sầu.
Hành nhân mạc thương vọng kinh lâu.*

(Núi sông trước mắt đều làm nhớ cuộc chơi xưa,
Hoa bãi sông, cỏ bãi sông như đùa với vẻ mềm mại
mùa xuân.

Quán khách gần đó là nơi buộc chiếc thuyền lan,
Mộng đẹp đã đổi theo dòng nước mà đi,
Lòng thơm như đuổi theo đám mây buồn buổi sớm.
Người đi đường dừng lên lầu nhìn về kinh đô mà
lâm gĩ)

Âm điệu nghe rất du dương ai oán. Bài từ truyền đến Tô Châu,
Mộ Dung Nham Khanh nghe được kinh ngạc:

- Bài từ này chính là do người vợ đã mất của ta làm ra!

Dò hỏi nguồn cơn, nơi người khách nghe được bài từ là nơi
quần quan tài vợ họ Mộ Dung vậy!

TỪ KHINH BẠC

Bản sự từ... có chép:

Nhà sư Trọng Thủ, vào công đường, ngồi nói chuyện với quan
thái thú ở phòng khách. Một người đàn bà vào dâng đơn kiện,
đầu trần đứng giữa sân rộng trong lúc trời đang mưa. Thái thú
mời Trọng Thủ làm một bài từ vịnh chuyện này. Nhà sư khẩu
chiếm ngay một bài theo điệu *Đạp sa hành*:

*Nùng nhuận xâm y,
Âm hương phiêu thiết.*

Vũ trung hoa sắc thiêm tiêu tụy,
Tì bà thụ hạ lập da thời.
Bất ngôn bất ngữ yếm yếm địa,
Mi thượng tân sâu,
Thủ trung vân tự.
Nhân hà bất trái hồng lân kí?
Tướng doãn chỉ tố bạc tình nhân,
Quan trung thùy quân nhàn công sự?

(Áo nàng đầm mưa,
Hương nhạt xa đưa.
Thánh thốt màu hoa càng tiêu tụy,
Dưới gốc tì bà, trời ngả trưa.
Không nói không rằng dấu khế cúi,
Mây vương sáu mới,
Hàng chữ trong tay)
Sao chẳng nhờ sứ lân hồng?⁽¹⁾
Thái thú xử kẻ bạc tình chăng?
Quan nha đâu có hoài hơi thay?)

Trọng Thù về sau, không hiểu vì chuyện gì, cũng treo cổ lên một cây tì bà tự tử. Hoặc giả, báo ứng vì tội ác miệng chăng? Lại còn là một nhà sư nữa...

(1) Sứ lân hồng: Lân, chỉ loài cá, có vây. Hồng, ngồng trời, bay xa. Chỉ người đưa tin, đưa thư; gần như chim xanh, lá thắm...

TỪ KHÚC HAY SẮM NGŨ?

Theo *Bản sự từ*:

Mĩ Thanh từ chức Đãi chế được đưa vào Hồng Khánh cung ở Nam Kinh, rồi lại từ Hàng Châu chuyển về Mục Châu. Trong giấc mơ, làm được một bài từ theo điệu *Thụy học tiên*. Tỉnh dậy, nhớ toàn bài, nhưng chẳng hiểu gì cả.

Chẳng bao lâu, Phương Lạp nổi loạn⁽¹⁾, Mĩ Thành muốn quay về nơi ở cũ Hàng Châu, nhưng đường sá gươm giáo giăng đầy, cẩn thận lắm mới thoát thân. Sáp vào cửa thành Tiền Đường, thì thấy người Hàng Châu đang hoảng hốt chạy trốn. Mặt trời đã ghé sát mái lều treo trống. Đúng như cảnh trong mấy câu đầu của bài từ mà Mĩ Thành làm được trong mơ:

*Tà dương ánh sơn lạc,
Liễm du hồng do luyến.
Cò thành lan giác...
(Ánh chiếu hắt núi rơi,
Chút màu hồng còn tiếc.
Thành còi sừng rúc...)*

Rõ ràng bài từ bắt đầu ứng nghiệm. Về được đến nơi ở cũ thì chỉ còn nền không. Bữa ăn sáng cũng không kiếm đâu ra. Bỗng nghe có tiếng gọi:

- Đãi chế đi đâu vậy?

(1) Phương Lạp, một cuộc khởi nghĩa đời Tống.

Quay nhìn, thì ra một người cùng làng, lâu nay ra thành làm thuê. Anh ta nói tiếp:

- Trời sắp tối rồi! Có lẽ ngài cũng chưa ăn uống gì, mời ngài cùng vào quán rượu, uống vài chén đã!

Chu nghe theo. Rượu mười tuần, lòng dần dần thư thái. Chu ngấm ngấm tới mấy câu tiếp của bài từ:

*Lãng ba bộ nhuộc,
Quá đoan đình, hà dụng tố chước?
Hữu lưu oanh khuyến ngã,
Trùng giải tiêu an,
Hoãn dẫn xuân chước.*

(Bước đi thất thểu,
Qua quán nhỏ, biết đâu hẹn trước?
Vẫn còn lời oanh chước chén.
Lại cười gấm yên,
Rượu xuân dần ngấm)

Vẫn thấy như những lời tiên định.

Nghe hai vùng Triết đã trở thành đất giặc, nghỉ lại lúc mới nhận chức ở Hồng Khánh cung, lâu các nguy nga, tiệc rượu đèn hoa, rộn ràng nhã nhạc, nay không nhà, chẳng khác gì các câu:

*Miền tây dĩ thị hoa thâm vô địa,
Đông phong viên hà sự hựu ố?
Nhiệm lưu quang quá khứ?
Quy lai đông thiên tự lạc.*

(Nhớ vườn tây hoa rơi nhiều không đất,
Gió đông sao nữ ác độc?
Mặc ánh dương như cướp,
Quay về động tiên vui thú)

TÙ LÀ THI DƯ

Tào Tổ⁽¹⁾ làm bài *Mạch sơn khe* nổi tiếng, có những câu tiêu biểu sau:

*Trúc ngoại nhất chi tà,
Tường giai nhân thiên hàn nhật mộ.
Hoàng hôn viện lạc,
Vô xứ trước thanh hương,
Phong tế tế,
Tuyết thù thù,
Hà hướng giang đầu lộ ...*

(Trúc ngoài song, một cảnh nghiêng⁽²⁾,

(1) Tào Tổ, tự Nguyên Sùng, người Đinh Xương. Em Tào Vi. Đậu tiến sĩ năm thứ ba đời Tuyên Hòa. Sau đó chuyển sang ngạch quan võ. Giữ chức Cấp môn tuyên tán xá nhân. Rồi Cấp sự điện trung ... Có *Ki Đinh tập*.

(2) Tên của mỗi bài từ khúc đều có nguyên cố sâu xa. Nhưng về sau, nó chỉ còn được dùng để chỉ làn điệu và cũng là kết cấu câu chữ, vần. Còn về nội dung chỉ thể hiện xu hướng thôi. Vì vậy, bên cạnh tên chung nhiều tác giả chú thêm một tên riêng ở bên. Bài này Tào Tổ chú: *Mai từ*.

Nghĩ tới người đẹp trong lúc trời lạnh, ngày chiều
Sân vắng hoàng hôn,
Biết gửi hương hoa lá tới nơi nào,
Gió phất phơ,
Tuyết băng lạnh,
Hương gì ngào vắng đầu sông).

1.

Dương Thận nói trong *Từ phẩm*:

Từ Nguyên Sùng, trong *Mai từ* có câu: *Trúc ngoại nhất chi tà...* là dùng câu thơ của Tô Đông Pha:

Trúc ngoại nhất chi tà cánh hảo...

(Khóm trúc ngoài song có một cành nghiêng càng đẹp...)

Thời Tống Huy Tông cấm nói tới văn chương của Tô Đông Pha. Nguyên Sùng vốn là hàng cận thân mà lại dám dùng một câu thơ rất phổ biến của họ Tô.

Đó thật là một việc *Yếm nhĩ đạo hung* (Bịt tai để ăn trộm chuông). Việc làm này là vô tình hay cố ý...

2.

Câu thứ hai của đoạn từ trích trên đây, *Tướng giai nhân thiên hàn nhật mộ...* theo chú thích của *Tống thi tam bách thủ tiên chú* thì lại xuất từ hai câu thơ sau đây của Đỗ Phủ:

Thiên hàn thủy tự bạc,

Nhật mộ ý tu trúc...

Hai câu này là ở bài *Giai nhân*. Kể cảnh hướng thương tâm của các phụ nữ quý tộc trong loạn An Lộc Sơn:

*Trời chiều vạt lúa mỏng bay,
Lạnh lùng đứng tựa gốc cây tre dài...*

(Người đẹp, N.T. dịch)

Việc đưa thơ vào từ là một việc dĩ nhiên, như một việc *tập thi* vậy, được khuyến khích tán thưởng. Chính vì vậy về cả phương diện từ, ý, hình ảnh, người ta cũng xem như từ là phần dư ra, tiếp nối của thơ vậy...

TỪ LIỄU VĨNH VANG TÂN TÂY HẠ

Diệp Mộng Đắc⁽¹⁾ có tác phẩm: *Tị thử lục thoại* (Những chuyện ghi chép trong khi tránh nãng), có kể:

Liễu Kỳ Khanh thuở còn là học trò, ăn chơi phóng túng nhưng đã nổi tiếng tài hoa về từ khúc. Giáo phường, nhạc công mỗi khi có làn điệu mới, nhất nhất đều phải nhờ Vĩnh đặt lời cho, có vậy bài hát mới *ăn khách*.

Diệp kể tiếp:

"Ta hồi làm quan ở Đơn Đổ, gặp một viên quan đi công cán việc triều đình ở mãi Tây Hạ⁽²⁾ trở về, nghỉ lại ở Đơn Đổ, có nói: *"Khắp các giếng nước của các làng quê hẻo lánh ở vùng Tây Hạ, đâu đâu cũng vang lời ca của họ Liễu..."*.

(1) Diệp Mộng Đắc: tự Thiệu Uẩn, quê ở Ngô Huyện. Đậu tiến sĩ đời Thiệu Thánh. Làm tới Long đồ các trực học sĩ... Tự xưng là Thạch Lâm cư sĩ. Có *Thạch Lâm ngữ*...

(2) Tên nước thời Đường Tống, sau đó bị Mông Cổ diệt. Thuộc đất Ninh Hạ, Cam Túc, Tuy Viễn ngày nay.

TỬ DO LÀM THANH TRA THUẾ VỤ

Theo Nghiêm Trường Minh, Tử Do, em ruột Tô Đông Pha, đang làm quan ở kinh đô, do chuyện tranh giành đảng phái của anh, bị đưa đi Quân Châu⁽¹⁾ làm quan giám sát việc thu thuế rượu.

Trước khi đi, bạn thơ Trương Phương Bình, có làm một bài thất ngôn tuyệt cú tiễn bạn: *Tống Tô Tử Do giám Quân Châu thu thuế* như sau:

*Khả lân bình cánh phùng phiêu khách,
Tự thân biên qua lão bệnh thân.
Tòng thử không trai quải trần tháp,
Bất tri trùng tảo dãi hà nhân?*

(Đáng thương thay, người khách như cánh bèo bình
bồng phiêu dạt,
Tự thân thử chẳng khác gì quả dưa, quả bầu của
tuổi già bệnh hoạn.
Từ nay, trong phòng sách trống rỗng, đành treo cái
giường lên cho bụi bám,
Không biết đến bao giờ mới được hạ xuống chùi
quét để đợi ai?)

Câu ba, họ Trương dùng điển Trần Phồn, đời Hậu Hán, có người bạn thân là Từ Trí. Phồn dành riêng cho bạn một cái giường, bạn đến thì mời nằm ngồi. Bạn về thì treo lên.

(1) Quân Châu, nay là huyện lỵ huyện Cao An, tỉnh Giang Tây.

TỬ VI THI THOẠI

Đời Tống, Lã Bán Trung làm quan trung thư, vì vậy khi viết sách, tác giả đều có kèm theo hai từ *Tử vi* theo gương nhà thơ Bạch Cư Dị đời Đường⁽¹⁾. Đó là hai tập: *Tử vi thi thoại* và *Tử vi tạp thuyết*. Cả hai đều được viết theo loại bút kí. Tất nhiên, tập đầu nặng về văn thơ, tập sau, bàn về những điều chưa thật rõ ràng trong *lục thư*, *chư sử*...

Sau đây là một giai thoại của *Tử vi giai thoại*:

Trương Tử Hậu, cùng với người em con chú con bác Tử Tiến cùng đậu tiến sĩ một khoa. Tử Hậu đi xa, gửi về cho Tử Tiến một bài thơ:

*Li yến vân bằng các hữu trình,
Song song tương biệt vị vong tình.
Hận quân bất tại bằng li đế,
Cung thánh tiêu tiêu dạ vũ thính.*

(Con chim yến nhỏ ở bờ rào, con chim bằng trên

(1) Đời nhà Đường dinh của Trung thư tỉnh thường trồng nhiều cây tử vi, nên cũng gọi là Tử vi tỉnh. Quan làm ở Tử vi tỉnh thường gọi là Tử vi lang. Bạch Cư Dị có thơ:

Độc tọa hoàng hôn thù thị bạn?

Tử vi hoa đối tử vi lang.

(*Trục trung thư tỉnh*)

(Ngồi một mình trong bóng chiều, bạn với ai?)

Hoa tử vi đối diện với quan tử vi.

(*Ngày chiều, trục trong trung thư tỉnh*)

chín tầng mây ⁽¹⁾ đều có đường riêng của mình,
Bạn chung đèn sách, chia tay, tình chưa quên.
Chỉ giận bạn không như con chim nhốt trong
đây lồng,
Để cùng nhau nghe tiếng mưa rơi đêm thánh thốt)

TƯỚNG TIỀN

Úc Lí Hằng kể:

Đời Thiệu Hưng ⁽²⁾, Trương Tuấn Vương nổi tiếng triều đình vì ham tiến. Một hôm, nhà vua ban yến trong nội cung, lệnh cho ưu nhân ⁽³⁾ đóng giả quan Văn thiên giám ⁽⁴⁾.

- Bậc quý nhân trên thế gian, đều ứng với các vì sao trên trời. Nhưng dùng kính thiên văn, chỉ thấy sao, chẳng thấy người đâu cả. Nay người hãy lấy lỗ đồng tiến nhìn trên bầu trời xem sao.

Trước tiên, nhà vua ra lệnh cho ưu nhân soi tướng tinh của chính mình. Ưu nhân thưa:

- Rõ ràng thấy hình hoàng đế bệ hạ tỏa hào quang rực rỡ!

(1) Câu này, lấy chữ trong thiên *Tiểu dao du* của sách *Trang tử*: Có một con chim tên là bàng, lưng như núi Thái Sơn, cánh như mây (vân) lớn trên trời. Có thể bay một lần đến ba nghìn dặm... (*Từ nguyên từ điển* ...).

(2) Thiệu Hưng, niên hiệu của Cao Tông, vua đầu tiên nhà Nam Tống, niên hiệu thứ hai, niên hiệu cuối. Dùng từ 1131 đến 1163.

(3) Ưu nhân, quan mua vui cho nhà vua, thường là hề, dị tướng.

(4) Văn thiên giám, phụ trách làm lịch, theo dõi thiên nhiên.

Lại lệnh soi tướng tinh của Tấn Sư Thân. Ưu nhân thưa:

- Chân dung của tướng quân thật oai phong.

Đến lượt tế tướng Hàn Đan Vương, ưu nhân tâu:

- Rõ ràng oai phong tế tướng.

Đến lượt Trương Tuấn Vương, ưu nhân tâu:

- Không thấy đầu cả!

Mọi người kinh hãi. Vua lệnh soi kĩ hơn. Ưu nhân ra vẻ chăm chú:

- Vẫn chẳng thấy tướng tinh đầu cả. Chỉ thấy Tuấn Vương đang cúi lom khom trong lỗ đồng tiền.

Vua cười ha hả.

ỦA MÀY VÌ BỎI TIẾT MÀY THANH⁽¹⁾

Ồ Trung Quốc yêu trúc hơn cả có lẽ là Vương Huy Chi rồi Tô Đông Pha.

Vương Huy Chi người đời Tấn, quê ở Cối Kê, là con Vương Hiến Chi, tự Tử Do. Tính tình phóng khoáng. Lúc đầu, làm tham quân cho Hoàn Ôn, vẫn đầu bù tóc rối, đai mũ không chịu mang. Không chịu khép mình theo phép của phủ họ Hoàn.

(1) *Nguyễn Trãi toàn tập*, phần *Quốc Âm thi tập*, trang 460. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969.

Đêm tuyết xuống, chèo thuyền theo suối Dạm Khê đến thăm Dải Lục. Đến cửa họ Dải rồi, không vào, quay ra, về nhà. Có người hỏi tại sao. Vương đáp:

- Nổi cơn hứng lên thì đến. Cơn hứng đã hết thì về. Cần gì phải thấy mặt nhau?

Huy yêu trúc đến si mê, ngây dại. Thường nói với bạn bè:

- Không thể một ngày vắng bóng cái anh chàng này cho được!
(*Bất khả nhất nhật vô thủ quán*).

Cũng xin nói nốt, Vương sau làm đến Hoàng môn thị lang. Em trai họ Vương là Vương Hiến Chi qua đời; Vương đứng trước linh sàng, cầm cây đàn vốn của em, mãi không thấy tiếng, bèn khóc:

- Ô hô! Từ Kính, đàn cùng người đều mất rồi!

Tô Đông cũng rất yêu trúc. Ông có hai câu thơ:

*Bất khả cư vô trúc,
Ninh khăng thực vô nhục.*

(Không thể ở chỗ không trồng trúc,
Thà rằng có thể ăn cơm không có thịt)

Điều Tô nói ở đây có thể tin được vì, với điều kiện của ông, chỗ ở trồng trúc thì cũng chẳng khó khăn gì. Và nhục bằng không có trúc nữa vì một lý do lạ lùng nào đó, thì ông vẫn có thể chịu được việc nhịn thịt vì ông chỉ thích ăn cá, và cũng rất phàm ăn chứ không phải không!

Việc thích trúc của Tô Đông Pha gắn liền với việc ông còn là một họa sĩ tài hoa, một nhà thư pháp nổi tiếng. Câu nhận định về thơ và họa Vương Duy của Tô, bất kì chỗ nào nói về Vương Duy đều được nhớ tới: *Thi trung hữu họa, Họa trung hữu thi*. (Trong thơ có họa, Trong họa có thơ).

(Theo *Tâm nguyên từ điển...* và *Đường Tống bát đại văn gia...*)

VĂN CHƯƠNG LÒ RÈN

Nam Bộ tân thư là sách do Tiến Dị đời Tống soạn. Gồm 10 quyển, ghi chép đủ chuyện mắt thấy tai nghe của thời Đường, Ngũ đại. Rất quen thuộc cho sự nhân đàm lúc trà dư tửu hậu. Trong đó có chuyện *Hồ đình giao* như sau:

Sinh làm nghề thợ rèn. Cửa hàng mở ngay ở bên bờ nước hoang rộng, mọc toàn rau bạch tấn (Chẳng khác gì thơ Trần Huyền Trân:

*Mưa bay trắng lá rau tấn,
Thuyền ai bóc khói xa dần bến mưa...*)

Vì vậy, dân quanh vùng gọi nơi này là bãi Bạch Tấn. Bên cạnh lò rèn, có một ngôi mộ vô chủ. Mỗi lần uống trà, Sinh dành một chén đồ lễ ma trong mộ.

Một đêm Sinh nằm mơ, thấy có người nói:

- Tôi họ Liễu. Một đời người chỉ giỏi làm thơ viết văn, với thú uống trà. Để tạ ơn, chẳng có gì cho xứng, xin được truyền cho anh cái nghề văn chương tao nhà này vậy.

Sinh từ chối. Liễu vẫn cố nài. Từ đó Liễu thường xuyên đến.
Sinh trở thành một bậc văn nhân cự phách.

Nhưng rồi thiên hạ vẫn có người đùa: Văn chương lò rèn.

VĂN CHƯƠNG TỰ CỔ VÔ BẰNG CỨ...

Theo *Cổ sự quỳnh lâm*, *Khoa đệ chương*, Vĩnh Tân thư cục ấn hành:

Âu Dương Tu được cử giữ chức Tri cống cử (Chánh chủ khảo kì thi hội) mỗi lần mở quyển của thí sinh ra đọc, đều thấy như có một cụ già mặc áo đỏ đứng ngay cạnh. Quyển nào cụ già gật đầu lạng lẽ thì y như rằng quyển đó trúng cách. Nhân chuyện này, họ Âu Dương làm hai câu thơ:

*Văn chương tự cổ vô bằng cứ,
Duy nguyện chu y ám điểm đầu.*

(Chuyện văn chương từ xưa là chuyện không
có bằng cứ,
Chỉ có dựa vào người mặc áo đỏ thầm gật đầu
mà thôi)

Hai câu thơ này được rút gọn bằng thành ngữ: *Văn chương nhập thức, hữu chu y ám điểm đầu* (Văn chương được đậu, phải có người áo đỏ gật).

Giai thoại này cũng thấy có chép trong *Hầu chinh lục*...

VĂN ÔN VÔ LUYỆN

Theo *Quyển du lục*:

Đời Nhân Tông nhà Bắc Tống, có một anh học trò giỏi tên là Miêu Chấn. Anh ta về kinh thi tiến sĩ, rất lấy làm hãnh diện vì đậu tiến sĩ thứ tư. Sự thật thì cũng tự hào lắm chứ.

Ra làm quan đã vài năm. Quan lớn Miêu Chấn được gọi về kinh đô dự một kì thi khác nữa, kì thi Bác học hoàng tử. Về kinh, trước khi thi, Miêu Chấn đến chào tế tướng Yến Thù, cũng là một nhà thơ nổi tiếng nhà Bắc Tống. Yến Thù nói:

- Ngài ra làm quan đã lâu năm. Việc bút nghiên, văn chương bỏ đã lâu, giờ về đây dự thi, có lẽ nên bỏ công sức, thời gian ôn luyện ít lâu chăng?

Miêu Chấn cho rằng quan tế tướng có ý coi thường mình, nên về dương dương rằng:

- Việc có gì đáng ngại. Chẳng khác gì bà già, ba mươi năm nay đã thay tã cho trẻ nhỏ ấy thôi mà.

Đến hôm thi, gặp đề ra: *Trạch cung tuyển sĩ phú* (Bài phú về việc tuyển chọn nhân tài ở trường thi). Bài viết của Miêu có câu: *Phổ thiên chi hạ mạc phi vương thổ* (Khắp dưới trời này, không có nơi nào không phải là đất của nhà vua). Miêu viết thành: *Phổ thiên chi hạ mạc phi vương* (Khắp dưới trời này, không có nơi nào không phải là vua). Tất nhiên, Miêu hỏng thi. Nếu gặp kẻ ác, Miêu còn có thể bị ghép tội *khi quân*, có khi mạng cũng khó giữ.

Về sau, Yến Thù có gặp lại Miêu. Hỏi Miêu:

- Thưa ngài Miêu Chấn, ngài thay tã cho trẻ nhỏ (*đảo bằng hài nhi*) như thế nào rồi?

Miêu Chấn xấu hổ quá, không biết thưa với quan tế tướng thế nào nữa...

VĂN UYÊN ANH HOA: 1000 QUYỂN!

Tống Bạch, tự Thái Tố, người Đại Danh thành, năm mươi ba tuổi đã giỏi văn thơ, học văn uyên bác. Đậu tiến sĩ đời Kiến Long. Làm tới Lại bộ thượng thư. Đời Ung Hi, nhà vua sắc cho Tống Bạch cùng với Lí Phương huy động văn nhân, nho sĩ làm sách *Văn Uyển anh hoa* gồm một nghìn quyển.

Các nhà khoa bảng nổi tiếng thời này như: Tô Dịch Gián, Vương Vũ Xứng, Hồ Túc, Lí Tông Ngạc... đều là học trò Tống Bạch. Thư viện họ Tống có mấy vạn quyển sách. Tranh vẽ và chữ viết cũng rất nhiều. Phần lớn là cổ xưa, quý hiếm.

Tống Bạch còn biên tập các sách của các nhà hiền giả đời Đường, gồm trên một trăm quyển. Được đặt thụ là Văn An.

(Theo *Từ hải*)

VĂN CÒN NGUYÊN TÍNH THỜI SỰ!

Nhạc Phi đã từng nói:

*Văn thân bất ái tiền,
Vũ thân bất tích tử,
Thiên hạ thái bình dã !*

(Quan văn không thích tiền,
Quan võ không sợ chết,
Thiên hạ hân thái bình)

(Theo *Quyển làm, Vô chức thiên*, quyển 1...)

VÉ HỒ LÔ CHO GIỐNG

Đào Cốc, làm Tri chế cáo trong Hàn lâm viện, người đất Chu, tự Tú Thục. Thấy chỗ đứng của mình cũng như tất cả các quan trong Hàn lâm viện nói chung, không được Tống Thái Tổ coi trọng, Đào xin được thôi việc ở đây. Vua khai sáng nhà Tống mới phán rằng:

- Làm quan chuyên thảo sắc chiếu, thơ văn như khanh thì có gì là khó khăn. Cứ như vẽ cái hồ lô, cốt sao cho giống là xong. Hãy cứ ở đây, chẳng phải đi đâu cả.

Đào Cốc không còn biết tâu lại ra sao nữa. Và tất nhiên vẫn *công tác* trong Hàn lâm viện.

Một hôm, họ Đào đề lên tường của Viện bài thơ tứ tuyệt:

*Quan chức hữu lai tu hữu tác,
Tài năng dụng xứ bất ưu vô.
Kham tiếu Hàn lâm Đào học sĩ,
Nhất sinh y dạng họa hồ lô.*

Quan chức lâu nay đâu cũng cần có người đảm nhận,
Dùng có việc gì phải lo rằng tài năng không có
chỗ dùng.

Dáng cười thay cho Hàn lâm học sĩ họ Đào,
Cả một đời người chỉ có mỗi việc vẽ hồ lô cho
thật giống)

Về sau, tất nhiên, bài thơ đến tai Tống Thái Tổ. Và cũng lại

tất nhiên, chẳng bao giờ họ Đào được giao một chức quan gì hơn chức *Y dạng hồ lô* nữa⁽¹⁾.

(Theo *Thành ngữ cổ sự*, tập 2...)

VỀ HOÀNG ĐÌNH KIÊN

1.

Theo *Nhân phả*:

Hoàng Đình Kiên cùng Triệu Đình là bạn đồng liêu, lại chung ở trong quán các. Đình Kiên vốn coi thường họ Triệu. Một lần nghe Triệu nói:

- Ô quê tiểu nhân, giả công cho người làm hộ văn thơ rất cao. Mỗi lần làm cho người một bài văn, phải lấy xe Thái Bình mà chở mới hết quà tặng.

Đình Kiên khích:

- Có lẽ tặng phẩm toàn là củ cái đáng với dưa đại phải không ngài?

Triệu nghe, cảm lắm, ghi xương khắc cốt những lời Đình Kiên, rồi sau đó, tìm mọi cách để Đình Kiên phải đưa đi mãi Nghi Châu xa xôi.

2.

Theo *Quỳnh lâm*:

Lỗ Trục hay làm những từ khúc diễm tình. Nhà sư Vân Vân

(1) Đào Cốc, tác giả *Thanh dị lục*, gồm hai quyển. Ghi chép những lời hay, ý đẹp của thời Đường và Ngũ đại cùng hoàn cảnh cụ thể của lời ý đó. Chia làm ba mươi bảy mục, rất được người đời sau dùng làm đề tài sáng tác thơ, từ (*Từ nguyên...*).

đã có lần trách họ Hoàng về việc này. Họ Hoàng thanh minh:

- Lời nói bay lơ lửng trong khoảng không. Người nói tùy miệng, người nghe tùy tai. Làm thế nào mà đo được bụng ngựa⁽¹⁾.

Nghe xong, nhà sư tiếp:

- Những lời diễm lệ của ngài đã khuấy động lòng dục trong thiên hạ. Tội lỗi quả báo không phải chỉ đo như đo bụng ngựa thôi đâu. Nghe những lời hát của ngài, tai người ta chẳng khác gì rơi xuống phải vũng bùn hôi thối. Người làm ra nó đáng bị dày xuống địa ngục chịu tội cắt lưỡi.

Họ Hoàng nghe nói, vẻ như bàng hoàng, từ đó không làm loại từ khúc này nữa.

Theo *Lịch sử văn học Trung Quốc* ... thì nhà sư nói những lời gay gắt này với Hoàng lại có tên là Pháp Tú thiền sư...

VÌ BÀI TỪ HAY, TÌM LẠI ĐƯỢC THIẾP YÊU

Vương Minh Thanh kể trong *Huy trần du thoại*:

Từ Cán Thân⁽²⁾ lúc mới làm xong bài từ *Nhị Lang thần* gặp khi quan phủ doãn Khai Phong là Lí Hiếu Thọ ra cai quản Ngô Môn. Lí làm phủ doãn rất nghiêm khắc nên dân chúng thường

(1) Thành ngữ tiếng Hán: *Tuy tiền chi trường, bất cập mã phúc*. Nghĩa là, rồi tuy có dài, không thể đánh đến bụng ngựa. Ý nói hoàn toàn bất khả kháng (*Thành ngữ cổ sự*, quyển 5)

(2) Từ Thân, tự Cán Thân, người Tam Cù. Dấu đời Chính Hòa vì giỏi âm luật nên được cử giữ chức Thái thường diễn nhạc. Sau ra làm tri phủ Thường Châu. Có *Thanh Sơn nhạc phủ*, nhưng không còn.

gọi là Lí Diễm La. Các quan trong phủ nhân chuyên đi này bày tiệc tiễn hành.

Cán Thần dẫn đội nữ, cứ hát đi hát lại mãi bài *Nhị Lang thần* này, cho đến khi quan lớn họ Lí hỏi hãy thôi. Bọn kĩ nữ cứ như lời mà làm. Hát đến lần thứ ba, thứ tư gì đó, Hiếu Thọ quả hỏi. Cán Thần đỡ lời:

- Tiểu nhân có một tì nữ, tài sắc đều tốt vời. Nhưng người vợ đã qua đời của tiểu nhân lúc đó không dung nên đuổi khỏi nhà. Nghe nói giờ đang trong dinh một vị quan võ ở Tô Châu. Đã cho người nhiều lần thăm tìm. Những lời ca mà ngài vừa nghe đó, đều lấy từ những lời trong thơ từ trao tin lâu nay. Không ngờ, giờ ngài có dịp ra coi vùng này, chẳng may mắn nào hơn. Không hiểu ngài có thể giúp cho một lần không?

Họ Lí đáp:

- Việc không khó. Quan Thái thường chớ lo lắng quá nhiều.

Hiếu Thọ tới Vô Tích. Quan lại địa phương xin làm lễ ra mắt. Hiếu Thọ đáp:

- Xin gặp các quan ngài ở Phong Kiều vậy.

Phong Kiều cách thành đến hơn mười dặm. Tới hôm hẹn, thuyền hoa rực rỡ, quan lại cao thấp kéo nhau về chập bến sông. Họ Lí nhìn một hồi các biển đề, cờ hiệu rồi lớn tiếng:

- Chúc quan đô giám theo pháp luật quy định, không được phép ra khỏi thành. Luật này, giờ vẫn không đổi. Trong thành nhờ có trộm cướp, hỏa hoạn, lấy ai đối phó?

Rồi lệnh cho lính kéo ngay quan đô giám tổng ngục. Được vài ngày, họ Lí xem án tù, viên đô giám cùng người nhà lo sợ kêu xin đủ cách. Họ Lí cười bảo:

- Hãy cứ trả người tì nữ về cho quan Thái thường rồi ta xét xử.

Đô giám lập tức vâng theo. Họ Lí cũng tha ngay, không tra xét gì nữa.

VÌ SAO CÓ HAI CHỮ SONG HỈ ?

Năm hai mươi tuổi, Vương An Thạch lên đường đi thi, dừng chân ở quán nghỉ ngơi. Dạo chơi phố, thấy một vế thách đối dán trước nhà viên ngoại họ Mã: *Tầu mã dâng, dâng tàu mã dâng tức mã đình bộ* (Đền kéo quân, quân kéo đền, đền tắt, quân ngừng lại).

Xem xong, họ Vương phúi tay, nói:

- Đối dễ thôi!

Người nhà nghe thấy vội vào báo với viên ngoại. Viên ngoại ra thì họ Vương đã đi rồi, tìm không thấy nữa.

Vương An Thạch nộp quyển, trúng cách, được vào thi vấn đáp. Quan chủ khảo trò lá cờ hồ đang bay:

- Phi hồ kì, kì phi hồ, kì quyển hồ tàng thân (Cờ bay hồ, hồ bay cờ, cờ cuộn hồ thu mình).

Họ Vương lấy ngay câu đối ở nhà họ Mã ra đối lại. Quan chủ khảo khen lắm. Thi xong, Vương qua nhà họ Mã, người nhà nhận ra, mời vào. Viên ngoại hỏi câu đối. Vương đưa câu của quan chủ khảo ra. Viên ngoại gả con gái cho Vương. Thi ra đó là vế đối ra để kén chồng của con gái viên ngoại. Đúng ngày cưới, họ Vương lại có tin trúng tiến sĩ. Hai niềm vui lớn cùng đến một ngày. Họ Vương liền viết hai chữ hỉ liền nhau bằng giấy điều dán trước cửa và ngâm hai câu thơ:

*Khéo đối đáp viết thành song hỉ,
Hổ bay đèn ngựa kết nhân duyên.*

(Theo LÊ HUY TIÊU...)

VIÊN NGỌC MINH CHÂU

Theo Tống thư...:

Lưu Nhự mới bảy tuổi đã thuộc rất nhiều văn thơ. Người chú ruột của Nhự là Lưu Thận thường để cháu ngồi ở ngay cạnh mình, nói với các vị khách rằng:

– Thành bé này chính là viên ngọc minh châu của họ nhà tôi đấy!
(*Thử nhĩ, ngô gia minh châu dã!*).

VỊNH MẠCH MÔN⁽¹⁾

Phụ chương lục chép:

Trong tôn thất nhà Tống cũng có một kẻ làm thơ một tác đến trời. Y lại hay làm thơ hài hước, có bài thơ *Vịnh cây mạch môn*, thơ rằng:

*Nhất tùng thảo tự bích nhưng nhưng,
Thùy nhân hoán tác Mạch Môn đông?*

(1) Mạch môn, cũng gọi là mạch môn đông, thuộc họ lan, củ dùng làm thuốc.

Hai chữ *đông* ở đây khác nhau. Chữ *đông* trong mạch môn *đông* là mùa đông, chữ *đông*, trong của Mạch Môn *đông* là hướng đông, viết khác nhau.

*Nhược hoàn di chủng Mạch Môn tây,
Bất thành hoán tác Mạch Môn đông.*

(Một bụi cỏ nhỏ với những lá mầm xanh biếc,
Ai là kẻ gọi tên nó là Mạch Môn đông?
Dẫu có đem về trồng ở cửa Mạch Môn tây đi nữa,
Cũng không xong, lại phải quay về cửa Mạch Môn
đông thôi)

Chả là kinh thành nhà Tống lúc này có cửa Mạch Môn.

VỢ CHỒNG THI LÀM TỪ KHÚC: CHỒNG THUA!

1.

Theo *Lang Hoàn kí* của Doãn Thế Trân:

Dị An làm được bài từ *Túy hoa âm*. Minh Thành xuất xoa khen *tuyệt diệu hảo từ*. Minh Thành quyết cũng phải làm được một bài khác, theo đúng điệu *Túy hoa âm* như thế, dẫu không hay hơn thì cũng phải bằng bài của vợ.

Suốt ba ngày ba đêm liền, Minh Thành quên ăn không ngủ, làm được không phải một hai bài mà mười lăm bài *Túy hoa âm* cả thấy. Minh Thành đem trộn lẫn mười lăm bài của mình với bài của Dị An – tất nhiên là Minh Thành sao lại bài của Dị An cho cùng một loại chữ viết thôi – rồi đưa cho bạn là Lí Đức Phu. Đức Phu xem đi xem lại nhiều lần, rồi bảo với Minh Thành:

- Chỉ có bài có ba câu cuối:

*Mạc đạo bất tiêu hồn,
Liêm quyền tây phong,
Nhân tử hoàng hoa sáu*

là hay hơn cả.

Bài đó là của Dị An.

2.

TÚY HOA ÂM

(Lí Thanh Chiếu)

*Bạc vụ nùng vân sầu vĩnh trú,
Thủy nào tiêu kim thú.
Giai tiết hựu trùng dương,
Ngọc chấm sa trù,
Bán dạ lương sơ thấu.*

*Đông li bả từu hoàng hôn hậu,
Hữu ám hương doanh tụ.
Mạc đạo bất tiêu hồn,
Liêm quyền tây phong,
Nhân tử hoàng hoa sáu.*

BÀI TỪ ĐIỆU TÚY HOA ÂM

Khởi lạt mây đen ngày tẻ ngắt,
Hương ngọc lò vàng tắt.

Tiết đẹp gặp trùng dương.
Gối ngọc màn the,
Nửa đêm hơi lạnh ngát.

Dậu đông cất chén bóng chiều khuất,
Hương thấm áo thơm ngát.
Ai chẳng tái tê lòng,
Gió cuốn rèm tây.
Người sánh hoa vàng gãy quất.

(*Thơ Tống*, HOÀNG TẠO dịch)

VỢ LÍNH GỬI CHỒNG

Sách *Hiên cử lục* của Lữ Cư Nhân đời Tống có kể:

Mùa đông năm tân ty đời Thiệu Hưng⁽¹⁾, tộc Nữ Chân xâm phạm biên giới phương Bắc. Mễ Trung Tín đem vào cướp trại giặc ở Hoài Nam, lấy được một cái thùng của chúng, mới từ Yên Sơn gửi tới. Ở trong thấy có hơn mười phong thư, phần lớn đều là thư của vợ lính giặc gửi cho chồng đang ở trong đội quân nam xâm.

Giáo thụ Đường Trọng ở Kiến Khang vào thăm Phương Đồ Trọng ở Khu mật hàng phủ làm liêu thuộc, có được đọc một trong

(1) Tức năm 1161, đời Tống Cao Tông, vua đầu tiên của triều Nam Tống, ở ngôi từ 1127 đến 1163. Nữ Chân là một tộc nhỏ bị Khiết Đan thôn tính.

những lá thư đó. Tuyệt nhiên không có một chữ nào khác, ngoài một bài thơ chỉ có bốn câu rằng:

*Thùy Dương truyền ngữ Đan San,
Nhiáo Giang Nam gian nan.
Nhiáo na lí đối cá nam bà,
Ngã giá lí giá cá Khiết Đan.*

(Thùy Dương gửi tới Đan San,
Giang Nam chàng tới gian nan vô vãn.
Mụ già phương ấy phần chàng,
Ở nhà thiệp kiếm một thằng Khiết Đan.)

VỢ TẶNG THƠ

Theo *Thi lâm*, quyển 7:

Tô Đông Pha kể:

Vừa rồi ở Hồ Châu, xảy ra vụ án thơ nổi tiếng. Quan ra lệnh bắt bỏ ngục một số nhà thơ. Vợ con đưa tiền, khóc lóc sụt sùi. Một thi sĩ quay lại hỏi người vợ già của mình:

- Bà không bắt chước vợ Dương xử sĩ, làm ngay một bài thơ tiễn chồng được sao?

Bà vợ bật cười, nín khóc.

Vốn ngày trước, Tống Chân Tông cho đòi xử sĩ là Dương Bộc về việc làm thơ phỉ báng triều đình⁽¹⁾. Vua hỏi:

- Khi vào triều, có ai làm thơ tiến nhà người không?

Dương Bộc tâu:

- Chỉ có mẹ vợ già của thần đọc một bài thơ rằng:

Cánh hưu lạc phách tham bôi tửu,

Diệp mạc xương cuồng ái vịnh thi.

Kim nhật tróc tương quan lí khứ,

Giá hồi đoạn tống lão đầu bì.

(Dừng có theo thói cũ vì tham vài chén rượu,

Cũng đừng có ngông cuồng vì thích làm thơ.

Bây giờ mới thấy vì làm thơ mà bị bắt đến cửa quan.

Lần này thì chỉ còn là dứt ngay đầu da nhăn nheo thôi)

Vua cười tha cho về!

VU SƠN NHẤT ĐÓA VÂN...

Theo *Thuyết Phu tòng thuyết*...:

Đời Chân Tông, vua thứ ba Bắc Tống, Dương Ưc được cử đi sứ nước Liêu. Đúng dịp họ Dương vào triều nhà Liêu, hoàng hậu

(1) Tống Chân Tông: tức Triệu Hằng. Khiết Đan đánh Thiên Châu. Nhà vua nghe theo kế của Khấu Chuẩn, tự thân cầm quân ngăn giặc. Khiết Đan phải cầu hòa, lui quân. Nhưng rồi nghe theo bọn Vương Khâm Nhược, Đình Vị tin theo bùa chú nhảm nhí, bỏ phế chính sự. Ở ngôi hai mươi lăm năm.

nước Liêu qua đời. Triều đình đang lo việc quốc táng. Muốn nhân đó thử tài sứ Tống, trong không khí của đại lễ nghiêm trang, vua Liêu mời Dương Úc đọc văn tế. Thường thường, bài văn tế đã được viết trước, dán vào một bản gỗ đẹp, gọi là chúc bản. Do chính người được chọn đọc soạn trước, hoặc ít ra cũng được đọc trước. Họ Dương hai tay nâng chúc bản vừa được một viên đại thần Liêu quốc trao cho, bước vào lễ đàn, nhìn vào chúc bản để định đọc, mới thấy chúc bản chỉ dán một tờ giấy trắng tinh, không một chữ. Lúng túng một lát, họ Dương hiểu ra, đây là một cách thử tài tai quái. Không đọc sẽ bị tội nặng, đọc một bài văn tế cũ, không hợp, cũng sẽ bị tội. Đường nào cũng nhục mình, nhục Trung Nguyên. Nghĩ ngợi không lâu, họ Vương bình thân đọc:

*Duy linh,
Vu Sơn nhất đóa vân,
Lăng Uyển nhất đoàn tuyết,
Đào nguyên nhất chi hoa,
Thu không nhất luân nguyệt.
Khởi kì:
Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!
Phục duy, thượng hương!*

(Kính nghĩ anh linh,
Một đám mây núi Vu,
Một khối tuyết vườn Lăng,
Một cành hoa nguồn Đào,
Một vầng trăng trời thu.
Ngờ đâu:

Mây tan, tuyết rã, trăng khuyết, hoa tàn!

Kính xin âm hưởng!)

Tất nhiên vua quan nhà Liêu vô cùng khâm phục. Về triều, Chân Tông cũng ban khen và thưởng cho rất nhiều.

VỤ ÁN MẠC TU HỮU

1.

Tân Cối là một thái học sinh thời Bắc Tống. Giỏi văn chương, nhiều mưu kế nham hiểm. Làm quan ngự sử, bị giặc Kim bắt làm tù binh. Biết nịnh hót, nên người Kim tha cho về. Được Tống Cao Tông đưa làm tể tướng.

Tân cầu hòa với người Kim. Vì vậy tìm cách diệt kì được phe chủ chiến, mà tiêu biểu là Nhạc Phi. Bắt rút quân, giam Nhạc vào ngục. Khép tội chết vì mưu phản quốc. Nhưng không có chứng cứ rõ ràng. Hàn Thế Trung hỏi vì sao Nhạc bị tội chết. Tân trả lời:

- Tuy không rõ. Nhưng cũng không cần có (*Mạc tu hữu*).

Thế Trung tiếp:

- Ba chữ *không cần có*, không thể làm thiên hạ phục.

Mặc dù vậy, Tân vẫn ra lệnh quan coi ngục giết Nhạc để yên lòng quân Kim.

(Theo *Chuyện làng văn...*)

2.

Tương truyền cuối thời Bắc Tống, bên điện của Huy Tông, có cây cối, sinh ra năm ngọc. Người ta cho đó là điềm Tấn Cối được trọng dụng để làm mất nhà Tống sau này.

Người đời sau, dựng tượng Tấn Cối và vợ là Vương Thị quỳ trước mộ Nhạc Phi. Người đến chiêm bái mộ Nhạc Phi thường phỉ nhổ, đánh đập vào hai tượng này.

Nhạc Phi cầm quân đánh Kim, có hện với tướng sĩ rằng:

- Thăng đến Hoàng Long, cùng các tướng uống rượu mừng thắng trận.

Hoàng Long là thủ đô của nhà Kim. Nay là Liêu Đông.

Phải rút quân về, Nhạc Phi than:

- Công lao trong mười năm, đổ bỏ trong một ngày!

Nhà của Tấn Cối ở, được gọi là *Cách thiên các*, vì có viết bốn chữ lớn: *Nhất đức cách thiên*. Bốn chữ này tự tay Huy Tông nhà Tống viết (ngự thư) có nghĩa là: Vua tôi cùng một đức thuần nhất như nhau, có thể cảm thông được lòng trời.

Quân Kim rất sợ Nhạc Phi. Tướng quân Kim thường nói với nhau:

- Chuyển núi thì dễ, phá đội quân của họ Nhạc thì khó.

Cho đến nay, các họa sĩ Trung Quốc vẫn còn dùng một đề tài truyền thống: Cảnh Nhạc mẫu (mẹ Nhạc Phi), đang viết lên lưng con bốn chữ: *Tinh trung báo quốc* (Giữ lòng trong sạch trung thành, báo đến ơn tổ quốc).

Cảnh này thường được gọi là cảnh: *Nhạc Mẫu thích tự* (Mẹ Nhạc Phi xăm chữ lên lưng con).

(Theo *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, bản dịch và chú thích của Trương Chính... Hà Nội, 1978... và một vài tài liệu khác...)

VỤ ÁN Ô ĐÀI

Theo *Chuyện làng văn*, do Nguyễn Đình Chú, Nguyễn Hải Hà chủ biên, Nhà xuất bản Giáo dục, Đ.H.S.P. I Hà Nội, 1987...:

Tô Đông Pha cũng có một cuộc đời khá long đong vì tham gia đấu tranh chính trị. Ông đứng về phe cựu đảng, chống lại *Tân pháp*. Cầm đầu đều là những nhà văn, nhà thơ đứng đầu triều Bắc Tống: Âu Dương Tu và Vương An Thạch.

Tô viết nhiều bài chính luận dâng lên vua, lời lẽ rất gay gắt. Như trong *Thu đệ lên vua Thần Tông*:

"Trong tình cảnh hiện nay, dùng những biện pháp nhỏ thì thất bại nhỏ. Dùng những biện pháp lớn thì thất bại lớn. Nếu đem hết sức ra mà thi hành mãi, sẽ đi đến chỗ loạn lạc, diệt vong..."

Rõ ràng thái độ của Tô là bảo thủ, quá cực đoan - điều này còn được minh chứng bằng nhiều bằng chứng khác nữa và không phải là ít.

Phe *Tân pháp* phải đẩy ông đi xa. Nhưng cũng chưa xong. Năm 1079, các vị ngự sử, tập hợp các việc làm, lẫn thơ văn chống *Tân pháp* của ông, để buộc tội. Bắt giam ông. Đó chính là *Vụ án Ô Đài* thường được nói tới. Vụ án của dinh ngự sử. Ông bị biếm đi Hàng Châu⁽¹⁾.

Cũng chưa yên, ông lại một lần nữa suýt mất đầu vì hai câu thơ để ở vách chùa Thục Tây:

Sơn tự quy lai văn hảo ngữ,

Dã hoa đề diếu diệc hân nhiên.

(1) Theo một tài liệu khác thì lần này ông bị đày đi Hoàng Châu, gần Hán Khẩu. Điều này có vẻ hợp lý hơn là đi Hàng Châu, một nơi đó hội. Có lẽ nhầm chữ *Hoàng* ra chữ *Hàng* chăng?

(Quay về chùa trên núi, nghe tin mà mừng,
Chim rừng hoa nội cũng vui thay)

Thần Tông vừa chết, Tô đi vào núi về, nghe tin. Các vị ngự sử kết tội ông làm thơ mừng vua băng hà. Ông phải thanh minh mãi. Không rõ hư thực ra sao. Họ Tô làm gì mà hớ hênh đến thế?

VUA BẮC TỔNG NGHÈO

Ngay từ những năm đầu thời Bắc Tống, nước Liêu, mỗi năm một yêu sách, lúc thì đòi cát đất, lúc thì xin tâng tiền đóng góp. Vì họ không nỡ gọi là *tiền tuế cống*. Liêu còn xúi Tây Hạ vào quấy nhiễu, làm Bắc Tống thêm điều đứng. Rốt cục Tống phải nạp tiền đóng góp cho Tây Hạ tuy có nhẹ hơn.

Trên nửa thế kỷ phải nuôi binh lính, phải lo tiền nộp cho hai nước này, quốc khố Tống rỗng không, dân Tống khánh kiệt.

Hoàng gia nghèo đến nỗi, Nhân Tông ở ngôi bốn mươi một năm, 1023-1064, phải cần kiệm từng chút. Một đêm, nhà vua hứng chí, muốn ăn thịt dê, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, lại thôi, *đỡ được một khoản mở giết, hao tổn*. Lại phải bỏ hẳn cái lệ: *Quân vương không mặc áo giắt bao giờ*, nên Nhân Tông, khi ở trong cung, thường chỉ mặc áo vải; đã được giặt đi giặt lại nhiều lần để đỡ tốn kém.

Có kẻ dâng hai mươi tám con ngao bể. Tính cả công chuyên chở thì mỗi con đáng giá một ngàn đồng tiền. Vị hoàng đế lác đầu:

- Gấp một con ngao mà hao ngàn đồng tiền. Trăm chẳng kham nổi đâu!

(Theo *Ấu học quỳnh lâm...*)

VUA QUAN ĐỐI ĐÁP

Theo *Tô Đông Pha*...:

Buổi tối, Tô nhận được lệnh gấp, phải vào ngay hoàng cung thảo chiếu: Phong Lữ Đại Phong làm tể tướng thay Tư Mã Quang.

Tuyên Nhân Hoàng thái hậu, vợ của Anh Tông - lúc này có Triết Tông ngồi bên, mới lên chín nên bà nội ngồi thính chính - hỏi họ Tô:

- Năm trước, khanh giữ chức gì?

Đông Pha thưa:

- Thẩn làm Đoàn luyện phó sứ ở Thường Châu.

- Nay làm chức gì?

- Thẩn đang đợi tội, nhận chức Hàn lâm học sĩ.

- Làm sao mà khanh lên chức nhanh như vậy?

- Thẩn đợi ơn Hoàng thái hậu cùng Hoàng đế bề hạ.

- Không phải.

- Vậy chắc là được quan cố tể tướng tiến cử.

- Cũng không phải.

Đông Pha kinh sợ, đứng yên, một lát sau mới thưa:

- Thần tuy bất tiểu⁽¹⁾, nhưng không dám nhờ ai vận động chở che bao giờ.

- Chính là nhờ tiên đế (tức vua Nhân Tông) mỗi lần đọc văn của khanh tiên đế đều khen là kì tài. Chưa kịp dùng khanh, thì tiên đế đã về trời.

Đông Pha òa khóc. Tuyên Nhân Hoàng thái hậu và Triết Tông cũng khóc theo.

VƯƠNG AN THẠCH CHỌN TỪ

1. Tác phẩm:

BẠC THUYỀN QUA CHÂU

*Kinh Khẩu Qua Châu nhất thủy gian,
Chung Sơn chỉ cách số trùng san.
Xuân phong hựu lục Giang Nam ngạn,
Minh nguyệt hà thời chiếu ngã hoàn.*

ĐẬU THUYỀN BẾN QUA CHÂU

Qua Châu, Kinh Thủy cùng sông,
Cách vài dãy núi, núi Chung cũng gần.
Bờ Nam cỏ biếc hơi xuân,
Đường về còn đợi đến tuần trăng nao.

(Thơ Tống, NAM TRẦN dịch)

(1) Bất tiểu: không giống, chỉ con không giống được cha mẹ, Lỗi tự khiêm.

2. Chú thích:

- Qua Châu, ở phía bắc sông Trường Giang, nay thuộc tỉnh Giang Tô. Nằm phía nam huyện Giang Đô. Vốn là cửa khẩu của sông Vận Hà. Từ thời nhà Đường đã là yết hầu của đường nối nam bắc Trung Hoa. Chính cũng là Dương Châu.

- Kinh Khẩu: Nằm ở phía nam sông Trường Giang (nay là thị trấn Trấn Giang), hai địa danh này nằm đối diện với nhau qua sông Trường Giang.

- Chung Sơn, nam Nam Kinh, tức dãy núi Tử Kim Sơn. Từ Qua Châu về Nam Kinh chỉ cách mấy dãy núi, chỉ đường gần.

3. Bình giải:

Bài thơ này, họ Vương làm trên đường đến Qua Châu. Trong lòng vẫn nhớ tới Kim Lăng, tức Nam Kinh, là nơi ở cũ. Tâm trạng của Vương trong chuyến đi rõ ràng không vui vẻ gì. Có thể là một lần giáng trích, phải đi khỏi kinh thành Bắc Tống. Chưa đến nơi mà đã nghĩ tới "*Mình nguyệt hà thời chiếu ngá hoàn*". Nỗi buồn như tăng thêm bởi chốn cũ không xa, "*Chung Sơn chỉ cách số trùng san...*" nhưng chưa về được, không biết đến bao giờ được về...

Câu thơ thứ ba:

Xuân phong hựu lục Giang Nam ngạn...

là một điển hình cho việc chọn từ trong thơ. Theo nhiều tài liệu, chữ *lục* của câu này có được là đã qua nhiều lần thay đổi. Lúc đầu họ Vương dùng *dào* (đến): "*Gió xuân lại thổi đến bờ nam*". Sau đó, thay bằng *quá* (qua): "*Gió xuân lại thổi qua bờ Nam*". Sau đó lại là *nhập* (vào) lại là *mãn* (đầy) ... Cộng lại có đến mấy chục lần đổi mỗi một chữ này. Cuối cùng mới khẳng định là *lục* (biếc xanh).

(Theo Từ hời, Cổ đại thi ca tuyển...)

VƯƠNG AN THẠCH CÙNG THUA !

Theo *Từ hải*:

Lưu Thử người Quân Châu, tự Đạo Nguyên. Lúc nhỏ dĩnh ngộ, thông minh, bất cứ sách gì đọc qua là nhớ thuộc lòng. Chưa đến tuổi đôi mươi đã đậu tiến sĩ. Rất giỏi lịch sử. Tư Mã Quang khi biên soạn *Tư trị thông giám* đến chỗ phân vân không viết được, lại phải nhờ đến Lưu Thử. Trong nhiều lần tranh luận, Vương An Thạch đều phải thua.

Tác phẩm rất nhiều. Nổi tiếng là *Ngũ đại Trung Quốc kỉ niên*, được viết theo kiểu *Thập lục quốc Xuân thu*. Ngoài ra, bổ sung sử kí thời kì thái cổ cho đến Chu Uy Liệt Vương mà *Sử kí* và *Tả truyện* chưa làm được, thành *Thông giám ngoại kỉ*.

VƯƠNG AN THẠCH ĐẮNG TRÍ

Vương An Thạch ít để ý đến những sinh hoạt quanh mình, dù đó là những thứ rất thiết thân với ông. Một lần trong bàn tiệc, chủ nhà thấy ông một mình ăn hết sạch món thịt hoẵng xé nhỏ, tưởng ông thích, bèn đợi dịp mách cho phu nhân họ Vương biết. Phu nhân hỏi chủ nhà món đó đặt ở vị trí nào của bàn tiệc. Chủ nhà thưa là để ngay trước mặt họ Vương. Phu nhân hiểu ra ngay, đề nghị chủ nhà buổi chiều hãy đặt món đó ở chỗ khác. Quả nhiên, Vương An Thạch chỉ gấp món trước mặt mà không hề để ý trên bàn tiệc có món thịt hoẵng, hay món gì khác nữa.

Bạn rủ ông cùng đi tắm, lên đổi chiếc áo tắm ông vừa cởi ra

bằng một chiếc áo mới tinh. Tắm xong, ông điềm nhiên mặc chiếc áo mới đó như không có chuyện gì xảy ra.

(Kiến thức ngày nay, 3-1993)

VƯƠNG AN THẠCH LÀM THƠ ĐỐ

Sách *Đồn Trai* nhân lâm chép:

Vương Kinh công làm một bài tứ tuyệt, mỗi câu là một câu đố về một nhà thơ đời Đường:

*Giai nhân dương túy sách nhân phù,
Lộ xuất hung tiền sương tuyết phu.
Tẩu nhập trướng trung tâm bất kiến,
Nhiệm tha phong thủy mãn giang hồ.*

(Người đẹp giả vờ say, đòi người khác dìu,
Những giọt sương đọng trên làn da trắng như tuyết
trước ngực.
Chạy trốn vào trong màn, tìm chẳng thấy,
Dành mặc kệ cho ông ta đùa với sóng nước khắp
sông hồ.

Dịch thơ:

*Vờ say để bắt người dìu,
Sương mai đọng giọt ngực ai trắng ngần.
Trốn vào trướng gấm bao lần,
Mặc ai sóng nước giành phần dong chơi)*

Câu thứ nhất là về nhà thơ Giả Đảo. Chả là đồng âm với *giả đảo* (giả vờ ngã). Câu thứ hai, là về Lí Bạch, lấy từ và tứ trong bài thơ *Thanh bình điệu* nổi tiếng của nhà thơ:

Gió xuân lướt bên hiên, hoa duộm sương móc ...

Một cành hoa thắm đẹp, sương móc đọng hương?

Câu thứ ba là về nhà thơ La Ẩn, bởi đồng âm với *la ẩn* là ẩn trong màn. Còn câu thứ tư là về nhà thơ Phan Lăng, bởi hai câu vẽ hình ảnh *phan lãng* là dập dờn trên sóng nước.

Tất nhiên, ngay nghĩa của những từ đồng âm này cũng có những nghĩa hơi khiên cưỡng.

VƯƠNG BỊ NGỒ OAN

Theo *Vương An Thạch* của Đào Trinh Nhất, Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn, 1960:

Họ Vương nổi tiếng đăng trí. Hối còn làm một chức quan nhỏ ở Dương Châu, họ Dương vẫn không lúc nào tay rời quyển sách. Vương đọc sách gần như suốt đêm, mãi gần sáng mới ngủ gục trên án thư một lát. Bừng tỉnh, thì đã đến giờ tới công dinh. Họ Vương không kịp chải tóc, rửa mặt. Quan trên của Vương lúc này là Hàn Kỳ - sau làm tới tể tướng - thấy dáng hình Vương như vậy, tưởng ông suốt đêm miệt mài trong từu sắc, mới khuyên nhẹ nhàng:

- Thấy còn trẻ tuổi. Đừng bỏ phí quang âm mà nên chăm chỉ đọc sách đi!

Vương không dám thanh minh. Sau đó phần nản thượng cấp không ưa mình với bạn bè thôi. Nhưng rồi tiếng tăm về việc hiếu học của Vương đến tai Hàn Ki. Hàn nhận lỗi của mình...

VƯƠNG NGƯ DƯƠNG LÀM THƠ VIẾNG HỌ LIỄU

Ngư Dương sơn nhân có sách *Tinh hoa lục kế*:

Liểu Vĩnh cả đời trong nghèo khó. Bỏ thân nơi quán trọ. Quan tài quản ở chùa Nhuận Châu. Sư trụ trì Vương Hòa Phủ tìm cách để Liểu được làm hậu ở chùa, nhưng không xong. Nên phải đem chôn ở đường Tay Tiên, Tiên Nhân Chương, thuộc Chân Châu.

Ta (Vương Ngư Dương tự xưng) có làm thơ viếng:

*Tàn nguyệt hiếu phong Tiên Chương lộ,
Hà nhân vi diếu Liễu Đồn Điền?*

(Trăng tàn gió sớm đường Tay Tiên,
Mố Liễu ai người chiếu sớm viếng?)

Mấy chữ của câu trên *Hiếu phong tàn nguyệt* là họ Vương lấy trong bài từ *Vũ lâm linh* nổi tiếng của họ Liễu:

*Đa tình tự cố thương li biệt. Cánh na kham, linh lạc
thanh thu tiết;
Kim tiêu thử tỉnh hà xú? Dương liễu ngạn, hiếu
phong tàn nguyệt...*

(Từ xưa da tình đau li biệt. Sao chịu nổi, thánh thốt
tiết thu trong;
Đêm nay rượu tình nơi nào? Bờ dương liễu, trăng
tàn gió sớm...)

XẨM XẨM BĂNG LỐI VƯỜN KHUYA...

Theo *Nam Tống sử*:

Chủ Ngạn Hối đêm trực ở dưới gác trong cung vua. Công chúa biết, tìm đến. Ngạn Hối đứng yên, không dám nhúc nhích, tay cũng như chân. Công chúa phán:

- Râu ngài đậm tua tủa như ngọn giáo, nhưng sao trong người ngài không có một chút dòng máu đàn ông nào thì phải?

Ngạn Hối thưa:

- Hối này dầu chẳng thông minh gì, nhưng cũng không dám làm loạn tôn ti thứ bậc.

XUÂN NHẬT ĐĂNG LÂU HOÀI QUY

1.

Theo *Cổ sự quỳnh lâm*...:

Khấu Chuẩn, được phong Lai Quốc công, nên cũng gọi là Khấu

Lai công. Năm đầu đời Càn Hưng, niên hiệu cuối, trong sáu niên hiệu của Chân Tông, Bắc Tống, 1022-1023, bị biếm đi Lôi Châu, trên đường đi, đến Công An - tên địa phương - họ Khấu cắt một đoạn tre, trồng ở trước một ngôi đền, khấn rằng: *Chuẩn này nếu không phụ triều đình, thì cây tre khô này sẽ sống lại.*

Về sau, quả nhiên như thế...

2.

XUÂN NHẬT ĐĂNG LẦU HOÀI QUY

(Khẩu Chuẩn)

*Cao lâu liêu dẫn vọng,
Điệu điệu nhất xuyên bình.
Dã thủy vô nhân độ,
Cô chu tận nhật hoành.
Hoang thôn sinh đoạn ái,
Cổ tự ngữ lưu oanh
Cựu nghiệp dao Thanh Vĩ,
Trầm tư hốt tự kinh.*

(NGÀY XUÂN, LÊN LẦU, MUỐN VỀ

*Lầu cao buồn dẫn lối,
Sông núi trái mệnh mông.
Bến hoang, không người xuống,
Thuyền vắng, suốt ngày trông.
Thôn quạnh, chiều mây ngút,
Chùa xưa, oanh hót vang.*

Nhà cũ men sông Vị⁽¹⁾,
Ngõ ngấn bóng bằng hoàng⁽²⁾.

L.V.D dịch)

XỬ KIỆN BẰNG THƠ

Theo *Tịch Xuyên tiểu lâm*:

Một anh trai cây ngang ngược, gập năm trời đại hạn, phá bờ
tháo nước của ruộng người vào ruộng mình. Chủ ruộng kéo anh
ta lên cáo quan. Phủ phục trước công đường, anh ta nghe quan
luận tội rằng:

*Hữu Mỗ,
Chỉ nhân thiên khang luật lữ điều...
Thiết lự điền miêu tử miêu hồng...
Trục du Mỗ nhân kim sinh lệ...
Chỉ dắc kì nhân thốn âm thị ...
Niệm Mỗ bất thức thủy chế văn ...
Kim lai cam nhãn diếu dân phạt ...
Nhất thỉnh bản quan trung tác tặc ...*

Mỗi câu đều bị quan bỏ bớt chữ cuối, lần lượt các chữ đó là:

(1) Thanh Vị, chỉ sông Vị Thủy, chảy vòng qua Thiểm Tây, huyện Hoa Âm, quê cũ của Khấu Chuẩn.

(2) Theo *Cổ kim thi độc bản*...

duang, hoang, thủy, cánh, tự, tội, mệnh. Những từ này, tất nhiên dễ dàng nhận ra:

Bị cáo Mỗ,
Bởi âm dương điều hòa, trời làm hạn hán,
Lo cho ruộng lúa mạch trở thành đất hoang,
Mới ăn trộm những giọt nước quý như vàng.
Dẫn đến việc cạnh tranh kiện tụng.
Cũng nghĩ rằng tên Mỗ không biết chữ nghĩa, luật lệ,
Giờ đây cũng là làm việc điều dân phạt tội,
Hãy lắng nghe lời phán xét công bằng của bản quan...

YÊU HOA SEN⁽¹⁾

(Chu Đôn Di⁽²⁾)

Hoa các cây cỏ, thử mọc ở dưới nước, loại sống ở trên cạn, giống đáng ưa thích thì thật nhiều. Đào Uyên Minh thời Tấn chỉ thích cúc. Từ thời Đường đến nay, người đời đua chuộng mẫu đơn. Ta chỉ thích sen. Sen mọc từ bùn mà không vấy bùn. Tuy óng ả trên nước trong mà không có vẻ nũng nịu, éo lá. Giữa thân cây trống rỗng, thông suốt mà vẫn đứng sừng sững. Không rậm cành,

(1) Nguyên văn: *Ái liên thuyết*.

(2) Chu Đôn Di, cũng gọi Chu Di, 1016-1073. Nhà triết học Trung Quốc đầu đời Tống. Kế thừa và hoàn chỉnh *Kinh dịch*. Đặt cơ sở cho Lí học đời Tống.

chen lá. Hương càng xa càng mát. Thẳng thắn, uy nghi, đứng xa mà thường ngoạn chứ không đứng gần được.

Ta cho, cúc là hoa ẩn dật, mẫu đơn là hoa phú quý, sen là hoa quân tử. Mới hay, yêu cúc, sau ông Đào, không thấy nói đến ai nữa, mẫu đơn thì ai cũng yêu, cùng với ta yêu sen thì còn có ai nữa chẳng là.

(Bản dịch của Hoàng Khôi, *Cổ văn*, tập 3.
Có đối chiếu nguyên bản chữ Hán, thay đổi
một vài chữ - L.V.D.)

MỤC LỤC

Lời tựa viết lấy	5
1. Ai vẽ bức tranh này dâng lên nhà vua rõ	17
2. Anh em như thể tay chân...	18
3. Ăn cắp mà được thưởng	18
4. Ăn thịt Tô Đông Pha	20
5. Âu Dương Tu chấm văn	20
6. Âu Dương Tu chửi sư	21
7. Âu Dương Tu cũng phục Tô Đông Pha	22
8. Âu Dương Tu được vua khen	23
9. Âu Dương Tu học Hàn Dũ	23
10. Âu Dương Tu làm tù tã lỗi ...	24
11. Âu Dương Tu phục lớp trẻ: Vương An Thạch	25
12. Bài phú Tiếng thu của Âu Dương Tu	26
13. Bài phú về dưa muối	28
14. Bài thơ có tên dài nhất	29
15. Bài thơ di chúc của tác giả 9300 bài thơ còn lại	30
16. Bái thạch vi huynh	31
17. Bán Nhàn đường của tể tướng	32
18. Bát chuyên học sĩ	33
19. Bảy người vợ lẽ	33
20. Bạc Nghiêu Thuấn trong phụ nữ	34
21. Bần nữ thi (Thơ gái nghèo)	35
22. Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu	36
	395

23. Biết viết, không biết đọc	38
24. <i>Bình bạc vô tuôn đầy dòng nước...</i>	39
25. <i>Bình cũ rượu mới</i>	39
26. Bỏ tẻ nạn cho dân	41
27. Bộ mặt thật của núi Lư (<i>Lư Sơn chân diện</i>)	41
28. Cách tàn tiện của họ Tô	43
29. Cái ghen đàn bà	44
30. Cái khó <i>khai sơn phá thạch</i>	45
31. <i>Cám thế thi</i>	47
32. <i>Cận thủy lâu dài tiên đắc nguyệt...</i>	48
33. Cây bách tận trung	49
34. Cây nhiều hơn lá	50
35. Chạy trốn sư tử	51
36. Chân thành, chất phác	52
37. Chị vợ lòng thông	53
38. <i>Chỉ xin tặng một cành xuân</i>	54
39. <i>Cho hay muôn sự tại trời...</i>	56
40. Cho sự công bằng	57
41. Chọn ma Tống vẽ tranh	58
42. Chu Hối Am, còn đó ...	58
43. Chu Hối ông cách ngôn	62
44. Chuyện của ai?	63
45. Chữ đón năm mới	64
46. <i>Chữ tài cùng với chữ tai ...</i>	65
47. Chứa sai thơ Vương An Thạch	66
48. Cóc nhảy cua bò	67
49. Con đi thi, bố nằm mộng...	68
50. Con gái họ Trương tỏ tình bằng từ khúc	69
51. Con rận vinh hiển	70

52. Con Tô Thức làm thơ	71
53. Con trai của từ khúc	72
54. Con trời thích thơ chữ trời	73
55. Cô chị, cô em	74
56. <i>Có hương không nhất nhai...</i>	75
57. <i>Có quốc tam thiên lí ...</i>	76
58. Của ai? Con hay cha?	78
59. Cũng nan huynh nan đệ	80
60. Cửa Trình đứng tuyết	80
61. Cười họ Nhiếp	81
62. <i>Cước đạp thực địa</i> (Chân vững trên đất bằng)	82
63. <i>Cửu tăng thi</i> , tập thơ của chín nhà sư	83
64. Dầu mù vẫn cười	84
65. Dọa sứ giả	85
66. Dùng sách <i>Luận ngữ</i> để làm tế tướng!	86
67. Dương Quý Phi... đi bước nữa	87
68. Dương Vạn Lí chữ sư	88
69. Đại Tống, Tiểu Tống	89
70. <i>Đan quế ngũ chi phương</i>	90
71. Đi thi kiêng kị	91
72. <i>Điệp luyện hoa</i> của Âu Dương Tu	92
73. <i>Đoạn ngẫu thương tai vị tuyết ti</i>	94
74. Đọc sách phải chuyên tâm	95
75. Đòi bình đẳng trên mọi phương diện	96
76. Đổi chữ lấy thịt dê	97
77. <i>Đối sàng dạ vũ</i> (Bàn bè, đêm mưa, nằm hai giường song song, nói chuyện)	97
78. Đông Pha chê thơ người	99
79. Đông Pha làm thơ tuyên truyền K.H.H.G.D.	100

80. <i>Đông Pha toàn tập</i>	100
81. <i>Đông song sự phát</i>	101
82. <i>Dù em trai</i>	102
83. <i>Dụng độ giữa hai thái cực</i>	103
84. <i>Dùng để lâu ngày...</i>	104
85. <i>Em Văn Thiên Tường</i>	105
86. <i>Em Vương An Thạch</i>	106
87. <i>Ghi chép khi đã về vườn (Quy điền lục)</i>	107
88. <i>Giai thoại lịch sử hội họa Tống</i>	108
89. <i>Giang Tây thi pháp</i>	110
90. <i>Giáo phường thích ai?</i>	111
91. <i>Hai mặt đời sống tinh thần của Lí Thanh Chiếu</i>	111
92. <i>Hành nhân cách tận xuân sơn ngoại</i>	113
93. <i>Hầu gái nhà họ Đường</i>	115
94. <i>Họ Lã tiến cử nhân tài</i>	115
95. <i>Họ Tô chơi tửu lệnh</i>	116
96. <i>Họ Tô làm đầu bếp</i>	117
97. <i>Họ Trình phục họ Văn</i>	118
98. <i>Hoa mẫu đơn chính ngộ</i>	118
99. <i>Hoa thơm tất đất tốt</i>	119
100. <i>Họa sĩ Hoàng tộc</i>	120
101. <i>Họa sĩ làm quan</i>	124
102. <i>Hoàng Đình Kiên viếng Tô Đông Pha</i>	124
103. <i>Học trò ăn trộm</i>	124
104. <i>Học trò thiên tử</i>	125
105. <i>Hồng hồng tuyết tuyết</i>	126
106. <i>Hơn nhau tấm áo manh quần...</i>	127
107. <i>Hung hữu thành trúc</i>	127
108. <i>Hựu vong quốc chi từ</i>	128

109. Kép hát đọc thơ	130
110. Khẩu khí tế tướng	131
111. Khí tiết Trình Hạo	132
112. <i>Khôn vãn tế, đại vãn bia</i>	133
113. Không quên thuở nghèo khó	133
114. <i>Không trung lâu các</i>	133
115. Kĩ nữ cháy quần	135
116. Kiến đến ơn	136
117. Lại chuyện Tiểu Tống	137
118. Lại lấy hầu gái làm quà tặng!	139
119. Lại một bà vợ bắt nạt chồng	140
120. Lại một người mẹ đáng kính	141
121. Lại nói về con Mễ Phất	141
122. Lại rượu...	142
123. Lại Thạch Mạn Khanh	143
124. Làm học trò của nhà vua	144
125. Làm thơ tặng kĩ nữ	145
126. Làm từ bệnh vực kĩ nữ	145
127. Lão Lạt không theo Tần Cối	147
128. Lầu Ông Say	148
129. Lầu Tri Vọng của Bán Sơn cư sĩ	149
130. Lấy đức báo đức	150
131. Lấy từ đoán đại đẳng khoa	151
132. Lí Sư Sư: <i>Nổi danh tài sắc một thời, xôn xao ngoài cửa thiếu gì... quan vua</i>	154
133. Liên cú	155
134. Liễu Tam Biến	156
135. Liễu Vĩnh không được coi trọng?	158
136. Long Đỗ các Trục học sĩ	159

137. Long Tống, Thịnh Đường	160
138. Lòng nhân ái của Ôn công	162
139. Lời lẽ của thân phụ anh em họ Tô	162
140. Lục Du ca ngợi Lí Dị An	164
141. Lục ngôn tuyết cú	164
142. Lưu Cố Phủ làm chim	165
143. Lưu Đức Thần nói càn	166
144. Ma đòi chữ đẹp	167
145. Ma làm từ khúc	168
146. ... Mai là bạn cũ, Hạc là người quen	170
147. Mãn thành phong vũ...	171
148. Mặt trời của người mù	172
149. Mẫu mực về đời tư	173
150. Mê tín cũng ... hay!	174
151. Mỗi tỉnh vườn Thâm bằng tứ tuyệt	175
152. Mỗi tỉnh vườn Thâm tự bạch bằng từ khúc	177
153. Mộng Khê bút đàm	179
154. Một câu lạc bộ văn học: Kì Anh hội	180
155. Một năm mới đọc xong	181
156. Một nhà hai chủ...	182
157. Một nhà khóc hơn hay một lộ khóc hơn?	183
158. Một nhà thơ nữ bất đắc chí	183
159. Một nhà thơ yêu nước cuối Tống, bạn của Vân thừa tướng	185
160. Một tam giác tình yêu: Lí Sư Sư, Chu Mĩ Thành, vua Huy Tông	187
161. Một trong bát tiên là cậu vua Tống	189
162. Muốn sống đem vôi quét trả đền	190
163. Mười hai thê vàng trong một ngày!	191

164. Mười hai vị khách quý	192
165. Mười loại khách của Tấn Cối	193
166. Mười người bạn	194
167. Mượn lửa măng sưa	194
168. Năm năm lần lửa vui cười...	195
169. Năm nữ học sĩ nhà họ Tống	196
170. Ngọa Long đất Nam Dương.	196
171. Ngoài chung mọi việc đều thông hết, Duy một lòng người...	197
172. Ngụy Quốc thái phu nhân Trịnh Thị	199
173. Nguyệt Tuyền ngấm xả	201
174. Người bạn già của Chu Hi	201
175. Người hầu gái thông minh của Tô Đông Pha	202
176. Người làm thơ <i>Trích tỉnh</i> , bây giờ?	203
177. Người thiếp xấu số của Lục Phóng Ông	204
178. Người thợ đá và Tư Mã Quang	206
179. Người thứ ba trong Tô Hoàng Mễ Sái	206
180. Nhà dột từ nóc...	208
181. Nhà đạo học Trương Tải	209
182. Nhà thơ lo việc nước	209
183. Nhà thơ trào phúng	210
184. Nhà Tống nho tiêu biểu: Chu Hi	211
185. Nhà tượng số học: Thiệu Ung	212
186. Nhân duyên tiền định	213
187. Nhân sinh hành lạc	214
188. Nhất nhật thiên lí	215
189. Nhất tùng hoa	216
190. Nhật kí gia tộc	217
191. Nhị Tô tam Khổng	218

192. Nhìn gà hóa cuốc	218
193. Nho đối với sơ lão này...	219
194. Như kim xử thế cánh nan nan	220
195. Như ngồi trước gió xuân	221
196. Những chuyện ghi trong lúc tránh nắng	221
197. Ninh vi Viên Sát tử...	222
198. Nói lão mà chơi! Nghe lão chơi!	223
199. Nổi danh tài sắc một thì...	225
200. Nổi khổ vì ...	227
201. Nước có da	228
202. Nước mất đo ruộng	229
203. Phạm Trọng Yêm liên tài	229
204. Phong lạc Ngô Giang...	230
205. Phóng dăng, phóng hỏa	231
206. Phú Bật không chịu theo lệnh Vương An Thạch	232
207. Phụ nữ tính toán thế từ đời Tống!	233
208. Quả thật không dám nói	233
209. Quách Trung Thứ vẫn thế!	234
210. Quan chấm trường cũng phải phục, vua đọc quên ăn	234
211. Quan niệm về hạnh phúc	235
212. Quan thị lang với từ Liễu Vĩnh	236
213. Quan, Trương của nhà Tống	236
214. Quạnh quẽ thu phần thơ bất tiếng...	237
215. Quân tử chi giao...	239
216. Quên vàng để giúp người	241
217. Sách giấu ... dưới giếng	242
218. Sách viết ba thứ mực	243
219. Sau Đông Pha là ai?	243
220. Sáu cái một cư sĩ	244

221. Sáu người học trò quân tử	245
222. Sáu vị tài tử ở cửa họ Tô	245
223. Sắc đẹp bất mất hồn	246
224. Sen tịnh đế	247
225. Sống chẳng thấy đau!	250
226. Sơn Cốc đạo nhân	251
227. <i>Sơn Cốc tập</i>	251
228. Sư Tống tiếp sứ Kim	252
229. Sư trả miếng Tô Thúc	253
230. Sư tử Hà Đông	254
231. Sự hẹp hòi của một viên quan, một nhà thơ?	255
232. Tạ Tào: xứng đáng với Văn Thiên Tường	258
233. <i>Tam đa</i> của nhà văn	259
234. <i>Tam sao thất bản...</i>	260
235. Tam Tô: Tô Lão Tuyền	261
236. <i>Tân ước: Ai gieo nhiều thì gặt nhiều</i>	263
237. Tần Quán nói từ của ma	264
238. Tập Tống Đường thi	265
239. Tế Dư ngủ ngày	266
240. Tế tướng buôn muối	268
241. Tế tướng cần dùng người có học sách!	269
242. Tế tướng tiếm ngôi 40 ngày	270
243. Tế tướng Vạn Hà của... Trung Quốc	271
244. <i>Thái bình tế tướng</i>	274
245. Thái độ làm việc	275
246. Tham quan cũng làm thơ	275
247. Thằng nịnh, thằng chửi nịnh	276
248. Thần đồng bất đắc dĩ	277
249. Thần đồng Khẩu Chuẩn	278

250. Thần đồng Tư Mã Quang	279
251. Thần nhà ... xí	279
252. Thật vinh hạnh: giống Âu Dương Tu!	281
253. Thấy đồ làm thơ trào phúng	282
254. Thấy một chữ đời Tống	283
255. Thế giới đều là đàn bà	285
256. Thế nào là sống <i>thừa</i> ?	287
257. <i>Thế sự phù trầm hữu thân tức...</i>	288
258. Thi đậu năm tám mươi hai tuổi	288
259. Thích khách cũng phục đạo lí	289
260. <i>Thiên phong hải đảo đình</i>	290
261. <i>Thiên Trúc Quan Âm</i>	291
262. Thịt lợn quay	292
263. Thơ để đèn nguyên tiêu	293
264. Thơ đón quan	294
265. Thơ hái sao	295
266. Thơ hòa giải	296
267. Thơ khinh bạc	297
268. Thơ khôn lời	298
269. Thơ phạm tội	299
270. Thơ thần đồng	300
271. Thơ tướng cướp	301
272. Thơ và đời	302
273. <i>Thơ xưa yêu cảnh...</i>	303
274. <i>Thủy Lâu ngâm</i>	303
275. <i>Thương nhà, mỗi miệng cái da da...</i>	304
276. Thương nữ ... tri vong quốc...	305
277. Thương hoa câu cá	307
278. <i>Tiên ưu hậu lạc</i>	307

279. Tiêu Tương bát cảnh	308
280. <i>Tiêu Tương trúc thạch đồ</i>	310
281. Tiểu Muội ba lần thử tài chống dèm tăn hôn	312
282. Tiểu Pha, con trai Đông Pha	323
283. Tiểu Tô đi sứ	323
284. Tô Đông Pha phải phục	324
285. Tô Đông Pha sợ chết	325
286. Tô Đông Pha thích ăn gì?	326
287. Tô Đông Pha với Tây Hồ	326
288. <i>Tô Hoàng Mễ Sái</i>	329
289. Tô Thúc bịa sử sách văn đàn tiến sĩ thứ hai	330
290. Tô Thúc giận dữ	331
291. Tô Thúc hủy văn tự	332
292. Tô Tiểu Muội, em gái Tô Đông Pha, sản phẩm của tưởng tượng	332
293. Tổ cáo ... chống	334
294. Tống Thái hậu	335
295. Tống Thái Tổ, cái chết mờ ám	336
296. Tống Thái Tổ nói: <i>Khai quyển hữu ích!</i>	338
297. <i>Trăm hay không bằng tay quen</i>	339
298. <i>Trần Đoàn chẳng chút lo âu...</i>	340
299. Trùng phúc thi	341
300. Truyền thống gia tộc	342
301. Truyện của Bồ Tùng Linh: <i>Tần Cối</i>	344
302. Trước tiên, phải là người chân thực	344
303. Trương Cò Trắng	345
304. Trương Tiên, có duyên với số 3	346
305. Tư Mã Ôn công là ma	348
306. Tư Mã Ôn công quý sách	349

307. Từ Mã Quang	350
308. Từ của nữ quý	350
309. Từ khinh bạc	351
310. Từ khúc hay sấm ngữ	353
311. Từ là <i>Thi dư</i>	355
312. Từ Liễu Vĩnh vang tận Tây Hạ	355
313. Tử Do làm thanh tra thuế vụ	358
314. <i>Tử Vi thi thoại</i>	359
315. Tướng tiến	360
316. <i>Ưa mây vì bởi tiết mây thanh</i>	361
317. Văn chương lò rèn	363
318. <i>Văn chương tự cổ vô bằng cú</i>	364
319. Văn ôn võ luyện	365
320. <i>Văn Uyển anh hoa</i> : 1000 quyển	366
321. Văn còn nguyên tính thời sự!	366
322. Vẽ hồ lô cho giống	367
323. Về Hoàng Đình Kiên	368
324. Vì bài từ hay, tìm lại được thiếp yêu	369
325. Vì sao có hai chữ song hỉ?	371
326. Viên ngọc minh châu	372
327. Vịnh mạch môn	372
328. Vợ chồng thi làm từ khúc: chồng thua!	373
329. Vợ lính gửi chồng	375
330. Vợ tặng thơ	376
331. <i>Vu sơn nhất đoá ván...</i>	377
332. Vụ án <i>mạc tu hữu</i>	379
333. Vụ án Ô Đài	381
334. Vua Bắc Tống nghèo	382
335. Vua quan đối đáp	383

336. Vương An Thạch chọn từ	384
337. Vương An Thạch cũng thua!	386
338. Vương An Thạch dâng trí	386
339. Vương An Thạch làm thơ đố	387
340. Vương bị ngờ oan	388
341. Vương Ngự Dương làm thơ viếng họ Liễu	389
342. <i>Xâm xâm băng lối vườn khuya...</i>	390
343. <i>Xuân nhật dâng lâu hoài quy</i>	390
344. Xử kiện bằng thơ	392
345. <i>Yêu hoa sen</i>	393

GIAI THOẠI VĂN HỌC TỔNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LỮ HUY NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

THÚY TOÀN

Biên tập và sửa bản in: ĐINH THÁI HƯƠNG

Vẽ bìa:

TRẦN TIỂU LÂM

In 1.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại xí nghiệp in 15 cơ sở 54 HBT
Giấy phép xuất bản số 120/CXB cấp ngày 20-3-1996
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4-1996

Giá : 35.000đ

